KIM DUNG GIỮA ĐỜI TÔI

(Tập 2)

Tác giả: ***Vũ Đức Sao Biển***
Nguồn: **Việt Nam Thư Quán**
Thực hiện ebook: *Goldfish*

MỤC LỤC:

Con trâu thông thái

Con trâu thông thái mà tôi đề cập tới đây là Hồ Thanh Ngưu, một nhân vật thầy thuốc được xây dựng trong tác phẩm võ hiệp Ỷ thiên Đồ long ký của Kim Dung. Hồ Thanh Ngưu là giáo đồ của Minh giáo, cư ngụ trong Hồ Điệp cốc, một thung lũng cạnh hồ Nữ Sơn thuộc tỉnh An Huy. Y thuật của Hồ Thanh Ngưu thông thần nên được xưng tụng là y tiên. Kết hợp cả ngoại hiệu và tên họ, Kim Dung gọi nhân vật của mình là Điệp cốc y tiên Hồ Thanh Ngưu.

Hồ Thanh Ngưu có cái phong cách của một đạo gia Lão Trang. Chẳng thế mà nhân vật này chọn chỗ ẩn thân trong một vùng hang động có nhiều bướm (điệp cốc). Ngoại hiệu của tiên sinh khiến người đọc nhớ tới hai câu thơ danh tiếng của nhà thơ Lý Thương Ẩn trong bài Cầm sắt:

Trang Chu hiểu mộng mê hồ điệp
Thục đế xuân tâm thác đỗ quyên.
(Mộng sớm, Trang Chu thành bướm lượn
Lòng xuân, Thục đế gởi hồn quyên)

Kim Dung mô tả Hồ Thanh Ngưu là một người trung niên mặt mũi thanh tú. Về trình độ y thuật, nhân vật này thông thái đến mức khi mới xem mạch cho Thường Ngộ Xuân, một đệ tử Minh giáo có thật trong lịch sử Trung Quốc, viên thầy thuốc đã biết ngay giáo hữu của mình bị Triệt tâm chưởng của Phiên tăng đánh và bị điểm huyệt theo phương pháp phái Võ Đang, trong khoảng giữa giờ Tý và giờ Sửu. Mới cầm đến mạch Trương Vô Kỵ , viên thầy thuốc này đã biết ngay bệnh nhân của mình trúng Huyền Minh thần chưởng, tràn đầy khí âm hàn trong tạng phủ, khiến nội thương sang tim! Tuy nhiên tiên sinh là một nhân vật kì quái, đã lập lời thề: Chỉ chữa thương cho người Minh giáo và từ chối chữa thương cho những người thuộc bang phái, môn phái khác. Thế nhưng Thường Ngộ Xuân mang nợ của phái Võ Đang, đặt điều kiện nhờ Hồ Thanh Ngưu cứu Vô Kỵ mà khỏi phải cứu mình. Hồ Thanh Ngưu chữa cho Trương Vô Kỵ nhưng trong thâm tâm, tiên

sinh chỉ định chữa cho Vô Kỵ lành mạnh để khỏi làm mất uy tín 2 chữ "y tiên" của mình rồi sau đó, sẽ giết đi.

Hồ Thanh Ngưu là một nhà y học có hai công trình nghiên cứu có giá trị: bộ Đới mạch luận và Tý Ngọ châm cứu kinh. Trong thời gian được Hồ Thanh Ngưu chữa trị, chàng Vô Kỵ 15 tuổi cực kì thông minh đã học cách châm cứu, cách ra toa thuốc, học thuộc lòng hai bộ sách của Hồ Thanh Ngưu trước tác và khám phá ra phương pháp trị Triệt tâm chưởng. Thế là cậu bé vót tăm tre làm kim châm, kê toa hốt thuốc, sắc thuốc cho Thường Ngộ Xuân. Hồ Thanh Ngưu nhìn toa thuốc Vô Kỵ ra, cực kì kinh ngạc về sự thông minh của cậu bé nhưng cũng mỉm cười vì phân lạng của toa thuốc quá cao so với sức chịu đựng của Thường Ngộ Xuân. Đoán ra nụ cười ruồi đó, Vô Kỵ đã giảm tối đa phân lạng. Khi Vô Kỵ bưng bát thuốc đã sắc đến cho Thường Ngộ Xuân uống xong, Hồ Thang Ngưu mới cho biết rằng toa thuốc ấy đã làm giảm thọ bệnh nhân 40 năm!

Hồ Thanh Ngưu bị kẻ thù tìm đến tận nơi ẩn cư của mình. Biết mình trốn tránh không được, y tiên bèn ra cho Vô Kỵ một toa thuốc sau cùng: Đương qui, Viễn chí, Sinh địa, Đốc hoạt, Phòng phong, dùng Xuyên sơn giác để dẫn và phải uống cho đúng vào canh ba. Đọc toa thuốc, Vô Kỵ hiểu ra ngay được tấm lòng của y tiên: phải quay về (Đương qui), chạy cho xa (Viễn chí), sống một mình (Độc hoạt), phải biết đề phòng (Phòng phong) và nhớ canh ba đi xuyên qua núi để thoát hiểm (Xuyên sơn giác).

Cuối cùng Điệp cốc y tiên Hồ Thanh Ngưu uống độc dược quyên sinh. Vô Kỵ học được y thuật của ông rồi về sau, đắc thủ võ công trong Cửu dương kinh, y thuật càng thêm thâm hậu. Anh đã ra tay cứu nhiều người thoát qua khỏi căn bệnh hoặc vết thương hiểm nghèo, trở thành một bậc danh y mà chuyên môn còn hơn cả Hồ Thanh Ngưu.

Thiên hạ đệ nhất đại mỹ nhân

Đọc qua 12 bộ võ hiệp tiểu thuyết của nhà văn Kim Dung, tôi chọn *Trần Viên Viên* trong Lộc Đỉnh ký và bầu nhân vật này là đệ nhất đại mỹ nhân. Trần Viên Viên là một nhân vật có thật trong lịch sử Minh mạt - Thanh sơ. Cuộc đời gian nan chìm nổi và nhan sắc tuyệt thế của nhân vật này trước những biến động của lịch sử trở thành nguồn cảm hứng chủ đạo cho một nhà thơ đương đại là Ngô Mai Thôn viết thành Viên Viên khúc, một bài thơ dài được phổ nhạc truyền tụng trong suốt lịch sử của triều Thanh (1642 - 1911). Đi vào trong tiểu thuyết của Kim Dung, Trần Viên Viên trở thành nhân vật tiểu thuyết trong ba chương, 48 trang nhưng đã để lại một ấn tượng sâu đậm trong lòng người đọc.

Đời vua Minh Sùng Trinh (1628 - 1643), lầu hồng kỹ viện mọc lên ở khắp nơi, đặc biệt là ở Tô Châu và Dương Châu. Trần Viên Viên là danh kỹ dệ nhất thành Tô Châu. Cuộc đời của nhân vật này quan hệ một cách đặc biệt tới Sùng Trinh hoàng đế, Lý Tự

Thành hoàng đế và Bình Tây Vương Ngô Tam Quế - ba thế lực phong kiến biểu trưng của thời Minh mạt - Thanh sơ.

Trong Lộc Đỉnh ký của Kim Dung, nhân vật Vi Tiểu Bảo 16 tuổi, làm Tứ hôn sứ cho vua Khang Hy, đi công cán tại Vân Nam và gặp Trần Viên Viên trong một ngôi chùa nhỏ ở ngoại thành Côn Minh. Khi ấy, Trần Viên Viên 40 tuổi, đã đi tu, lấy pháp danh là Tịch Tĩnh. Thế nhưng, "giọng nói ôn hoà trong trẻo" đúng khẩu âm Tô Châu, "cặp lông mày xinh như vẽ, nét mặt thanh tú không bút mực nào tả xiết" và "màu da trắng hồng khác nào bạch ngọc điểm phấn son" của người phụ nữ ấy đã làm cho gã thiếu niên 16 tuổi phải sững sờ đến nỗi "tay cầm chung trà, miệng há hốc ra không ngậm lại được, chân tay bủn rủn". Kim Dung gọi đó là "tấm dung quang tuyệt thế". Ấy là Trần Viên Viên năm 40 tuổi trong lớp áo đạo cô. Nếu là một Trần Viên Viên 20 tuổi với xiêm áo và phấn son của kỹ nữ thì sắc đẹp kia đã được nâng lên mấy bậc nữa. Bạn đọc và khán giả đã xem Lộc Đỉnh ký hẳn nhớ rằng Vi Tiểu Bảo đang say mê A Kha, con gái của Trần Viên Viên, một người mà dẫu đánh đổi cả ngôi hoàng đế gã cũng chẳng thèm đổi. Ấy vậy mà Vi Tiểu Bảo phải công nhận A Kha chưa đẹp bằng một nửa Trần Viên Viên!

Người tài năng đàn giỏi, múa đẹp, hát hay, Trần Viên Viên càng là người phụ nữ có văn hoá. Những lời tự nhận định của nhân vật này thể hiện một chiều sâu về trí tuệ, khác hẳn những đại mỹ nhân có thật trong lịch sử Trung Hoa: *"Mỹ sắc làm hư việc nước, xưa đã thế mà nay cũng thế. Con người bất tường được trời ban cho tấm dung nhan khuynh quốc khuynh thành chỉ làm đau khổ lê dân trong thiên hạ. Tiện thiếp dù khua chuông gõ mõ, niệm nát chân kinh cũng không đủ đền tội trong muôn một"*. Tư duy ấy quả là tư duy của một tri thức, một nhà tu đắc đạo, không thể nào là tư duy của một kỹ nữ về hưu!

Nguyên khi còn là kỹ nữ tại Tô Châu, không biết bao nhiêu tài tử thời Sùng Trinh đã hâm mộ tài năng và nhan sắc của Trần Viên Viên. Vua Sùng Trinh sủng ái Điền Quý phi; Chu hoàng hậu bèn nổi lòng ghen tức. Cha ruột của Chu hoàng hậu đến kĩ viện bỏ tiền mua Trần Viên Viên, đưa vào cung phục vụ vua Sùng Trinh. Gặp Viên Viên, Sùng Trinh như bị hớp hồn, ở luôn ba ngày trong cung không thiết triều, còn hứa phong cho Viên Viên làm quý phi. Cũng trong ba ngày ấy, một tay đại khấu là Lý Tự Thành tức Lý Sấm đánh lấy ba thành trì lớn của Sùng Trinh. Các quan đưa lời can gián, Sùng Trinh bừng tỉnh giấc mộng nịch ái nữ nhân, bèn gửi Viên Viên ra ở trong phủ Chu Quốc trượng.

Trong một bữa tiệc của các quan lại, Chu quốc trượng cho Trần Viên Viên ra múa hát. Nhan sắc Trần Viên Viên lọt vào mắt xanh của một viên tướng võ biền Ngô Tam Quế. Vua Sùng Trinh xuống lệnh bổ nhiệm Ngô Tam Quế ra trấn thủ Sơn Hải Quan để ngăn chặn quân Mãn Châu và ban Trần Viên Viên cho Ngô Tam Quế. Trần Viên Viên trở thành vợ hờ của viên tướng này, vẫn ở lại Bắc Kinh trong phủ Chu Quốc trượng.

Tại Sơn Hải Quan, Ngô Tam Quế đầu hàng lực lượng của Lý Tự Thành. Lý Tự Thành đánh vào Bắc Kinh; Sùng Trinh bỏ chạy rồi tự vận ở Môi Sơn. Bộ thuộc của Lý Tự Thành

bắt được Trần Viên Viên, đem nạp cho Lý Tự Thành. Thế là đêm đêm sau những cơn chém giết đẫm máu, Lý Tự Thành lại quay trở về cung, ăn ở với Trần Viên Viên. Lý Tự Thành lên ngôi, xưng là Đại Thuận hoàng đế.

Được tin Lý Tự Thành chiếm đoạt Trần Viên Viên, Ngô Tam Quế làm cuộc binh biến, mở cửa Sơn Hải Quan đầu hàng quân Mãn Châu rồi trở thành mũi tiên phong của quân Mãn Châu kéo vào Bắc Kinh. Lý Tự Thành phải bỏ chạy vào Vân Nam. Hậu duệ của Sùng Trinh lên ngôi, xưng là Minh Vĩnh Lịch, đóng tại Côn Minh, Vân Nam. Thuận Trị hoàng đế lên ngôi tại Bắc Kinh, mở ra nhà Thanh, ra lệnh cho Ngô Tam Quế tiến đánh Vĩnh Lịch. Ngô Tam Quế đuổi Vĩnh Lịch chạy đến biên giới nước Miến Điện, giết Vĩnh Lịch, được nhà Thanh phong tước Bình Tây Vương, trấn thủ Vân Nam và Quý Châu. Trần Viên Viên trở thành vợ của Ngô Tam Quế. Nhưng khi nghe tin sắp được phong vương, Ngô Tam Quế không dám đưa tên Trần Viên Viên ra trình Thuận Trị hoàng đế và nguồn gốc xuất thân của nàng rất ty tiện và làm như vậy là tiết mạn hoàng đế. Y phải cưới vợ khác và bố trí Viên Viên ra đi tu tại một ngôi chùa nhỏ ở ngoại ô thành Côn Minh. Ngô Tam Quế yên chí đứa con giá lớn của Trần Viên Viên tên A Kha là con mình. Sự thật, đó chính là đứa con của Sấm vương Lý Tự Thành.

Cuộc đời của Trần Viên Viên đúng là bi kịch của nhan sắc: hết làm trò chơi cho các danh sĩ và nhà hào phú đất Tô Châu; nàng lần lượt trở thành trò chơi cho Sùng Trinh hoàng đế, Sấm vương Lý Tự Thành rồi Bình Tây vương Ngô Tam Quế. Cuộc chiến giữa Ngô Tam Quế và Lý Tự Thành tại Nhất Phiến Thạch làm chết cả vạn người, bị dư luận lịch sử Trung Quốc trút lên đầu của Trần Viên Viên. Chỉ có một người thông cảm với kiếp hồng nhan, đã làm một bài thơ để giãi bày hộ Trần Viên Viên. Đó là danh sĩ Ngô Mai Thôn với Viên Viên khúc. Chúng ta biết rằng cuối triều Đường Minh Hoàng, chính sự đổ nát; lịch sử cũng từng kết tội đại mỹ nhân Dương Ngọc Hoàn (Dương Quý Phi). Nhà thơ Bạch Cư Dị đã viết Trường Hận Ca thanh minh cho Dương Ngọc Hoàn và bài thơ đã được coi là danh tác trong thi ca đời Đường. Ngô Mai Thôn thời Thanh sơ cũng làm cái công việc mà bậc tiền bối Bạch Cư Dị đã làm. Cả hai bài thơ đều có mẫu số chung là bày tỏ niềm thương hương tiếc ngọc của danh sĩ đối với giai nhân. Kim Dung đã trích một số đoạn trong Viên Viên khúc và mượn tiếng đàn của chính Trần Viên Viên cất lên hoà trong tiếng tỳ bà cho Vi Tiểu Bảo nghe.

Trong thời gian vua Thuận Trị, các hậu duệ nhà Minh nổi lên dưới chiêu bài "phản Thanh phục Minh", tự xưng là Đường Vương, Quế Vương, Phúc Vương, Lỗ Vương. Nhưng rồi họ cũng bị nhà Thanh tiêu diệt. Cho đến khi Khang Hy lên ngôi và ở ngôi đúng 60 năm, mở ra một triều đại cực kì thái bình thịnh trị cho lịch sử Trung Hoa (1662 - 1722) thì không còn ai có thể hoài nghi về hùng tâm tráng chí của nhân vật này nữa. Chính vì vậy, khi Ngô Tam Quế nổi loạn ở Vân Nam, lên ngôi hoàng đế đã không được người Trung Quốc ủng hộ. Vua Khang Hy bình định được cuộc nổi dậy của Ngô Tam Quế; không còn ai nghe nhắc tới Trần Viên Viên.

Với 48 trang giấy đầy ấn tượng Kim Dung đã nêu ra trong tiểu thuyết của mình một phản

đề: sự sụp đổ của các triều đại phong kiến Trung Hoa không phải do nhan sắc phụ nữ làm ra như dư luận lịch sử đã kết án. Bản thân nhan sắc không có tội. Cái tội đó là tội của những hôn quân vô đạo nịch ái nữ sắc, lãng quên số phận của trăm họ. Qua Lộc Đỉnh ký, Kim Dung cũng đã công nhận một ông Khang Hy người Mãn Châu làm vua còn tốt đẹp hơn một ông vua Sùng Trinh người Hán gấp ngàn lần. Vậy thì đừng nên đem những cái thất bại lịch sử của đàn ông để trút lên đôi vai của những người phụ nữ. Với một bút pháp kể chuyện có xen mô tả khá tinh tế, Kim Dung đã xây dựng một Trần Viên Viên trở thành đệ nhất đại mỹ nhân trong hàng ngàn nhân vật nữ trong tiểu thuyết của mình. Những Tiểu Long Nữ, Nhậm Doanh Doanh, Triệu Mẫn, Tiểu Siêu, Hân Tố Tố, Viên Tử Y, Vương Ngữ Yên... cũng là những đại mỹ nhân nhưng là đại mỹ nhân ở tuổi 18-20. Họ không thể sánh bằng Trần Viên Viên ở tuổi 40 tươi đẹp, chân tình, trí tuệ, tài hoa và đau khổ!

Thử bình bầu Thập đại mỹ nhân

Mỹ nhân thì bao giờ chẳng có. Ngay trong cuộc sống của chúng ta, hàng năm vẫn có những cuộc thi bình chọn hoa hậu, người đẹp thời trang, diễn viên điện ảnh...; đã có những ban giám khảo nghiêm túc và nghiêm khắc nhất thay mặt cuộc đời phán xét, cân đong đo đếm các thứ kích cỡ và trao vương miện cho các mỹ nhân, đâu chờ đến thứ như tôi bình bầu. Cũng có những ý kiến nghi ngờ các mỹ nhân sống giữa cuộc sống chúng ta: kiến thức nghèo nàn lạc hậu khiến các bạn có những câu trả lời vớ vẩn; cái đẹp nội tâm không đạt; tư duy sống không đẹp đưa đến tình trạng kinh doanh nhan sắc, dùng nhan sắc như một thứ mồi câu phú quí. Đại để, các hoa hậu và á hậu đã để lại một cái hậu không lấy chi làm ngọt ngào cho cuộc sống khiến đời buồn vô hậu. Tôi không dám bàn về những mỹ nhân đó chứ đừng nói đến bình bầu. Cho nên trong phạm vi chương này, tôi chỉ dám bình bầu Thập đại Mỹ nhân trong... truyện võ hiệp Kim Dung; những người chưa hề dự thi một cuộc thi hoa hậu, người mẫu, diễn viên nào; những người chưa từng tuyên bố huyênh hoang rồi sau đó đi lấy người... ngoại quốc. Thế giới các mỹ nhân mà tôi đề cập đến thế giới của truyện võ hiệp và sự “bình bầu” này đương nhiên là cách đánh giá rất chủ quan căn cứ vào ba tiêu chuẩn nhan sắc, tài năng, tâm hồn. Tôi chỉ dám chọn 10 người bởi vì đưa ra nhiều quá, e rằng có lỗi với cái đẹp, một vốn trời ban cho con người muôn nơi, muôn thủa. Danh sách tôi “bình bầu” như sau:

1. Triệu Mẫn

Đây nguyên là Hán danh của một cô gái Mông Cổ. Tên thật của cô là Mẫn Mẫn Đặc Mục Nhĩ, con gái của Nhữ Nam vương, người chỉ đứng sau vua nhà Nguyên, nắm hết quyền bính chính trị và quân sự cai trị toàn Trung Quốc. Cô là nhân vật nữ chính trong Ỷ thiên Đồ long ký, một cô gái đẹp như hoa nở, không một cô gái Trung Hoa nào có thể sánh kịp. Tham vọng của Triệu Mẫn rất lớn: muốn tụ họp bọn giang hồ, đặc biệt là phiên tăng Tây Vực, triệt hạ sáu đại môn phái của Trung Hoa đang nuôi mộng chống đối nhà Nguyên là Thiếu Lâm, Võ Đang, Cái bang, Hoa Sơn, Không Động và Côn Lôn.

Lần đầu tiên cô đã bao vây được các thủ lĩnh của Minh giáo và đã nhốt được Trương Vô Kỵ dưới hầm sâu. Nhưng Vô Kỵ vốn là thầy thuốc, võ công lại cao cường, đã khống chế cô và "tra tấn" cô bằng cách dồn Cửu Dương công vào gan bàn chân khiến cô ngứa ngáy, khó chịu phải đầu hàng, thả chàng ra. Chính việc “cù chân” đó đã làm nảy sinh trong lòng cô mối tình ôn nhu với chàng Trương Vô Kỵ. Cô đã đem Hắc ngọc đoạn tục cao tặng cho chàng để chàng chữa trị vết thương cho tam sư bá, chuộc lại lỗi lầm cho cha mẹ mình ngày xưa. Thông minh, lém lỉnh, chân tình, Triệu Mẫn trước sau vẫn giữ cốt cách của một phụ nữ giàu tình cảm hơn là một quận chúa Mông Cổ. Cô đánh nhau với Trương Vô Kỵ để rồi đêm đêm, lại ra quán rượu ngồi đợi chàng trai, mong cùng đối ẩm với nhau mấy chung và quên hết những chuyện đốt chùa, giết người Mông Cổ, cứu quần hùng Trung Hoa của tập thể Minh giáo.

Cuộc đời của cô là một chuỗi tháng ngày rong ruổi theo tình yêu. Vô Kỵ đi đâu, cô mong được đi theo anh đến nơi đó, dù chân trời hay góc bể. Cách tỏ tình của cô cũng rất rõ ràng, giản dị không e dè khép nép như những cô gái Trung Hoa. Cô đã cầm Ỷ thiên kiếm, lăn xả vào đám sứ giả Ba Tư và đánh những chiêu cận chiến có thể khiến mình và kẻ thù cùng chết để cứu chàng Trương Vô Kỵ. Khi Vô Kỵ hỏi tại sao cô liều mạng như vậy, cô đã trả lời thẳng thắn: vì Trương Vô Kỵ ôm lấy Hân Ly trước mặt cô. Thời thơ ấu, Vô Kỵ đã cắn vào bàn tay Hân Ly một cái đến chảy cả máu, khiến Hân Ly nhớ hoài hình bóng Trương Vô Kỵ. Triệu Mẫn cũng làm như thế: cô cắn vào tay Trương Vô Kỵ một nhát để Trương Vô Kỵ nhớ cô trọn đời. Thực ra cô không làm như vậy thì cũng đủ để chàng Vô Kỵ chọn cô làm người bạn gái tâm đầu ý hợp. Thậm chí khi Vô Kỵ đã bị vây, sắp bị quân Nguyên bắt, cô đã nói dối cha và anh rằng nếu họ giết Vô Kỵ thì cô cũng tự tử theo chàng cho trọn mối tình. Đoạn tiểu thuyết thuật lại chuyện Triệu Mẫn xin cha và anh tha cho Trương Vô Kỵ thật đầy kịch tính. Tôi kính phục người phụ nữ có một tình yêu tha thiết và trái tim dũng cảm như Triệu Mẫn. Tình yêu bao la đó đã được chàng Trương Vô Kỵ đền đáp một cách xứng đáng: anh đã nhường ngôi giáo chủ Minh giáo lại cho Dương Tiêu, cùng Triệu Mẫn dắt tay rong chơi bốn biển năm hồ. Và mỗi khi lông mày Triệu Mẫn đã nhạt thì theo ba điều ước hẹn với cô, anh lại làm công việc hợp với lương tâm, không đi ngược lại với quyền lợi võ lâm Trung Hoa và cũng chẳng ảnh hưởng gì đến việc chống quân Nguyên giành lại đất Trung Quốc cho người Hán tộc: cầm cây bút và vẽ lại lông mày cho Triệu Mẫn.

Tôi chọn Triệu Mẫn vào ngôi vị đệ nhất đại mỹ nhân, một cô gái Mông Cổ vượt xa ngàn hoa Hán tộc hẳn là điều dễ khiến chúng ta nghi ngờ. Nhưng rõ ràng tác giả Kim Dung muốn vậy. Và có lẽ điều này phản ánh chủ nghĩa dân tộc tiến bộ của chính ông. Hoá ra người Mông Cổ - dân tộc sống trên đất nước phiên bang, dân tộc mà người Hán thường khinh bỉ xếp vào loại Di Địch vẫn sáng lung linh một đoá hoa hương sắc, tài năng, thông minh, chung tình: Mẫn Mẫn Đặc Mục Nhĩ.

2. Tiểu Siêu

Người thứ hai tôi chọn làm đệ nhị mỹ nhân là cô gái chỉ có một nửa huyết thống Hán tộc; nửa còn lại thuộc huyết thống Ba Tư, nghĩa là cũng thuộc loại Di Địch dưới mắt nhìn của Hán tộc. Cha cô là Hàn Thiên Diệp, người Hán; mẹ cô là Đại Ỷ Ty, thánh sứ nữ của Bái hoả giáo Ba Tư. Tiểu Siêu thâm nhập Trung Hoa qua con đường tơ lụa lúc cô mới 15 tuổi. Mẹ cô nguyên là thánh sứ nữ, dáng lẽ phải giữ mình trong trắng để về Ba Tư lên ngôi giáo chủ. Nhưng bà đã yêu chàng trai Hàn Thiên Diệp, phản lại giáo quy của Bái hoả giáo, đáng lẽ phải lên giàn hoả thiêu. Bà hoá trang thành một người đàn bà xấu xí tên là Kim Hoa bà bà. Tiểu Siêu phải làm một việc khó khăn để chuộc lỗi cho mẹ: tìm mọi cách thâm nhập Quang Minh Đỉnh của Bái hoả giáo Trung Hoa và lấy cho được bộ Đại nã di tâm pháp của Bái hoả giáo - nhiệm vụ mà mẹ cô không hoàn thành.

Giống lai bao giờ cũng được thừa hưởng những nét ưu tú rực rỡ của cả cha và mẹ, nên Tiểu Siêu đẹp cái đẹp rực rỡ ngay từ khi 15 tuổi. Nhưng Dương Tiêu, Tả sứ của Minh giáo Trung Hoa, là một tay cơ trí, khó mà qua mắt đươc y. Cho nên, để đóng trọn vai trò con hầu của Dương Bất Hối, con gái Dương Tiêu, Tiểu Siêu đã phải làm một việc rất khó khăn: giả vờ méo miệng trong suốt thời gian ở cạnh Bất Hối. Cô học thuộc hết lý thuyết về âm dương, bát quái trận đồ, biết nhiều võ công nhưng chẳng bao giờ hé lộ. Cha con Dương Tiêu nghi ngờ cô, đã đem dây xiềng quấn chân cô; cô đi đâu tiếng dây xiềng leng keng đến đó. Điệp vụ của Tiểu Siêu là một điệp vụ cực kì gian nan và cô đã tìm ra được đường hầm trên Quang Minh Đỉnh.

Khi Vô Kỵ lên làm giáo chủ Minh giáo, việc đầu tiên của anh là hứa sẽ tháo xiềng khoá cho Tiểu Siêu. Nhờ Tiểu Siêu chỉ dẫn, Trương Vô Kỵ tìm ra đường hầm, tìm được Càn khôn đại nã di tâm pháp và đại triển thần lực đẩy được hai cánh cửa đá để bảo toàn lực lượng Minh giáo của Trung Hoa. Tiểu Siêu trở thành con hầu của Trương Vô Kỵ, lặng lẽ thương yêu Trương Vô Kỵ. Cũng như Triệu Mẫn, Vô Kỵ đi đến đâu, Tiểu Siêu đi đến đó, và cô đã chứng tỏ được bản lĩnh của mình: cầm cờ Minh giáo để chỉ huy năm đội Ngũ hành kỳ chống đỡ không cho quân Nguyên xông vào bắt giết những thủ lĩnh của Minh giáo. Tiểu Siêu sẽ không bao giờ nói rõ thân phận của mình cho Vô Kỵ biết nếu không có ngày tình cờ gặp lại mẹ mình đang bị đưa lên giàn hoả thiêu của Bái hoả giáo Ba Tư. Để cứu mẹ, cô phải nói rõ với các Bảo thụ vương Ba Tư rằng cô là trinh nữ, sẵn sàng thay mẹ về Ba Tư lên ngôi giáo chủ Bái hoả giáo. Cô nói tiếng Ba Tư lưu loát cho đến khi những người Ba Tư quỳ xuống tung hô thì Vô Kỵ mới biết rằng con hầu của mình chính là thánh sứ nữ của Bái hoả giáo Ba Tư.

Lần cuối cùng được phục vụ thay áo, dóc tóc cho Trương Vô Kỵ, Tiểu Siêu mới nói thật tình yêu của mình dành cho Vô Kỵ và điệp vụ của mình trên Quang Minh Đỉnh. Họ ôm nhau, hôn nhau, nước mắt chảy dài ướt đẫm vạt áo chàng Trương. Năm đó, có lẽ Tiểu Siêu 18 và Vô Kỵ mới 22. Tôi chưa bao giờ đọc một đoạn văn nào tràn đầy xúc động như

đoạn văn Tiểu Siêu chia tay với Trương Vô Kỵ trên biển. Tình yêu của hai người sao mà đẹp đến thế; đẹp đến nỗi Vô Kỵ không cần lau nước mắt trước mặt Triệu Mẫn, người tình của mình đang đứng đấy. Tiểu Siêu về Ba Tư, đi theo con đường tơ lụa. Trương Vô Kỵ chỉ còn biết trông theo, tưởng như tiếng khóc của cô còn vọng đâu đây trong tiếng gió, tiếng sóng.

Trong văn chương Trung Hoa, tiếng "tướng công" được hiểu theo hai nghĩa: (1) Tiếng của người hầu gọi ông chủ và (2) Tiếng của người vợ gọi chồng. Tôi nghĩ Kim Dung dùng chữ tướng công cho Tiểu Siêu gọi Vô Kỵ với cả hai nghĩa trên. Cái đẹp của mối tình Tiểu Siêu - Vô Kỵ là họ gần nhau suốt mấy năm vẫn giữ được sự trong trắng. Tiểu Siêu nhờ vẫn còn là trinh nữ nên mới cứu được mẹ khỏi tội hoả thiêu. Chữ tình, chữ hiếu ở cô gái lai này rất rõ ràng, khiến tôi càng kính phục cô hơn và bình bầu cô làm đệ nhị đại mỹ nhân.

3. Hân Tố Tố

Hân Tố Tố là con gái của Hân Thiên Chính, giáo chủ Bạch mi giáo, một tà giáo hoạt động trên sông Trường Giang. Bản thân cô cũng là một đường chủ - Tử vi đường đường chủ. Hân Tố Tố là một cô gái giết người không gớm tay: chính cô đã giết chết 72 người trong Long Môn tiêu cục, bởi tiêu cục này không hoàn thành hợp đồng đưa Dư Đại Nham (đang bị thương) về trao trả cho phái Võ Đang. Nữ ma đầu này có nụ cười rất lãng mạn, say đắm lòng người. Kim Dung không trực tiếp mô tả nhan sắc của cô, mà chỉ thuật rằng khi mới gặp cô, hai kiếm khách của phái Côn Lôn là Tương Đào và Cao Tắc Thành đã gần như đứng tim, líu lưỡi. Rồi họ sinh ra đánh nhau, đâm chém thật tình như hai kẻ thù không đội trời chung.

Hân Tố Tố và Trương Thuý Sơn, đệ tử thứ năm của phái Võ Đang, gặp nhau trong tình huống khá lạ lùng: Trương Thuý Sơn vâng lệnh thầy xuống bảo vệ cho gia đình của Đỗ Đại Cẩm, tổng tiêu đầu của Long Môn tiêu cục trong khi Hân Tố Tố lại hoá trang như Trương Thuý Sơn để giết chết 72 mạng của tiêu cục này và một số đệ tử khác phái Thiếu Lâm. Cho nên món nợ của vụ huyết án đó đều trút lên đầu của Trương Thuý Sơn. Trương Thuý Sơn gặp cô lần đầu tiên dưới tháp Lục Hoà, bên sông Tiền Đường. Lối bày tỏ tình yêu của Hân Tố Tố rất lạ: cô đập mạnh cho ba nũi Mai hoa châm đâm sâu vào cánh tay trắng như tuyết của mình để được Trương Thuý Sơn dùng nội công tâm pháp của phái Võ Đang chữa trị. Trương Thuý Sơn là đệ tử danh môn chính phái, rất căm thù Bạch mi giáo nên không muốn gần gũi Hân Tố Tố. Nhưng hoàn cảnh đã nối kết họ lại với nhau: hai người đi Vương Bàn Sơn để dự lễ dương đao Đồ Long lập oai của Bạch mi giáo; Tạ Tốn đã đến cướp đao và thấy họ là một đôi nam thanh nữ tú không nỡ giết đi nên đã bắt cóc họ, buộc họ đến Băng Hoả đảo với lão để giữ bí mật về Đồ Long đao. Chính Hân Tố Tố vì cứu Trương Thuý Sơn nên đã dùng kim châm bắn mù đôi mắt của Tạ Tốn. Họ trốn lên Băng Hoả đảo, ăn ở với nhau và sinh ra chàng Trương Vô Kỵ.

Hân Tố Tố là một nữ ma đầu cực kì thông minh, thuộc hết sách của Trang Tử. Trang

Tử là một triết gia mà tất cả các đạo gia Trung Hoa như phái Võ Đang đều tu dưỡng và học tập theo. Cô đọc cho Trương Thuý Sơn bài Thu thủy của Trang Tử: *"Nước của thiên hạ không đâu lớn bằng biển, muôn vạn sông ngòi đều đổ về biển, không biết bao giờ nước những sông ngòi đó mới ngừng chảy và biển mới không đầy như thế này"*. Khi nghe Thuý Sơn trả lời: "Dù ngàn dặm xa xôi cũng không thể sánh với sự rộng lớn của biển cả, dù nghìn trượng sâu cũng không đo được độ sâu của lòng biển", Hân Tố Tố biết ngay Trương Thuý Sơn đang nhớ tới sư phụ của mình là Trương Tam Phong. Cô dẫn đoạn thầy Nhan Hồi ca ngợi Khổng Tử trong cuốn Trang Tử ra: *"Tiên sinh bước ta cũng bước, tiên sinh đi ta cũng đi, tiên sinh chạy ta cũng chạy. Nhưng tiên sinh giở hết lực ra chạy như bay, ta mới hay còn kém tiên sinh rất nhiều"*. Chính câu nói đó đã hình tượng hoá được tài đức và võ công của Trương Tam Phong trong lòng Trương Thuý Sơn nên Trương Thuý Sơn càng yêu thương, mến mộ Hân Tố Tố hơn.

Khi họ sống thành lứa đôi, Hân Tố Tố đã tỏ ra là một hiền phụ biết vâng lời dạy bảo của chồng, bỏ hết những ác nghiệp ngày trước. Lòng hy sinh của cô thật vô hạn, chưa có một nhân vật nào của Kim Dung sánh kịp. Cho nên, khi sáu đại môn phái lên núi Võ Đang ép buộc vợ chồng cô phải nói ra chỗ ẩn nấp của Tạ Tốn để bọn họ đi tìm đao Đồ Long; Trương Thuý Sơn đã tự tử và Hân Tố Tố cũng chết theo chồng. Đoạn văn mô tả cái chết của vợ chồng Trương Thuý Sơn - Hân Tố Tố là một khúc ca bi tráng, thể hiện một cách tuyệt vời với tài năng hư cấu của tiểu thuyết Kim Dung. Năm ấy, Hân Tố Tố mới ngoài 30; con trai của cô -Trương Vô Kỵ - mới lên 10.

Hân Tố Tố xứng đáng được chọn làm đệ tam đại mỹ nhân. Cái chết của cô mở ra một thế giới mới: thế giới của tình yêu Trương Vô Kỵ - Triệu Mẫn.

4. Nhậm Doanh Doanh

Ngôi vị đệ tứ đại mỹ nhân tôi xin dành cho Nhậm Doanh Doanh, cô gái 17 tuổi đẹp như ngọc, con gái của giáo chủ Triêu Dương thần giáo Nhậm Ngã Hành, một thứ tà ma ngoại đạo trong Tiếu ngạo giang hồ.

Có lẽ Kim Dung đã đem hết tâm lực của mình ra để xây dựng nhân vật Nhậm Doanh Doanh: một nhân vật nữ tươi đẹp trong sang, giỏi âm nhạc, võ công cao cường, mưu trí sâu sắc, cai trị bọn bàng môn tả đạo bằng trái tim thép nhưng rất mẫn cảm với tình yêu và sống với tình yêu bằng trái tim dịu dàng vô kể. Cô gặp Lệnh Hồ Xung trong khi chàng trai lãng mạn này mất hết công lực, bị sư phụ và các đông môn đạp xuống hố sâu của của sự nghi ngờ khinh bỉ. Trong ngõ Lục Trúc thành Lạc Dương, cô tiếp Lệnh Hồ Xung qua tấm rèm không cho chàng thấy mặt; nhận tặng vật của chàng trai là bộ nhạc phổ Tiếu ngạo giang hồ và lắng nghe chàng trai kể lại nỗi đau tình khi bị Nhạc Linh San phụ bạc đi theo "gã mặt trắng" Lâm Bình Chi. Vì không thấy mặt cô nên Lệnh Hồ Xung cứ gọi cô là "bà bà".

Doanh Doanh có một nhận định khá lạ lùng về tình yêu: hễ ai không chung tình với quá khứ thì sẽ không chung tình với hiện tại và tương lai. Cho nên, cô gái 17 tuổi này đã rời bỏ ngõ Lục Trúc, ra đi để bảo vệ Lệnh Hồ Xung, đàn khúc Thanh tâm phổ thiện trú để xoa dịu những vết thương về thể xác và tâm hồn của chàng trai mà cô mới gặp đã cảm thấy yêu mến. Giữa vùng hoang sơn dã lĩnh, cô bắt ếch nướng cho Lệnh Hồ Xung ăn. Cho đến khi Lệnh Hồ Xung kiệt sức, cô đành cõng chàng lên chùa Thiếu Lâm nhờ Phương Chứng đại sư chữa trị và tự đem thân mình cho phái Thiếu Lâm cầm tù để đổi lấy sinh mạng của Lệnh Hồ Xung. Khi lành bệnh, hiểu ra được lòng thương yêu và đức hy sinh vô hạn ấy của Doanh Doanh, Lệnh Hồ Xung đã thống lĩnh hết bọn hào sĩ bàng môn tả đạo, trống rong cờ mở, lên chùa Thiếu Lâm đòi thả Doang Doanh ra. Chính hành động vô pháp vô thiên ấy của Lệnh Hồ Xung khiến Doanh Doanh cảm thấy được an ủi rất nhiều và thấy được sự hy sinh của mình là không uổng phí. Họ yêu nhau nhưng trong lòng Nhậm Doanh Doanh biết chàng trai chưa phai mờ hình ảnh của Nhạc Linh San. Cô không hề ghen tức, ngược lại đối xử với Nhạc Linh San như người bạn tốt. Chính cô đã cứu Nhạc Linh San, chính cô đã động viên Lệnh Hồ Xung nghe tâm trạng sư muội trước khi chết. Trong con người Doanh Doanh nhỏ bé có trái tim nhân hậu vĩ đại của một phụ nữ công bằng.

Nhậm Doanh Doanh thật thông minh, bén nhạy. Nghe Lệnh Hồ Xung kể chuyện, cô biết ngay là chàng không phải là thủ phạm giết bạn đồng môn của mình, biết ngay là chàng bị sư phụ lừa dối. Chính cô đã khám phá ra chiêu số võ công của Nhạc Bất Quần giống như chiêu số võ công của gã lại cái Đông Phương Bất Bại; từ đó phán đoán ra Tịch Tà kiếm phổ còn có nghĩa là Quỳ hoa bảo điển, và biết Nhạc Bất Quần đã "Dẫn đao tự cung" (tự thiến bộ phận sinh dục). Cũng chính cô chứ không ai khác đã nhắc bảo cho Lệnh Hồ Xung biết rằng Nhạc Bật Quần là một gã nguỵ quân tử. Và cũng chỉ có cô mới kiềm chế nổi Nhạc Bất Quần, bảo vệ mạng sống cho mình và tình lang: bóp mũi Nhạc Bất Quần cho lão uống Tam thi não thần đan, một loại độc dược mà ngoài cô ra, không ai ở trên đời có thuốc giải được.

Kết thúc Tiếu ngạo giang hồ, Kim Dung để cho Doanh Doanh nhường ngôi giáo chủ lại cho Hướng Vân Thiên, làm đám cưới với Lệnh Hồ Xung và hai vợ chồng song tấu khúc Tiếu ngạo giang hồ. Họ đã hoàn thành tâm nguyện mà Lưu Chính Phong và Khúc Dương ngày xưa chưa làm được: hắc đạo và bạch đạo vẫn có thể sống với nhau trong một không khí hoà bình hạnh phúc thật sự, xoá đi biên giới của hận thù và nghi kị. Tiếu ngạo giang hồ chính là khát vọng của tác giả Kim Dung đối với đất nước và đồng bào Trung Hoa của ông. Và Doanh Doanh chính là biểu tượng của cái đẹp Trung Hoa, một cái đẹp đi vào phạm trù tinh thần chứ không còn ở phạm trù vật chất nữa.

Doanh Doanh hoàn mỹ quá khiến tôi đâm ra nghi ngờ, không hiểu khi xây dựng nhân vật này, Kim Dung có đặt cái mà tôi gọi là “chủ nghĩa Đại Hán” của ông vào chăng? Tôi định chọn Nhậm Doanh Doanh ở ngôi vị số một, trên cả Triệu Mẫn, nhưng vì sự nghi ngờ

đó đã khiến tôi xếp cô vào vị trí số bốn. Đã bảo tôi là một người đầy cảm tính, không thể có sự khách quan, trung thực và khoa học của các vị giám khảo chấm thi hoa hậu nghiêm khắc và đầy kinh nghiệm ngày nay cơ mà. Cho nên tôi cứ liều mạng đưa cô gái Mông Cổ lên ngôi vị số một và đặt cô Doanh Doanh Hán tộc xuống vị trí số bốn. Mà số bốn thì cũng cực kì quan trọng rồi.

5. A Châu

Có lẽ số phận đau thương nhất, bi kịch nhất trong hàng trăm nhân vật nữ của tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung chỉ dành cho một nhân vật A Châu. Tên thật của cô là Đoàn A Châu, con của Trấn Nam Vương Đoàn Chính Thuần nước Đại Lý và bà Nguyễn Tinh Trúc, người nước Tống. Mối tình ngoại hôn giữa hai người đã sinh ra hai cô gái xinh đẹp: Đoàn A Châu và Đoàn A Tử.

Cũng có lẽ trong thế giới tiểu thuyết võ hiệp, ta chưa bắt gặp nhân vật đàn ông, một người cha nào vô trách nhiệm như Đoàn Chính Thuần. Ngay đến hai đứa con gái của mình, ông cũng chẳng biết chúng được đặt tên gì. Nguyễn Tinh Trúc thấy đứa lớn thích mặc áo dỏ, đặt tên là A Châu; thấy con gái nhỏ thích mặc áo tía, đặt tên là A Tử. Cùng sinh ra một gốc nhưng A Châu và A Tử là hai tính cách khác biệt: A Châu dịu dàng, nhân hậu, chung tình bao nhiêu thì A Tử lại tàn bạo, ngang ngược, thủ đoạn bấy nhiêu. Do phải tránh né sự truy bức, Nguyễn Tinh Trúc phải đưa hai đứa con gái ra Nhạn Môn Quan tị nạn. Cho nên ba chữ "Nhạn Môn Quan" trở thành nỗi đau, sự lỗi lầm lớn trong tâm hồn Đoàn Chính Thuần, khiến Đoàn Chính Thuần phải chịu sự oan khuất lớn sau này dẫn đến cái chết của A Châu.
A Châu gặp Kiều Phong tức Tiêu Phong, người nước Khất Đan, nguyên bang chúa Cái bang Trung Hoa, trong một hoàn cảnh khá đặc biệt trên chùa Thiếu Lâm. Kiều Phong lên chùa Thiếu Lâm thăm lại người thầy yêu của mình là Huyền Khổ đại sư, để xác nhận lại quá khứ của mình; A Châu lên chùa Thiếu Lâm là để đánh cắp bộ Dịch Cân kinh về tặng cho chủ nhân của cô là Cô Tô Mộ Dung Phục. A Châu có thuật cải trang thần tình, đã cải trang thành nhà sư Trí Thanh, lấy được bộ Dịch Cân kinh nhưng lại bị trúng một chưởng của các nhà sư Thiếu Lâm. Một chưởng đó có thể làm tan bia vỡ đá huống chi một thân thể mảnh khảnh của một cô gái mới 18 tuổi cỡ A Châu. Kiều Phong đã nhanh trí ném ra một tấm gương đồng làm tấm đệm cản bớt kình lực của phát chưởng nhưng A Chấu vẫn bị thương nặng. Ông cứu A Châu, rời khỏi chùa Thiếu Lâm. Năm ấy ông 30 và A Châu chỉ mới 18.

Không gặp nhau thì thôi, gặp nhau là đã có duyên phận; Kiều Phong nhất quyết phải cứu A Châu. Nhưng sức ông có hạn, lại không hiểu y lí, ông đành đưa A Châu về Tụ Hiền trang, nơi mà quần hùng Trung Nguyên đang hội họp bàn kế hoạch giết ông, một tên Khất Đan mọi rợ, để cầu cứu Thần y Tiết Mộ Hoa chữa thương cho A Châu. Khi hiểu được tấm lòng Kiều Phong không ngại sinh tử, đưa mình vào đầm rồng hang hổ để cầu

mong cái sống cho cô, A Châu mới nhận ra được rằng trên đời này chưa có người đàn ông nào nặng tình nặng nghĩa như vậy. Sau khi gửi gắm A Châu, Kiều Phong cùng quần hùng Trung Nguyên ác đấu một trận. Ông bị thương và may mắn được một người bịt mặt cứu ra khỏi Tụ Hiền Trang, đưa về một sơn cốc...

A Châu được Tiết thần y chữa lành vết thương. Cô bé mảnh khảnh vượt mấy ngàn dặm tìm về Nhạn Môn Quan giữa mùa tuyết phủ, chờ gặp Kiều Phong. Cô biết thế nào Kiều Phong cũng trở lại, đến bên phiến đá xưa nơi cha ông Tiêu Viễn Sơn trước khi chết đã dùng chỉ công ghi lại văn tự trên đó. Quả nhiên, Kiều Phong trở lại Nhạn Môn Quan đúng như trong một kịch bản đầy khát vọng mà mọi độc giả của Thiên Long bát bộ đều mong ước được nhìn thấy. A Châu nhào vào lòng Kiều Phong và khóc rưng rức vì hạnh phúc, vì hổ thẹn, vì tủi thân. Nhưng cho đến lúc ấy, Kiều Phong vẫn chưa biết được đó là sự biểu lộ tình yêu đầu đời thầm kín. Trọn cuộc đời ông ngoài chuyện chiến đấu, ông chỉ biết có bát rượu, không hề ngĩ đến nữ sắc. Ông lại mang mặc cảm mình là người Khất Đan - dân tộc hạ đẳng, trong khi Đoàn A Châu lại là người Trung Hoa - dân tộc thượng đẳng, nên ông không hề để ý đến tấm chân tình của A Châu. Tuy nhiên, giữa trời đất Nhạn Môn Quan đầy tuyết phủ, được làm bạn với một cô gái xinh đẹp dịu dàng và nhất là được nghe cô thỏ thẻ: "Sẽ cùng đại gia qua bên kia Nhạn Môn Quan săn chồn đuổi thỏ" thì ông mới hiểu rằng A Châu thương mình. Họ yêu nhau nhưng miệng chưa bao giờ nói ra chữ "yêu", vượt qua mấy ngàn dặm trở lại thành Biện Lương, trai vẫn giữ được lễ, gái vẫn giữ được băng thanh ngọc khiết.

Do một lời vu cáo để trả thù riêng của Ôn Khang, Kiều Phong và Đoàn A Châu nhận lầm rằng Đoàn Chính Thuần chính là người chỉ huy đánh giết Tiêu Viễn Sơn - cha của Kiều Phong ngày trước tại Nhạn Môn Quan. Họ trở lại rừng Phương Trúc giữa lòng Thái Hồ, Giang Nam để Kiều Phong ước hẹn cuộc chiến đấu rửa thù với Đoàn Chính Thuần. Cả Kiều Phong và A Châu đều nguyện rằng sau cuộc trả thù này, họ sẽ sang bên kia Nhạn Môn Quan sống với nhau cuộc đời bình yên trên thảo nguyên Khất Đan, không chen chân vào cõi giang hồ nữa. Cho đến khi nhìn thấy A Tử có một miếng ngọc bội giống như miếng ngọc bội của chính cô, cô mới đau xót nhận ra rằng Đoàn Chính Thuần là cha; Nguyễn Tinh Trúc là mẹ và A Tử là em ruột cô.

Nhưng khát vọng trả thù của người tình Kiều Phong thì nặng như núi Thái Sơn, cô biết xử lí làm sao giữa hiếu và tình. Kim Dung đẩy nhân vật đáng thương của ông vào bi kịch: cho A Châu hoá trang thành Đoàn Chính Thuần, đến bên cầu giữa đêm mưa gió, chấp nhận cuộc chiến đấu rửa hờn của Kiều Phong. Kiều Phong chỉ đánh một chưởng và ông khám phá ngay ra điều khác lạ. Ông ôm địch thủ lên, gỡ bỏ hết những vật hoá trang và dưới ánh chớp của sét, ông nhận ra đó là A Châu, tình yêu của ông, cứu cánh hạnh phúc của ông. Cô thỏ thẻ tóm tắt lại cho ông hiểu mọi sự. Lần đầu tiên trong, Kim Dung mới để cho Kiều Phong khóc. Nước mắt ông hoà lẫn nước mưa, đẫm ướt người A Châu. Ông như điên như khùng, bồng cô gái thân yêu chạy suốt rừng Phương Trúc, gọi tên từng

người, gọi Đoàn Chính Thuần ra giết mình để trả thù cho con gái. Nhưng chẳng ai đáp lại lời ông.

Chương Kim Dung viết về chuyện đánh lầm vào A Châu giữa đêm mưa tầm tã và sấm chớp liên hồi có cái mức độ đau thương của lớp cuối cùng khi nhân vật Phượng và Xung vướng phải dây điện, cùng chết bên nhau trong hồi cuối vở kịch Lôi vũ của Tào Ngu. Tác giả Kim Dung đẩy Kiều Phong đến độ chót của bi kịch, tước mất của ông nguồn sống, tình yêu và khát vọng về một đời du mục tầm thường trên thảo nguyên Khất Đan.

A Châu không đẹp rực rỡ, võ công cao cường, mưu trí chẳng bằng ai, lại chỉ là một con hầu trong nhà Mộ Dung Phục. Nhưng cái đạo hiếu của cô, mối tình trong sáng của cô dành cho Kiều Phong, tâm hồn ôn nhu phương đông của cô thì không người phụ nữ nào sánh kịp. Để làm nổi bật A Châu, Kim Dung xây dựng nhân vật A Tử điêu ngoa, xảo quyệt, tàn bạo; chẳng khác nào trong kĩ thuất chụp ảnh ta chú trọng đến chất contrast (tương phản). Chính vì thế mà A Châu rực rỡ; Kiều Phong một đời chỉ có A Châu, chỉ yêu A Châu và không thể yêu bất kì cô gái thứ hai nào trên thế gian, không muốn ôm bất cứ một người phụ nữ nào trên thế giới.

Xưa nay, bi kịch tình - hiếu vẫn là một chủ đề thường gặp trong tiểu thuyết Việt Nam và Trung Hoa. Thuý Kiều yêu Kim Trọng nhưng phải bán mình 300 lạng để chuộc tội cho cha, để rồi phải sống 15 năm trong lầu xanh. Nhưng Thuý Kiều còn có Thuý Vân để thay thế đền đáp cho Kim Trọng, còn A Châu thì chẳng có ai. A Tử không có cái nhu mì của Thuý Vân và Kiều Phong cũng chẳng có cái tình cảm văn nhân ấm ớ của Kim Trọng. Bi kịch tình hiếu A Châu - Kiều Phong trong Thiên Long bát bộ là vô điều kiện và tuyệt đối. A Châu trở thành nhân vật mẫu mực, tượng trưng cho lòng hy sinh cao cả của người phụ nữ phương Đông. Chính vì cái vẻ đẹp nhân bản đó trong tâm hồn cô gái 18 tuổi này mà tôi mạnh dạn bầu cô làm đệ ngũ đại mỹ nhân.

6. Tiểu Long Nữ

Không một ai, kể cả tác giả Kim Dung, hiểu rõ được họ tên cô gái này. Tác giả chỉ cho ta được biết rằng, ngay từ thủa nhỏ, Tiểu Long Nữ đã được nuôi nấng, học võ công và trưởng thành trong ngôi cổ mộ của phái Cổ Mộ sau núi Chung Nam, kế tục sự nghiệp của Lâm Triều Anh để trở thành một trong những nhân vật nữ chính của Thần điêu hiệp lữ.

Những người sống trong ngôi cổ mộ thường vẫn mang theo một huyền thoại, một vẻ thần bí ly kỳ: họ sống cũng như chết, rất xa cách với thế giới bên ngoài. Kim Dung tự giới thiệu Tiểu Long Nữ hay Long cô nương của mình cũng tương tự như thế:

Chung Nam sơn hậu
Hữu hoạt tử nhân
(Sau núi Chung Nam
Có người sống chết)

Tiểu Long Nữ là một cô gái trong sáng từ thân xác đến tâm hồn; đối với cô hoàn toàn không có biên giới giữa sự việc nên làm và không nên làm, nên tránh và không nên tránh. Đắc thủ toàn bộ võ công của phái Cổ Mộ được ghi lại trong Ngọc Nữ tâm kinh, Tiểu Long Nữ trưởng thành hồn nhiên như một viên ngọc không tỳ vết. Cô trở thành người hàng xóm vừa dịu dàng vừa khó chịu của phái Toàn Chân (cũng ở núi Chung Nam). Cô thương yêu một người đồ đệ kém mình hai tuổi và trọn đời chỉ có mối tình ấy, không có một mối tình, một hình bóng nào khác.

Đối với xã hội phong kiến Trung Hoa, mối tình ấy là cả một sự thách thức, thậm chí là sự phỉ báng các nguyên tắc của đạo đức luân lý. Mọi người đều cho phép mình khinh bỉ, lên án cặp thầy trò Tiểu Long Nữ - Dương Qua, kể cả Quách Tĩnh và Hoàng Dung là hai người chịu ơn cặp thầy trò này. Người ta lấy cái đạo đức luân lý cứng nhắc ngàn năm để đo một mối tính trong sáng của đôi trai gái trong sáng, cho rằng mối tình đó đã xâm phạm nền đạo đức Trung Hoa, tư duy đạo đức Trung Hoa. Người ta đã làm mọi chuyện, kể cả vu cáo và bôi nhọ, cho lứa đôi phải xa nhau, phải rời bỏ nhau.

Kim Dung, trong Thần điêu hiệp lữ, đã nhấn thêm một bước nữa: ông cho cô gái trong trắng như ngọc của mình thất trinh. Tiểu Long Nữ luyện Ngọc nữ tâm kinh và gã đồ đệ phái Toàn Chân tình cờ đi ngang qua đó, đã bế cô đưa vào bụi rậm... Chỉ tội nghiệp cho Tiểu Long Nữ: cô cứ nghĩ người đó là Dương Qua, trong sự bẽ bàng đau đớn còn có niềm hạnh phúc được dâng hiến. Cũng tội nghiệp cho Dương Qua: anh phải chịu một cái án oan, một vụ án tình dục mà anh không phải là thủ phạm. Cho đến khi Tiểu Long Nữ biết được rằng kẻ phá hoại đời mình là Doãn Chí Bình, rằng Dương Qua đồ đệ của mình vẫn trước sau là một người trong sáng, thì cô thật sự tuyệt vọng. Cô lẳng lặng từ bỏ mối tính lớn trong đời, ra đi... Dương Qua cũng từ bỏ tất cả ra đi để tìm sư phụ. Cuộc rượt đuổi đi tìm hạnh phúc, tình yêu đó thật não nùng. Luân lý, đạo đức Trung Hoa đã không cấm cản được trái tim họ, tình yêu của họ. Chỉ có niềm đau khổ của tuổi đầu đời đã chia sẻ họ.

Tiểu Long Nữ chuyên mặc một màu áo trắng, ăn nói đơn giản, cốt cách như thần tiên. Cô gái ấy say mê học trò, vi phạm đạo đức, lại bị cưỡng hiếp, không còn là người trinh bạch nữa. Thế nhưng dưới mắt bạn đọc Thần điêu hiệp lữ, Tiểu Long Nữ vẫn là một con rồng nhỏ, trong sáng như gương, dịu dàng như ngọc. Tôi bầu cô làm đại mỹ nhân thứ sáu và vẫn mạnh dạn coi cô là con người trinh bạch. Đúng ra cô trinh bạch rất nhiều so với hàng triệu con người trinh bạch (hoặc tự coi mình là trinh bạch) hiện nay.

7. Song Nhi

Song Nhi chỉ là con hầu của người vợ thứ ba của Trang Kiến Long, một nhà nho Trung Hoa đã có công tụ họp người trí thức triều Khang Hy soạn bộ Minh thư tập lược, bị Ngao Bái nhà Thanh giết. Song Nhi người gốc Hàng Châu, ngay từ thơ ấu, đã chịu chung cái số phận đau thương của bà chủ mình: bị đày lên khu vực ngoại thành Bắc Kinh. Trong Lộc Đỉnh ký, Kim Dung để cho Vi Tiểu Bảo 16 tuổi, gặp Song Nhi và nhận cô làm người

hầu lúc cô 14 tuổi. Quan hệ giữa hai người vừa là chủ tớ, vừa là bạn bè. Song Nhi mở miệng ra gọi luôn Vi Tiểu Bảo là "tướng công"; Vi Tiểu Bảo mở miệng ra gọi Song Nhi luôn luôn là "Hảo Song Nhi". Cô gái nhỏ này võ công cao cường, nhân phẩm đoan chính, có học vấn và có tấm lòng trung thành vô hạn đối với chủ, nên xin đề nghị xếp cô vào hàng đại mỹ nhân thứ bảy dù nhan sắc hãy còn thua xa Phương Di, người mà Vi Tiểu Bảo nhận làm vợ lớn.

Gần như Song Nhi là cái bóng của Vi Tiểu Bảo. Vi Tiểu Bảo đi đên đâu, cô đi theo anh chàng này đến đó, phục vụ cơm nước, áo quần, bàn chuyện tính mưu định kế. Cô đã đánh cho bọn Lạt Ma Tây Tạng chổng càng chổng gọng để cứu Vi Tiểu Bảo, cùng Vi Tiểu Bảo tham gia cứu mạng Thuận Trị hoàng đế, ra trận đánh bọn Hoả thương thủ và các tay hảo thủ khác của quân Sa hoàng Nga, hoá trang khi làm sư, khi làm ngự lâm quân Thanh triều để bảo vệ Vi Tiểu Bảo. Gần như Song Nhi không biết sợ một ai, kể cả danh thủ kiếm pháp Phùng Tích Phạm của đảo Đài Loan. Hắn có ngoại hiệu Nhất kiếm vô huyết, ấy vậy mà khi hắn muốn giết Vi Tiểu Bảo; Song Nhi đứng ra liều mình cứu chủ; mũi kiếm của hắn không giết nổi Song Nhi, chỉ làm cô bị thương, chảy máu chút đỉnh. Từ chiến công của Song Nhi, bọn giang hồ gọi giễu Phùng Tích Phạm là Bán kiếm hữu huyết (nửa chiêu kiếm đã có máu đổ ra rồi).

Song Nhi đi theo Vi Tiểu Bảo ăn tuyết nằm sương nhưng không bán mình cho họ Vi. Cô bỏ công ra cả tháng, thức đêm để khâu lại những mảnh nhỏ lấy được trong tám bộ Tứ Thập nhị chương kinh thành một bản đồ lớn mô tả kho báu ở Lộc Đỉnh Sơn mà không hé miệng than thở một lời. Vi Tiểu Bảo hay chớt nhả, luôn miệng nói với cô câu: "Đại công cáo thành, phải hôn một cái" nhưng thực sự hắn chưa bao giờ ôm hôn được cô, vì cô cũng chẳng bao giờ dễ dãi để hắn ôm hôn. Ngay đến khi cô ngủ gục vì mệt mỏi, Vi Tiểu Bảo bồng cô vào giường cũng chẳng dám hé môi hôn cô một cái, vì hắn biết làm như vậy là tiết mạn phẩm giá con hầu của mình. Trong khi đó, với Kiến Ninh công chúa, em vua Khang Hy; với A Kha, con gái của Trần Viên Viên; với Phương Di, tiểu thư của một dòng tộc danh giá ở Vân Nam; với công chúa Sophia của nước Nga, Vi Tiểu Bảo muốn hôn là hôn, muốn sờ ngực là sờ ngực, thậm chí muốn chăn gối là chăn gối.

Điều gì đã khiến nhà văn Kim Dung tôn trọng nhân phẩm của một con hầu, nâng cô lên trên cả hai vị công chúa, hai vị tiểu thư thiên kim? Đó chính là cái nhìn của ông về bản chất của cái gọi là tầng lớp quý tộc trong chế độ quân chủ Trung Hoa. Những huyền thoại cao quí về tầng lớp đó đã băng hoại, còn lại những sự thật phũ phàng: Kiến Ninh công chúa chỉ mong được ngủ với Vi Tiểu Bảo; Phương Di danh giá lại có những hành động lừa dối; A Kha cao quí ngu muội đi theo hào quang của gã bạch vệ Trịnh Khắc Sảng, trở thành cô gái bất trinh; thậm chí hiền lành ngây thơ như Mộc Kiếm Bình, tiểu thư của Mộc vương phủ Vân Nam, cũng bị tác giả cho vẽ lên má một con rùa. Qua nhân vật Song Nhi, tôi thấy tác giả Kim Dung có một tình cảm sâu nặng đối với những người bình dân Trung Quốc, đặc biệt là đối với những phụ nữ suốt đời chỉ biết làm con hầu, kẻ ở. Vi

Tiểu Bảo có thể mở miệng chửi tất cả những phụ nữ cao quí là con điếm, con đượi non, mụ điếm nhưng không bao giờ trong lòng hắn dám gợi lên một tư tưởng bất kính với con hầu Song Nhi.

Song Nhi trở thành một trong bảy người vợ của Vi Tiểu Bảo nhưng cô vẫn giữ được phẩm giá chân chính của một người phụ nữ: không hề cạnh tranh, so bì, tỵ nạnh. Các đứa con khác của Tiểu Bảo do Tô Thuyên, A Kha, Kiến Ninh công chúa sinh ra đều được cô nuôi nấng, chăm sóc dịu dàng như con của chính mình. Thậm chí, cô cảm thấy hạnh phúc khi có một đức trẻ được đặt tên là Song Song bởi vì trong cái tên này, có chữ Song trong tên của cô. Chính từ cái đẹp nội tâm trong cô gái bé nhỏ này, tôi mạnh dạn bầu cô làm đệ thất đại mỹ nhân mà tôi mạo muội bình chọn.

8. Vương Ngữ Yên

Là một cô gái đẹp tuyệt trần, nhân vật mà Kim Dung thường gọi là "thần tiên nương tử", hình ảnh hoá thân của pho tượng ngọc dưới đáy Cung Kiếm hồ mà Đoàn Dự đã từng gặp. Vương Ngữ Yên là con gái ngoại hôn của Đoàn Chính Thuần, người nước Đại Lý, với Vương phu nhân, người Tiên Ty.

Vương Ngữ Yên là cô gái thông minh, đọc thuộc lầu những quyển kinh võ học trong thiên hạ, đến nỗi ai đánh một chiêu một thức cô đều gọi đúng tên chiêu thức đó, đồng thời biết luôn cả cách phá giải. Cô trở thành quyển từ điển sống võ học, và do cô không hề biết võ công, nên nhiều thế lực thèm khát bắt cóc được cô để làm áp lực với họ Mộ Dung, và để cô dạy cho mình những đòn thế võ công thất truyền.

Một đời Vương Ngữ Yên chỉ biết say mê Mộ Dung Phục, người anh em cô cậu của mình (người Trung Hoa cho phép anh chị em con cô con cậu, anh chị em bạn dì lấy nhau). Thế nhưng Mộ Dung Phục là một gã huênh hoang, khoác lác, hắn chỉ say sưa giấc mộng phục hồi nước Đại Yên, sẵn sàng đạp đổ tất cả tình yêu, tình bạn bè, tôn kẻ thù làm cha, miễn là có thể lợi dụng được những hoàn cảnh để phục hưng Đại Yên. Ngược lại với Mộ Dung Phục, Đoàn Dự nước Đại Lý sẵn sàng đánh đổi tất cả các thứ trên đời, kể cả ngôi vị hoàng đế Đại Lý, để được kề cận bên Vương Ngữ Yên. Tình yêu xảy ra giữa ba nhân vật này là một quá trình rượt đuổi buồn cười.

Khi Mộ Dung Phục sang nước Tây Hạ để sự lễ tuyển phu của Ngân Xuyên công chúa nước này, Vương Ngữ Yên chỉ sợ võ công của biểu ca mình cao cường, có thể làm rể Tây Hạ và phụ rẫy mối tình của mình. Cô đã nhờ Đoàn Dự ra tay viện trợ: dùng Lục mạch thần kiếm danh tiếng của họ Đoàn đánh thắng Mộ Dung Phục, phá vỡ âm mưu làm rể Tây Hạ của Mộ Dung Phục. Nhưng rồi Mộ Dung Phục đánh cho Đoàn Dự lọt xuống đáy giếng và nói rõ tham vọng của mình cho Vương Ngữ Yên nghe rằng hắn chưa bao giờ thương yêu Vương Ngữ Yên cả. Cô gái tuyệt vọng, gieo mình xuống đáy giếng sâu. Và lạ thay, ở trên mặt đất thơm tho, dưới ánh sáng chói chang của mặt trời bao nhiêu năm mà

Vương Ngữ Yên không nhìn ra tấm chân tình của chàng Đoàn Dự, thì chỉ trong chốc lát dưới đáy giếng sau hôi hám tối tăm, Vương Ngữ Yên đã chấp nhận mối tình ấy. Và họ nguyện sống đời lứa đôi bên nhau.

Nhưng ta đã biết, Đoàn Chính Thuần là cha của Đoàn Dự. Lẽ nào ông anh Đoàn Dự có thể cưới hỏi cô em cùng cha khác mẹ là Vương Ngữ Yên? Cái mâu thuẫn ấy đã được đẩy lên đỉnh điểm của của Thiên Long bát bộ khi độc giả kinh hoàng nhận ra mối quan hệ huyết thống giữa hai nhân vật trai gái trung tâm này. Ta có thể tưởng tượng ra cái thảm kịch để giúp họ hoá giải mối tình loạn luân, cũng như Romeo và Juliette trong bi kịch của Shakespeare tìm cái chết để họ chuộc lỗi với đời và để cho đôi lứa có thể chia lìa nhau vĩnh viễn. Nhưng Kim Dung đã có một lối giải quyết khá thần kì, xứng đáng là bậc thầy trong nghệ thuật hư cấu tiểu thuyết: ông lật ngược lại dĩ vãng của Đoàn Chính Thuần và Đao Bạch Phụng. Giận Đoàn Chính Thuần say mê nhan sắc của người phụ nữ khác, Đao Bạch Phụng đã làm một hành động cực kỳ thương luân bại lý: đem tấm thân cao quý của mình hiến dâng cho một gã ăn mày hôi hám, trôi sông dạt chợ. Gã ăn mày đó chính là Đoàn Diên Khánh, người trong hoàng tộc nước Đại Lý, kẻ xứng đáng lên ngôi vua Đại Lý nhât nhưng không được lên ngôi. Đoàn Dự chính là con của Đao Bạch Phụng và Đoàn Diên Khánh; Đoàn Chính Thuần chỉ là ông cha hờ. Mà trong qui định hôn nhân của nước Đại Lý, anh em cùng tông tộc có thể cưới hỏi lẫn nhau (chính nhà Trần ở Việt Nam cũng áp dụng qui định này để ngai vàng khó lọt vào tay kẻ khác). Cho nên Đoàn Dự vẫn có quyền cưới hỏi và ăn ở với Vương Ngữ Yên, và chẳng riêng gì Vương Ngữ Yên, cả đến Mộc Uyển Thanh (con gái Tần Hồng Miên), Chung Linh (con gái Cam Ngọc Bảo) đều là con ngoại hôn của Đoàn Chính Thuần; Đoàn Dự say mê ai có quyền cưới người ấy. Câu chuyện của Đoàn Dự có đến năm người biết: mẹ Đoàn Dự, Đoàn Dự, Đoàn Diên Khánh, Đoàn Chính Minh (vua nước Đại Lý) và... chúng ta, những người đọc Kim Dung. Đoàn Dự lên ngôi hoàng đế nước Đại Lý; Vương Ngữ Yên trở thành chánh cung hoàng hậu. Đáng lẽ với tài sắc ấy, tôi định bầu cô vào ngôi vị đệ nhất, đệ nhị đại mỹ nhân, nhưng vì cô quá say mê "thằng mặt trắng" Mộ Dung Phục cho nên "trong lý lịch có vấn đề", tôi chỉ dám xếp cô vào hàng thứ tám.

9. Viên Tử Y

Viên Tử Y là cô bạn nhỏ mới 16 tuổi của tiểu anh hùng Hồ Phỉ (Lãnh nguyệt bảo đao). Cô gái này có lý lịch rất hồ đồ, luôn luôn hiện diện cạnh Hồ Phỉ trong suốt con đường hai người hành hiệp cứu đời, thông minh và giàu tri thức. Ngay cái tên của cô cũng rất mơ hồ: cô xưng họ Viên, chuyên mặc áo tía nên tác giả gọi luôn tên cô là Viên Tử Y.

Thực sự, Viên Tử Y là cô gái bất hạnh. Mẹ cô là người phụ nữ trong trắng, đã bị một gã đạo đức giả trong giới giang hồ cưỡng hiếp rồi bỏ trốn. Gã giang hồ đó đã khéo léo che dấu lý lịch, trở thành con người khả kính, một biểu tượng của đạo đức võ lâm Trung Hoa. Hồ Phỉ và Viên Tử Y cùng chung mục đích: muốn lột mặt nạ con người đạo đức giả

ấy. Hồ Phỉ muốn giết hắn nhưng Viên Tử Y lại cứu hắn. Chẳng lẽ cô lại dễ dàng cháp nhận cho bạn mình giết cha mình mặc dầu người ấy chẳng ra gì?

Bi kịch trong đời Viên Tử Y vẫn là bi kịch tình- hiếu nhưng xét ra một góc độ cấu trúc tiểu thuyết, bi kịch này được xây dựng khác hẳn với những tình huống của Triệu Mẫn và Tiểu Siêu với chàng Trương Vô Kỵ. Cuối tác phẩm Lãnh nguyệt bảo đao, Viên Tử Y chia tay Hồ Phỉ ra đi. Tôi bầu cô làm đại mỹ nhân thứ chín nhưng chẳng biết cô đi về đâu giữa mênh mông năm tỷ con người.

10. Bạch A Tú

Tôi dành ngôi vị đệ thập đại mỹ nhân cho cô gái mới 15 tuổi này, một cô gái chẳng lấy gì làm xinh đẹp cũng chưa biết nói một lời yêu thương nào đối với anh chàng bạn trai thân yêu Thạch Phá Thiên. Người đời có thể cho tôi là dốt nát, đắc biệt đối với các vị giám khảo giàu kinh nghiệm có thể gọi tôi là đồ đui, là không hiểu gì hết về số đo ba vòng của các hoa hậu, để nhắm mắt bầu một cô bé mông lép, ngực lép vào hàng ngũ các Top Model, tôi cũng vẫn cứ bảo lưu ý kiến của mình.

Bạch A Tú là con gái của Bạch Vạn Kiếm, cháu nội của Bạch Tự Tại, chưởng môn phái Tuyết Sơn. Năm 12 tuổi, cô bị một thằng mặt trắng là Thạch Trung Ngọc cởi hết áo quần, cột tay chân toan dở trò đồi bại nhưng rồi được tác giả Kim Dung cứu vớt, cho người đuổi đánh kẻ đồi bại chạy trốn. Ấy thế mà A Tú giàu lòng tự trọng đã gieo mình xuống vực sâu của núi Tuyết Sơn để rửa nhục cho mình. Nội một hành động đó cũng đủ chứng tỏ cô cương liệt và vượt xa những người phụ nữ khác.

Khi mọi người bắt được Thạch Phá Thiên mà cứ yên chí đấy là tên phản đồ, tên dâm tặc Thạch Trung Ngọc thì chỉ có đôi mắt thơ ngây của Bạch A Tú mới nhìn ra được: "Vị đại ca này không phải là tên dâm tặc ấy". A Tú đã có cái nhìn thơ ngây, đạt đến tận cùng bản chất của sự vật, cái trực giác tuyệt đối đúng mà những người lớn, đến cả Mẫn Nhu - mẹ đẻ Thạch Phá Thiên - cũng không có được.

Tuy chỉ 15, 16 tuổi nhưng cô đã tự khẳng định mình là một nhân vật trí tuệ tuyệt vời, biết nhìn xa trông rộng. Thấy bà nội mình dạy cho Sử Ức Đao (tên mới đặt của Thạch Phá Thiên) học Kim Ô đao pháp, Bạch A Tú đã trầm ngâm suy nghĩ. Thử hỏi cha cô là Bạch Vạn Kiếm (đánh ra chục ngàn thế kiếm) làm sao chống chọi nổi với anh bạn Sử Ức Đao (sử dụng một trăm nghìn thế đao). Phái của nhà cô là phái Tuyết Sơn (núi tuyết) mà đánh nhau với phái Kim Ô (mặt trời) thì chỉ có tan tành vì mặt trời lên toả sức nóng thì núi tuyết phải chảy tan thành nước. Hơn nữa, đao pháp của anh bạn nhỏ Thạch Phá Thiên toàn là những chiêu thức khắc tinh của kiếm pháp phái Tuyết Sơn của cha và ông cô. Chính vì nhìn ra những điều ấy mà Bạch A Tú đã xin anh bạn nhỏ ngày sau dung tha cho ông nội và cha của mình và dạy cho anh bạn nhỏ chiêu Bàng xao trắc kích: chém bên trái một đao, bên phải một đao, trên một đao, dưới một đao rồi ghìm đao đứng lại khen ngợi

địch thủ một câu rồi đề nghị địch thủ bãi chiến để bảo toàn danh dự cho địch thủ. Thạch Phá Thiên làm đúng như "giáo khoa" của cô bạn gái; anh thắng tất cả mọi người nhưng những địch thủ của anh vẫn mang ơn anh về thái độ rộng lượng, tâm hồn nhân ái.

Mười sáu tuổi, A Tú tiễn Thạch Phá Thiên và ông mình ra biển để nghiên cứu pho võ công Hiệp khách hành. Cô ước hẹn với chàng trai: nếu anh không trở lại, cô sẽ gieo mình xuống biển sâu. Và như trong một kịch bản hoàn chỉnh nhất của tiểu thuyết phương Đông, Thạch Phá Thiên đã trở lại, kịp thời cứu cô bạn của mình từ trên cao rơi xuống lòng biển cả. Tình yêu của họ đi về đâu tác giả không nói đến nữa. Ông để cho chúng ta tưởng tượng... Tôi tưởng tượng ra chuyện họ cưới nhau; Kim Ô cùng Tuyết Sơn vẫn tồn tại, chẳng ai phải sử ức đao và cũng chẳng ai phải bạch vạn kiếm. Chính A Tú là biểu tượng của khát vọng hoá giải hận thù, nghi kị, phân biệt. Cô xứng đáng được ngồi và hàng ghế danh dự của đệ thập đại mỹ nhân.

Bạn đọc có thể bất bình với tôi, có thể nghi ngờ tôi ăn hối lộ của mười nhân vật trên đây, gạt những cô gái thông minh lanh lẹn sắc nước hương trời khác như Hoàng Dung, Mục Niệm Từ (Xạ điêu anh hùng truyện); Mộc Uyển Thanh (Thiên Long bát bộ); ĐInh Đang (Hiệp khách hành); Chu Chỉ Nhược (Ỷ thiên Đồ long ký) hoặc Nhạc Linh San (Tiếu ngạo giang hồ) ra khỏi danh sách Top Ten võ hiệp Kim Dung. Tôi xin nói rõ: tôi rất ghét sự ma lanh, ghét cái cơ tâm, ghét sự thay đổi và ghét những ai thiếu niềm tin, dù họ thông minh, tài giỏi, tươi đẹp.
Trong mười đại mỹ nhân của tôi bình bầu, có một trường hợp bị cưỡng hiếp đến nỗi mất trinh, một người bị cưỡng hiếp không thành có thể khiến cho các nhà đạo đức chau mày khi nghĩ đến câu: *"Trinh tiết là tiêu chuẩn đầu tiên của cái đẹp"*.

Tám người còn lại, ai cũng từng bị thương chút ít, thân thể có chỗ tì vết, thậm chí có người bị sẹo to, da dẻ không được mịn màng như các đại mỹ nhân ngày nay. Họ cũng chẳng phải là những người ngực cao, mông tròn, biết dùng son phấn, nước hoa để làm siêu lòng khách mày râu ham của lạ. Trong mười đại mỹ nhân, tôi chưa được nắm tay, ôm eo cô nào theo cái kiểu mà ban giám khảo ngày nay vẫn làm. Nói chung, tôi bình bầu khá mạnh dạn, khách quan, không ăn hối lộ để đưa ai lên, đẩy ai xuống. Có hai trường hợp là Di Địch: một chánh cống Mông Cổ; một lai Ba Tư. Có một trường hợp là Tiên Ty, nhưng xét ra Tiên Ty cũng thuộc giống nòi Trung Hoa nên tôi xếp vào vùng sâu, vùng xa để gọi là chiếu cố. Họ là những Top Ten sống giữa một đời bình dị, không bao giờ biết đến chuyện kinh doanh nhan sắc. Ấy những mỹ nhân đích thực trên đời như thế đó.

Chân dung Nhạc Bất Quần

Nhạc Bất Quần là một nhân vật lớn trong bộ tiểu thuyết Tiếu ngạo giang hồ của nhà văn Kim Dung. Nguyên Trung Hoa có năm ngọn núi (ngũ nhạc) nổi tiếng: Tung Sơn, Thái Sơn, Hằng Sơn, Hành Sơn và Hoa Sơn, mỗi ngọn núi có một kiếm phái. Nhạc Bất

Quần là chưởng môn nhân phái Hoa Sơn, có ngoại hiệu là Quân tử kiếm.

Về ngoại hình, Quân tử kiếm Nhạc Bất Quần là một "thư sinh có năm chòm râu dài, mặt đẹp như mặt ngọc, chính khí hiên ngang khiến người phải đem lòng ngưỡng mộ". Con người ấy đã trên sáu mươi tuổi nhưng nhờ tu luyện nội công nên nhìn qua, chỉ mới như cỡ bốn mươi. Ngoại hiệu của y là Quân tử kiếm cho nên không bao giờ đánh lén, đánh sau lưng người khác, ăn nói mực thước, không bao giờ lên tiếng tranh biện với ai. Ngược với cái tên Nhạc Bất Quần (không chơi với ai), y kết giao với rất nhiều bạn hào sĩ giang hồ chính phái.

Về tài năng, con người ấy là sư tôn một danh môn, có môn Tử hà công thâm hậu, sáng lập ra một Hoa Sơn kiếm pháp lấy nội công làm căn cơ, học và thấm nhuần những tư tưởng của người quân tử trong triết học đạo Nho, trở thành biểu tượng đẹp đẽ của chính phái, ghét tà phái và bọn tàn ác như kẻ cừu thù. Mỗi khi Nhạc Bất Quần xuất hiện trong phần đầu của Tiếu ngạo giang hồ, Kim Dung thường dùng hai chữ "tiên sinh" để ca ngợi Nhạc Bất Quần.

Thế nhưng, toàn bộ những hào quang trên đây chỉ là những điều trá nguỵ, giả tạo. Từng bước, từng bước một, Kim Dung đã lột mặt nạ của Quân tử kiếm Nhạc Bất Quần, chỉ ra cho chúng ta thấy tính cách tàn bạo, thủ đoạn độc ác, âm mưu thâm hiểm của nhân vật này. Kim Dung xây dựng y như một hình mẫu "ngụy quân tử", loại người nguy hiểm và khó đối phó hơn cả "chân tiểu nhân". Tôi đã đọc 12 bộ tiểu thuyết của Kim Dung và thật sự kinh sợ nhân vậy nguỵ - Quân tử kiếm Nhạc Bất Quần. Những âm mưu, thủ đoạn của Nhạc Bất Quần vượt xa những tư duy thông minh của những cái đầu thông tuệ nhất.

Nắm được nguồn tin phái Thanh Thành của Dư Thương Hải sắp tấn công Phước Oai tiêu cục ở Phúc Châu, Nhạc Bất Quần lẳng lặng cho nhị đệ tử Lao Đức Nặc dẫn con gái mình là Nhạc Linh San xuống Phúc Châu mở một quán rượu để theo dõi tình hình. Biết nhị đệ tử Lao Đức Nặc là đệ tử của Tả Lãnh Thiền chưởng môn phái Tung Sơn, vào "nằm vùng" trong nội bộ phái Hoa Sơn của mình, Nhạc Bất Quần vẫn làm ngơ như chẳng biết, lại còn giả vờ tin tưởng Lao Đức Nặc, giao cho hắn những nhiệm vụ khác. Đợi cho phái Thanh Thành tàn sát hết Phước Oai tiêu cục, bắt ông bà Lâm Chấn Nam đưa về núi Hành Sơn để tra hỏi cho ra bộ Tịch tà kiếm phổ của dòng họ Lâm, Nhạc Bất Quần âm thầm theo dõi. Nguyên Nhạc Bất Quần có một đại đệ tử tính tình rất phóng khoáng tên là Lệnh Hồ Xung. Lệnh Hồ Xung vì cứu nàng Nghi Lâm - một nữ ni cô thuộc phái Hằng Sơn nên phải kết giao với một tay thanh danh tàn tạ là Điền Bá Quang. Trong một dịp tình cờ, Lệnh Hồ Xung được nghe hai vị Lưu Chính Phong của phái Hành Sơn (chính phái) tấu nhạc cùng một người bạn là Khúc Dương trưởng lão của Ma giáo. Trước khi họ chết, họ đã tặng cho Lệnh Hồ Xung bộ cầm phổ và tiêu phổ Tiếu ngạo giang hồ. Lệnh Hồ Xung lại gặp và nhận lời di chúc của ông bà Lâm Chấn Nam trước khi chết: "Xin Lệnh Hồ Xung hiền điệt báo cho con ta hay dưới hầm một căn nhà cũ trong ngõ Hướng Dương có vật gì

thì đó là vật tổ truyền của nhà họ Lâm, cần phải giữ gìn cho cẩn thận. Tằng tổ y là Viễn Đồ Công có để lại lời giáo huấn hết thảy con cháu bất luận là ai cũng không được mở coi mà sinh tai hoạ ghê gớm". Vật đó chính là Tịch tà kiếm phổ, một kiếm phổ ác độc của dòng họ Lâm!

Lâm Bình Chi, con trai của ông bà Lâm Chấn Nam, đi từ Phúc Châu lên Hành Sơn tìm kiếm cha mẹ. Đợi cho Lâm Bình Chi lâm nguy, Nhạc Bất Quần mới ra tay giải cứu, và nhận gã làm đệ tử của phái Hoa Sơn. Nhân danh luật lệ của phái Hoa Sơn, Nhạc Bất Quần còn ra lệnh biệt giam đại để tử Lệnh Hồ Xung trên ngọn Ngọc Nữ phong. Ở đó, Lệnh Hồ Xung học được Hoa Sơn kiếm pháp với thái sư thúc tổ Phong Thanh Dương và học được đường Độc Cô cửu kiếm oai trấn giang hồ. Loại kiếm pháp này đi ngược lại kiếm pháp của Nhạc Bất Quần: lấy kiếm thế như nước chảy mây trôi làm căn cơ (kiếm tông) trong khi Nhạc Bất Quần lấy nội công làm căn cơ (khí tông).

Biết được điều ấy, Nhạc Bất Quần vu cáo Lệnh Hồ Xung đã lấy được Tịch tà kiếm phổ, sai Lao Đức Nặc giám sát gã và sau đó ra thông báo đuổi gã ra khỏi phái Hoa Sơn vì tội "kết giao với Ma giáo" (Điền Bá Quang). Sự thật là Nhạc Bất Quần đã cướp đoạt tấm cà sa có chép Tịch tà kiếm phổ của họ Lâm. Lão nuôi tham vọng lên ngôi Minh chủ Ngũ Nhạc kiếm phái để từ đó lập ra Ngũ Nhạc phái (bỏ chữ kiếm) và sử dụng Lệnh Hồ Xung như một con cờ thí để đánh lạc hướng của các địch thủ khác. Biết Tả Lãnh Thiền, chưởng môn phái Tung Sơn, cũng có tham vọng như mình, đưa Lao Đức Nặc vào nằm vùng trong phái Hoa Sơn, nên lão đã chép bản kiếm phổ giả, tạo điều kiện cho Lao Đức Nặc đánh cắp về cho Tả Lãnh Thiền luyện chơi.

Kiếm phổ giả và kiếm phổ thật khác nhau ở chỗ nào? Đó là một câu ghi trên kiếm phổ: "Võ lâm xưng hùng. Dẫn đao tự cung" (Muốn xưng hùng võ lâm, phải biết lấy đao tự thiến). Đúng như lời Lâm Chấn Nam di chúc: "Bất luận là ai cũng không được cởi mở ra coi mà sinh tai hoạ ghê gớm". Lâm Viễn Đồ (tức Viễn Đồ Công) ông nội của Lâm Chấn Nam, có con rồi mới luyện Tịch tà kiếm phổ. Khi dặn Lệnh Hồ Xung nói lại với Lâm Bình Chi câu ấy, ông Lâm Chấn Nam chỉ lo con trai mình nóng lòng trả thù cho cha mẹ, phải "dẫn đao tự cung" thì dòng họ Lâm phải tuyệt tự. Nhạc Bất Quần chép "tặng" Tả Lãnh Thiền cả bộ kiếm phổ, chỉ không chép câu "Dẫn đao tự cung" cho nên kiếm phổ của Tả Lãnh Thiền luyện là giả! Riêng Nhạc Bất Quần có kiếm phổ là lão "dẫn dao tự cung" mặc dù lão chỉ có Nhạc Linh San là con gái duy nhất. Mà với nhà nho ngày trước "Bất hiếu hữu tam,vô hậu vi đại" (bất hiếu có ba điều, trong đó không có con trai nối dõi là điều bất hiếu lớn nhất). Biết là như thế nhưng tham vọng của Nhạc Bất Quần lớn quá, lão quyết tự làm cho mình tuyệt tự.

Lệnh Hồ Xung lưu lạc giang hồ, kết bạn với một cô gái cực kỳ xinh đẹp. Cô gái ấy là Nhậm Doanh Doanh, con gái của Nhậm Ngã Hành, giáo chủ Triêu dương thần giáo (tức Ma giáo). Anh bị trọng thương mất hết công lực; Doanh Doanh phải cõng anh lên chùa

Thiếu Lâm chịu để cho các nhà sư cầm tù mình để các nhà sư cứu mạng Lệnh Hồ Xung. Lệnh Hồ Xung được khỏi bệnh. Khi hiểu ra mối thâm tình của Doanh Doanh, anh quyết cùng bọn hào sĩ giang hồ tiến lên chùa Thiếu Lâm đòi thả Doanh Doanh ra.

Trong buổi gặp gỡ tại chùa Thiếu Lâm, lần đầu tiên trong đời, Lệnh Hồ Xung rút kiếm ra đấu với sư phụ. Độc Cô cửu kiếm của anh hơn hẳn Hoa Sơn kiếm pháp của Nhạc Bất Quần. Nhạc Bất Quần sử đi sử lại ba chiêu Lãng tử hồi đầu (chàng lãng tử quay đầu lại), Thương tùng nghênh khách (những cây tùng xanh đón khách) và Tiêu Sử thừa long (Tiêu Sử cưỡi rồng mà bay). Ý của Nhạc Bất Quần đã rõ: lão khuyên Lệnh Hồ Xung nên trở về phái Hoa Sơn và lão sẽ gả Nhạc Linh San cho Lệnh Hồ Xung để Lệnh Hồ Xung có thể ung dung khoái hoạt như Tiêu Sử cưỡi rồng mà bay. Lệnh Hồ Xung nào không hiểu ý sư phụ. Nhưng anh dứt khoát phải cứu mạng Nhậm Doanh Doanh. Và đây cũng là lần đẩu tiên trong đời, kiếm pháp do Phong Thanh Dương phe Kiếm tông truyền thụ thắng lợi trước kiếm pháp phe Khí tông của Nhạc Bất Quần. Nhạc Bất Quần giận lắm, lão đá Lệnh Hồ Xung một cước và cái đá khiến lão gãy xương cẳng chân.

Thực ra, chuyện gãy chân chỉ là một màn kịch tuyệt khéo mà chỉ có Nhạc Bất Quần mới nghĩ ra được. Lúc bấy giờ, lão đang đấu trước mặt Tả Lãnh Thiền, kẻ thù chính sau này của lão. Lão chưa tiện giở Tịch tà kiếm pháp ăn cắp của họ Lâm ra mà chỉ dùng Hoa Sơn kiếm pháp. Khi Hoa Sơn kiếm pháp bị Lệnh Hồ Xung đánh bại, lão nổi nóng đá Lệnh Hồ Xung nhưng công lực của Lệnh Hồ Xung chưa đủ để khiến chân lão phải gãy. Chuyện gãy chân đó là do lão tự vận công mà làm gãy để cho Tả Lãnh Thiền phải mất cảnh giác, cho rằng công lực của lão không đáng kể. Quả nhiên, Tả Lãnh Thiền đã rơi vào bẫy khổ nhục kế của Nhạc Bất Quần.

Vâng, mọi âm mưu thủ đoạn của Nhạc Bất Quần đều được tiến hành rất khéo, dưới một bộ mặt nhân danh người quân tử, khiến mọi người hiểu lầm. Nhưng duy nhất có một người hiểu rõ mưu đồ của lão. Người đó là bà Ninh Trung Tắc, vợ của Nhạc Bất Quần. Hơn ai hết, bà biết chồng đã "dẫn đao tự cung" để luyện Tịch tà kiếm phổ vì từ khi luyện kiếm phổ, lão không hề chăn gối với bà! Nguy hiểm hơn, bà khám phá ra tâm tình lão đang biến đổi, trở thành người ái nam ái nữ, độc ác, thủ đoạn. Sáng nào, khi rũ chăn, bà cũng thấy những sợi râu của chồng rụng, và tiếng nói của lão ngày càng trở nên eo éo, do sự biến đổi phái tính. Bà khuyên lão đừng vu cáo Lệnh Hồ Xung nữa, từ bỏ giấc mộng làm minh chủ Ngũ nhạc phái và vứt bỏ tấm áo cà sa có chép Tịch tà kiếm phổ của dòng họ Lâm. Giả vờ nghe lời vợ, Nhạc Bất Quần vứt tấm áo cà sa xuống thung lũng núi Hoa Sơn.

Nhưng tấm áo cà sa đó đã không mất. Có một người đã nhặt được tấm áo đó sau nhiều năm rình rập ở căn phòng của Nhạc Bất Quần. Người đó là Lâm Bình Chi, con của ông bà Lâm Chấn Nam. Bình Chi đã nghi sư phụ đoạt được tấm áo cà sa của nhà mình và đã luyện được Tịch tà kiếm pháp của nhà mình. Hắn âm thầm theo dõi thầy và chụp được

tấm áo cà sa bị vứt bỏ. Thế là quên mất lời dặn dò của cha, hắn vội vã "dẫn đao tự cung" ngay khi mới mười chín tuổi để luyện Tịch tà kiếm phổ!

Một ngày nhìn ra hẻm núi, Nhạc Bất Quần không còn thấy tấm áo cà sa nữa. Lão biết có một ai đó đã lấy được kiếm phổ và "ai đó" chính là Lâm Bình Chi. Lão đánh tiếp một bước cờ thật cao: gả Nhạc Linh San, con gái yêu của lão cho Lâm Bình Chi. Vài đêm sau, lão dò hỏi Nhạc Linh San, hỏi con gái có "hạnh phúc" không. Nhạc Linh San nói dối lão rằng cô rất hạnh phúc. Thực ra từ khi "dẫn đao tự cung", Lâm Bình Chi đã trở thành một tay thái giám thì còn làm ăn gì được. Đêm nào hắn cũng ngủ riêng và thù ghét Nhạc Linh San ra mặt.Chính câu nói dối của Nhạc Linh San đã cứu mạng gã Lâm Bình Chi. Nếu cô nói rằng sau sau ngày cưới, Lâm Bình Chi chưa hề làm chồng cô đêm nào thì Nhạc Bất Quần sẽ biết ngay là Lâm Bình Chi đã luyện Tịch tà kiếm phổ và đã giết Lâm Bình Chi rồi.

Bộ mặt thật của Nhạc Bất Quần chỉ hiện ra trong lần đại hội Ngũ nhạc kiếm phái trên ngọn Tung Sơn. Lão đã sử dụng Tịch tà kiếm pháp thứ thiệt đánh với Tịch tà kiếm pháp giả mạo của Tả Lãnh Thiền, đâm mù được đôi mắt Tả Lãnh Thiền bằng những ngón tay dịu dàng như thủ pháp một cô gái đang dùng kim thêu. Lão lên ngôi minh chủ Ngũ nhạc phái, đúng như dự kiến ban đầu. Bấy giờ, Lệnh Hồ Xung đã trở thành chưởng môn phái Hằng Sơn; lại được lão o bế, vỗ về khác xa với ngày đuổi Lệnh Hồ Xung ra khỏi môn phái. Bằng cái nhãn giới của người nhạy cảm, Doanh Doanh đã nói nhỏ vào tai tình lang Lệnh Hồ Xung ba tiếng nhận xét về Nhạc Bất Quần: "Nguỵ quân tử". Và chỉ đến lúc ấy Lệnh Hồ Xung mới cảm thấy cụm từ trên thật phù hợp với con người mà anh đã từng yêu mến, kính ngưỡng bấy lâu nay.

Mọi chuyện về cuộc đời Nhạc Bất Quần kết thúc đúng như tinh thần chung của tiểu thuyết phương Đông: kẻ gieo gió phải gặt bão. Quân tử kiếm Nhạc Bất Quần trở thành một kẻ mất hết nhân tính, bỏ vợ, bỏ con, xa lánh học trò, rượt đuổi theo giấc mơ trở thành minh chủ võ lâm Trung Hoa. Nhưng than ôi, Tịch tà kiếm pháp của hắn không thể thắng được Độc Cô cửu kiếm mà Phong Thanh Dương đã truyền thụ cho Lệnh Hồ Xung. Để trừ hậu hoạ cho tình lang, Nhậm Doanh Doanh bóp mũi Nhạc Bất Quần, buộc lão phải há miệng uống một viên Tam thi não thần đan, thứ thuốc độc dùng để khống chế kẻ khác của Triêu Dương thần giáo. Cuối cùng lão bị tiểu ni cô Nghi Lâm đâm một kiếm qua đời. Còn Lâm Bình Chi, một kẻ tiểu nguỵ quân tử, phong cách ung dung nho nhã đúng y khuôn Nhạc Bất Quần sư phụ? Hắn cũng nổi điên, giết vợ là Nhạc Linh San. Đôi mắt bị đui mù, hắn theo Lao Đức Nặc về với Tả Lãnh Thiền. Giấc mơ Tịch tà kiếm phổ tàn lụi và thay vào đó là tiếng đàn sáo hài hoà trung chính của bộ cầm phổ-tiêu phổ Tiếu nhạo giang hồ trỗi lên.

Năm 1996, trả lời câu hỏi của nhà báo Lê Văn Nghĩa trên tạp chí Kiến thức ngày nay, nhà báo Trần Bạch Đằng phát biểu, đại ý: nếu trên một hòn đảo cô độc, ông sẽ đem theo

bộ Tiếu ngạo giang hồ để làm bạn vì ông rất ghét Nhạc Bất Quần và yêu Lệnh Hồ Xung. Suy nghĩ của ông Trần Bạch Đằng cũng là suy nghĩ của thế hệ độc giả đọc Tiếu ngạo giang hồ. Nhưng than ôi, giữa cuộc sống của chúng ta, những tay "Quân tử kiếm" cỡ Nhạc Bất Quần còn khá bộn!

Lam Phượng Hoàng

Lam Phượng Hoàng là một “nữ bác sĩ” được xây dựng trong Tiếu ngạo giang hồ của nhà văn Kim Dung. Cô vốn là người thuộc dân tộc vùng Miêu Cương, vùng Vân Nam lãnh thổ Trung Quốc, giáo chủ của Ngũ độc giáo. Nghe tiếng chàng trai Lệnh Hồ Xung đã trở thành tình nhân của Thánh cô Nhậm Doanh Doanh, Lam Phượng Hoàng dẫn một bọn nữ đệ tử, vượt dòng Hoàng Hà tìm Lệnh Hồ Xung.
Gặp nhau trên Hoàng Hà, Lam Phượng Hoàng chẩn bệnh cho Hồ Xung ngay và biết chàng này mất rất nhiều máu, lại bị mất hết công lực do bị nội thương trầm trọng. Viên “nữ bác sĩ” hoang dã này đã thực hiện phép truyền máu cho Lệnh Hồ Xung: kêu bọn nữ đệ tử đến, vén váy đặt đỉa vào cho đỉa hút máu rồi lấy dụng cụ gắp từng con đỉa ấy vào tĩnh mạch Lệnh Hồ Xung, thoa một chút thuốc vàng vàng vào thân đỉa để đỉa nhả máu ra. Quả nhiên sau khi được tiếp máu, sắc mặt Lệnh Hồ Xung hồng hào hẳn lên.

Tác giả Kim Dung đã mô tả hình dạng viên “nữ bác sĩ” này khá đẹp, mặc chiếc áo màu lam có in hoa hồng trắng sắc sỡ, nụ cười quyến rũ và tiếng nói thanh thót khiến ai nghe qua cũng phải rung động. Cô gọi Lệnh Hồ Xung mà những nam đệ tử khác của phái Hoa Sơn cứ ngỡ cô gọi mình; tim họ đập thình thịch trong lồng ngực! Cho đến khi nhìn thấy mấy cặp đùi trắng đẹp của bầy tiên nữ Ngũ độc giáo thì cả bọn hả họng, líu lưỡi.

Tác giả cũng nhấn mạnh người Miêu Cương không như Trung Nguyên, muốn làm gì thì làm, muốn nói gì thì nói, không phải e dè, che dấu. Sau khi truyền máu, Lam Phượng Hoàng mời Lệnh Hồ Xung uống rượu Ngũ tiên đại bổ. Ngũ tiên là năm loài trùng độc. Tất cả đều tự tay Lam Phượng Hoàng ngâm rượu, lại ướp bỏ vào đấy nhiều loại dược thảo nên rượu khá thơm tho. Lam Phượng Hoàng đem Ngũ tiên đại bổ mời Lệnh Hồ Xung uống trong khi cả phái Hoa Sơn đều từ chối. Và do vậy, dưới con mắt của Lam Phượng Hoàng, chỉ có chàng trai Lệnh Hồ Xung mới đáng là nam tử hán, là người bạn tốt.

Tuy không nói rõ ý định, nhưng tự thâm tâm, Lam Phượng Hoàng chỉ mong Lệnh Hồ Xung gọi mình là “hảo muội tử”. Lệnh Hồ Xung đã đọc trong đôi mắt cô niềm ao ước đó. Anh cất tiếng gọi cô là “hảo muội tử” làm cô sướng mê đi bởi với người Trung Nguyên, “hảo muội tử” chỉ là em gái, nhưng đối với người Miêu Cương thì đó là tiếng gọi tình nhân!

Lam Phượng Hoàng ra đi, cả phái Hoa Sơn nôn mửa thốc tháo, trừ chàng Lệnh Hồ Xung. Lênh Hồ Xung đã uống Ngũ tiên đại bổ của cô, không trúng độc, còn những người

không uống thì bị trúng độc. Chẳng hiểu cô đã phóng độc trong trường hợp nào. Thật chẳng hổ danh Ngũ độc giáo!

Sau này khi lên gò Ngũ Bá Cương bắt mạch cho Lệnh Hồ Xung, đại phu Bình Nhứt Chỉ khám phá ra trong người của chàng lại dư khí âm hàn do được truyền máu và uống rượu của Ngũ độc giáo. Bình Nhứt Chỉ đã mạt sát Lam Phượng Hoàng, gọi Lam Phượng Hoàng là lang băm và cho rằng trên đời này, người ta chết vì lang băm nhiều hơn là chết vì bệnh tật. Quan điểm của Bình Nhứt Chỉ thật ra cũng chính là quan điểm của tác giả Kim Dung. Ông quan niệm y học, y thuật và y đạo là những cái mà không phi ai cũng làm được Những người coi thường tính mạng con người chữa bệnh theo kiểu thầy bói mù sờ voi thì chỉ có thể là những kẻ hại người, không thể khoác tấm áo cao quý của người thầy thuốc chân chính. Lời cảnh giác đó rất cần thiết cho mọi xã hội, mọi thời đại, kể cả xã hội và thời đại chúng ta đang sống.

"Nữ bác sĩ" Lam Phượng Hoàng thật ra chỉ chữa bệnh cho Lệnh Hồ Xung theo phương pháp ngẫu hứng. Trong lòng cô mong được giáp mặt chàng trai đa tình ấy, được chàng gọi ba tiếng "hảo muội tử", được hôn chàng một lần trước mặt Nhạc Bất Quần và bọn đệ tử phái Hoa Sơn trên con thuyền giữa Hoàng Hà đã đủ để nổi tiếng với đời. Cô vốn là cô gái Miêu Cương tò mò. Thế thôi. Cô biết Lệnh Hồ Xung đâu đến được với cô, bởi chàng là người tình của Doanh Doanh, mà Doanh Doanh lại là Thánh cô của cô. Trong cách dùng thuốc của Lam Phượng Hoàng lấp lánh một chút tình yêu đầu đời lãng mạn. Tiếp theo, rượu bổ chỉ là cái cớ. Cái chính là được gặp, được nhìn, được nói chuyện, được hôn Lệnh Hồ Xung. Ai nói thầy thuốc trên đời này không biết yêu và không biết vượt qua ngàn trùng đến hội ngộ với người mình thầm yêu trộm nhớ? Lam Phượng Hoàng là một "nữ bác sĩ" sống rất tình người, rất chân thật, xứng đáng là một thầy thuốc có được hai trái tim(?)

Đại phu Bình Nhứt Chỉ

Bình Nhứt Chỉ là một nhân vật quái dị, xuất hiện ba lần, cộng khoảng 15 trang trong bộ Tiếu ngạo giang hồ của nhà văn Kim Dung, nhưng người thầy thuốc này lại để lại trong tôi những ấn tượng sâu đậm.

Kim Dung ca ngợi nhân vật của mình là Đại phu – tước hiệu một chức quan có từ thời Xuân thu – Chiến quốc. Tên của nhân vật này là Bình Nhứt Chỉ, ngoại hiệu của nhân vật là Sát nhân danh y. Tuy gọi là Nhứt Chỉ (1 ngón tay) nhưng sát nhân danh y Bình Nhứt Chỉ vẫn đầy đủ cả mười ngón tay. Cả cái tên và ngoại hiệu có ý phô trương tài nghệ của nhân vật: Bình Nhứt Chỉ cứu người hay giết người chỉ cần dùng đến một ngón tay là đủ. Nói cách khác, võ công và y thuật của người này đã đạt tới trình độ thông thần.

Bình Nhứt Chỉ là người thuộc phủ Khai Phong, lưu vực sông Hoàng Hà. Tướng mạo vị

danh y thật cổ quái: “Người lùn mập cao không tới bốn thước mà lưng lại rộng tới gần bốn thước. Cái đầu cực lớn, dưới hàm lại có túm râu như râu chuột”. Ngược lại với Bình Nhứt Chỉ, vợ của nhà danh y lại cao lêu ngêu, mặt dài như tấm thớt và trắng bệch, lông mày thưa rỉnh. Vợ của nhà danh y chính là y tá chuyên bưng mâm đựng dụng cụ mổ phục vụ cho nhà danh trong các ca đại phẫu.
Đúng như ngoại hiệu của mình, Bình Nhứt Chỉ cứu một người nào thì ông đồng thời ra lệnh cho người đó giết một người khác. Bình Nhứt Chỉ quan niệm rằng Diêm vương là một nhân vật sáng suốt, nếu cứ cứu cho người sống hết mà không để cho ai chết đi thì Diêm vương ắt phải rất bực mình vì không đủ “chỉ tiêu“. Cho nên Bình Nhứt Chỉ ra lệnh cho bệnh nhân của mình đi giết một người khác – thường là kẻ tàn ác – là một cách đảm bảo túc số cho Diêm vương. Nói như vậy nhưng trong suốt tác phẩm Tiếu ngạo giang hồ, Bình Nhứt Chỉ vẫn là một ông thầy thuốc hiền lành, chẳng ra lệnh cho ai giết ai cả.

Ca phẫu thuật mà ta bắt gặp trong tác phẩm là ca Bình Nhứt Chỉ mổ và nối lại tâm mạch cho Đào Thực Tiên trong nhóm Đào Cốc lục tiên. Đào Thực tiên bị Ninh Trung Tắc, vợ Nhạc Bất Quần, đâm cho một kiếm trí mạng, đứt cả tam âm lục mạch. Bình Nhứt Chỉ đã mổ ruột Đào Thực tiên, nối lại tâm mạch, chẳng những làm cho y khoẻ lại hoàn toàn mà còn đảm bảo cho y vẫn giữ được võ công và nội công như lúc chưa bị thương. Với sự trợ giúp của bà vợ, viên thầy thuốc có những ngón tay to như trái chuối này khâu vết thương cho bệnh nhân thuần thục như một cô gái sử kim thêu. Y thuật của Bình Nhứt Chỉ cao cường đến nỗi khâu xong vết thương, bệnh nhân đã có thể ngoác mồm ra mà cãi lộn được rồi.

Thế nhưng có một ca mà Bình Nhứt Chỉ không thể chữa được. Đó là ca bệnh của Lệnh Hồ Xung. Biết Lệnh Hồ Xung là người tình của Thánh cô Nhậm Doanh Doanh, bọn hào sĩ hắc đạo hiếu sự mời Bình Nhứt Chỉ đến thăm mạch cho chàng. Trên con thuyền đậu ở bến Khai Phong, Bình Nhứt Chỉ dùng đủ mười ngón tay để thăm mạch cho Lệnh Hồ Xung, nói trúng phóc trong con người chàng có bảy luồng chân khí dị chủng đang tranh đấu nhau và tâm hồn thì rất bạc nhược vì thất tình. Bình Nhứt Chỉ khuyên bệnh nhân mình cữ bốn món: không nghĩ đến gái, không đánh lộn, không cãi vã, không uống rượu. Theo Bình Nhứt Chỉ, đàn bà là một thứ gì đó vô vị nhất trên đời! Có lẽ khi lão phát biểu điều ấy, lão nghĩ đến vợ mình!

Bình Nhứt Chỉ tạm xa Lệnh Hồ Xung để mời bảy tay đại cao thủ tham gia hoá giải bảy luồng chân khí, kết hợp với y thuật của Bình Nhứt Chỉ, khả dĩ làm Lệnh Hồ Xung lành mạnh như xưa. Thế nhưng Lệnh Hồ Xung bị Nhạc Linh San phụ bạc, hàng ngày phải chứng kiến cái cảnh Nhạc Linh San âu yếm với Lâm Bình Chi; lại bị Tổ Thiên Thu dẫn dụ uống tám viên Tục mệnh bát hoàn gồm những dược liệu linh chi, nhân sâm, hà thủ ô… chỉ dành cho con gái uống; lại được Lam Phượng Hoàng mời uống rượu Ngũ tiên đại bổ của Ngũ độc giáo Vân Nam…

Gặp nhau lần thứ hai trên gò Ngũ Bá Cương, Bình Nhứt Chỉ đã phóng cước đá bay những tên lang băm được mời về thăm bệnh cho Lệnh Hồ Xung. Bắt mạch Lệnh Hồ Xung, Bình Nhứt Chỉ khám phá ra tâm thần bệnh nhân hoàn toàn bạc nhược, lại dư khí âm hàn do uống lộn thuốc của phụ nữ, chẳng khác nào sông Dương Tử, sông Hoàng Hà đã đầy nước, lại khơi thêm cho nước hồ Động Đình, hồ Bàn Dương chảy vào để biến thành ngập lụt. Bình Nhứt Chỉ cũng báo tin cho Giang Phi Hồng, một cao thủ được mời chữa bệnh nội thương cho Lệnh Hồ Xung đã vung kiếm tự tử vì nghe tin Lam Phượng Hoàng – người mà y theo đuổi bấy lâu nay - đã mời rượu và ôm hôn Lệnh Hồ Xung. Viên thầy thuốc này thú nhận là không thể chữa trị cho Lênh Hồ Xung được nữa. Ứng dụng nguyên tắc cứu một người thì phải giết một người, nay cứu Lệnh Hồ Xung không được, Bình Nhứt Chỉ phải tự giết mình. Viên thầy thuốc này đã vận đứt kinh mạch mà chết.

Bình Nhứt Chỉ là con người huyền thoại trong những con người huyền thoại được xây dựng trong truyện võ hiệp của Kim Dung. Tác giả làm cho ta ngạc nhiên về y thuật, y đạo và lương tâm thầy thuốc của nhân vật này. Chỉ trong một khắc suy nghĩ về bệnh tình của Lệnh Hồ Xung mà mái tóc của Đại phu đã bạc màu, da mặt nhăn nheo như già đi mấy chục tuổi. Cái chết của Bình Nhứt Chỉ thật sự là một cách nhận lấy trách nhiệm của người thầy thuốc có tấm lòng đối với cuộc sống, thể hiện phong cách của nhà nho, của kẻ sĩ trong triết lý Trung Hoa.

Từ AQ tới Vi Tiểu Bảo

AQ xuất hiện tháng 12.1921 trong truyện ngắn AQ chính truyện của Lỗ Tấn. Tác giả Lỗ Tấn không nói rõ AQ sinh ngày nào nhưng dường như khi chết đi, AQ đã là một người thành niên ở độ tuổi trên 30. Hoạ sĩ Nhật Bản Khuất Vĩ Vi vẽ lại di tượng AQ, minh hoạ cho tác phẩm của Lỗ Tấn, rất ngộ ngĩnh: trán hói, đầu lơ thơ mấy sợi tóc, miệng rộng, khuôn mặt hơi xương xương, mặc chiếc áo có hai mảnh và vụng về, ngang bụng thắt một sợi dây lưng lớn.

Vi Tiểu Bảo trong Lộc Đỉnh ký của Kim Dung sinh ra dưới triều vua Thuận Trị, nhà Thanh. Khi vua Khang Hy khoảng 14, 15 tuổi thì Vi Tiểu Bảo khoảng 12, 13. Như vậy có khả năng là Vi Tiểu Bảo sinh khoảng năm 1655, 1656 gì đó tại thành Dương Châu, dù tác giả Kim Dung, vốn cũng như nhà văn tiền bối Lỗ Tấn, không muốn nói rõ "hành trạng" nhân vật của mình. Cả hai có một lí lịch lờ mờ, không rõ ràng lắm.

Về mặt chủng tộc, AQ dứt khoát là người Trung Quốc. Cái tên của AQ viết ấm ớ vì hắn cũng không rõ hắn tên gì. Nếu hắn có được một người em hay một người anh thì hắn đã có thể là A Quý, nếu hắn sinh vào tháng 8 âm lịch thì có thể hắn là A Quế (cành quế trên cung trăng). Nhưng hắn không có em, chẳng có anh, không biết sinh vào ngày tháng năm nào cho nên Lỗ Tấn thận trọng không dùng tên A Quý hay A Quế, hoặc mô phỏng theo kiểu viết tiếng Anh, phiên âm thành A Quei đặt cho nhân vật mình mà chỉ gọi ấm ớ

là AQ. Chữ A "phi thường" đứng trước tên hắn xác định hắn là người Trung Quốc thứ thiệt vì tất cả các dân tộc khác trên thế giới đều không dùng chữ A đững trước tên người đàn ông phổ biến như ở Trung Quốc. Ngược lại, ta khó mà xác định nguồn gốc chủng tộc của Vi Tiểu Bảo. Bà Vi Xuân Phương, mẹ của Vi Tiểu Bảo, là gái làng chơi ở Dương Châu, năm 20 tuổi, tiếp khách đủ cả Hán, Mãn, Mông, Tạng, Hồi. Thuật chuyện cho con nghe, bà Vi Xuân Phương cũng không biết được cha thằng bé là ai, chỉ nhớ có một Đạt Ma Tây Tạng rất say mê bà, thường đến ăn nằm với bà. Bà cho rằng Vi Tiểu Bảo là một tác phẩm phối hợp của cả năm chủng tộc. Cái tên của Vi Tiểu Bảo cũng rất hay. Vi là cực nhỏ; Tiểu là nhỏ; Bảo là cái tốt đẹp. Cả họ và tên của Vi Tiểu Bảo có thể hiểu là cái tốt đẹp nhỏ xíu xìu xiu... Tiểu Bảo hơn AQ ở chỗ có một bà mẹ; ngoài ra cả hai chẳng có anh em, không bà con thân thích. Thôi thì dẫu là gốc Tây Tạng, Vi Tiểu Bảo cũng thuộc cộng đồng Trung Hoa, Cả AQ và Vi Tiểu Bảo là hai nhân vật ưu tú Trung Hoa trong văn học Trung Hoa vậy.

Điều ngộ nghĩnh nhất của hai nhân vật này là họ không biết chữ. Họ không được học hành bởi học trở thành một món xa xỉ phẩm đối với họ. Khá hơn AQ, Vi Tiểu Bảo nhận biết được chữ Tiểu trong tên của mình vì nó chỉ có ba nét nhưng bảo Vi Tiểu Bảo viết ra chữ ấy thì hắn chịu thua. Hắn cũng có thiện chí muốn học mấy chục chữ để làm quan nhưng nhìn đến chữ là đầu nhức mắt hoa, tinh thần lôn xộn. Khi ký vào bản cung nhận tội, AQ chỉ có thể khoanh một khoanh tròn và dù hắn có đem hết tâm lực ra, cái khoanh hắn vẽ vẫn méo xẹo. Lộc Đỉnh công Vi Tiểu Bảo ký hoà ước Hắc Long Giang với người Nga cũng thế. Hắn đã ráng hết sức để vẽ một cộng ở giữa, hai chấm tròn hai bên để gọi là chữ Tiểu nhưng chữ Tiểu ấy xem ra lại giống bộ phận sinh dục của đàn ông làm các quan nhà Thanh cười ồ, cho là chữ ký cổ quái. AQ thất học, mấy ngàn năm sống trong sự tăm tối, mê muội; Vi Tiểu Bảo thất học nhưng may mắn hơn, hắn đắc thủ được hai kinh nghiệm bằng vàng là thói lưu manh và tinh thần bợ đít từ kỹ viện và hoàng cung. Kết luận của nhà văn Kim Dung làm cho người đọc kinh ngạc: chỗ cao quý nhất là hoàng cung và chỗ đồi bại nhất là kỹ viện đều là hai nơi trá nguỵ bậc nhất, hai nơi đào tạo ra những nhà lưu manh học và "bợ đít đại vương" hạng siêu phàm. Khi viết ra được diều này, Kim Dung xứng đáng được phong danh hiệu trào phúng thượng hạng.

Cả AQ của Lỗ Tấn và Vi Tiểu Bảo của Kim Dung đều có chung một phép thắng lợi tinh thần vĩ đại. AQ từng quắc mắt mắng đối thủ: "Ông cha nhà tao bề thế hơn nhà mầy nhiều. Mày thì ra cái đồ gì". AQ cười, chê cả xóm Vị Trang đều là thứ ngu vì chẳng ai được lên tỉnh như hắn dù lên tỉnh chỉ để trộm cắp. Có khi hắn tự tát mình để được nghĩ rằng mình đang tát một người khác. Có khi hắn tự phong mình là bố của kẻ khác và kẻ đánh hắn là đồ ngu, đồ tồi vì là con đánh bố. Về hình thức, hắn đánh lộn luôn luôn thua người ta, bị nắm đuôi sam, bị đập đầu xưng trán nhưng về tinh thần thì hắn thắng lợi to vì là con đánh bố. Hắn tự nhận mình là sâu, là giun gián để kẻ đánh hắn chỉ đánh được con sâu, con giun. Hắn tự hào vì mình là kẻ biết khinh mình hạng nhất mà "hạng nhất" là đã hơn người rồi. Vi Tiểu Bảo cũng thế. Hắn cho trên đời này nghề làm điếm như má hắn ở

thành Dương Châu là một nghề lương thiện. Hắn muốn điếm hoá luôn những người hắn gặp: "Ta là tổ tiên nhà ngươi". Trên đời này, hắn là người duy nhất dám chửi Ngọc Lâm đại sư (nhà chân tu ở chùa Thanh Lương), Hối Thông phương trượng (trụ trì chùa Thiếu Lâm), Thuận Trị hoàng đế, thái hậu, công chúa. Hắn là người duy nhất dám đánh lộn với nhà vua, công chúa. Cao hứng, hắn nặn ra một lý lịch rất trâm anh thế phiệt: "Tổ phụ làm quan, bị quân Thanh kéo qua tàn sát, gia mẫu được một nhà quan ở Dương Châu nuôi dưỡng; hắn thuộc dòng dõi danh gia vọng tộc ở Dương Châu". Mười hai tuổi, hắn đã tự xưng là "lão gia", một từ mà người già đứng đắn nhất cũng chẳng dám tự xưng. Ai mạnh hắn sợ vãi … ra quần, ai yếu hắn khinh, đánh ai không lại hắn đem tiền nhờ kẻ khác đánh, ai mất cảnh giác hắn lợi dụng, hành hạ được ai đến nhà tan người chết hắn mới khoan khoái. Chủ nghĩa thắng lợi tinh thần của Vi Tiểu Bảo hơn AQ một bực, rộng hơn của AQ về phương pháp lập ngôn.

AQ và Vi Tiểu Bảo cùng có thói ham đánh bạc. AQ càng đánh càng thua, thậm chí có khi hắn thắng lớn nhưng bị trấn lột, mất cả vốn lẫn lời. Vi Tiểu Bảo ngược lại, đánh bạc là phải thắng vì hắn có nghề chơi... bạc lận. Thủ kình của hắn vi diệu đến nỗi muốn gieo con xúc xắc ngửa mặt nào là có ngay mặt đấy, tất nhiên với điều kiện con xúc xắc phải được đổ thủy ngân hay đổ chì. Cũng nhờ đánh bạc gài anh em thái giám Ôn Hữu Phương, Ôn Hữu Đạo mà hắn được gặp mặt vua Khang Hy, đâm giết được Ngao Bái để trở thành bậc "thiếu niên anh hùng" vang danh Trung Quốc! Mà hắn cho tất cả cuộc đời đều là canh bạc: từ sinh mạng của các dũng sĩ núi Vương Ốc đến chuyện đặt tên con là Hổ Đầu, Song Song; tất thảy đều được giải quyết với con xúc xắc.

AQ có một bài hát ruột: Tiểu cô nương thượng phần (Người thiếu nữ trẻ đi thăm mộ). Ngoài ra, hắn chỉ biết được vài câu hát vặt từ tuồng hát: "Tay ta cầm con roi sắt, ta đánh nhà ngươi" với một mong ước rất lãng mạn, rất mơ hồ là được "làm giặc". Vi Tiểu Bảo cũng chỉ có một bài hát ruột - bài Thập bát mô, một bài hát dâm đãng ở miệt Dương Châu diễn tả 18 chỗ lồi lõm của thân thể người phụ nữ. Hắn thuộc Thập bát mô từ nhỏ, đến năm 17 tuổi trở lại kĩ viện Dương Châu, hắn tóm được bảy người phụ nữ lên một cái giường rộng, buông mùng xuống và hát thoải mái: "Một ta sờ, hai ta sờ, ba ta sờ, sờ trúng cái đùi của thư thư"... Tất nhiên, về văn hoá, hắn cao hơn AQ rất nhiều: biết nghe kể chuyện sách trong Anh liệt truyện, thích coi hát các tuồng vui nhộn, thích nghe các thiên cố sự. Nhưng tựu trung, tuồng tích hay đờn ca, chuyện kể hay cố sự, cái gì có tính chất tục tĩu hắn mới khoan khoái.

Về tình yêu và tình dục, AQ của Lỗ Tấn cực kì nghèo nàn, lạc hậu. Có hai lần trong đời, AQ tiếp xúc với da thịt phụ nữ: một lần coi hát, hắn véo đùi được một người đàn bà, một lần bẹo má sư cô am Tĩnh Tu. Lần sau đem lại cho AQ một cảm giác nôn nao khó chịu đến nỗi tâm trí hắn vốn trong sáng như nước hồ thu, giờ cũng rôn rã hai tiếng "đàn bà", đưa hắn đến hành vi quỳ xuống trước mặt vú Ngô và nói: "Tôi muốn ngủ với mình". Chỉ một câu nói như thế mà hắn bị lão Triệu Bạch Nhãn cho gia đinh dần một trận, lại

còn bị phạt vạ đến mấy trăm quan. Lỗ Tấn khám phá ra nụ cười mà rằng đàn ông Trung Quốc vốn là ông thánh ông hiền nhưng họ bị đàn bà làm cho hư việc hết ráo. Khác với AQ, Vi Tiểu Bảo "yêu" sớm, quyết liệt và lai láng. Mười ba tuổi, hắn đã nắm bóp thân thể quận chúa Mộc Kiếm Bình, 15 tuổi, hắn đã ăn trái cấm với công chúa Kiến Ninh. Hắn chẳng biết tình yêu là gì; hắn chỉ có tình dục: có đến bảy bà vợ từ trinh nữ tới gái nạ dòng và một cô bồ người Nga, công chúa Tô Phi Á (Sophia). Hắn "làm việc" khá đến nỗi hai hoả thương thủ người Nga báo cáo lại là công chúa Tô Phi Á ngày đêm chỉ mong nhớ "Trung Quốc tiểu hài đại nhân" mà lãnh đạm với tất cả các vương tôn, công tử ở Mạc Tư Khoa. Có thể ở Lộc Đỉnh ký, Kim Dung đã thể hiện phép "thắng lợi tinh thần" của Hán tộc trên mặt trận tình dục. Vốn xưa, đời nhà Tần đã có một chàng Lao Ái, thái giám giả hiệu vang danh đến nỗi được Thái hậu Triệu Cơ cưng chiều thì nay Vi Tiểu Bảo - cũng là một thái giám giả hiệu được Tô Phi Á nhớ nhung, không chừng cũng là chuyện có thật.

Chủ nghĩa khinh khi phụ nữ mới chỉ thấp thoáng trong tư tưởng của AQ thì thật sự bộc phát trong con người Vi Tiểu Bảo. Từ quận chúa đến công chúa, hắn muốn đánh thì đánh, muốn mắng thì mắng. AQ chỉ mới dám khinh khi vợ của Tây giả cầy chứ Vi Tiểu Bảo đã từng thoá mạ công chúa là "con đượi non", từng lột trần truồng công chúa ra đánh đập nhừ tử rồi mới bảo: "Thế này thì lão gia muốn... bắt người làm vợ". Với Vi Tiểu Bảo, bất cứ một phụ nữ nào cũng chỉ ngang hàng với gái làng chơi trong Lệ Xuân viện thành Dương Châu.

Cả hai con người ấy đều là hai kẻ trộm cắp. AQ làm lụng không đủ ăn, phải bỏ xóm Vị Trang lên tỉnh tham gia một đường dây ăn trộm. Vi Tiểu Bảo thì trộm cắp, thậm chí là cướp giật ngay giữa ban ngày ban mặt. Hắn học được một bài giáo khoa về nghệ thuật làm quan do Sách Ngạch Đồ dạy: "Đừng nói nặng lắm, cũng đừng nói nhẹ lắm". Hắn đem bài giáo khoa ấy áp dụng với Ngô Tam Quế, Ngô Ứng Hùng, Thi Lang và kiếm được mấy trăm vạn lạng. Hắn được chia của khi kiểm kê tài sản trời cho khiến cho kếch xù ấy vãi ra tứ phương, mỗi người một ít, khiến ai cũng ca ngợi hắn là bậc hào phóng đệ nhất triều Thanh!

AQ xuất hiện ở đầu thế kỷ 20 trong tác phẩm của Lỗ Tấn nhưng lại là hình ảnh cực kỳ cổ điển của người Trung Quốc qua mấy ngàn năm. AQ là biểu tượng sinh động của một chủ nghĩa Hán tộc đầy bi kịch trước thảm hoạ ngoại xâm do Bát quốc liên quân gây nên. Cái buổi tranh tối tranh sáng giữa quân chủ và cộng hoà đã biến một AQ trở nên lạc lõng, xa lạ, đơn độc ngay chính trên quê hương của mình. Vi Tiểu Bảo tuy là công tước của triều Thanh nhưng lại là con người cực kì hiện đại. Hắn chính là hình ảnh biểu tượng của một con người Trung Quốc bá nạp các khuynh hướng hiện đại: vừa trung thành với triều Thanh, vừa phản triều Thanh, khi gia nhập Thiên Địa Hội, vừa làm trụ trì chùa Thanh Lương, phó trụ trì chùa Thiếu Lâm, vừa đĩ bợm, cờ gian bạc lận; vừa làm tôi triều Thanh vừa gia nhập Thần long giáo chống triều Thanh, vừa cao quý vừa đồi bại.

Đọc AQ chính truyện, người ta cười ruồi rồi sau đó, người ta xót thương cho số phận con người Trung Quốc. Lỗ Tấn mổ xẻ thật mạnh, mũi đao của ông chọc vào các vết thương Trung Quốc mưng mủ không thương tiếc. AQ chết trên pháp trường một cách hồ đồ. Đọc Lộc Đỉnh ký, người ta cười ha hả. Kim Dung mổ xẻ cuộc phẫu thuật của ông dài hơi và thật ly kì. Vi Tiểu Bảo sống nhăn răng với bảy mụ vợ xinh đẹp và một gia tài kếch xù. Thế nhưng, người ta không biết hắn ở đâu trên đất nước Trung Hoa ta lớn bậc nhất nhì trên thế giới; không tìm ra được hành tung của hắn dù nơi đâu hắn cũng có mặt.

Kim Dung đã nối tiếp công việc của Lỗ Tấn khi xây dựng một kiểu mẫu người Trung Quốc trong văn học hài hước. Lạ một điều là văn chương hài hước của Kim Dung lại là tiểu thuyết võ hiệp, lôi cuốn, hấp dẫn người đọc từ trang đầu tới trang cuối. Từ AQ đến Vi Tiểu Bảo là một bước tiến lớn trong cái nhìn của hai thế hệ nhà văn Trung Quốc về hình tượng con người Trung Quốc, là một bước tiến lớn trong kỹ thuật tiểu thuyết và nghệ thuật hài hước Trung Quốc. Kim Dung và Lỗ Tấn quả xứng đáng được xếp vào đội ngũ 10 nhà văn kỳ tài của văn học Trung Quốc.

Vi Tiểu Bảo và phép thắng lợi tinh thần

Khi xây dựng nhân vật AQ (AQ chính truyện), Lỗ Tấn đã khai sinh ra một khái niệm có thể nâng lên thành hàng triết thuyết: thắng lợi tinh thần. Theo Lỗ Tấn, về mặt thể chất, anh có thể bị người ta đánh cho u đầu tét trán, bị người ta đè ra lột sạch tiền bạc. Về tinh thần, người ta có thể coi anh là một thứ người không ra người, khinh miệt anh. Nhưng anh vẫn cúi đầu cam chịu và tự cho mình uống một liều nước đường; tự dối lòng mình rằng anh là cha của những kẻ đã đánh anh, đã làm nhục anh. Anh coi những kẻ đó ngu hơn anh.

AQ khi bị đánh thường tự an ủi: “Cái đời thật lạ lùng, con mà lại dám đánh bố”. Bị đánh đau hơn, bị đè đầu xuống đất, AQ lại la lên: “Tao là con trùn, được chưa nào?”. Rồi AQ mắng thầm kẻ đè đầu mình: “Đồ ngu, ngươi đánh con trùn mà cứ tưởng đánh được ta.” Thậm chí khi ở một mình, nghĩ đến trận đòn vừa qua, AQ lại tự đưa tay lên vả vào má mình và tưởng tượng ra mình đang vả vào má một ai đó! AQ áp dụng tư duy phân thân, cho rằng mình không phải là mình nữa, mình đang thắng lợi vì được vả vào má một thằng tên là AQ nào đó.

AQ của Lỗ Tấn ra đời năm 1927. Vi Tiểu Bảo của Kim Dung ra đời năm 1968. AQ là con người của bối cảnh xã hội sau Cách mạng Tân Hợi 1911 nhưng là nhân vật đại biểu của dân tộc Trung Hoa suốt mấy ngàn năm. Đây là con người cổ điển. Vi Tiểu Bảo là con người trong bối cảnh xã hội sau biến cố lịch sử Mãn Thanh xâm lược và chiến được Trung Quốc năm 1643 nhưng lại là con người rất hiện đại. Cả hai anh cổ điển và hiện đại đó đều cùng có chung một tư duy lớn: phép thắng lợi tinh thần.

Vi Tiểu Bảo ở trong Lệ Xuân viện, thành Dương Châu chỉ là một thứ tiểu lưu manh. Nghề nghiệp của Bảo là đi mua quà vặt cho các kỹ nữ và làm chuyện lặt vặt theo sự sai khiến của khách làng chơi.

Bảo thường bị người ta mắng nhiếc là quân chó đẻ, đồ súc sinh. Tất nhiên, Bảo không dám mở miệng mắng lại, vì mắng lại là bị đòn ngay. Nhưng hễ không mắng ra miệng được thì Bảo lại mắng thầm: "Ngươi mới là quân chó đẻ, ngươi mới là đồ súc sinh". Sau mỗi câu mắng thầm, Bảo cảm thấy khoan khoái như được mắng thật. Phép thắng lợi tinh thần của Vi Tiểu Bảo cao cường hơn người đồng quốc AQ mấy bực. Điều khoan khoái nhất của Vi Tiểu Bảo là năm 13 tuổi được đi đến chỗ bọn Thiên Địa hội đang hoạt động phản Thanh phục Minh ở bắc Kinh. Lần đầu tiên Bảo được gọi là "Vi gia". Vi gia tức là ngài họ Vi. Vi Tiểu Bảo tưởng tai mình nghe lầm. Cái mặc cảm mười mấy năm bị gọi là quân chó đẻ, đồ súc sinh từng khiến Bảo cảm thấy mình thuộc lớp hạ tiện nhất thiên hạ đột nhiên biến mất bởi hai chữ "Vi gia".

Từ thời điểm đó, Vi gia của chúng ta tự cho phép được mắng thầm tất cả mọi người, kể cả những nhân vật thượng đẳng mà chế độ quân chủ Trung Hoa từng kính trọng. Thái hậu, tức mẹ của nhà vua, bị mắng là "mụ điếm già". Công chúa, em gái vua, bị mắng là "con đượi non". Thượng thiện thái giám, người coi sóc tất cả các đầu bếp chuyên nấu ăn cho hoàng gia, bị gọi là "lão con rùa". Hoàng cung, nơi đẹp nhất kinh thành Bắc Kinh và đẹp nhất nước Trung Quốc, bị coi là nơi trá nguỵ nhất thiên hạ, giá trị chỉ ngang với kỹ viện. Kim Dung viết ra một câu khiến người đọc kinh hãi: "Hoàng cung và kỹ viện là hai nơi trá nguỵ nhất thiên hạ". Tư duy đó có thể có nhà văn chưa nghĩ đến, cũng có thể có nhà văn đã nghĩ đến nhưng chưa viết ra được. Chỉ có Kim Dung là viết ra và được phát biểu qua cái loa phóng thanh Vi Tiểu Bảo của mình.

Khái niệm kỹ viện trở thành tiêu chuẩn, thước đo mọi giá trị trên đời của Vi Tiểu Bảo. Nhìn cách thiết trí một căn phòng trong hoàng cung hay trong một nhà đại phú, Bảo lập tức so sánh ngay với cách thiết trí một căn phòng trong Lệ Xuân viện. Nhìn cách ứng xử của thái hậu, Bảo so sánh ngay với má má của mình, một kỹ nữ về già ở thành Dương Châu. Gặp mặt Kiến Ninh công chúa, Mộc Kiếm Bình quận chúa và Phương Di tiểu thư thuộc lực lượng Mộc vương phủ ở Vân Nam, Vi Tiểu Bảo cũng đem ba cô gái nhỏ tuổi này so sánh với các kỹ nữ trẻ ở Lệ Xuân viện. Dưới mắt Vi Tiểu Bảo, phụ nữ là người tầm bậy nhất thiên hạ. Khái niệm đẳng cấp xã hội ở đây không còn nữa, cái còn lại là tố chất con người, hễ ngươi là con người thì dù mang danh cao quý cũng chẳng hơn gì, thậm chí còn thua xa nhữhng kỹ nữ thành Dương Châu. Ở chừng mực nào đó, phép thắng lợi tinh thần của Vi Tiểu Bảo là có cơ sở để tin cậy chứ không lạc quan quá đáng như phép thắng lợi tinh thần của AQ.

Phép thắng lợi tinh thần tạo cho Vi Tiểu Bảo một niềm tin mãnh liệt: tin rằng mình hơn người, hơn đời, tinh rằng mình cao quý hơn thiên hạ và tin rằng mình sẽ thắng. Về

võ công, Vi Tiểu Bảo chỉ học lóm, học mót; kết hợp một cách lộn xộn võ công của nhiều phái, nhiều người, bá đạo cũng có mà vương đạo cũng có. Về kiến thức văn hóa, Bảo dốt đặc, được Khang Hy khái quát trong phạm vi 5 chữ: "gã bất học vô thuật". Về đẳng cấp xuất thân, Bảo thuộc loại hạ tiện nhất của Trung Quốc, còn thua xa cả AQ. Chỗ tựa duy nhất giúp Vi Tiểu Bảo tiến tới là phép thắng lợi tinh thần. Cứ coi thiên hạ không ra cái giống gì, cứ coi đối phương là đồ ngu dốt, cứ tự cảm thấy mình là cao quý thì sẽ thắng lợi. Và trong những tình huống cụ thể, dùng phép tiểu xảo lưu manh biến thua thành thắng. Câu nói thời danh của Bảo nghe ra vừa có vẻ huênh hoang khoác lác vừa có cơ sở để tinh cậy là câu: "Binh đến thì tướng ngăn, nước tràn thì đất lấp".

Đánh nhau với người La Sát ở biên giới Trung-Nga, gặp tiết trọng đông, tuyết rơi ngập trắng xóa. Người La Sát đã xây dựng thành trì kiên cố, ở trong nhà có lò sưởi, chỉ đợi quân Thanh đến là giã trọng pháo xuống thì mười Vi Tiểu Bảo cũng toi mạng. Thế nhưng trong một lần trễ quần xuống đi tiểu, Vi Tiểu Bảo chợt nhận ra nước tiểu đóng ngay thành băng. Từ thực tế đó, Bảo ra lệnh cho quân làm ống thụt, đem chảo lớn nấu băng tuyết thành nước sôi, hút vào trong súng và bắn lên thành trì người La Sát. Nước bắn ra nửa chừng hoá băng lạnh, tạo thành một trận mưa băng trút xuống thành trì người La Sát, vô hiệu hóa mọi hoạt động của họ.
Cuối cùng, quân Thanh hạ được thành, bắt được tướng chỉ huy. Một chương "Vi Tiểu Bảo niệu xạ Lộc Đỉnh sơn" vừa hài hước, vừa thú vị trong Lộc Đỉnh ký tưởng đã quá đủ để nói lên phép thắng lợi tinh thần của Vi Tiểu Bảo; chỉ một chút nước tiểu quý giá của Vi Nguyên soái cũng đủ làm cho thành Lộc Đỉnh đầu hàng.

Khác với Lỗ Tấn, Kim Dung đã đề xuất ra được một phép thắng lợi tinh thần tích cực. AQ khom người xuống, cam chịu, để tự huyễn hoặc mình là thứ cao quý; Vi Tiểu Bảo rướn người lên dùng tiểu xảo đạt thắng lợi cũng để tự huyễn hoặc mình là thứ cao quý. Ở mỗi thời điểm lịch sử khác nhau, mỗi thời đại khác nhau, phép thắng lợi tinh thần được thể hiện và lý giải một cách khác nhau nhưng tựu trung vẫn là thắng lợi tinh thần. Phép thắng lợi tinh thần của Kim Dung đi vào bề rộng, phép thắng lợi tinh thần của Lỗ Tấn đi vào chiều sâu. Chung cục, AQ bị giết bởi một bản án oan nhưng Vi Tiểu Bảo thì vẫn sống nhởn nhơ với một gia đình bảy bà vợ và một gia tài kếch xù bậc nhất trong các nhà hào phú Trung Quốc. Ấy bởi vì Vi Tiểu Bảo là một con người rất hiện đại.

Vi Tiểu Bảo và nghệ thuật làm quan

Khi "lỡ" đưa Vi Tiểu Bảo từ Dương Châu lên Bắc Kinh rồi lọt vào hoàng cung nhà Thanh, Kim Dung cũng đồng thời hư cấu ra một… nghệ thuật làm quan để giúp cho nhân vật ấy trở thành một con người quyền uy tột đỉnh dưới triều Khang Hy, khiến hàng vạn viên quan trong Bát kỳ Mãn Châu phải kính nể. Vậy đâu là nghệ thuật làm quan của Vi Tiểu Bảo?

Kim Dung tỏ ra khá cà rỡn khi đặt tên cho nhân vật của mình: Vi là cái gì nhỏ xíu, Tiểu là cái gì nho nhỏ, Bảo là cái gì quý báu. Kết hợp ba ngữ nghĩa đó, Vi Tiểu Bảo có nghĩa là cái gì quý giá mà nhỏ xíu xìu xiu. Vậy trong cơ thể một người đàn ông Trung Quốc ở một xã hội nông nghiệp lạc hậu thời Khang Hy, khi chế độ đa thê được mặc nhiên công nhận thì cái gì nhỏ xíu xìu xiu được xem là cái quý nhất? Có thể hiểu "quý danh" Vi Tiểu Bảo có nghĩa là "thằng… cu" theo cách gọi nôm na của người Việt Nam. Đưa một nhân vật như vậy để phong quan tới đệ nhất đẳng công tước, Kim Dung quả là một ông trùm hài hước.

Tuy vậy, quan lại dưới triều Khang Hy nhà Thanh có 2 loại: loại được tin cẩn là các quan lại xuất thân từ Bát kỳ thuộc dân tộc Mãn Châu; loại ít được tin cẩn là quan lại gốc Hán, cho dù học có trình độ học vấn, khả năng trị dân và kính trung đối với nhà Thanh. Cứ đem tiêu chí đó mà xét thì Vi Tiểu Bảo trong tác phẩm Lộc Đỉnh ký hoàn toàn không xứng đáng để trở thành một viên quan có chức vụ nhỏ xíu như hạt đậu dưới triều Khang Hy chút nào.

Vì vậy, như cách Lỗ Tấn xây dựng nhân vật AQ, Kim Dung cũng tạo cho nhân vật một lý lịch hết sức mù mờ. Họ Vi của y là lấy theo họ mẹ, bà Vi Xuân Phương. Ngay tác giả Kim Dung cũng không xác định được dân tộc của Vi Tiểu Bảo là Hán, Mãn, Mông, Tạng hay Hồi.

Để che đậy cái gốc xuất thân thấp hèn của mình mà làm quan, Vi Tiểu Bảo phải tự nặn ra một lý lịch hết sức hàm hồ. Đại để, Bảo khoe với người khác rằng mình xuất thân trong một gia đình danh giá, có người chú ruột (?) rất phong lưu là Vi Đại Bảo. Khi Bảo về công cán tại Dương Châu để xây dựng toà Trung Liệt từ, các quan lại địa phương đón tiếp Bảo rất long trọng. Hỏi đến dòng dõi, Bảo nói ấm ớ rằng tổ phụ họ Vi. Tuần phủ Dương Châu nổi tiếng là tay học cao hiểu rộng cho rằng Bảo thuộc hậu duệ của bậc trung thần Vi Niết, làm quan nổi tiếng thanh liêm. Tất nhiên là Vi Tiểu Bảo không phản đối. Bảo cứ để mặc xác các quan tán tụng, không công nhận cũng như không phủ nhận.

Nên nhớ trước đó, Khang Hy đã phong cho Vi Tiểu Bảo làm Chánh đô thống Hoàng kỳ, tước phong Ba Đồ Lỗ, đi công cán được khoác áo choàng màu vàng. Mà hoàng kỳ (đạo cờ vàng) là một trong Bát kỳ đã có công vượt quan ải tiến vào Trung Hoa tiêu diệt nhà Minh năm 1643. Thấy Vi Tiểu Bảo mặc áo khoác vàng, thiên hạ cứ ngỡ Bảo thuộc dân tộc Mãn Châu chính cống. Bảo tự đặt cho mình cái tên nửa Hán nửa Mãn cũng rất mơ hồ: Hoa Sai Tiểu Bảo. Cái họ Hoa Sai Hoa Sai đọc như thế nào thì ngay cả người Mãn Châu nghĩ đến bể óc cũng không hiểu ra được.

Ban đầu, Vi Tiểu Bảo chưa biết tham ô, chỉ biết ăn chặn lặt vặt. Hắn chỉ thực sự hiểu rằng làm quan là phải biết tham ô, phải biết nhận hối lộ từ khi được vua Khang Hy phái đi giám sát đoàn kiểm kê tài sản tại nhà tên phản thần Ngao Bái.
Nguyên trưởng đoàn kiểm kê là Lại bộ Thị lang Sách Ngạch Đồ. Khang Hy không tin lão

cáo già này lắm nên sai Vi Tiểu Bảo đi theo để giám sát công việc kiểm kê. Trong nhà Ngao Bái có sẵn bàn thờ Phật, Sách Ngạch Đồ nảy ra ý tưởng muốn được kết nghĩa làm anh em với Vi Tiểu Bảo. Năm ấy, Sách Ngạch Đồ 65 tuổi, Vi Tiểu Bảo mới 13 tuổi. Họ lạy nhau tám lạy xưng là huynh đệ. Mà hễ kết nghĩa với nhau thì có phúc cùng hưởng, có họa cùng chịu, Sách Ngạch Đồ xúi Vi Tiểu Bảo: "Hiền đệ muốn lấy vật gì thì cứ lấy". Lão cầm hai xâu châu báu, một chuỗi ngọc phỉ thuý, một lưỡi truỷ thủ, một bảo y bằng tơ tằm đưa cho Vi Tiểu Bảo. Lão lại dạy cho Vi Tiểu Bảo một câu thiệu rất gọn: "Ngàn dặm làm quan chỉ vì tiền". Biên bản kiểm kê thể hiện rõ gia tài của Ngao Bái trị giá 2.353.148 lạng bạc (tức là hai trăm ba mươi lăm vạn ba ngàn một trăm bốn mươi tám lạng). Sau khi kiểm kê xong, Sách Ngạch Đồ đề nghị Vi Tiểu Bảo xóa bớt một nét của chữ Nhị (hai) để chỉ còn chữ Nhất (một). Biên bản kiểm kê còn lại con số 1.353.148 lạng. Vậy là Sách Ngạch Đồ cùng Vi Tiểu Bảo đã nuốt mất 100 vạn lạng bạc (tức 1 triệu lạng). Sách Ngạch Đồ chi đôi số tiền đó, để cho quan giám sát Vi Tiểu Bảo ăn trọn 50 vạn lạng; phần lão 50 vạn lạng. Lão tự trích phần của mình ra 5 vạn lạng làm quà cho bọn cung phi, thái giám và các thành viên trong đoàn kiểm kê tài sản. Mới ngay một cuộc giám sát đầu tiên, Vi Tiểu Bảo đã trở thành một nhà đại phú hào nhỏ tuổi nhất tại thành Bắc Kinh.

Nhận của hối lộ là một cái gì rất xa lạ với Vi Tiểu Bảo. Nhưng đại ca Sách Ngạch Đồ đã dạy thằng tiểu đệ rất nhiều bài căn bản nên trình độ ăn hối lộ của Vi Tiểu Bảo được nâng cao và không ngừng phát triển. Con Trai của Ngô Tam Quế là Ngô Ứng Hùng từ Vân Nam lên thành Bắc Kinh chầu vua Khang Hy. Biết rằng thế nào Ngô Ứng Hùng cũng đem lễ vật để lo lót cho các quan, Sách Ngạch Đồ dạy Vi Tiểu Bảo trước: "Chút nữa đây, bất luận Ngô Ứng Hùng đưa lễ vật cho hiền đệ trọng hậu thế nào, hiền đệ cũng đừng tỏ ra vui mừng. Hiền đệ chỉ nên hững hờ nói: "Thế tử đến Bắc Kinh đường xa vất vả quá". Nếu gã thấy hiền đệ tỏ ra vui mừng thì cho là mọi việc đã xong, sau này không đưa thêm món nào khác. Hiền đệ lộ vẻ lãnh đạm là gã nhất định tưởng hiền đệ chê lễ vật tầm thường và hôm sau tất đem đến một phần trọng hậu nữa". Vi Tiểu Bảo sướng quá, gọi phương pháp của Sách Ngạch Đồ là "gõ cần bẫy".

Quả nhiên, Bảo áp dụng đúng "bài bản", khiến Ngô Ứng Hùng phải đem tiền quà tặng Bảo liên tục. Từ đó, Vi Tiểu Bảo trở thành "tiến sĩ ngành hối lộ học". Hắn ăn hối lộ càng ngày càng dạn tay, càng ngày mặt càng tỉnh bơ. Đưa Kiến Ninh công chúa qua Vân Nam theo lệnh vua gả cho Ngô Ứng Hùng, hắn moi được của Ngô Tam Quế mấy trăm vạn lạng bạc. Về Dương Châu đi công cán, hắn cũng ăn được của các quan lớn nhỏ ở Dương Châu một mớ. Ra Đài Loan thăm nhân dân miền đất mới tiếp quản, hắn lại bợ được mấy trăm vạn lạng nữa. Gia tài của hắn ngày càng nặng nề hơn. Hắn đổi hết ra ngân phiếu do các tiệm vàng danh tiếng ở Bắc Kinh phát hành để bọc theo cho gọn. Càng có tiền, hắn càng chi sộp cho bọn thái giám, thị vệ và các quan lại thất cơ lỡ vận. Hắn lại đem một số lớn tiền tặng các anh em Thiên Địa hội xài giùm. Hắn rút ra được một bài học rất kỳ dị: Muốn ăn được của hối lộ lâu dài, phải biết làm công tác… "từ thiện xã hội". Để làm quan lâu dài hưởng được nhiều bổng lộc trời cho thì trước hết phải biết tặng quà cáp cho bọn đồng liêu

và thi ân bố đức cho bọn thuộc hạ. Thế nhưng lần chi tiền đau nhất trong đời hắn là khi cứu trợ nạn nhân bão lụt tại Đài Loan. Khang Hy ra lệnh trong cung tiết giảm các khoản chi phí được đâu chừng 5 vạn lạng. Nhà vua động viên hắn tham gia cứu trợ, hắn dại dột móc ra hơn 200 vạn lạng khiến nhà vua phải kinh hãi. Cứu trong xong, hắn tự mắng mình ngu!

Dù nịnh chẳng phải chuyện dễ với mọi người, Vi Tiểu Bảo vẫn có khả năng nâng nịnh lên thành một nghệ thuật kinh điển, có bài bản rõ ràng. Phải nịnh sao cho người nghe nịnh sướng tai mà không có cảm giác mình bị nịnh, tưởng rằng đối tượng ăn nói chân tình mới là ảo diệu. Vi Tiểu Bảo đã từng ca ngợi Khang Hy là “Điểu, Sâng, Uỷ, Sang” (Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang). Cao hơn một chút, hắn ca ngợi Khang Hy là một bậc thánh minh, “ngồi trong cái gì mà quyết đoán ra được cái gì” (hắn không thuộc nổi câu “Ngồi trong trướng mà quyết đoàn ra được ngàn dặm”). Cách nịnh không nhất của hắn là kể những chuyện tào lao, thuộc lòng một số từ ngữ nhưng vẫn giả bộ quên hoặc không biết. Khang Hy không biết hắn giả bộ bèn nhắc đúng từ ngữ đó; lúc bấy giờ hắn mới giả bộ kinh dị hỏi lại: “Ủa, thánh thượng cũng biết cái đó ư?”, hoặc “Ủa, thánh thuợng cũng có mặt ở đó ư?”. Nhà vua không biết hắn giả nai, cứ tưởng hắn chân tình nên mặt rồng hớn hở.

Trong nghệ thuật làm quan, bao gồm che đậy lý lịch, tham ô và ăn của hối lộ, chia tiền tham ô cho kẻ dưới, Vi Tiểu Bảo là nhân vật hạng nhất. Riêng trong nghệ thuật nịnh, hắn đành rớt xuống hạng nhì. Kim Dung kể rằng có một lần Khang Hy thiết triều hỏi ý bọn quần thần về việc triệt hạ phiên vương Ngô Tam Quế. Các quan bàn tới bàn lui, chẳng ai đưa ra được ý kiến nên hay không nên. Nhà vua lại hỏi đến Binh bộ Thượng thư Minh Châu. Minh Châu tâu: “Bệ hạ nhìn xa trông rộng, tuy là đưa chuyện ra để hỏi bọn tiểu thần nhưng chủ kiến thì đã có rồi. Bọn tiểu thần cứ nhắm mắt làm theo lời dạy của bệ hạ thì muôn việc đều thành sự”. Nghe Minh Châu nịnh, Vi Tiểu Bảo phải công nhận là lão nịnh hay, xứng đáng đạt học vị “tiến sĩ nịnh”. Tự xét mình, Vi Tiểu Bảo biết mình nịnh giỏi lắm thì cũng chỉ cấp”cử nhân”. Và Vi Tiểu Bảo đành đau thương tôn vinh Minh Châu là… “bợ đít đại vương”.

Vi Tiểu Bảo và kỹ thuật xuyên tạc thông tin

Vi Tiểu Bảo tuy xuất thân từ động điếm Lệ Xuân viện thành Dương Châu, không được học hành nhưng lại “lỡ” bị Kim Dung đưa lên làm quan lớn dưới triều Khang Hy. Dưới triều Khang Hy, nên báo chí của Trung Quốc chưa ra đời, chưa có nhà nho nào được gọi là… nhà báo. Vi Tiều Bảo không phải là nhà nho và tất nhiên cáng không phải là nhà báo. Ấy vậy mà kỹ thuật xuyên tạc thông tin, kỹ thuật bôi đen hoặc tô hồng thượng thừa của nhân vật nàt xứng đáng liệt vào bậc nhất thiên hạ.

Có tay Nhất kiếm vô huyết Phùng Tích Phạm đánh kiếm nhanh vô địch. Phạm đâm cô hầu bé bỏng Song Nhi của Vi Tiểu Bảo nhưng cô đỡ được, vết thương rịn ra một chút máu. Thế là Vi Tiểu Bảo liền xuyên tạc ngoại hiệu Nhất kiếm vô huyết (đánh một chiêu

kiếm không thấy máu đổ) của Phạm thành Bán kiếm hữu huyết (đánh gãy nửa cây kiếm mới chảy máu). Từ cái “loa phóng thanh” Vi Tiểu Bảo, người trên giang hồ từ đó đều gọi Phùng Tích Phạm là Bán kiếm hữu huyết.
Tiếng Nga vốn là một trong số ngôn ngữ khó học bậc nhất thì hỏi là sao một gã bất học vô thuật như Vi Tiểu Bảo đọc cho đúng âm? Cho nên, khi lưu lạc sang Nga hay về sau khi đi công cán đàng hoàng, Bảo vẫn cứ thoải mái xuyên tạc tên người nước ngoài mà chẳng một ai cản miệng gã nổi. Có hai tay thân binh của công chúa Tô Phi Á (Sophia, người tình La Sát của Vi Tiểu Bảo) thường lui tới đem thư tín, quà cáp cho gã; một tay tên là Denilov, đọc âm Trung Quốc là Tề Nặc Lạp Phu; tay kia tên Vabasky, đọc ra là Hoa Bá Tư Cơ. Vi Tiểu Bảo có một cách riêng để gọi tên hai người này là Vương Bát Tử Kê (con gà chết không nạn) và Trư La Nọa Phu (con heo dơ bẩn thối tha). Đời nào hắn có thể đọc cho đúng!. Tới nước Thuỵ Điển mà Bảo còn đọc là “nước Thụy cái gì đó” thì làm sao bắt gã phát âm đúng hai tên Denilov và Vabasky cho chuẩn được.

Nhưng tôi vẫn tin rằng kỹ thuật xuyên tạc thông tin cao cường nhất của Vi Tiểu Bảo vẫn là cách “Di hoa tiếp mộc” (Dời hoa nối cây). Dựa vào lời nói của người khác, Vi Tiểu Bảo đưa đẩy, thêm thắt thông tin vào, tạo ra một lượng thông tin nửa thật nửa giả, gieo vào lòng người sự hoang mang, dao động. Kỹ thuật xuyên tạc này gần giống cách làm… báo lá cải, sử dụng thông tin của người khác để chống lại chính họ. Tôi đồ chừng nếu Vi Tiểu Bảo sống lại, được giao làm… tổng biên tập một tờ báo thì tờ báo ấy lá cải phải biết. Đọc Lộc Đỉnh ký, tôi nhớ có một đoạn giả thái hậu biết được chuyện Vi Tiểu Bảo sắp lên Ngũ Đài Sơn. Mụ này cho người tra tấn Vi Tiểu Bảo, buộc gã phải khai ra mật khẩu để liên lạc với Thụy Đống (thực sự là Thuỵ Đống đã bị gã giết chết). Thực sự thì Bảo có biết mật khẩu với đường khẩu gì đâu, chẳng qua là bị đánh đau quá, hắn phải buột miệng nói bậy. Bảo liền nhớ ra mật khẩu của Thiên Địa hội mà hắn đang tham gia, đại ý câu mật khẩu là thuốc cao (thuốc dán) giá bao nhiêu, dán vào có sáng mắt ra hay không… Bảo bèn dựa vào câu đó nhưng thay thuốc cao bằng… đường phèn: Đường phèn bán bao nhiêu, ăn vào có ngọt không… Cách xuyên tạc thông tin của Bảo gây ra một hậu quả cực kỳ tai hại. Giả thái hậu tưởng gã khai thật, bèn ra lệnh cấm quân bắt hết ráo bọn bán đường phèn ở thành Bắc Kinh. Từ một thông tin tào lao của Bảo, mấy ngàn sinh mạng người buôn gánh bán bưng bị tiêu diệt!

Kỹ thuật xuyên tạc thông tin của Vi Tiểu Bảo khiến các vị đại thần triều Khang Hy đều sợ hãi. Thế mạnh của Vi Tiểu Bảo là luôn kề cận nhà vua, được nhà vua đặc biệt tin dùng. Ai cũng sợ Vi Tiểu Bảo ghét mình, đến bên nhà vua ton hót đưa đẩy cho mấy câu, nhẹ thì mất chức, nặng thì mất đầu. Vi Tiểu Bảo biết được thế mạnh đó nên luôn luôn lấy “con cọp” Khang Hy để doạ nạt các đại thần. Lộc Đỉnh ký có mấy chương thuật chuyện Bảo đưa công chúa Kiến Ninh qua Vân Nam gả làm dâu nhà Bình Tây vương Ngô Tam Quế nhưng thực chất là dọ thám xem Ngô Tam Quế có ý tạo phản hay không. Bảo đến Vân Nam thấy binh lính của Quế tinh nhuệ, thành Côn Minh to lớn, dinh cơ của Quế đồ sộ bèn nảy ra ý định làm tiền.

Đầu tiên, Bảo nắn gân bằng cách nói huỵch toẹt rằng Bảo theo lệnh vua qua Vân Nam xem Quế có ý định tạo phản hay không. Câu nói này làm Ngô Tam Quế và bá quan ở Vân Nam sợ đến xanh mặt. Tiếp theo, Bảo khen Quế hơn cả nhà vua, dinh của Quế còn lớn hơn cả hoàng cung ở Bắc Kinh. Ngô Tam Quế nghe hắn khen tới đó đã muốn "bậy" ra quần. Cuối cùng, Bảo kết luận Quế đã quá vinh hoa, quá phú quý, sướng hơn cả vua Khang Hy vậy thì còn muốnt ạo phản chống Khang Hy làm gì nữa. Bảo hứa sẽ về tâu lại với nhà vua là Quế không bao giờ tạo phản (vì ngu sao tạo phản?). Ngô Tam Quế vừa sợ vừa tức nhưng phải luôn miệng vâng dạ cho xuôi, lại thề suốt đời trung thành với Khang Hy. Lão phải nhả ra cho Vi Tiểu Bảo 300 vạn lạng bạc, chưa kể đến các món quà biếu lặt vặt.

Nên nhớ Vi Tiểu Bảo không bao giờ nhận mình sai lầm, kể cả khi hắn biết rõ mình sai lầm 100%. Kỹ thuật xuyên tạc thông tin cứ vậy mà phát triển, đặc biệt là trong trường hợp hắn muốn vu hãm địch thủ của mình vào đất chết. Có một lần Bảo sang nhà tịnh địch cũ là Trịnh Khắc Sảng để đòi nợ. Sảng vét hết tiền bạc, tư trang của vợ con, trong đó có một cành phụng thoa, món trang sức cài trên mái tóc rất phổ biến của các phụ nữ nhà quan trung Quốc. Bảo cầm cành phụng thoa lên. bắt đầu xuyên tạc. Theo Bảo, phục là hình ảnh tượng trưng cho hoàng hậu; vợ Trịnh Khắc Sảng dung cạnh phụng thoa thì có nghĩa là muốn làm hoàng hậu, còn bản thân của Trịnh Khắc Sảng thì đã có ý muốn làm hoàng đế. Trịnh Khắc Sảnh nghe hắn vu hãm, quỳ mọp xuống lạy muốn gần chết. Nhưng thầy của Sảng là Phùng Tíhc Phạm biết rõ đạo lý ở đời, nói thẳng cho Bảo hay là tất cả các tiểu thư con nhà quan ở thành Bắc Kinh đều dùng phụng thoa, bảo đừng có hòng vu khống Trịnh Khắc Sảng. Nắm được câu nói đó, Bảo xoay lại Phùng Tích Phạm: "Hoá ra Phùng đại nhân đã nhìn thấy hết các vị tiểu thư con nhà quan ở thành Bắc Kinh rồi. Thật là lợi hại! Chẳng hay nhan sắc của tiểu thư con của thượng thư bộ binh ra thế nào?". Thượng thư bộ binh triều Khang Hy là Minh Châu, Bảo xuyên tạc kiểu này chẳng khác nào bảo Phùng Tích Phạm là một thứ dâm tặc, chuyên đi dòm dỏ con gái nhà quan, kể cả con gái của Minh Châu. Nghĩa là cỡ nào Vi Tiểu Bảo cũng vu hãm được đối thủ.

Kỹ thuật xuyên tạc thông tin đã có từ lâu, ít nhất là dưới triều Khang Hy du thời đó nghề báo chưa xuất hiện. Kỹ thuật ấy còn rơi rớt lại ngày nay, hình thành những trang báo lá cải và những nhà báo chuyên xuyên tạc thông tin. Hễ ai cho họ xơ múi được thì họ viết bào bốc thơm hoặc viết bài giải vây cho người đó. Hễ ai không chịu cho họ xơ múi thì họ tìm cách đánh, hết số này kéo rê đến số kia, bôi nhọ không thương tiếc. Hễ ai có ý kiến phản hồi thì họ dùng thông tin phản hồi đó để tiếp tục đánh lại người phản hồi. Nhưng trang báo thuộc loại "di hoa tiếp mộc" xuất hiện khá nhiều trên các mặt báo ấy, tung hỏa mù vào dư luận xã hội khiến bạn đọc đâm ra hoài nghi, không biết được ai nói đúng, ai nói sai, chuyện nào phải, chuyện nào quấy.

Vi Tiểu Bảo đã chết cách đây ít nhất 230 năm nhưng kỹ thuật xuyên tạc thông tin kiểu

của Bảo vẫn còn tồn tại trong hoạt động báo chí hiện đại. Có người nói Vi Tiểu Bảo đã sống lại và đi làm báo; rằng các bài báo của Bảo không ra chi nhưng giúp Bảo giàu lên rất nhanh, có cả xe hơi nhà lầu, đất đai rộng lớn. Ban đầu, tôi không tin. Nhưng từ khi đọc được nguồn tin từ các cơ quan pháp luật đã tịch thu các tài sản bất chính gần 3 tỷ đồng của một nhà báo nọ vì người này đã có công dùng báo chí yểm trợ cho một đại gia đục khoét tiền nhà nước thì tôi tin rằng Vi Tiểu Bảo đã sống lại và kỹ thuật xuyên tạc thông tin vẫn còn đó.

Lý Tự Thành - Chính sử và tiểu thuyết

Trong bộ tiểu thuyết võ hiệp Lộc Đỉnh ký, Kim Dung đã dành ít nhất ba chương nói về nhân vật Lý Tự Thành. Trong chính sử Trung Quốc, Lý Tự Thành là một nhân vật có thực, đã từng làm triều Minh sụp đổ. Xung quanh nhân vật này, có khá nhiều huyền thoại ly kì...

Lý Tự Thành, người huyện Mễ Chi, tỉnh Thiểm Tây. Ông sinh năm 1606, dưới triều Minh, còn có tên là Lý Sấm. Đời vua cuối cùng của triều Minh, Sùng Trinh hoàng đế, là một hôn quân nhu nhược, đắm say sắc dục. Ở miền Đông Bắc Trung Quốc, dân tộc Mãn Châu dựng lên triều Thanh, có tham vọng vượt Sơn Hải quan tiến đánh Trung Quốc. Loạn lạc nổi lên khắp nơi, Lý Tự Thành cũng dựng cờ khởi nghĩa tại Thiểm Tây. Đây là cuộc khởi nghĩa nông dân có quy mô tầm cỡ nhất dưới thời Sùng Trinh hoàng đế.

Trong Lộc Đỉnh ký, Kim Dung mô tả Lý Tự Thành là "một vị lão tăng thân hình cao lớn...tay cầm thiền trượng... Vị lão tăng này mặt vuông, dưới cằm có hàm râu xanh, mục quang loang loáng như điện, lộ vẻ uy mãnh phi thường... Lão đứng trước cửa đồ sộ như một trái núi nhỏ, tướng mạo như hùm beo sư tử, khí thế đủ làm cho người ta phát sợ...". Kim Dung cũng cho biết con người của Lý Tự Thành rất nhiều lông lá, tiếng nói rổn rảng, khi ngủ ngáy rất dữ dội. Nhưng văn chương tiểu thuyết thì bao giờ cũng là văn chương tiểu thuyết. Minh sử cho biết Lý Tự Thành bị mù một mắt. Con mắt ấy bị mù là do mũi tên của tướng Minh - Trần Vĩnh Phúc bắn vào khi Lý Tự Thành đánh vào Biện Lương (phủ Khai Phong).
Lý Tự Thành khởi nghĩa năm 1637, tự xưng là Phụng Thiên Xướng Nghĩa Đại nguyên soái. Cuộc khởi nghĩa của Lý Tự Thành gắn liền với huyền thoại về một đại mỹ nhân thời Minh mạt. Tên người phụ nữ ấy là Trần Viên Viên.
Trần Viên Viên là một danh kỹ đất Tô Châu, hát hay đàn giỏi, nhan sắc cực kì diễm lệ, được bọn quan lại và phú hào Tô Châu phong làm đệ nhất đại mỹ nhân. Năm 1640, Sùng Trinh hoàng đế say mê quý phi họ Điền mà xao nhãng hoàng hậu họ Chu. Cuộc chiến tranh lạnh xảy ra giữa Chu hoàng hậu và Điền quý phi. Chu quốc trượng về Tô Châu mua Trần Viên Viên, tiến vào cung hầu hạ Sùng Trinh hoàng đế để nhà vua quên bớt Điền quý phi. Sùng Tỉnh gần gũi với Viên Viên một thời gian rồi cho bà trở lại tư dinh Chu quốc trượng. Viên đại tướng quân Ngô Tam Quế gặp Trần Viên Viên thì say đắm ngay. Lúc bấy

giờ, quân Thanh đang áp sát biên giới Sơn Hải quan. Sùng Trinh ban Trần Viên Viên cho Ngô Tam Quế và ra lệnh cho Quế về trấn giữ Sơn Hải quan. Quế gởi Viên Viên ở lại Bắc Kinh và ra đi.

Năm 1643, Lý Tự Thành đánh vào Bắc Kinh bức tử Sùng Trinh hoàng đế ở núi Môi Sơn, chiếm đoạt toàn bộ kho báu nhà Minh. Vật quý giá nhất trong kho báu ấy là nàng Trần Viên Viên tài hoa và xinh đẹp. Lý Tự Thành lên ngôi vua, tự xưng là Đại Thuận hoàng đế, Phụng Thiên vương. Đêm đêm, sau những trận đánh đẫm máu, vị hoàng đế thô hào lỗ mãng ấy lại quay về cung cấm với chiến lợi phẩm biết nói. Được tin Lý Tự Thành đã chiếm được Bắc Kinh đoạt người đẹp Trần Viên Viên, Ngô Tam Quế mở cửa đầu hàng Mãn Châu. Nhà Thanh phong ngay cho Ngô Tam Quế làm Bình Tây vương, đưa quân về Bắc Kinh. Ngô Tam Quế đánh đuổi vừa quân lính nhà Minh, vừa quân lính của Đại Thuận hoàng đế Lý Tự Thành; thế mạnh như chẻ tre. Lý Tự Thành chạy về hướng núi Cửu Cung. Thuận Trị lên ngôi vua tại Bắc kinh cùng năm 1643, mở ra Thanh triều trên đất Trung Quốc. Số phận Lý Tự Thành ra sao?

Sách sử Trung Quốc cận đại cho rằng Lý Tự Thành chết vào năm Thuận Trị thứ ba (1645). Minh sử viết: "Lý Tự Thành bị bọn dân quê vây, không thoát được nên thắt cổ tự tử". Sách Minh quý bắc lược lại đưa ra một cách lý giải khác: "Lý Tự Thành bị bệnh, chết trong núi La Công". Phải nói rằng Thuận Trị hoàng đế của nhà Thanh rất ngại Lý Tự Thành. Nhà vua sai các tướng lĩnh truy kích Lý Tự Thành phải tìm cho ra những bằng chứng về cái chết của nhân vật thủ lĩnh phong trào nông dân này. Tướng Hà Đằng Giao (người Hán) gởi bản tâu về Bắc Kinh, có đoạn: "Không có chứng cứ gì về cái chết của Sấm, thủ cấp của Sấm cũng không thấy". Tướng A Tế Cách (Mãn Châu) cũng có bản tấu về, có đoạn: "Có tên hàng binh ra trình rằng Lý Tự Thành chạy vào núi Cửu Cung, bị dân quê vây, tự thắt cổ mà chết". Nói chung, chẳng có ai có được bằng chứng đích xác khẳng định Lý Tự Thành đã chết và chết như thế nào. Tất cả đều chỉ là tin đồn, lời khai...
Trong khi đó, có hai tư liệu lịch sử khác lại cho rằng Lý Tự Thành vẫn còn sống. Sách Phong Châu kí viết: "Lý Tự Thành chạy trốn đến Giáp Sơn, xuất gia đi tu, bảy mươi tuổi mới chết ở tư thế ngồi...". Giang Dục Chí lại viết Lý Tự Thành mộ chí, có đoạn: "Lý Tự Thành quả thực chạy về Phong Châu... cưỡi ngựa mà đi, đến Giáp Sơn đi tu, chết mộ vẫn còn". Theo Giang Dục Chí, tháp xây trên mộ Lý Tự Thành có hàng chữ "Phụng Thiên Ngọc hoà thượng". Giang Dục Chí cũng khẳng định rằng Lý Tự Thành đi tu năm Thuận Trị thứ nhất và "thắng làm vua, bại làm sư là cách sống của người Trung Quốc".

Kim Dung viết Lộc Đỉnh ký xây dựng nhân vật Lý Tự Thành trên cơ sở tham khảo các tài liệu từ Phong Châu kí và Lý Tự Thành mộ chí. Trong Lộc Đỉnh ký, Lý Tự Thành sống đến sau năm Khang Hy thứ 10 (1672), khi Vi Tiểu Bảo làm Tứ hôn sứ gả công chúa Kiến Ninh qua Vân Nam làm vợ Ngô Ứng Hùng, con trai Bình Tây vương Ngô Tam Quế. Rõ ràng Kim Dung gọi Lý Tự Thành là một lão tăng. Vị "lão tăng" này cũng rất lợi hại: tìm đến ngoại thành Côn Minh, biết người tình cũ Trần Viên Viên đang đi tu, không sống

chung với Ngô Tam Quế nữa, bèn nối lại cung đàn xưa. Mối quan hệ vụng trộm ấy đã đơm hoa kết quả: cô gái xinh đẹp A Kha ra đời. Người ngoài cứ ngỡ A Kha là con của Ngô Tam Quế; chỉ có Lý Tự Thành và Trần Viên Viên mới biết rõ. A Kha là con riêng của họ, đứa con của mối tình bà vãi-ông sư!

Tất nhiên, tiểu thuyết vẫn là tiểu thuyết, tác phẩm tiểu thuyết không thể thay thế cho ác phẩm lịch sử. Nhưng ngay những sách sử thời Minh mạt - Thanh sơ vẫn không xác định được cái chết, cái sống của Lý Tự Thành thì bảo sao Kim Dung không lãng mạn phóng bút cho nhân vật Lý Tự Thành của mình ở tuổi 70 vẫn sinh ra cô con gái xinh đẹp tuyệt vời, vẫn cầm cây thiền trượng đánh nhau với Hán gian Ngô Tam Quế trước mặt người tình Trần Viên Viên. Ai cấm được nhà văn hư cấu trên thực tế của lịch sử. Như vậy, đối với sử sách Trung Quốc, cái chết của Lý Tự Thành, người "anh hùng nông dân" vẫn còn là một nghi án. Để hoá giải những thắc mắc từ nghi án ấy, người ta đọc Lộc Đỉnh ký của Kim Dung.

Chú thích:

Danh xưng của Lý Tự Thành là Phụng Thiên vương. Chữ Vương () thêm một dấu chấm thành ra chữ Ngọc (). Phụng Thiên Ngọc hoà thượng chính là như vậy.

Đau thương A Tử

Trong năm 1997, cuốn phim Video nhiều tập Thiên Long bát bộ do Hong Kong sản xuất được Fafilm Việt Nam cho phép phát hành đã trở thành một hiện tượng phim video nổi bật, hấp dẫn nhiều người, nhiều giới thưởng ngoạn. Cuốn phim được xây dựng dựa theo tác phẩm nổi tiếng cùng tên Thiên Long bát bộ của nhà văn Kim Dung; bộ tiểu thuyết này còn có tên là Thiên Long bát bộ. Thực ra, trong bộ tiểu thuyết đồ sộ này, tác giả dành riêng bốn cuốn để viết về mối quan hệ Tiêu Phong và A Tử, tách ra thành một phần Tiêu Phong - A Tử truyện. Trong phim, Tiêu Phong, người anh hùng Khất Đan khôi vĩ được giao cho Huỳnh Nhật Hoa; A Tử, cô gái nhỏ bé xinh đẹp nhưng cực kì độc ác người Hán tộc được giao cho nữ diễn viên Lưu Ngọc Thuý.

A Tử tên đầy đủ là Đoàn A Tử, con của Đoàn Chính Thuần hoàng thái đệ của Đoàn Chính Minh (vua nước Đại Lý) và bà Nguyễn Tinh Trúc, một tình nhân của Đoàn Chính Thuần. Đó là một mối tình ngoại hôn, họ sinh được hai cô con gái: cô lớn chuyên mặc áo hồng được đặt tên là A Châu, cô bé chuyên mặc áo tía được đặt tên là A Tử. Thuở nhỏ, A Tử lạc mất cha mẹ, quy đầu làm môn hạ phái Tinh Tú của Đinh Xuân Thu. Cho đến năm 16 tuổi, cô đã học được tất cả các tính cách tàn bạo, tráo trở, độc ác của phái này, tìm lại được cha mẹ ruột và chị ruột rồi gặp gỡ Tiêu Phong.

Lúc bấy giờ, Tiêu Phong đã thương yêu A Châu. Ông 30, A Châu mới 18. Họ đã hứa

hẹn sau sẽ về bên kia Nhạn Môn quan, về trên thảo nguyên mênh mông bát ngát của đế quốc Khất Đan (bờ bắc sông Hoàng Hà triều Bắc Tống) để cùng nhau săn chồn đuổi thỏ. Thế nhưng, trước khi ra đi, họ còn phải làm một việc cuối cùng ở Trung Quốc: phải giết cho được kẻ đại cừu đã phục kích và ám hại cha mẹ của Tiêu Phong. Có người vu cáo kẻ đại cừu ấy là Đoàn Chính Thuần. Khi A Châu khám phá Đoàn Chính Thuần chính là cha ruột của mình, cô đã hoá trang làm Đoàn Chính Thuần để chịu nhận một chưởng trả thù của người tình Tiêu Phong. Đánh lầm vào A Châu, đánh lầm vào tình yêu và hạnh phúc của chính mình, Tiêu Phong đã ôm cô trong đêm mưa gió sấm chớp mịt trời; khóc lên như điên dại. Chính từ bi kịch ấy, A Tử - cô gái 16 tuổi - mới hiểu ra được phía trong con người lỗ mãng, thô hào Tiêu Phong ẩn chưa một trái tim chung tình, một tâm hồn tha thiết với tình yêu. Điều ấy là cô xúc động, khiến cô tìm mọi cách để đi theo ông, gọi ông là tỷ phu (chồng của chị, tức anh rể).

Định mệnh khắc nghiệt đã trói buộc người anh hùng thẳng thắn Khất Đan với cô bé Hán nhân ranh ma A Tử. Ông chỉ mong được xa lánh cô, nhưng cô lại cứ muốn bám theo ông suốt đời. Ở đây không chỉ có lý do duy nhất vì tình mà A Tử mới theo Tiêp Phong. Ở đây, còn có một lý do ẩn tế khác: A Tử là một tội đồ của phái Tinh Tú và chỉ có oai lực của tỉ phu Tiêu Phong, cô mới thoát được bàn tay tàn bạo của Đinh Xuân Thu, thầy mình.

Bám theo không được, cô gái nhỏ tuổi đã nảy sinh một ý nghĩ ngu ngốc: phải dùng kim độc để bắn ông. Trên vùng Tuyết Bắc mênh mông, cô đã làm hành động ngu ngốc ấy. Để tự cứu mình, Tiêu Phong phát ra một chưởng. A Tử bị thương nặng. Và từ đó cuộc đời Tiêu Phong mới thật sự gắn liền với A Tử: ông bồng A Tử, dùng công lực thượng thừa truyền vào người cô để duy trì mạng sống cho cô, đưa cô về núi Trường Bạch (biên giới nước Triều Tiên) đào nhân sâm, giết gấu lấy mật và hùng chưởng (tay gấu), giết cọp lấy xương nấu cao..., làm mọi cách cho A Tử được sống. Hai năm sống trong bộ lạc Nữ Chân, Tiêu Phong chăm sóc cho cô từ chuyện tắm rửa, thay áo quần đến chuyện ăn uống (tác giả Kim Dung dùng từ khởi cư). Tiêu Phong cho đó là chuyện bình thường của một người đàn ông lớn tuổi đối với một cô bé em vợ nhưng A Tử cho đó là biểu hiện của tình yêu. Đối với người phụ nữ Trung Quốc ngày xưa, ai nhìn thấy thân thể họ thì số phận họ coi như đã thuộc về người đàn ông ấy. A Tử cũng thế, cô cảm thấy hạnh phúc khi nghĩ đến ngày mai cô thuộc về Tiêu Phong; muôn đời cô là người của Tiêu Phong.

A Tử càng lớn lên càng xinh đẹp. Nhưng Tiêu Phong chẳng ngó ngàng gì tới cô. Từ khi A Châu chết, ông không còn có thể yêu bất kì người phụ nữ nào khác trên thế gian nữa. Khi lên làm Nam viện đại vương cho đế quốc Khất Đan, A Tử được phong làm Bình Nam công chúa. Khi Tiêu Phong chống lệnh hành quân của hoàng đế Khất Đan, cô chỉ sợ Tiêu Phong bỏ mình ra đi. Cô ghé qua gặp thứ phi của hoàng đế Khất Đan, hỏi xin thứ thuốc cho người đàn ông uống vào để chỉ chung tình với mình. Cô đã cho Tiêu Phong uống thứ thuốc đó với cả lòng âu yếm nhưng tiếc thay đó chỉ là rượu độc để hoàng đế Khất Đan bắt giữ Tiêu Phong.

Yêu A Tử không ai bằng Du Thản Chi. Có thể coi Du Thản Chi là một giáo chỉ của đạo

tình: bị A Tử tra tấn, hành hạ thừa chết thiếu sống; anh ta chỉ muốn được gần gũi để nhìn ngắm A Tử, bị A Tử sai chụp lồng sắt lên đầu, anh ta vẫn suốt đời đi theo A Tử; khi A Tử mù mắt, anh ta tình nguyện hiến đôi mắt cho A Tử được sáng mắt để mình chịu sống đui mù. Chính Tiêu Phong đã từng khuyên A Tử phải phục thị suốt đời tấm chân tình của Du Thản Chi. Nhưng trong tư duy tàn bạo của A Tử, Du Thản Chi chẳng khác gì một loài súc vật. Du Thản Chi lẽo đẽo theo cô, cô lẽo đẽo theo Tiêu Phong - cuôc rượt đuổi trong tình yêu thật buồn cười nhưng cũng thật chua sót.

Rồi cũng có một ngày, lương tâm con người trở lại với A Tử. Cô là người đầu tiên tìm cách liên hệ với giang hồ nhà Tống để cứu ông ra khỏi cảnh lao tù của hoàng đế Khất Đan. Tiêu Phong được đưa về Nhạn môn quan nhưng tại nơi đây, ông đã dùng mũi tên chó sói tự đâm vào trái tim mình, nhận lấy cái chết để hoá giải hận thù của hai nước Tống - Liêu và tạ tội với hoàng đế Khất Đan. Cũng tại nơi đây, A Tử móc đôi mắt trả lại cho Du Thản Chi rồi ôm lấy xác Tiêu Phong bước đi. Đây là lần đầu tiên, cô có được Tiêu Phong trong tay, cô được ôm lấy ông, ôm lấy tình yêu say đắm và tuyệt vọng của mình mà không còn sợ bị ông ruồng rẫy. Cha của Tiêu Phong 30 năm trước, đã bồng xác mẹ Tiêu Phong nhảy xuống hẻm núi sâu mịt mờ của Nhạn môn quan. Ba mươi năm sau, cô A Tử đui mù cũng bồng tỷ phu của mình và sa chân xuống hẻm núi sâu ngàn trượng đó.

Đem A Tử gán vào cho Tiêu Phong, cả tác phẩm tiểu thuyết và cả tác phẩm điện ảnh đã đem cái xấu xa nhất, cái tàn bạo nhất gắn liền vào với cái lương thiện nhất, cái chân chính nhất. Và giống như tinh thần nhân bản, tư duy nhân đạo phương Đông, cái thiện đã cảm hoá đước cái ác, cái chính đã giành được thắng lợi trước cái tà. Nhưng số phận của Tiêu Phong và A Tử đau thương quá. Khác với truyện Kiều, Thuý Vân đã thay Thuý Kiều sống đời hạnh phúc lứa đôi với Kim Trọng. Còn Tiêu Phong? Ông chỉ có thể tìm được hạnh phúc với cô chị A Châu chứ không phải với cô em A Tử hay một người phụ nữ nào khác. Riêng A Tử, cô chỉ có trong tay một tỷ phu ngoan ngoãn, dịu dàng đã chết; một tình yêu tuyệt vọng. Trước tình cảm đó, nếu giải quyết cho A Tử còn sống với một đôi mắt còn nhìn thấy ánh sáng cuộc đời, tiếp tục tra tấn cô gái nhỏ tuổi đó trong nỗi tuyệt vọng khôn nguôi thì là một điều cực kì phi nhân bản. Cả tiểu thuyết và cả bộ phim Thiên Long bát bộ đều giải quyết cho cô chết theo Tiêu Phong. Cái chết trong một chừng mực nào đó, là vô hậu, vô nhân đạo nhưng trong trường hợp này là rất có hâu, rất nhân đạo. Đó chính là cái nhìn của chủ nghĩa nhân đạo phương Đông, tâm hồn phương Đông.

Phụ chú:

Năm 2004, các nhà làm phim Trung Quốc đã sản xuất hàng loạt phim dựa trên các tác phẩm của Kim Dung như Anh hùng xạ điêu, Tiếu ngạo giang hồ... và nhanh chóng thành công bởi sự hoành tráng. Trong đó, Thiên Long bát bộ được xem là một trong những bộ phim xuất sắc nhất.

"Bộ phim Thiên long bát bộ - do Truyền hình Trung Quốc vừa sản xuất - có thể xếp

vào loại top 10 phim nhiều tập của Trung Quốc. Với quá nhiều danh lam thắng cảnh ở Trung Quốc nên nhiều cảnh trong phim tuyệt đẹp. Ê-kíp làm phim rất thận trọng đối với từng chi tiết nhỏ. Lâm Chí Dĩnh nhập vai ông hoàng lãng mạn và vô tư lự rất tốt. Lưu Dịch Phi trẻ đẹp rất hợp với vẻ trong trắng ngây thơ của Vương Ngữ Yên. Các trận đánh nhau được biên đạo một cách xuất sắc. Điều quan trọng nhất là bộ phim bám rất sát với nội dung bộ tiểu thuyết này. Một phim truyền hình võ thuật tuyệt vời". (Theo Spcnet.tv) **Đạo diễn:** - Khúc Giác Lượng - Châu Hiểu Văn - Vũ Mẫn **Diễn viên:** Hồ Quân (Kiều Phong hay Tiêu Phong), Lưu Đào (A Châu), Trần Hảo (A Tử), Lâm Chí Dĩnh (Đoàn Dự), Lưu Diệc Phi (Vương Ngữ Yên), Cao Hổ (Hư Trúc), Tư Khánh (Mộ Dung Phục), Thang Chấn Tông (Đoàn Chính Thuần), Tường Hân (Mộc Uyển Thanh)...

Huyền thoại Nhạc Linh San

Đọc đi đọc lại Tiếu ngạo giang hồ của Kim Dung, tôi cứ thầm mong rằng cô Nhạc Linh San đơn giản chỉ là nhân vật trong tiểu thuyết, rằng cô không hề có thật ở trên đời. Tôi yêu quí nhân vật này biết bao nhiêu ở những chương hồi đầu của bộ tiểu thuyết rồi tôi lại ghét cô bấy nhiêu ở những chương hồi sau.

Nhạc Linh San là cô con gái độc nhất của chưởng môn phái Hoa Sơn Nhạc Bất Quần và bà Ninh Trung Tắc. Năm 16 tuổi, cô xuất hiện trong tác phẩm tiểu thuyết của Kim Dung với bộ mặt xinh đẹp và đôi mắt to, tròn của một cô gái trong sáng, trong trắng, nghịch ngợm và thông minh. Do yêu cầu theo dõi hành tung của phái Thanh Thành khi chúng tiến đánh Phước Oai tiêu cục để tìm kiếm bộ Tịch tà kiếm phổ, Nhạc Linh San đã được “đánh” xuống phủ Phúc Châu, tỉnh Phúc Kiến, hoá trang thành cô gái bán rượu trong hiệu Đại Bảo mà chủ nhân của cửa hiệu là nhị sư ca của cô – Lao Đức Nặc.

Hãy trở lại một chút với ngày xưa. Mười hai năm trước, Nhạc Bất Quần nhận một chàng trai không cha, không mẹ là Lệnh Hồ Xung vào làm đại đệ tử của phái Hoa Sơn. Lệnh Hồ Xung xem Nhạc Bất Quần như cha, Ninh Trưng Tắc như mẹ, Nhạc Linh San như em gái. Vốn là người tứ cố vô thân, chàng trai này đã coi phái Hoa Sơn chính là mái ấm của đời mình. Thông minh, giàu nghị lực, Lệnh Hồ Xung gần như đã học hết được chân truyền của Hoa Sơn kiếm pháp và Hoa Sơn khí công. Khi Nhạc Linh San mới ba bốn tuổi, chàng trai đã bế bồng cô hái hoa bắt bướm, làm cho cô những đồ chơi. Lớn lên một chút Nhạc Linh San muốn hái sao trên trời. Cô may những chiếc túi nhỏ bằng vải sa để Lệnh Hồ Xung bắt đom đóm về bỏ vào túi; treo các túi chung quanh giường cô ngủ để khi nào chợt mở mắt ra, cô có thể thấy hàng trăm con đom đóm lấp lánh như ánh sao. Đến khi vào tuổi dậy thì, cô đề nghị Lệnh Hồ Xung cùng cô sáng tạo một kiếm pháp riêng. Họ rủ nhau xuống thác nước luyện kiếm, đặt tên cho đường kiếm là Xung – Linh kiếm pháp, một trò chơi của trẻ con. Oái ăm làm sao, trong Xung – Linh kiếm pháp này, Nhạc Linh San lại đề nghị đặt tên cho một chiêu thức nguy hiểm nhất là Nhĩ tử ngã hoạt (ngươi chết ta sống).

Chỗ mạnh của Lệnh Hồ Xung là lòng nghĩa hiệp, là tính trung hậu, là tâm hồn nhân ái bao la. Chỗ yếu của Lệnh Hồ Xung là rượu. Chính vì chén rượu, Lệnh Hồ Xung bị gọi là gã lãng tử thanh danh tàn tạ, là con người không biết phân biệt trắng đen phải trái kết giao với bọn tà ma. Tất nhiên, đó chỉ là nhận xét của những người đứng ngoài cuộc; còn bản chất của sự việc không phải như vậy. Mà Nhạc Linh San thì chưa bao giờ nhìn ra được bản chất ấy; cô chỉ hiểu con người qua tiếng đồn, qua sự suy đoán. Và đó là con đường đưa cô đến chỗ mất Lệnh Hồ Xung, mất đi món bảo vật là mối tình đầu thơ ngây tươi đẹp để về làm vợ một gã tiểu nguỵ quân tử.

Nhạc Linh San gặp Lâm Bình Chi tại Phúc Châu. Phía trên cô và Lao Đức Nặc có nguỵ quân tử Nhạc Bất Quần đứng ra thực hiện một âm mưu sâu sắc: rình rập để phỗng tay trên bộ Tịch tà kiếm phổ mà phái Thanh Thành đang nuôi tham vọng đánh cướp của nhà họ Lâm ở Phước Oai tiêu cục. Cuối cùng rồi âm mưu của Nhạc Bất Quần cũng thành công: lão thu nhận Lâm Bình Chi làm đệ tử, chiếm được bộ Tịch tà kiếm phổ và “dẫn đao tự cung” (tự thiến bộ phận sinh dục) để luyện đường kiếm này. Cha được kiếm phổ còn con gái được gì?

Nhạc Linh San lấy được Lâm Bình Chi, hưởng được toàn bộ vàng bạc châu báu của Lâm Bình Chi đem từ phân cục của Phước Oai tiêu cục tại Trường Sa về, trở thành cháu dâu của Vương Nguyên Bá, ông ngoại Lâm Bình Chi, một nhà giàu nứt tường đổ vách tại thành Lạc Dương. Tuy nhiên, làm vợ một gã đẹp trai mà cô gái này chưa hề được biết đến lạc thú của chuyện chăn gối. Vâng, vì nôn nóng trả thù phái Thanh Thành, Lâm cũng luyện Tịch tà kiếm phổ, cũng “tự cung” như ông cha vợ. Cưới nhau xong, hai người ngủ riêng hai giường, chuyện chăn gối đối với họ thuần tuý chỉ là sản phẩm của trí tưởng tượng. Nói theo ngôn ngữ tâm phân học hiện đại của Sigmund Freud, Lâm Bình Chi đã tự triệt tiêu năng lực tình dục Libido của mình.

Nhưng đó là chuyện về sau, chuyện ở cuối bộ tiểu thuyết. Vấn đề ở đây chính là nhận thức về tình yêu của Nhạc Linh San. Cô gái ấy đã yêu đại sư ca Lệnh Hồ Xung của mình bằng một tình yêu nồng thắm. Gặp các bạn đồng môn, cô hỏi thăm cả mười tiếng đại sư ca đâu rồi. Thấy cha chiếu theo môn quy đánh đòn Lệnh Hồ Xung, cô khóc. Nghe chuyện Lệnh Hồ Xung bị người khác truy tìm, cô kinh hãi. Lệnh Hồ Xung bị phạt giam trên núi cao, cô giành phần đưa cơm, lại giấu cho chàng một hũ rượu ngon để uống giải sầu. Thậm chí khi cha mẹ đi vắng, cô đã dám tìm lên ngọn núi cáo, ngủ qua đêm với Lệnh Hồ Xung trong sơn động, tất nhiên là không có việc gì bê bối xảy ra vì Kim Dung ít khi cho trai gái quan hệ tình dục trước hôn nhân. Một cô gái có mối tình đẹp như thế lại không cưỡng lại được trước gã “mặt trắng” Lâm Bình Chi. Vắng đại sư ca, cô dẫn Lâm Bình Chi đi luyện kiếm, hái nấm, dạo chơi trong núi Hoa Sơn rồi dạy Lâm học kiếm pháp. Tác giả không nói rõ trong tiểu thuyết nhưng ta vẫn biết rằng qua những ngày tháng gần gùi với Lâm BÌnh Chi, cô khám phá ra được Lâm là một tỷ phú. Ngoài trái tim chung

tình ra, Lệnh Hồ Xung chẳng có gì hết. Lâm thì có nhiều thứ: cái mã đẹp trai quyến rũ phụ nữ, vàng bạc châu báu đầy bao, cháu ngoại của một hào phú giàu nhất thành Lạc Dương và khúc sơn ca Phúc Kiến lạ tai: "Chị em lên núi hái chè…". Cho đến khi Lệnh Hồ Xung nghe được câu ca rặt âm hườnng dân ca Phúc Kiến đó, chàng mới biết Nhhạc Linh Sa đã bỏ mình đi theo mối tình mới. Khúc sơn ca Phúc Kiến nát ngọc tan vàng đã cuốn toàn bộ kỷ niệm tình yêu đầu đời trôi theo dòng nước lũ. Lệnh Hồ Xung chỉ còn biết đem niềm đau của mình kể hết cho Nhậm Doanh Doanh, người con gái ẩn thân trong ngõ Lục Trúc thành Lạc Dương nghe…

Nhưng tôi không hề phiền trách tư tưởng thực dụng trong cô gái mới 17, 18 tuổi này. Điều đáng phiền nhất là cô đã từng sống bên cạnh người đại sư ca trên mười mấy năm mà không hề hiểu được bản chất thật thà, trung hậu, ngay thẳng của Lệnh Hồ Xung. Cha cô đã vu cáo Lệnh Hồ Xung ăn cắp Tịch tà kiếm phổ nhà họ Lâm; theo gương cha, cô cũng cáo buộc Lệnh Hồ Xung đã giết bạn đồng môn, đã chém Lâm Bình Chi đến trọng thương và đã ăn cắp Tịch tà kiếm phổ của Lâm. Nói cách khác, cô hoàn toàn không hiểu được con người của Lệnh Hồ Xung. Có lẽ đó cũng là điều hết sức may mắn cho Lệnh Hồ Xung, bởi nếu chàng ta cưới một cô gái như vậy về làm vợ thì cuộc sống lứa đôi quả là sự trừng phạt không đáng có.

Toàn bộ những điều mà cô cáo buộc Lệnh Hồ Xung chỉ là những phỏng đoán. Thực sự, chính cha cô đã làm nên tất cả những màn kịch ấy. Nhưng nâng từ sự phỏng đoán trở thành niềm xác tín thì chỉ có Nhạc Linh San; cha cô không hề tham dự vào. Cho nên, khi đã thành vợ Lâm Bình Chi, hiểu được rằng chồng mình đã tự biến thành một gã tiểu thái giám, Nhạc Linh San mới rõ được tất cả. Lúc bấy giờ thì đã muộn, Lệnh Hồ Xung đã là người thuộc v6è Nhậm Doanh Doanh. Nhạc Linh San chỉ còn biết mượn bài thơ của Lý Thương Ẩn chép lên tấm lụa treo trên vách:

Phụng nữ ân cần biệt cố nhân
Tóc tơ vương vấn nợ hồng trần
Nhớ xưa luyến ái Hàn công tử
Xương trắng thành tro hận chửa tan.

Cô đã bị chính chồng mình là Lâm Bình Chi giết. Hắn đã trở thành kẻ bất nam bất nữ, đâu có thích phụ nữ. Khi chết đi, vị phu nhân này hãy còn là một trinh nữ… Đọc đến đây, tôi cảm thấy xót thương cho Nhạc Linh San. Cô sống đã không có hạnh phúc, chết đi lại mang mối hận ngàn đời. Cuối cùng, con người thực dụng ấy lại quay về với bản chất làm người tốt đẹp nhất, lại biết quý chút kỷ niệm, chút tình đầu thơ ngây, trong sáng.

Nhớ xưa luyến ái Hàn công tử
Xương trắng thành tro hận chửa tan.

Ba người ngu nhất thiên hạ

Ngày 25-8-2001, NXB Văn Học và Công ty Phương Nam đã được phép chính thức phát hành bản dịch hai bộ Tiếu ngạo giang hồ và Xạ điêu anh hùng truyện của Kim Dung tại Việt Nam. Tôi xem đây là một sự kiện văn học có ý nghĩa bởi ước vọng giới thiệu tác phẩm Kim Dung đến với đông đảo bạn đọc Việt Nam của mình đã hoàn thành. Nhân đây, xin bàn về 3 nhân vật ngu nhất thiên hạ trong Tiếu ngạo giang hồ để giải khuây cho bạn đọc.

Sinh ra ở trên đời, người ta sợ nhất là sự khuyết tật bẩm sinh mà điều kiện y học cổ ngày xưa không sửa chữa được. Có những khuyết tật do điều kiện khách quan như bị vũ khí đâm, bị té ngã, bị bạo bệnh. Khuyết tật nào cũng khiến cho người ta lo sợ, sinh ra mặc cảm tự ti, đau khổ. Thánh cô Nhậm Doanh Doanh, người mà tôi bình chọn là một trong mười mỹ nhân trong tác phẩm Kim Dung, bị Đông Phương Bất Bại dùng kim thêu đâm trúng một vết nhẹ trên má, chảy ra một chút máu là đã lo sợ nhan sắc suy bại không phải là không có cơ sở.

Với một thân thể khỏe mạnh và không bị khuyết tật, con người cảm thấy hạnh phúc. Cấu tạo thân thể con người không thể có cái gì là thừa, cũng chẳng có gì đáng gọi là thiếu. trong cơ thể, ấy bộ phận sinh dục là nơi quan trọng bợi các chức năng truyền giống, tiết niệu và chức năng xác định giới tính đặc thù của nó. Nó quan trọng đến nỗi đạo Bà La Môn nâng lên thành vật tổ, tạc tượng bộ Linga và Yoni thờ cúng trong các thánh địa. Ấy vậy mà trong Tiếu ngạo giang hồ lại có 3 nhân vật ngu nhất thiên hạ khi đã đưa dao tự cắt (dẫn đao tự cung) bộphận sinh dục của mình, trở thành kẻ ái nam ái nữ thứ thiệt chẳng ra cơm ra cháo gì cả. Ba người ngu đó là Nhạc Bất Quần, Lâm Bình Chi và Đông Phương Bất Bại.

Nhạc Bất Quần là chưởng môn phái Hoa Sơn trong Ngũ nhạc kiếm phái. Lão có khuôn mặt đẹp, trẻ mãi không già, lại có phong cách ung dung tiêu sái, có vẻ như một nhà túc nho. Ngoại hiệu của lão là Quân tử kiếm. Vợ của lão là Ninh Trung Tắc, một người nổi tiếng xinh xắn, giỏi giang, ngay thẳng, kiếm pháp cao cường. Thế nhưng lão chỉ sinh được một cô con gái duy nhất. Thân danh đã là đến chức chưởng môn một phái lớn; nhà nước phong kiến cũng không buộc các nhà nho phải… kế hoạch hoá gia đình, không sinh con thứ hai; nhà nước phong kiến cũng không cấm nhà nho cưới thêm vợ để sinh ra một đứa con trai. Nói tóm lại là chẳng có ai cấm cản Nhạc có con trai để nối dõi.

Ấy vậy mà lão ngu xuẩn nuôi tham vọng luyện Tịch tà kiếm pháp để trở thành nhân vật đệ nhất, gồm thâu Ngũ nhạc kiếm phái thành một phái duy nhất, chia ba chân vạc với hai phái Thiếu Lâm và Võ Đang. Câu đầu tiên trong Tịch tà kiếm phổ mới thật là ác hại: “Dẫn đao tự cung dĩ đăng phong tháo cực” (Vung dao tự thiến mới đạt được trình độ đăng phong tháo cực). Và lão đã “vung” luôn để luyện. Hành vi ấy có thể lừa được người trong thiên hạ nhưng không thể lừa được bà Ninh Trung Tắc. Việc lão xao nhãng chuyện chăn gối với vợ, việc lão rụng râu trong chăn mỗi ngày và tiếng nói càng ngày càng eo éo

khiến cho bà biết chồng mình đã trở thành người ái nam ái nữ. Và bà cũng là người đầu tiên hiểu ra lão đã ăn cắp bộ Tịch tà kiếm phổ của nhà họ Lâm, đã vu cáo cho học trò mình là Lệnh Hồ Xung ăn cắp để đánh lừa dư luận. Tôi gọi Nhạc Bất Quần là người ngu đệ nhất trong các nhân vật võ hiệp của Kim Dung.

Người ngu thứ nhì trong Tiếu ngạo giang hồ là gã Lâm Bình Chi, thiếu chủ Phước Oai tiêu cục thành húc Châu, tỉnh Phúc Kiến. Lâm Bình Chi là con của Lâm Chấn Nam, chắt nội của Lâm Viễn Đồ. Kim Dung mô tả tường mạo của gã rất đẹp, cũng có phong cách của một nhà nho nho nhã. Mà lạ là dòng dõi của Lâm Viễn Đồ chỉ có một cây sinh một trái; Lâm Bình Chi là con trai độc nhất của Lâm Chấn Nam.
Đúng là phái Thanh Thành xuống Phúc Kiến đánh Phước Oai tiêu cục tìm Tịch tà kiếm phổ, khiến vợ chồng Lâm Chấn Nam chết, cơ nghiệp tiêu cục tan tành. Khi Lâm Bình Chi lưu lạc, muốn học võ thành tài để trả thù cho cha mẹ, người đọc cho là có hiếu. Người đọc cũng cho khát vọng trả thù của Lâm là tự nhiên. Cho nên việc gã bái Nhạc Bất Quần làm sư phụ để trở thành môn hạ phái Hoa Sơn là chuyện bình thường.

Lên núi Hoa Sơn, Lâm Bình Chi "gù" được con gái của Nhạc Bất Quần. Hoa Sơn kiếm pháp dư sức thắng Thanh Thành kiếm pháp, việc trả thù cho cha mẹ gã có thể nói là ở trong tầm tay. Là rể của Nhạc Bất Quần, Lâm đương nhiên sẽ là chưởng môn phái Hoa Sơn sau này. Vả chăng, người Trung Quốc có câu: "Quân tử báo thù, mười năm chưa muộn". Lâm là người có học, lẽ nào không hiểu ra được điều ấy. Thế nhưng khi cướp lại được Tịch tà kiếm phổ do tằng tổ Lâm Viễn Đồ chép trong áo cà sa, Lâm cũng u mê "dẫn đao tự cung" để luyện. Cha của gã đã di ngôn: "Không được giở ra xem", gã cũng vẫn giở xem, bất chấp lời cha. Khi Nhạc Bất Quần gả con gái cho gã, Lâm Bình Chi và Nhạc Linh San kết nghĩa vợ chồng là hữu danh vô thực. Than ôi, đang tuổi thanh xuân mà tự "dẫn" để trở thành kẻ ái nam ái nữ, không dám ngủ chung giường với cô vợ trẻ, cái ngu ấy tưởng trên đời không còn cái ngu nào lớn hơn.

Người ngu thứ ba trong Tiếu ngạo giang hồ là Đông Phương Bất Bại. Đúng như tên gọi, Đông Phương Bất Bại chưa bao giờ biết đến chữ thu. Võ công lão cao cường, lão lại là phó giáo chủ của Triêu Dương thần giáo; cái ngôi giáo chủ của lão chỉ là vấn đề ngày một ngày hai. Vậy mà…

Tiền nhiệm giáo chủ của Triêu Dương thần giáo là Nhậm Ngã Hành nhìn thấy được tham vọng của Đông Phương Bất Bại. Nhậm bèn "thuốc" lão: đưa Quỳ hoa bảo điển cho lão "ngâm cứu". Lão thấy "ngon ăn", giở ra thấy bốn chữ "Dẫn đao tự cung", bèn "vung" luôn để luyện. Kết quả: võ công lão đạt đến mức độ kinh người, còn bản thân thì trở thành ái nam ái nữ. Lão đâm ra sủng ái gã Dương Liên Đình, một tay bộ thuộc khỏe mạnh. Suốt ngày, lão nằm trong phòng kín thơm lựng mùi nước hoa để thêu thùa, giao công việc điều khiển giáo vụ cho Dương để kết cuộc lão bị Nhậm Ngã Hành giết chết, đoạt lại ngôi giáo chủ.

Tự thiến mình là hành vi tự huỷ hoại thân thể, đi ngược lại quy luật tự nhiên. Huỷ hoại bộ phận "ấy", cho dùng với mục đích nào, cũng là hành vi ngu xuẩn, bất bình thường. Có một chút như vậy để "giải trí lành mạnh" mà nỡ từ chối, tự làm cho mình nam không ra nam, nữ không ra nữ, thiệt là đại ngu. Chết sướng hơn!

Khang Hy

Khang Hy (1654-1722) lên ngôi năm 1662, ở ngôi 60 năm, thọ 68 tuổi, được lịch sử Trung Quốc coi là một vị minh quân dù nhà vua là người xuất thân từ chánh Hoàng kỳ, dân tộc Mãn Châu, bộ tộc Ái Tân Giác La (Aisin Gioro). Đối với người Trung Quốc, ai không thuộc dòng Hán tộc thì bị coi là Di Địch. Khang Hy là Di Địch, trở thành đối tượng của muôn vạn người Trung Quốc là chuyện đương nhiên. Thế nhưng, 60 năm trị vì của ông là 60 năm thái bình, phát triển rực rỡ.

Người Trung Quốc nhận ra được một vua Khang Hy Di Địch tốt hơn gấp bội lần những hôn quân vô đạo của Minh triều Hán tộc. Cái khái niệm trung quân hẹp hòi của các nhà nho, trong đó có sự can thiệp của chủ nghĩa dân tộc cực đoan bị lung lay đến tận gốc rễ. Chỉ có một số nhà nho cỡ Lữ Lưu Lương, Tra Y Hoàng, Trần Cận Nam và tổ chức Thiên Địa hội của Đài Loan mới coi Khang Hy là thù địch. Và họ đã gánh chịu thất bại cùng với phong trào "phản Thanh phục Minh" của họ.

Trong Lộc Đỉnh ký của Kim Dung, ta bắt gặp một ông vua Khang Hy thiếu niên đầy tính trẻ thơ. Cũng giống như bao trẻ thơ khác, nhà vua chán ngán những bữa ăn ngự thiện đầy nghi lễ, có kẻ hầu người hạ bốn bên, có bọn thái giám ân cần phục dịch. Nhà vua chỉ thích được ăn vụng ngay tại ngự trù phòng những món ăn mà mình khoái khẩu như bánh da lợn, bánh chiên… Cũng những thức ăn đó nhưng được bọn thái giám dọn lên, hầu hạ để ăn một mình trong cung điện đìu hiu của mình thì nhà vua lại cảm thấy chán ngán. Cũng chính nhờ chuyện thích ăn vụng mà nhà vua đã gặp được một anh bạn nhỏ giả thái giám là Vi Tiểu Bảo.

Cũng giống như bao trẻ thơ khác, nhà vua thiếu niên này rất dễ tiêm nhiễm thói… chửi tục. Khi chơi với Vi Tiểu Bảo, một tiểu lưu manh chửi tục đã "có nghề" thành Dương Châu, nhà vua mới nhận ra các câu "khải bẩm thánh thượng", "chúc thượng anh minh" gì gì đó toàn là những câu sáo ngữ, tào lao. Ngược lại, hệ thống ngôn ngữ đầu đường xó chợ, du côn du kề cỡ như "quân rùa đen, phường chó đẻ, con mẹ nó, tổ bà nó…" nghe thật dễ nhớ, dễ hiểu, dễ chịu cái lỗ tai. Nhà vua cảm thấy cao hứng khi được chửi tục. Điều đáng tiếc là nhà vua chỉ được chửi tục, nó bậy trước mặt Vi Tiểu Bảo; còn khi lâm triều thì nhà vua lại phải ăn nói theo đúng khuôn phép của một hoàng đế. Mà ăn nói theo khuôn phép lại khiến nhà vua cảm thấy khó chịu, đặc biệt là những câu nình nọt của bọn trọng thần. Thí dụ như câu "Thánh thượng vạn tuế" được bọn triều thần tung hô mỗi khi thiết triều chẳng những đã không làm cho Khang Hy vui sướng mà lại khiến cho nhà vua cảm thấy đó là lời tôn xưng láo toét: "Con mẹ nó, làm gì mà sống được đến mười ngàn

tuổi (vạn tuế)”. Khang Hy là một nhà vua khá thực tế, chỉ muốn nghe được những ý kiến giản dị, phù hợp với từng hoàn cảnh cụ thể. tiếc thay, từ các cố mệnh đại thần cho đến thượng thư, từ các học sĩ đến thị lang đều ăn nói theo kiểu bợ đít. Cho nên hệ thống ngôn ngữ thô tục, dân dã, sặc mùi lưu manh của Vi Tiểu Bảo đã làm cho nhà vua dễ nghe và tiêm nhiễm.

Kim Dung xây dựng một Khang Hy sớm biểu lộ hùng tài đại lược khi còn tuổi vị thành niên. Lúc rảnh rỗi, nhà vua thường ngồi trong ngự thư phòng, đọc sách. Dù gã trọng thần Ngao Bái - đệ nhất dũng sĩ Mãn Châu - từng can ngăn nhà vua là sách sử do người Hán để lại toàn là nọc độc, nên đốt đi là hơn nhưng nhà vua vẫn đọc. Từ các sách sử đó, nhà vua tìm hiểu tâm hồn người Trung Quốc, nhân ra các sai lầm của các hôn quân bạo chúa Hán tộc, tìm ra những tư tưởng mới mẻ của các nhà nho Hán tộc yêu nước để định hình cho đường lối cai trị của Thanh triều.
Nên nhớ rằng Bát kỳ Mãn Châu tuy mạnh về quân sự nhưng lại kém về chính trị. Tám bộ tộc ô hợp chiếm được một đất nước trung Quốc với mấy trăm triệu người chỉ với trên dước 10 vạn quân. Vua Thuận Trị lên ngôi mở ra nhà Thanh trên đất Trung Quốc chỉ ở ngôi được 19 năm. Trong 19 năm đó, loạn lạc bốn phương, người Trung Quốc “phản Thanh phục Minh” khơở nghĩa khắp nơi, giương cao ngọn cờ chống Di Địch. Hậu duệ nhà Minh (tức họ Chu) lần lượt lập nên bốn ông vua Quế vương, Đường vương, Phúc vương, Lỗ vương để có người đứng ra hiệu triệu công cuộc phản Thanh. Bọn nhà nho có đầu óc bảo thủ họp nhau lại viết bộ Minh thư tập lược, một cuốn lịch sử của triều Minh, lấy toàn niên hiệu các vua triều Minh với ý đồ khơi dậy ý thức phục Minh. Bọn văn sĩ thì viết văn, làm thơ kể tội nhà Thanh rồi in lén hoặc truyền bá theo cách rỉ tai trong cách nhóm nhỏ. Trong các trà thất, bọn thầy đồ ngheo đem sách sử Trung Quốc (cũ) ra kể cho nhiều người nghe. Chuyện tuy thuật về chiến thắng thời Đường - Tống mà kỳ thực là để khơi dậy niềm tự hào dân tộc về các “tiền triều”.

Khang Hy đã thực hiện chương trình nội trị khéo léo, kết hợp chính trị với quân sự. Trước hết, nhà vua thu phục lòng dân bằng cách xây dựng toà trung liệt từ ở Dương Châu, mở kho chẩn tế cho dân nghèo đảo Đài Loan sau cơn bão lụt. Nhà vua trị tội tên phản thần Ngao Bái, nhân vật mà Hán tộc căm ghét hạng nhất và tịch thu gia sản sung công quỹ. Nhà vua sớm nhận ra âm mưu tạo phản của Bình Tây vương Ngô Tam Quế ở Vân Nam, nhân vật mà trăm vạn dân Hán tộc đều gọi là Hán gian. Chính Ngô Tam Quế đã mở cửa Sơn Hải quan rước quân Thanh vào, đầu hàng Thanh triều, trở thành tiên phong tiến đánh Bắc Kinh, truy đuổi Đường vương tới Miến Điện (Myanmar) và giết Đường vương ở đó. Được phong tước Bình Tây vương, Ngô Tam Quế củng cố binh lực ở Vân Nam, giương cờ chống là Khang Hy với chiêu bài “hưng Minh thảo Lỗ” nhưng không được trăm họ Hán tộc hưởng ứng. Khang Hy triệt các phiên vương Ngô Tam Quế, Thượng Khả Hỷ, Cảnh Tinh Trung cho trăm họ vui lòng.

Đối với lực lượng đối kháng có tổ chức là Thiên Địa hội do Trần Cận Nam lãnh đạo,

nhà vua có một đối sách khác. Về mặt danh nghĩa, Thiên Địa hội đặt dưới sự chỉ huy của Đài Loan vương Trịnh Thành Công nhưng về mặt tổ chức, Thiên Địa hội thực sự hoạt động ở nội địa, đặc biệt là các tỉnh Đông – Nam như Triết Giang, Phúc Kiến, Quảng Đông, Quảng Tây. Bởi họ dàn trải lực lượng trên 17 tỉnh, nên đội ngũ của họ ô hợp, trong quần hùng có nhiều nhân vật thuộc loại hữu dũng vô mưu. Khang Hy đã “đánh” người của mình vào trong tổ chức này, nắm vững tất cả các hoạt động chống đối của họ và cuối cùng quăng một mẻ lưới, tóm gọn tất cả. Trịnh Khắc Sản, con của Đài Loan vương Trịnh Thành Công, đầu hàng. Đảo Đài Loan trở về với lục địa Trung Quốc.

Kim Dung xây dựng một nhân vật Khang Hy khá độ lượng. Nhà vua đọc các lý luận, các sách sử của bọn nhà nho Hán tộc đương thời viết ra với sự cảm nhận thật khách quan. Đám quyền thần phía dưới thì cho rằng các loại sách ấy mang mầm mống phản nghịch, cứ đặt điều tâu rỗi với nhà vua. Nhưng Khang Hy trọng văn học, quý tài năng. Nhà vua hiểu rằng bọn Bát kỳ Mãn Châu không thể có những tư duy, những tài năng như vậy. Cái mà họ gọi là trung quân, xin nhà vua dẹp hết tư tưởng phản nghịch trong đám nho gia Hán tộc thực sự chỉ là mặc cảm tự ty của những người ít học, chỉ biết cai trị theo lối phân biệt chủng tộc và chỉ thấy được sức mạnh của lưỡi kiếm. Điều hiển nhiên là Bát kỳ Mãn Châu không thể cai trị được một Hán tộc mấy trăm triệu người nếu không có một đối sách nội trị nhân từ, khiêm ái. Khang Hy có được cái bén nhạy của một nhà chính trị kiệt xuất nên xã hội Trung Quốc dưới triều Khang Hy là xã hội thái bình, thịnh trị.

Sách lược đối ngoại của nhà vua cũng tuyệt diệu không kém. Khám phá được âm mưu liên kết của Mông Cổ, Tây Tạng, Nga La Tư (La Sát) và bọn Thần long giáo - một giáo phái phản động ở quần đảo Liêu Đông, Khang Hy đã tìm cách phá mối liên minh đó. Nhà vua đem chức chuẩn Cát Nhĩ Hãn (vua dự bị) ra để dụ vương tử Cát Nhĩ Đan của Mông Cổ; tăng thêm một ngôi vị Tang Kết Hoạt Pậht bên cạnh Đạt Ma Hoạt Phật ở Tây Tạng. Đối với Thần long giáo và đoàn quân xâm phạm biên giới của Nga La Tư, nhà vua chủ trương nói chuyện bằng súng. Để chuẩn bị cho hai cuộc chiến tranh đó, Khang Hy đã mời 2 cố đạo Tây dương là Nam Hoài Nhân và Thang Nhược Vọng giám đốc công việc đúc súng đại bác. Người Trung Hoa là dân tộc đầu tiên trên thế giới chế ra thuốc pháo nên chuyện chế tạo hoả dược là ra đạn trọng pháo đối với họ là chuyện bình thường. Điều bất ngờ đối với quân Nga La Tư ở mặt trân biên giới là họ đã bị trọng pháo của nhà Thành bắn trúng thành luỹ. Trước nay, họ nghĩ quân Thanh chỉ biết đánh nhau bằng ngựa và gươm giáo.

Cuộc chiến tranh Trung – Nga diễn ra ở biên giới hai nước được Kim Dung diễn tả một cách khá hài hước với sự hiện diện của “bá tước” Vi Tiểu Bảo, tư lệnh các tập đoàn quân Thanh. Cái kiểu đánh nhau vừa bằng vũ khí vừa bằng tiểu xảo lưu manh, cái kiểu thương thuyết để ký hoà ước Hắc Long Giang vừa bằng phương pháp ngoại giao vừa bằng lý luận cù cưa cù nhầy kiểu đầu đường xó chợ đã nói lên tài “dùng người” của Khang Hy. Người Trung Quốc cho rằng người Nga La Tư (La Sát) là quân bá đạo, phải có một tay

lưu manh cỡ Vi Tiểu Bảo, dùng bá đạo trị bá đạo thì mời gọi là xứng đôi vừa lứa! Và cuối cùng, tư lệnh Vi Tiểu Bảo của quân Thanh với tư lệnh Phí Diêu Đa La (Féodore) của quân Sa hoàng Nga đã ký với nhau hoà ước Hắc Long Giang năng 1864.

Trong chính sử Trung Quốc, Sách Ngạch Đồ thay mặt Khang Hy và Phí Diêu Đa La thay mặt Sa hoàng ký hoà ước này. Đây là một hoà ước thắng lợi hoàn toàn cho Thanh triều: 2 tỉnh Tân Hải và A Mộc Nhĩ của nước Nga thuộc về Trung Quốc; đất Trung Quốc rộng thêm 80 vạn dặm vuông Anh. Trong lịch sử Trung Quốc, chưa có thời nào đất Trung Quốc rộng như thời Khang Hy. Hoà ước đã giữ cho nhân dân 2 nước sống yên vui thanh bình trong suốt 150 năm. Chỉ tiếc rằng các vua sau này của nhà Thanh nhu nhược, suy bại; diện tích nước Trung Quốc bị thu hẹp lại, người Trung Quốc trở thành tôi mọi trước cuộc tiến công xâm lược của Bát quốc liên quân. Nhưng thôi, chuyện ấy không liên quan gì đến Khang Hy và Lộc Đỉnh ký.

Khang Hy là một ông vua sáng suốt nhất của 13 triều đại nhà Thanh trên đất Trung Quốc. Bởi vì nhà vua là người Mãn Châu nên Kim Dung phải đem gã hề Vi Tiểu Bảo "bổ sung" chất Hán tộc cho nhà vua. Khang Hy và Vi Tiểu Bảo như hình với bóng. Đem cái ngay thẳng, sáng suốt trộn với cái lưu manh, không vặt âu cũng là một công thức sống. Chẳng vậy mà khi Vi Tiểu Bảo trốn đi, Khang Hy đã cho người đi tìm. Nên nhớ là rằng tên giả của Khang Hy là Tiểu Huyền Từ và tên giả của Vi Tiểu Bảo là Tiểu Quế Tử. Họ là 2 thằng nhỏ, một người làm vua, một người làm quan lớn. Bọn trẻ ba hoa khiến các ông già ngơ ngác. Tuy thời ấy, chưa ai nghe nói đến việc "trẻ hoá đội ngũ lãnh đạo" nhưng rõ ràng qua Lộc Đỉnh ký, Kim Dung đã cho người đọc biết thế nào là thành công của sự trẻ hoá. Tác phẩm đem lại nụ cười chứ không phải là tư tưởng chính trị bởi Lộc Đỉnh ký là tiểu thuyết chứ không phải là văn kiện báo cáo. Chuyện trẻ hóa chỉ là chuyện nói chơi.

Thử bình bầu chín vị anh hùng

Trở thành người anh hùng trong chế độ quân chủ luôn luôn là khát vọng của người đàn ông chân chính. Chính vì vậy mà tiểu thuyết cổ điển thường xây dựng hai loại hình nhân vật lý tưởng: anh hùng và giai nhân. Tôi đã bàn tới mười mỹ nhân trong tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung. Tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung có đến 12 bộ, tôi xin góp ý lạm bàn để chọn chín vị anh hùng. Làm công việc này quả thật mạo muội vì nếu chỉ chọn chín người, tất phải bỏ đi bớt một số nhân vật trung tâm mà tác giả đã dày công xây dựng và ban đọc mến mộ. Cho nên tôi mới xin được phép dùng ba chữ thử bình bầu...

1. Kiều Phong Người anh hùng thứ nhất tôi xin chọn là Kiều Phong (tức Tiêu Phong) trong Thiên Long bát bộ. Nhân vật này không thuộc nòi Đại Hán, lại là quân Liêu cẩu; mặt vuông tai lớn, tướng mạo đường đường. Kiều Phong bị kết tội khai man lý lịch nhằm leo lên cao thọc sâu, lên làm bang chủ Cái bang, Trung Quốc rồi sau đó sẽ bán đứng Trung Quốc cho rợ Khất Đan. Ba mươi tuổi, uống rượu như nước lã, võ công cao cường,

ngôi vị tột đỉnh. Kiều Phong đúng là mẫu người của quyền lực cổ điển Trung Quốc. Ba mươi tuổi, ông không hề biết say mê nhan sắc, không thèm nhìn cô hoa khôi vợ của bạn một cái đến nỗi cô căm thù, tìm mọi cách để cô công bố cái lý lịch Khất Đan của ông.

Kiều Phong bỏ ngôi vị ra đi, cứu A Châu rồi yêu thương A Châu. Tình yêu đau đớn ấy đẩy lên tột đỉnh khi ông ngộ sát A Châu. Ông bỏ Trung Quốc về Khất Đan, trở thành nam Viện đại vương, nắm hết binh quyền nước này. Hoàng đế vừa ra lệnh cho ông tấn công đánh xuống triều Tống vừa để trả thù nhà, vừa để đền ơn nước. Nhưng ông yêu hoà bình nên không thể để cho trăm họ lầm than vì chiến tranh. Ông đã tự xử lấy mình để giải quyết toàn bộ nghịch lý, mâu thuẫn mà cuộc sống và lịch sử nghiệt ngã đã dành cho ông. Mũi tên chó sói, biểu tượng nguồn sống và đời sống của người Khất Đan, trở thành phương tiện giải thoát cho Kiều Phong.

Kiều Phong là người anh hùng của bi kịch, hoàn toàn không giống bất kỳ người anh hùng nào trong suốt chiều dài lịch sử Trung Quốc. Có lẽ khi xây dựng nhân vật này, Kim Dung đã đầu tư toàn bộ tài hoa và tâm tình của ông vào cho nhân vật. Kiều Phong hay đến nỗi mới thoạt nhìn chỉ thấy mặt vuông tai lớn thô hào mộc mạc nhưng trí óc cực kì thông minh và trái tim cực kì mẫn cảm. Ngay đến khi đánh nhâu, ông cũng tính kĩ làm sao chỉ đánh một đòn mà kiềm chế ngay địch thủ, làm sao để kiềm chế địch thủ mà không gây thương tích để khỏi xao xuyến lòng người. Đối với ai,ông cũng khiêm ái, ôn hoà, trung trực; trong tình yêu ông còn trung thực hơn. Ông chỉ yêu A Châu, và ngoài A Châu ra, ông không còn yêu thương ai nữa.

Kiều Phong không theo Khổng, Phật, Lão; không rặt Trung Quốc cũng không rặt Khất Đan. Ông chỉ sống và làm một con người chân chính. Gần như ông chống lại kịch liệt kiểu mẫu người anh hùng truyền thống của Trung Quốc: không muốn làm quan, chống lại lệnh vua, không ham lạc thú tình dục. Một con người như vậy mà cuộc đời diễn ra đầy bi kịch trước Nhạn Môn Quan. Tôi ca ngợi Kim Dung khi ông rất công bằng: nhìn thấy phẩm chất Khất Đan cao hơn phẩm chất Hán tộc dù Kim Dung một trăm phần trăm Hán tộc. Và tôi gọi Kiều Phong là đệ nhất đại anh hùng.

2. Hư Trúc Nhân vật anh hùng thứ hai tôi xin dành cho nhà sư Hư Trúc. Về mặt cái lý lịch, anh hùng này không có tên họ rõ ràng. Chữ Hư Trúc (cây trúc rỗng) chỉ là pháp danh chùa Thiếu Lâm đặt cho. Cha Hư Trúc là Huyền Từ, phương trượng chùa Thiếu Lâm; mẹ là Diệp Nhị Nương, một phụ nữ xinh xắn nhưng lãng mạn. Họ lặng lẽ thương yêu nhau rồi Diệp Nhị Nương có bầu sinh ra Hư Trúc. Bị kẻ thù bắt cóc khi mới ba tháng tuổi, Hư Trúc bị đem bỏ ở...chùa Thiếu Lâm, được phái này nuôi và trở thành một nhà sư cô nhi. Cuộc đời Hư Trúc cũng đầy bi kịch bởi Huyền Từ phương trượng không biết được đứa cô nhi ấy là con ruột mình. Văn hoá Hư Trúc tương đối kém, chỉ đủ để đọc kinh Phật và ngũ giới cấm.
Thế nhưng nhà sư trẻ này đạo hạnh tuyệt vời, Phật lực cao cường không chê vào đâu

được. Bị chính... mẹ mình bắt làm tù binh đưa vào một chỗ các cao thủ đang đánh cờ, Hư Trúc đánh bậy một nước mà xở được thế cờ bí lối trăm năm của phái Tiêu Dao, trở thành người truyền nhân của phái này. Phái Tiêu Dao chuyên tuyển đàn ông cực đẹp, Hư Trúc lại xấu ma chê quỷ hờn. Việc tuyển hoà thượng Hư Trúc làm truyền nhân là một sự phá lệ của phái Tiêu Dao, xúc phạm trầm trọng đến tính thẩm mỹ.

Thấy một bé gái sắp bị giết, Hư Trúc ra tay cứu ngay. Hoá ra đó là Thiên Sơn Đồng Mỗ của cung Linh Thứu núi Phiêu Diễu. Đồng Mỗ bắt Hư Trúc đưa qua Tây Hạ giấu trong hầm nước đá, ép buộc Hư Trúc phải ăn mặn và... ngủ với công chúa Tây Hạ. Nhà sư của chúng ta đau đớn nhận ra rằng cuộc sống của người phàm cực kì hấp dẫn hơn hẳn cuộc sống của nhà sư Thiếu Lâm. Đắc thủ võ công và nỗi lực của hai chị em Thiên Sơn Đồng Mỗ, Hư Trúc trở thành cung chủ cung Linh Thứu, cai trị dưới tay cả ba bốn ngàn mụ đàn bà và hàng vạn bàng môn tả đạo ba mươi sáu động bảy mươi hai đảo. Ấy vậy mà nhà sư vẫn đứng đắn, cứ kêu bọn đệ tử của mình là tỷ tỷ.

Võ công của Hư Trúc cực kì cao cường, đánh cho quốc sư Thổ Phồn Cưu Ma Trí te tua, trị Đinh Xuân Thu của phái Tinh Tú sát ván. Nhưng nhà sư của chúng ta vẫn rất khiêm tốn để cho phái Thiếu Lâm đánh 100 côn tội phạm Ngũ giới cấm. Lên Làm cung chủ, Hư Trúc vẫn chưa có tên họ, chỉ thêm một chữ Tử vào sau làm Hư Trúc Tử để có vẻ đạo sĩ một chút, dễ dàng phân biệt với các tăng nhân phái Thiếu Lâm. Lù khù có ông cù độ mạng, ham vui mà qua Tây Hạ chơi, Hư Trúc Tử lại tìm đúng ra nàng... công chúa đã ngủ với mình. Gã xú hoà thượng trở thành phò mã một đế quốc hùng mạnh.

Thủ pháp xây dựng nhân vật Hư Trúc của Kim Dung cực kì tài hoa. Cả cuộc đời chàng này gặp toàn cơ duyên tốt đẹp mặc dù anh chưa bao giờ tìm kiếm. ĐÚng ra anh chỉ mong được làm một tiểu tăng chùa Thiếu Lâm, ngày hai bữa chay, tối niệm kinh Phật nhưng Kim Dung đã đẩy anh lên làm một vị anh hùng sáng giá trong thiên hạ. Bản lĩnh cao cường, tài năng quán chúng, thật thà trung hậu, giàu lòng nhân ái, lại làm rể một ông vua, làm tổng tư lệnh một lực lượng giang hồ - cái đó không phải một người anh hùng là gì, hở trời?

3. Trương Vô Kỵ. Tôi chọn Trương Vô Kỵ, còn có tên giả là Tăng A Ngưu, con trai của Trương Thuý Sơn và Hân Tố Tố, nhân vật chính trong Ỷ thiên Đồ long ký, là nhân vật anh hùng thứ ba.Tấm lòng của Trương Vô Kỵ rất nhân hậu, mười lăm tuổi đã dám dắt em bé Bất Hối sáu bảy tuổi vượt qua hàng chục ngàn dặm lên Thiên Sơn tìm cha.

Con người trai trẻ ấy may mắn học được Cửu Dương thần công, học được Võ Đang quyền pháp, Càn khôn đại nã di tâm pháp; võ công đắc thủ hai thứ chính tà, lại học được nghề làm thuốc cứu người! Con người ấy mới hai mươi tuổi đã xả thân cứu quần hào Minh giáo, chịu đem tấm thân cho người ta đánh đập để hoá giải tất cả mọi hận thù. Và cũng chính con người ấy mới hai mươi tuổi đã làm giáo chủ một giáo phái yêu nước, lãnh đạo những người Trung Quốc yêu nước đứng lên khởi nghĩa chống quân Nguyên xâm

lược. Con người ấy biết đặt Tổ quốc Trung Hoa, dân tộc Trung Hoa trên hết, gạt bỏ những khát vọng quyền lực và tự ái cá nhân để cho cuộc kháng chiến thành công. Hãy đọc lại đoạn Chu Nguyên Chương phản Trương Vô Kỵ, đem Vô Kỵ và Triệu Mẫn giam vào đại lao. Với bản lĩnh thần thông ấy, Vô Kỵ giết Chu Nguyên Chương chỉ cần một ngón tay. Nhưng cuộc khởi nghĩa ở Hoài Tứ chỉ biết Chu Nguyên Chương là thủ lĩnh chứ không biết tới Trương Vô Kỵ. Vô Kỵ lặng lẽ mở xiềng khoá, dẫn người tình ra đi để Chu Nguyên Chương tiếp tục lãnh đạo cuộc khởi nghĩa. Tôi cho tầm nhận thức ấy là tầm nhận thức của bậc đại trí tuệ mà chỉ có người anh hùng sáng suốt nhất mới có thể tư duy và hành xử như vậy.

Trong tình yêu, Vô Kỵ cũng là bậc anh hùng. Vô Kỵ có bốn cô bạn gái xinh đẹp: Châu Nhi (em cô cậu), Triệu Mẫn (đại hoa hậu Mông Cổ, quận chúa), Chu Chỉ Nhược (chưởng môn phái Nga Mi) và Tiểu Siêu (thánh sứ nữ Bái hoả giáo Ba Tư). Châu Nhi luyện võ, nhan sắc xấu đi, lại bị chứng tâm thần phân liệt nhưng Vô Kỵ vẫn yêu cô và muốn cưới cô làm vợ. Châu Nhi chết, Vô Kỵ định cưới Chỉ Nhược nhưng Triệu Mẫn đến... phá đám. Vô Kỵ yêu Tiểu Siêu. Nhưng Tiểu Siêu phải về Ba Tư lên ngôi giáo chủ để cứu mạng cho mẹ già. Cuối cùng, Vô Kỵ yêu đỡ kẻ thù xinh đẹp và thông minh của mình: Triệu Mẫn.

Nhân loại có thể đánh nhau đến chết về chủ nghĩa dân tộc, chủ nghĩa yêu nước. Thế nhưng không ai cấm được hai kẻ thù của hai dân tộc khác yêu nhau. Tình yêu của Vô Kỵ và Triệu Mẫn thật lý tưởng: họ đánh nhau đến đầu rời máu chảy, phóng hoả đốt nhà để rồi tối đến, họ lại gặp nhau trong quán rượu, ngồi đối ẩm nói chuyện tâm tình. Cuối cùng, Vô Kỵ làm một việc hết sức nghiêm túc: kẻ lông mày cho Triệu Mẫn. Chuyện ấy cũgn lớn lao như chuyện chống quân Nguyên cứu nước Trung Hoa. Chính vì vậy, tôi gọi Vô Kỵ là đại anh hùng.

4. Trương Thuý Sơn Trương Thuý Sơn là cha Trương Vô Kỵ, chồng của Hân Tố Tố, đệ tử thứ năm của Trương Tam Phong phái Võ Đang. Ỷ thiên Đồ long ký chỉ nói về Trương Thuý Sơn có 4 chương nhưng tôi vẫn bầu nhân vật này là người anh hùng thứ tư trong toàn bộ tác phẩm Kim Dung.

Trương Thuý Sơn học võ nhưng lại là một nhà thư pháp học. Trong cuộc chiến đấu không cân sức trước Tạ Tốn, Trương Thuý Sơn đã dùng cây bút sắt của mình viết lên tảng đá bài ca quyết truyền miệng:

Võ lâm chí tôn
Bảo đao Đồ long
Hiệu lệnh thiên hạ
Mạc cảm bất tòng
Ỷ Thiên bất xuất
Thuỳ dữ tranh phong.

Hai mươi bốn chữ viết với phong cách hình như phóng túng lưu loát, bao gồm tinh

thần, ý chí, nội lực, thủ pháp khiến Tạ Tốn ngẩn ngơ, chịu thua.

Trương Thuý Sơn là ông trùm tán gái. Cách tán gái của ông là... không tán gì cả, mới là đáng sợ. Gặp Hân Tố Tố lần đầu ở phủ Lâm An, Hân Tố Tố hỏi ý của ông về chữ Bất do cô viết trong câu "Tà phong tế vũ bất tu quy" (gió xéo, mưa nghiêng đặng chẳng về). Cô sợ chữ ấy viết tệ, nhưng ông rất khôn, khen chữ ấy tự nhiên, dư vị vô tận. Sau đó, ông lại chữa các chỗ bị đinh độc trên tay cô. Ông nắm tay giỏi đến nỗi trái tim con người ta rung động.

Bị bắt cóc bất tử đưa về Băng hoả đảo, ông sống chung với Hân Tố Tố ngay. Cái hay của ông là không câu nệ chuyện chính - tà, không mặc cảm chuyện danh môn với tà đạo, cũng không cần đợi bẩm báo với sư phụ, sư huynh. Tố Tố sinh ra Trương Vô Kỵ; họ lại trở về Trung Nguyên. Người ta đi tìm dấu vết Tạ Tốn, đi tìm bảo đao Đồ long, chỉ có vợ chồng ông và Vô Kỵ biết rõ.

Đoạn đau thương nhất là đoạn ông cùng Tố Tố tự tử trên núi Võ Đang để vừa tạ tội với sư môn, vừa để giấu kín thân thế Tạ Tốn, Chỉ có người anh hùng phương Đông mới sẵn sàng hy sinh như vậy. Tính ra các "anh hùng" viễn Tây Hoa Kỳ cỡ Ringo, Django chưa dám chơi cách ấy. Trương Thuý Sơn là nhân vật phụ nhưng bản sắc đúng là một anh hùng.

5. Thạch Phá Thiên Người anh hùng thứ năm tôi bình chọn là Thạch Phá Thiên (Cẩu Tạp Chủng), chàng thanh niên không biết chữ nhưng cực kì thông minh trong Hiệp khách hành. Thạch Phá Thiên là con của Thạch Thanh và Mẫn Nhu ở Huyền Tố trang, Giang Nam. Bị một người phụ nữ bắt cóc từ lúc mới vừa ba tháng tuổi, chàng trai trở thành tên tiểu cái ăn xin, không được học hành. Ấy vậy mà cơ duyên đưa đẩy chàng tiểu cái thành một nhân vật có bản lĩnh võ công cao cường và tấm lòng nghĩa hiệp cao vời vợi.

Tội duy nhất của chàng trai này là giống như đúc người anh ruột độc ác của mình tên là Thạch Trung Ngọc. Hắn đã gây ra nhiều tội ác, trong đó có vụ cưỡng dâm chưa thành một cô gái mới mười hai tuổi. Gây tội ác xong, hắn bỏ trốn, để cho bọn thuộc hạ mặc tình đem Thạch Phá Thiên ra làm con bù nhìn, thay hắn gánh vác tất cả hậu quả từ những hành vi vô đạo của mình.

Chính Thạch Phá Thiên đã cứu được Bạch A Tú, cô gái bị cưỡng dâm. Chính Thạch Phá Thiên đã hoá giải được những thù hận, đối địch trong nội bộ phái Tuyết Sơn. Chính Thạch Phá Thiên đã thay mặt bang Trường Lạc, nhận thẻ bài mời đi ăn cháo Lạp bát ngoài biển Đông dù biết rằng lắm người đi không có ngày về.
Con người ấy đơn chất, hồn hậu một cách lạ lùng. Con người ấy sẵn sàng nhận cái chết cho người khác được sống, nói năng với ai vẫn một mực ôn hoà, khiêm ái. Con người ấy hoàn toàn không biết một chữ nào vì không được học hành nhưng thông tuệ một cách lạ lùng nhờ có một trực giác cực kì nhạy bén.

Nghiên cứu năm mươi bốn câu thơ trong Hiệp Khách Hành của đại thi hào Lý Bạch, những con người tài hoa nhất sa vào chữ nghĩa, đi tìm võ công bằng sự suy luận duy lí. Thạch Phá Thiên không biết chữ nên không biết nghĩa, nghĩa là hoàn toàn không biết câu thơ nói gì, ý nghĩa ra sao. Chàng vượt qua tác động đi tìm ý nghĩa, chỉ quan tâm đến đường nét của từng chữ - tự dạng. Năm mươi bốn câu thơ, mỗi câu năm chữ, cho ra hai trăm bảy mươi chữ khác nhau, mỗi chữ có một cách viết. Thạch Phá Thiên đi theo từng nét chữ và đắc thủ một cách vẻ vang pho võ công Hiệp Khách Hành.

Kim Dung muốn đưa Thạch Phá Thiên ra làm trò cười nhạo thiên hạ chăng? Không, ông xây dựng nhan vật của mình một cách nghiêm túc, với cả lòng yêu thương và quý trọng phẩm giá con người. Ta đã đọc những công án Thiên tông, trong đó có sự lĩnh ngộ trực tiếp không thông qua biện luận được coi là phương pháp tối ưu. Ở chừng mực nào đó, sự lãnh ngộ pho võ công Hiệp Khách hành của Thạch Phá Thiên rất gần gũi với công án Thiền tông, trực giác đi ngay vào chân bản thể của sự vật.

Thạch Phá Thiên quay về với cô bạn nhỏ Bạch A Tú. Đây cũng là một dạng giấc mơ anh hùng và giai nhân, mặc dù anh hùng thất học đã từng đi xin ăn và giai nhân đã từng bị lột quần ao cưỡng dâm không thành. Hạt ngọc toàn mỹ nào mà không có vết? Cho tói năm ấy dường như là năm chàng hai mươi tuổi, chàng mới biết rằng người gọi mình là Cẩu Tạp Chủng, đã từng nuôi nấng và mắng mỏ minh dường như không phải là mẹ mình. Người anh hùng đứng lại bên núi cũ, bên căn nhà xưa và thẫn thờ suy nghĩ: Ta là ai?

6. Lệnh Hồ Xung Có lẽ tên anh hùng này là cái tên hay nhất trong những nhân vật trung tâm của Kim Dung. Họ Lệnh Hồ tương đối hiếm, còn chữ Xung là chữ ghép từ bộ Nhị và âm Trung cho nên khi đến Tây Hồ (Giang Nam), Lệnh Hồ Xung còn có tên là Phong Nhị Trung. Tên này do Hướng Vấn Thiên đạt ra để loè bịp bọn Giang Nam tứ hữu ở Hàng Châu, Tây Hồ.

Lệnh Hồ Xung là con mồ côi không cha không mẹ, đầu quân làm môn đệ phái Hoa Sơn từ lúc mười hai, mười ba tuổi. Hắn tôn sư phụ Nhạc Bất Quần như cha, tôn sư nương Ninh Trung Tắc như mẹ, coi tiểu sư muội Nhạc Linh San như em gái. Bản tính hắn ngay thẳng, chân thực, không tham lam của ai, không nịnh bợ ai, sẵn sàng ra tay viện trợ người khác. Con người hắn rất lãng mạn, mê rượu, kết giao rộng rãi với mọi người nên được tác giả gọi là kẻ thanh danh tàn tạ.
Mọi việc sẽ không có gì đáng nói nếu nữ ni cô nhỏ tuổi Nghi Lâm của phái Hằng Sơn không bị Điền Bá Quang bắt cóc và Lệnh Hồ Xung không tìm cách giải cứu cô ra khỏi bàn tay dâm tặc này. Từ chỗ quen biết với Điền Bá Quang, hắn mang tiếng là kết giao với bàng môn tả đạo.

Bị tiểu sư muội Nhạc Linh San phụ rẫy mối tình dầu để đi theo Lâm Bình Chi, hắn còn phải mang tiếng xấu là ăn trộm Tịch tà kiếm phổ của nhà họ Lâm ở Phúc Châu. Nhưng

hắn lọt vào mắt xanh một thánh nữ - Nhậm Doanh Doanh, tiểu thư của Triêu Dương thần giáo và từ đó, bọn bàng môn tả đạo côi hắn là đại anh hùng, đại hào kiệt trên đời. Hai lần được mời gia nhập thần giáo, hắn thẳng thừng từ chối vì muốn giữ lại bản sắc làm người của mình. Nhưng cuộc sống oái oăm, một con người thanh danh tàn tạ như hắn lại trở thành chưởng môn phái Hằng Sơn, cai trị một bầy ni cô và phụ nữ tục gia.

Người ta cười hắn chăng? Không, Doanh Doanh - người tình thông minh và đầy mưu lược của hắn đã cứu hắn trước mọi tình huống tưởng như nguy kịch nhất. Hắn thoát khỏi các loại cạm bẫy, trong đó cạm bẫy đáng sợ nhất là do sư phụ Nhạc Bất Quần của hắn giương ra, là cũng nhờ mưu lược của Doanh Doanh. Với đường Độc cô Cửu kiếm, hắn nhìn ra toàn bộ sơ hở trong kiếm pháp của thiên hạ. Hắn có thể giết được tất cả kẻ thù địch nhưng luôn luôn hắn hạ thủ lưu tình. Tâm tình hắn liên quan đến ba người phụ nữ. Hắn yêu tiểu sư muội Nhạc Linh San, bị cô phụ rẫy, hắn đau đớn vô kể. Sau đó, gặp gỡ và nhận được tấm chân tình của Thánh cô Nhậm Doanh Doanh, hắn trở thành một thứ thần tiên trong cõi thế. Tiểu ni cô Nghi Lâm thầm yêu trộm nhớ hắn dến võ vàng thân xác, khiến hắn đau đớn đến tột cùng vì không biết làm thế nào để đáp ứng tấm chân tình của cô.

Người đọc đều biết đến hắn là chính nhân quân tử thứ thiệt; miệng hắn bẻo lẻo trơn như mỡ nhưng hành vi rất đoan chính, quang minh. Đọc Tiếu ngạo giang hồ, ai cũgn yêu mến hắn và căm giận sư phụ hắn là Nhạc Bất Quần. Thế nhưng, hắn là đại anh hùng không chỉ đơn giản là do hắn sống bằng phẩm chất của người chính nhân quân tử. Tôi cho rằng hắn là đai anh hùng ở chỗ khii công đã thành, danh đã toại, hắn cam lòng rũ bỏ tất cả, dẫn cô vựo thông minh xinh đẹp khắp Trung Quốc tấu lên nhạc khúc Tiếu ngạo giang hồ hoà bình, trung chính. Đó là khát vọng của một con người tự do, không chịu lệ thuộc vào công danh, quyền lực. Hắn có cái tác phong cảu mẫu người lý tưởng trong triết lý Lão - Trang. Tôi gọi hắn là người đại anh hùng trong Tiếu ngạo giang hồ.

7. Dương Qua Dương Qua còn đọc là Dương Quá. Chữ Quá có nghĩa là lỗi lầm, thứ lỗi lầm không do chính chàng trai gây ra mà do cha mẹ chàng gây ra.
Chàng trai này thông minh vô hạn, can đảm tuyệt vừoi, trung thực mười phần, xứng đáng được xếp hạng trước ông bác của hắn là Quách Tĩnh. Dương Qua học được Đả cẩu bổng pháp của Cái bang, lại đắc thủ toàn bộ võ công của phái Cổ Mộ do Tiểu Long Nữ sư phụ truyền cho. Cái hơn đời nhất của Dương Qua so với các người anh hùng khác là anh đã dám yêu người sư phụ của mình trong một xã hội phong kiến mà người thầy được xếp cao hơn cả cha mẹ. Toàn bộ bọn hoà sĩ giang hồ biết chuyện đều nguyền rủa đôi tình nhân Dương Qua - Tiểu Long Nữ, cho rằng đó là mối tình loạn luân, phi đạo lý. Cái hơn đời nhất của Dương Qua là thẳng thắn thừa nhận tình yêu ấy, thừa nhận chỉ yêu có Tiểu Long Nữ và khi Tiểu Long Nữ ra đi thì Dương Qua cũng đi khắp chân trời góc biển tìm kiếm cô.

Cuộc kháng chiến chông quân Mông Cổ được thuật lại trong Thần điêu hiệp lữ có sự góp mặt của Dương Qua - chàng trai yêu nước. Ở một chừng mực nào đó, Kim Dung muốn xây dựng một mẫu anh hùng vệ quốc theo phong cách Trung Hoa. Nhưng tôi cho bản sắc anh hùng của Dương Qua là ở trong tình yêu. Biết Tiểu Long Nữ yêu thương mình chân thật; biết cô đau đớn vì bị Doãn Chí Bình hiếp dâm, không còn trong trắng để xứng đáng với mình nữa, Dương Qua vẫn đi tìm người tình Tiểu Long Nữ. Đất nước Trung Hoa thiếu gì phụ nữ nhưng Dương Qua chỉ yêu một sư phụ của mình. Cô không còn trong trắng nhưng dưới mắt Dương Qua, cô vẫn là cô gái trinh tiết rực rỡ. Những quan điểm của Dương Qua đã chiến thắng trước những rào cản luân lý, đạo đức mang nặng màu sắc Nho giáo cứng nhắc và đôi khi phi nhân tính của xã hội Trung Quốc. Tôi cho đó mới là bản sắc anh hùng.

8. Hồ Phỉ Hồ Phỉ là con trai của Hồ Nhất Đao, ngoại hiệu Tuyết Sơn Phi Hồ, anh hùng đất Sơn Đông. Hồ Nhất Đao đấu với Miêu Nhân Phượng và lưỡi đao của Miêu Nhân Phượng đã bị một ai đó tẩm thuốc độc vào; một hành vi mà người anh hùng lỗi lạc như Miêu Nhan Phượng không làm. Cái chết của Hồ Nhất Đao mãi mãi là một nghi án. Tiểu anh hùng Hồ Phỉ mười bảy tuổi, từ Sơn Đông mang theo cây Lãnh nguyệt bảo đao cùng với đường Hồ gia đao pháp danh tiếng của cha truyền lại, về Trung nguyên tìm kẻ thù.

Chàng trai này bản lĩnh cao cường, thông minh vô hạn. Kết bạn với cô gái họ Viên chuyên mặc áo tía Viên Tử Y, họ trở thành một đoi bạn trẻ hành hiệp giang hồ, trừ khử kẻ bạo ngược. Đời vua Càn Long triều Thanh dù được gọi là thái bình thạnh trị nhưng nạn tham quan ô lại, cường hào ác bá vẫn đầy rẫy trong xã hội Trung Quốc. Đọc những trang viết về Tiểu anh hùng Hồ Phỉ và Viên Tử Y hành hiệp cứu nhân độ thế, trừng trị tham quan ô lại và cường hào ác bá, chúng ta thấy được toàn cảnh xã hội nhiễu nhương của triều Càn Long.

Trong tiểu thuyết, Hồ Phỉ được Kim Dung tả như một chàng trai có vẻ bề ngoài man rợ với hàm râu quai nón và khuôn mặt vô cảm. Thế nhưng không phải như vậy. Gặp Miêu Nhược Lan, con gái của Miêu Nhân Phượng, chàng trai hai mươi bảy tuổi ấy say mê ngay từ cái nhìn đầu tiên. Miêu Nhược Lan cũng vậy. Tác giả để cho mối tình ấy lơ lửng không có đoạn kết thúc.

Trong Lãnh nguyệt bảo đao hay trong Tuyết Sơn phi hồ, Hồ Phỉ thay mặt người cha đã qua đời đấu với Miêu Nhân Phượng. Cả hai cuộc chiến đấu là hai cuộc chiến đấu của trí thông minh và lòng dũng cảm. Hồ Phỉ đã thắng nhưng không bao giờ hạ lưỡi đao ra chiêu cuối cùng. Ấy bởi vì anh biết rằng cha mình đã chết vì lưỡi đao của Miêu Nhân Phượng nhưng một người anh hùng như Miêu Nhân Phượng thì không thể bôi thuốc độc vào đao kiếm đê giết cha mình như vậy. Và do vậy, lưỡi đao của anh long lanh dưới bóng trăng lạnh, lóng lánh trên nền tuyết trắng nhưng không chém xuống Miêu Nhân Phượng.

Tôi gọi Hồ Phỉ là người anh hùng thứ tám trong sự nghiệp xây dựng nhân vật của Kim

Dung.

9. Địch Vân Địch Vân là nhân vật trung tâm của bộ Liên Thành Quyết (Tố tâm kiếm). Chàng trai ấy không cha không mẹ, lớn lên dưới trướng của sư phụ Thích Trường Phát, thương yêu con gái của sư phụ là Thích Phương. Mối tình dân dã, hồn nhiên ấy sẽ không tan vỡ nếu tay sư phụ nguỵ quân tử kia không nuôi âm mưu dòm ngó bộ Liên thành kiếm pháp, đem con gái gả cho Vạn Khuê, con trai của vạn Chấn Sơn, sư huynh của lão.

Bị Huyết Đao lão tổ của Huyết Đao môn Tây Tạng bắt cóc, buộc làm đệ tử chân truyền, Địch Vân vẫn giữ được phẩm chất người anh hùng đơn chất, không hoà vào dòng hôi tanh của Huyết Đao môn. Anh cứu được Thủy Sinh, cô gái Trung Quốc bị bắt cóc ra khỏi bàn tay dâm ác của Huyết Đao lão tổ. Anh trở thành người anh em kết nghĩa Đinh Điển, một hào sĩ giang hồ thượng thặng và khám phá ra toàn bộ bí mật trong Liên Thành quyết - con đường dẫn đến một kho tàng có giá trị liên thành.

Ai cũng tham vàng bạc châu báu, kể cả sư phụ Thích Trường Phát của anh. Thế nhưng, anh không hề tham. Trước kho báu trong chùa Thiên Ninh thành Giang Lăng, anh không thò tay bốc vàng bạc, châu báu và do vậy anh đã không bị trúng độc, điên loạn. Anh chán ngán những âm mưu độc hiểm của giang hồ, chán ngán cuộc sống tàn bạo, lặng lẽ trở về quan ngoại. Như trong một kịch bản hoàn chính nhất của tinh thần nhân đạo phương Đông, cô gái Thủy Sinh trong trắng đang chờ anh giữa vùng trời tuyết trắng mênh mông.

Đich Vân có cái vẻ nhà quê chơn chất của nông dân, có tầm tư duy của một bậc trí thức giả, có lòng nhân của một nhà hiền triết, có trái ti của một đứa trẻ thơ, có võ công của một hảo hán hạng nhất. Tôi chọn con người này làm nhân vật anh hung thứ chín trong toàn bộ trước tác của Kim Dung.

Đến đây tôi xin khoá sổ, không đưa thêm một vị nữa vào danh sách những người anh hùng. Nến nhớ thành mẫu người của Kim Dung chọn là người chính nhân quân tử, hoàn toàn khác hẳn người quân tử trong triết học đạo Nho với biện chứng "Tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ", lại hoàn toàn khác hẳn hình tượng người anh hùng quân chủ "kẻ sĩ" mà Nguyễn Công Trứ thương tôn thờ:

Sĩ làm sao cho bách thế lưu phương
Trước là sĩ, sau là khanh tướng

Những người anh hùng của Kim Dung không cần bách thế lưu danh, không cầnthành kẻ sĩ, cũng chưa bao giờ nuôi giấc mơ khanh tướng. Họ sống vì đời, việc xong rũ áo ra đi, giấu kín thân thế cùng tên tuổi như thơ Lý Bạch:

Sự liễu nhất y khứ
Thâm tàng thân dữ danh.

Chính vì vậy, tôi không đưa vào đay những nhân vật nổi tiếng khác: Đoàn Dự, hoàng

để Đại Lý, si tình hạng nhất, có Lục mạch thần kiếm vô địch, chưa phải là mẫu người anh hùng. Quách Tĩnh, người giữ thành Tương Dương chống Mông Cổ, có Hàng long thập bát chưởng danh tiếng, sẽ không làm nên cơm cháo gì nếu không có cô bạn (và sau đó là cô vợ) thông minh, ma mãnh, đày thủ đoạn. Trần Cận Nam (Trần Vĩnh Hoa), tổng đàn chủ của Thiên Địa Hội, một đời nuôi mộng chống nhà Thanh khôi phục triều MInh, bản lãnh cao cường, con người khiêm tốn nhưng vẫn giữ mãi cái ngu trung của nhà Nho đối với Trịnh Thành Công để cuối cùng chết trong tay con cháu họ Trịnh cũng chưa phải là anh hùng. Gia Luật Hồng Cơ, hoàng đế Khất Đan, cũng chưa phải là anh hùng bởi bản tính của vị này nhiều thủ đoạn và tàn bạo.

Tôi đã chọn mười mỹ nhân mà chỉ chọn được chín anh hùng. Cho hay, nhan sắc trời cho dễ tìm hơn phẩm chất đạo đức, lý tưởng sống hình thành qua thiên nhai bách chiết của cuộc đời đầy khổ nhục. Mà điều này cũng dễ hiểu bởi anh hùng cũng khó tìm, khó gặp, khó thấy hơn mỹ nhân.

Một điều cũng cần nói ra là các vị anh hùng này là những người tình tuyệt vời trong tình yêu. Họ sống chung thủy, ngay thẳng, chân thật đối với người tình. Họ có thể đa tình nhưng không hề đa dục. Họ sáng lên giữa hàng ngàn nhân vật khác của Kim Dung và mỗi người có một bản sắc, một phong cách riêng không ai lẫn lộn vào ai. Nguồn gốc xuất sứ của họ là đám con em bình dn áo vải; giai cấp quý tộc quan lại không có, giai cấp phú hào địa chủ không có. Đa phần họ lý lịch không rõ ràng, có người không rõ cha mẹ, quê quán. Những anh hùng trong tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung như vậy, hoàn toàn không giống con người lý tưởng ở bất cứ một thời đại nào trong lịch sử văn học Trung Quốc.

Ỷ thiên Đồ long ký - Bài ca của chủ nghĩa yêu nước

Có được một tác phẩm tiểu thuyết hấp dẫn trong tủ sách gia đình để mọi thành viên mọi lứa tuổi cùng đọc, rồi khi rãnh rỗi lại đem những tình huống bất ngờ, những nhân vật mình yêu thích ra bàn bạc, tranh luận là một điều thú vị. Ỷ thiên Đồ long ký là một tác phẩm như vậy. Đây là một bộ tiểu thuyết tương đối đồ sộ trong sự nghiệp trước tác của Kim Dung.

Kim Dung sinh năm 1942 tại Hải Ninh, tỉnh Triết Giang, Trung Hoa. Ông xuất thân trong một gia đình có truyền thống văn học; ông nội ông làm quan dưới triều vua Quang Tự, là nhà thơ khá nổi tiếng với bộ Hải Ninh sát thị sao thi. Tốt nghiệp Đông Ngô pháp học viện Thượng Hải, năm 1948 ông rời lục địa sang Hongkong làm công tác toà soạn trong tờ Đại công báo. Sau đó ông sáng lập tờ Minh báo và làm báo cho đến tận bây giờ. Trên tờ Minh báo và tờ Nam Dương thương báo ở Singapore, tên tuổi Kim Dung được khẳng định như một nhà văn hiện đại có công khai sáng hệ tiểu thuyết võ hiệp và viết tiểu thuyết võ hiệp hay nhất Trung Hoa. Nhưng phải đợi đến năm 1995, khi ông được chính phủ Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa mời về Đại học Bắc Kinh trao hàm giáo sư

danh dự và nói chuyện với hàng chục ngàn nhà nghiên cứu, nhà sư phạm và sinh viên thì tên tuổi và tác phẩm của ông mới được mọi người ở lục địa biết tới và đón nhận.

Ỷ thiên Đồ long ký là bộ tiểu thuyết hoàn toàn hư cấu nhưng đặc điểm của phương pháp hư cấu ở đây là tác giả lồng câu chuyện trong hoàn cảnh lịch sử Trung Hoa vào cuối Nguyên, đầu Minh. Những con người thật cùng đấu tranh bên cạnh những con người hư cấu; lịch sử được nhìn qua lăng kính văn học khiến tác phẩm vừa thực lại vừa hư, cuốn hút người đọc đi vào thế giới huyền thoại: thế giới của võ lâm Trung Hoa. Và người ta không thể ngừng lại không đọc tiếp nếu “lỡ” đã đọc một vài chương đầu.

Ỷ thiên là tên gọi của một thanh bảo kiếm, chém sắt như chém chuối, trong lòng nó chứa đựng một pho võ công rất bá đạo: bộ Cửu âm chân kinh. Đồ long là tên của thanh bảo đao cũng có tính năng chém sắt như chém chuối, trong lòng nó chứa đựng một bộ binh pháp kỳ diệu: bộ Võ Mục di thư của nhà yêu nước Nhạc Võ Mục (Nhạc Phi) đời Tống. Nhạc Võ Mục đã từng là danh tướng, có công chống quân Kim (Thát Đát - tiền thân của Mãn Châu). Ông bị vua Tống giết hại bởi nghe lời súc siểm của gian thần Tần Cối. Binh pháp của ông còn lại trong Võ Mục di thư một thứ binh pháp thượng thặng nhằm chống xâm lăng cứu nước. Đồ long có nghĩa là giết rồng, mà rồng có nghĩa là vua nhà Nguyên đang cai trị đất nước Trung Hoa. Kèm theo thanh kiếm và lưỡi đao, còn có một bài thơ được truyền tụng:

Võ lâm chí tôn

Bảo đao đồ long
Hiệu lệnh thiên hạ
Mạc cảm bất tòng
Ỷ thiên bất xuất
Thuỳ dữ tranh phong

Do không hiểu chân nghĩa của bài thơ, đặc biệt là câu thứ ba, thứ tư, bọn hào sĩ giang hồ Trung Hoa cứ nghĩ là chiếm được bảo đao Đồ long là có thể trở thành chí tôn, có quyền ra lệnh cho mọi người mà chẳng ai dám không nghe theo. Lòng tin mù quáng đó đã xui khiến các bang hội, môn phái, thế lực chính trị lao vào cuộc chiến đấu giành giật đao Đồ long. Cuối cùng, quần hùng Minh giáo được lưỡi đao và bộ Võ Mục di thư. Trên chùa Thiếu Lâm, giáo chủ Minh giáo Trương Vô Kỵ đã học chương "Binh quần Ngưu Đầu Sơn" của Nhạc Võ Mục viết trong bộ binh pháp này và ứng dụng để giải vây cho hào sĩ giang hồ Trung Hoa, đánh tan quân Mông Cổ. Trương Vô Kỵ đã long trọng trao binh pháp lại cho thuộc hạ của mình là Từ Đạt - một nhân vật có thật trong lịch sử Trung Hoa. Và họ đã làm cuộc khởi nghĩa Hoài Tứ kéo dài 15 năm của Chu Nguyên Chương, Thường Ngộ Xuân, Từ Đạt, Thang Hoà, Trương Sĩ Thành. Cuộc khởi nghĩa thành công, Chu Nguyên Chương được tôn làm vua, lấy đế hiệu Minh Thái Tổ, mở ra Minh triều, truyền được 13 đời, kéo đài 275 năm (1368 - 1643). Ỷ thiên Đồ long ký là bài ca đẹp về chủ

nghĩa yêu nước, tinh thần chống ngoại xâm. Chính lòng yêu nước đã nối kết những lực lượng kháng Nguyên sãn sàng nép mình dưới ngọn cờ Minh giáo, nghe theo sự điều động của chàng trai Trương Vô Kỵ, cứu trăm họ ra khỏi ách thống trị của người Mông Cổ. Chân nghĩa của bài thơ được truyền tụng là như thế.

Ỷ thiên Đồ long ký là một bài ca đẹp về tình yêu lứa đôi. Đó là tình yêu rực rỡ giữa Hân Tố Tố - con gái của giáo chủ Bạch mi giáo Hân Thiên Chính _với chàng Trương Thuý Sơn, đệ tử thứ năm của Trương Tam Phong phái Võ Đang. Đó là tình yêu lặng lẽ của Trương Vô Kỵ, gíao chủ Minh giáo Trung Hoa, với cô gái Ba Tư yêu kiều Tiểu Siêu, thánh sứ nữ Bái hoả giáo từ Ba Tư qua. Tiểu Siêu đã đi qua con đường tơ lụa và quay về Ba Tư cũng trên con đường tơ lụa. Họ chia tay nhau, ngậm ngùi đau đớn. Cả tình yêu , cuộc sống và số phận con người được đúc kết trong câu hát:

Lai như lưu thủy hề thệ như phong
Bất tri hà xứ lai hề, hà sở chung.
(Chợt đến như dòng nước chảy
Rồi tàn như gió qua mau
Chẳng biết từ nơi nào đến
Và chẳng biết về nơi đâu)

Đó đồng thời là tình yêu tươi đẹp giữa Trương Vô Kỵ, chàng trai Hán tộc, lãnh đạo lực lượng kháng Nguyên, với cô gái Triệu Mẫn - quận chúa của triều Nguyên. Tình yêu ấy vượt qua mọi ngăn trở biên giới của chủng tộc, giai cấp, đối kháng chính trị. Tác giả muốn chứng minh một định đề: cái đạo lý chình nhân quân tử có thể cảm hoá và cải tạo những con người tàn bạo. Hân Tố Tố bị gọi là nữ ma đầu; Triệu Mẫn bị gọi là yêu nữ. Thế nhưng trong tinh yêu và do tình yêu cảm hoá, họ trở thành những con người đích thực, biết hướng thiện sửa sai, trở thành những người phụ nữ nhu mì, giàu nữ tính, giàu đức hy sinh. Hân Tố Tố chết theo chồng là Trương Thuý Sơn để giữ vẹn lời nguyền không nói với ai chỗ ẩn cư của Tạ Tốn; Triệu Mẫn sẵn sàng bỏ tước hiệu quận chúa nương nương của Mông Cổ để đi theo chàng trai áo vải Trung Hoa Trương Vô Kỵ. Ngay trong những chương nói về tình yêu, Kim Dung đã chứng tỏ được sự tiến bộ trong quan điểm dân tộc của ông, so với những tác phẩm võ hiệp mà ông từng viết ra trước đó.

Ỷ thiên Đồ long ký là bài ca mênh mông về lòng nhân ái, sự bao dung giữa con người với con người. Lòng nhân ái, sự bao dung đó nằm trong ý nghĩa bài Hoả ca của giáo chúng Minh giáo:

Đốt tàn thân xác ta
Ngọn thánh hoả cháy lên đỏ rực...
Hỷ, Lạc, Sầu, Bi, đều trở về cát bụi
Chỉ thương con người hoạn nạn lắm khi.

Hiểu được lời ca ấy, Trương Vô Kỵ mới hiểu được Minh giáo và nguyện xả thân để cứu quần hùng Minh giáo, tha thứ cho những kẻ thù trong sáu đại môn phái đã bức tử cha mẹ mình, tha thứ cho những kẻ có hành động bức hại mình. Cũng thế, Tạ Tốn đã tha thứ cho Thành Khôn; các nhà sư Độ Ách, Độ Nạn, Độ Kiếp và quần hùng Trung Hoa đã tha thứ cho Tạ Tốn. Tính nhân bản, nhân văn của tác phẩm hiện ra trong từng chương, từng hồi, từng trang sách. Còn bản thân những kẻ mê muội, không chịu cải hoá thì tự họ rước lấy những hậu quả từ những nguyên nhân mà họ gây ra. Trương Vô Kỵ khi bị thuộc hạ là Chu Nguyên Chương phản bội, anh có thể giết Chu Nguyên Chương chỉ với một ngón tay, nhưng đã không làm điều đó. Anh nghĩ đến trăm họ Hán tộc lầm than đang cần đến một người lãnh đạo cuộc khởi nghĩa, nghĩ đến vai trò của Chu Nguyên Chương đang rất cần thiết cho hàng vạn hàng triệu giáo chúng và quần hùng Trung Hoa. Và anh lặng lẽ ra đi, tha thứ cho Chu Nguyên Chương để Chu yên tâm lãnh đạo cuộc khởi nghĩa Hoài Tứ đi đến thắng lợi.

Ỷ thiên Đồ long ký là sự hiện thực hoá những nguồn tư duy, tư tưởng vốn mang tính trừu tượng của triết học Đông phương. Ta có thể tìm trong tác phẩm những tư tưởng của Bái hoả giáo (Minh giáo), Phật giáo, Lão Trang, Khổng giáo. Pho Thái cực quyền của Trương Tam Phong sáng tạo giơ hai tay nhẹ nhàng ôm lại như ôm vòng Thái cực, ung dung chậm rãi mà uy mãnh tuyệt luân. Trên Thiên Sơn, Trương Vô Kỵ bẻ một cành mai mùa xuân đầy hoa và nụ để đấu với Chính - Phản Lưỡng nghi kiếm pháp và đao pháp, mà cành mai không rụng một bông, một búp. Cái lặng lẽ của tư duy phương Đông đã được thể hiện ở chỗ vô cùng, vô hạn. Từ núi Côn Lôn trở về Trung Nguyên, Hà Túc Đạo mang hteo cây tiêu vĩ cầm và thanh kiếm. Chàng trung niên văn sĩ ấy đánh đàn kêu gọi bầy chim đến cho chim nghe và nhảy múa theo tiếng đàn, dùng kiếm vẽ bàn vi kỳ và đánh cờ một mình giữa rừng sâu trên đỉnh Thiếu Thất. Cái động và cái tĩnh, cái cơ tâm và cái phóng dật được dung hợp và thể hiện một cách tài tình khi Hà Túc Đạo vừa đấu kiếm vừa vận chỉ công để diễn tấu một đoạn nhạc tình mới sáng tác nhằm biểu lộ tình cảm và lòng mến mộ của mình cho cô bé Quách Tương. Triết học Đông phương, tư duy Đông phương cực kì lãng mạn đã đẩy đến bến bờ mênh mông nhất, chỉ cần cảm nhận mà không cần biện biệt.

Truyện võ hiệp không phải là truyện tình báo. Nhưng Ỷ thiên Đồ long ký bao gồm những chương những hồi mà nghệ thuật tình báo được thể hiện với một thủ pháp cao cường: kẻ độc ác Thành Khôn cạo đầu vào chùa Thiếu Lâm giả làm nhà tu với pháp danh Viên Chân âm mưu triệt hạ Minh giáo và hãm hại sáu đại môn phái để chiếm ngôi võ lâm chí tôn; cô gái lai Ba Tư Tiểu Siêu nằm vùng trong nội bộ Minh giáo Trung Hoa để tìm Càn khôn đại nã di tâm pháp; Chu Chỉ Nhược mưu sát Hân Ly và phóng trục Triệu Mẫn để độc chiếm kiếm Ỷ thiên và đao Đồ long... Đó là những chương hồi đặc sắc, bất ngờ, đưa ta vào một thế giới lạ lùng với những tình huống đột biến thú vị và thi vị.

Ỷ thiên Đồ long ký cũng là một tác phẩm tập trung giới thiệu nhiều kiến thức. Đó là

kiến thức sử học với cuộc khởi nghĩa kháng Nguyên của người Trung Hoa ở Hoài Tứ, An Huy. Đó là kiến thức địa lý học với những địa danh mà các nhân vật đã đi qua, từ Đại Đô (Bắc Kinh) đến chùa Thiếu Lâm (Hồ Nam), từ biển Đông đến đỉnh Thiên Sơn ngoại Tân Cương, biên giới thiên nhiên giữa Trung Hoa và Kirghizitan. Đó là những kiến thức y học về phương pháp sử dụng thuốc chữa bệnh, phương pháp phóng độc và đầu độc, phương pháp giải phẫu và nối xương, chỉnh hình. Đó là kiến thức về kỹ thuật luyện kim, kỹ thuật sử dụng dầu đá (dầu thô), kỹ thuật sử dụng chất nổ do quần hùng Minh giáo thực hiện. Đó là các kiến thức về thư pháp học một thứ thư pháp được hình tượng hoá và cụ thể hoá bằng phán quan bút, chưởng pháp, chỉ pháp của võ thuật...

Xét về góc độ kỹ thuật tiểu thuyết, Ỷ thiên Đồ long ký gần như là bộ tiểu thuyết có kết cấu hoàn chỉnh nhất trong những bộ tiểu thuyết võ hiệp của Kim Dung. Tác phẩm mở đầu với đoạn lung khởi khá hấp dẫn, kể chuyện Quách Tương lên chùa Thiếu Lâm, chuyện Hà Túc Đạo gặp Quách Tương, chuyện thầy trò nhà sư Giác Viễn đánh bại Hà Túc Đạo để dẫn tới quá trình hình thành các phái Võ Đang, Nga Mi, Côn Lôn. Thế giới thứ nhất khép lại để mở ra thế giới thứ hai của Trương Thuý Sơn, Hân Tố Tố, Tạ Tốn... Thế giới thứ hai khép lại với cái chết của vợ chồng Trương Thuý Sơn - Hân Tố Tốn để mở ra thế giới thứ ba của Trương Vô Kỵ, Chu Chỉ Nhược, Hân Ly, Triệu Mẫn... Những nhân vật có thật trong lịch sử Trung Hoa và lịch sử Minh giáo Trung Hoa như Dương Tiêu, Chu Nguyên Chương, Thường Ngộ Xuân, Từ Đạt, Hàn Sơn Đồng... sống và hoạt động bên cạhh những nhân vật hư cấu như Trương Vô Kỵ, Triệu Mẫn, Tiểu Siêu, Hân Thiên Chính, Chu Chỉ Nhược, Phạm Dao... Tất cả những tố chất trên vừa lãng nạm, vủa hiện thực, nối kết những chương hồi với nhau thành chuỗi dài.

Kim Dung có tài năng đặc biệt khi nâng văn chương tiểu thuyết võ hiệp thông tục lên thành thứ văn chương cung đình sang trọng. Có những chương hồi của ông khiến người đọc cười ha hả như chương đối thoại của Ngũ Tản nhân, nhưng cũng có chương khiến người đọc rơi nước mắt như chương Tiểu Siêu chia tay Vô Kỵ trên biển. Một sợi chỉ nhỏ như tơ, khi ẩn khi hiện nhưng xuyên suốt tác phẩm là câu hát ngậm ngùi: *"Lại như lưu thủy hề thệ như phong..."*

Tôi đã đọc Ỷ thiên Đồ long ký trên 30 năm, mỗi lần đọc lại cảm thấy có cái gì đó rất mới mẻ, lạ lùng. Đọc đến trang cuối. tôi thở phào khi Trương Vô Kỵ chặt đứt xiềng khoá cho Triệu Mẫn, dẫn cô vượt nhà lao ra đi mà không nghĩ cách trả thù Chu Nguyên Chương theo logic thông thường ở đời. Chàng Trương đi với cô Triệu và anh làm một công việc thú vị, chẳng liên hệ gì tới Ỷ thiên kiếm và Đồ long đao, cũng chẳng liên hệ gì tới võ lâm Trung Hoa: kẻ lông mày cho Triệu Mẫn. Trương Vô Kỵ sống theo cách của nhà thơ Lý Bạch viết trong Hiệp khách hành:

Sự khứ phất y liễu
Thâm tàng thân dữ danh
(Việc xong, rũ áo đi

Giấu ngay thân thế, tiếc gì tiếng tăm)

Ở đời có mấy ai đạt đạo được như vậy? Vô Kỵ - Triệu Mẫn đi về đâu? Tác giả không rõ mà cũng chẳng muốn rõ. Ở một chân trời góc biển nào đấy, khi Chu Nguyên Chương lên ngôi cửu ngũ thì Trương Vô Kỵ lại cầm cây bút của nhan sắc lên và kẻ lại lông mày cho nàng Triệu Mẫn.

Hiệp khách hành

(Từ Hiệp khách hành của Lý Bạch đến Hiệp khách hành của Kim Dung)

Đó không phải là một sự trùng ngộ tình cờ giữa hai thế hệ nhà văn Trung Quốc. Đó là sự cố ý của Kim Dung, nhà văn sống sau Lý Bạch 12 thế kỷ. Cả hai đều lấy Hiệp khách hành làm tựa; Lý Bạch làm tựa cho một bài thơ, còn Kim Dung thì làm tựa cho một bộ đoản thiên tiểu thuyết gồm bốn cuốn của mình.

Lý Bạch (701-762) là một nhà thơ lớn, tiêu biểu cho phong cách thi ca Thịnh Đường, Trung Quốc. Thi sĩ Hạ Tri Chương, ngày mới quen biết Lý bạch, đã gọi ông là Thiên thượng trích tiên nhân (người tiên bị đày xuống trần gian). Đời Tống, nhà phê bình Hoàng Đình Kiên ca ngợi Lý Bạch là con kỳ lân, con phượng hoàng giữa loài người.

Đường Huyền Tông rất quý trọng Lý Bạch, nhưng Lý Bạch không xu viêm phụ nhiệt, từ chối cuộc sống cao sang cạnh nhà vua, mong trở về núi ngâm vịnh với mây trời, ca hát cùng hoa cỏ. Sau loạn An Lộc Sơn, Lý Bạch bị bắt giam va lưu đầy sang Dạ Lang. Sau khi được thả ra, ông du sơn ngoạn Thủy, càng uống say thi ca càng bay bổng. Thơ Lý Bạch dễ có cả ngàn bài, mỗi bài một phong cách, phóng túng, đầy ngẫu hứng lãng mạn. Căn cứ vào nội dung, người đời sau phân thơ ông ra làm nhiều loại: Biên tái ca (viết về chinh chiến, quan ải),Tình ca (ca ngợi tình yêu), Diễm ca (ca ngợi nhan sắc), Biệt ca (viết về những lúc chia ly), Tuý ca (viết về những cơn say), Hành ca (ca ngợi những con người có hành động cứu người)... Hiệp khách hành là bài thơ thuộc thể loại Hành ca, ca ngợi hai chàng tráng sĩ thời Chiến quốc Chu Hợi và Hầu Doanh, bằng hữu của Tín Lăng quân (được nhắc đển rất rõ trong Sử ký của Tư mã Thiên).

Trước hết, tôi xin giới thiệu bài thơ Hiệp khách hành của Lý Bạch để các bạn nghiên cứu với bản dịch tiếng Việt của giáo sư Trần Trọng San, người thầy đã dạy tôi môn Lịch sử văn học Trung Quốc tại Đại học Sư phạm Sài Gòn (từ năm 1966 đến năm 1970) và bản dịch thơ tiếng Anh của ông Robert Payne, một nhà Trung Quốc học người Anh. Nguyên văn bài thơ thế này:

Phiên âm:

Hiệp khách hành

Triệu khách mạn hồ anh,
Ngô câu sương tuyết minh
Ngân yên chiếu bạch mã,
Táp nạp như lưu tinh.
Thập bộ sát nhất nhân,
Thiên lý bất lưu hành.
Sự liễu phất y khứ,
Thâm tàng thân dữ danh.
Nhàn quá Tín Lăng ẩm,
Thoát kiếm tất tiền hoành.
Tương chích đạm Châu Hợi,
Trì trường khuyến Hầu Doanh.
Tam bôi thổ nhiên nặc,
Ngũ Nhạc đảo vi khinh.
Nhãn hoa nhĩ thiệt hậu,

Ý khí tố nghê sinh.
Cứu Triệu huy kim chuỳ,
Hàm Đan tiên chấn kinh
Thiên thu nhị tráng sĩ,
Huyên hách Đại Lương thành.
Túng tử hiệp cốt hương,
Bất tàm thế thượng anh.
Thuỳ năng như các hạ,
Bách thủ Thái huyền kinh.

Dịch nghĩa:

Bài ca Hiệp khách

Khách nước Triệu đeo giải mũ thô sơ, có thanh gươm ngô câu sáng như sương tuyết. Yên bạc soi chiếu con ngựa trắng, lấp lánh như sao bay.

Thanh gươm này có thể giết chết một người trong khoảng mười bước, cho nên không đi xa ngàn dặm. Sau khi làm xong việc, người hiệp sĩ rũ áo ra đi, giấu kín thân thế cùng tên tuổi.

Khi nhàn rỗi, qua nhà Tín Lăng quân uống rượu, tuốt gươm ra, đặt ngang trước đầu gối. Tín Lăng quân đem chả nướng ra mời Châu Hợi, và cầm chén rượu mời Hầu Doanh.

Hai người này uống cạn chén rượu, chân thành vâng lệnh; tấm thân nặng như năm núi lớn mà lại coi là nhẹ. Sau khi mắt đã hoa, tai nóng bừng, ý khí toả ra thành cầu vồng trắng.

Vung cây chùy sắt cứu nước Triệu; thành Hàm Đan trước tiên rung động, kinh hoàng. Ngàn thu sau, tiếng tăm của hai tráng sĩ này lừng lẫy thành Đại Lương.

Dù có thác đi, xương hiệp khách vẫn còn thơm hương; không hổ thẹn với các bậc anh hùng trên đời. Còn ai kia viết sách dưới gác, bạc đầu với cuốn kinh Thái huyền?

Hiệp khách hành

Khách nước Triệu phất phơ dải mũ,
Gươm Ngô câu rực rỡ tuyết sương.
Long lanh yên bạc trên đường,
Chập chờn như thể muôn ngàn sao bay.

Trong mười bước giết người bén nhạy,
Nghìn dặm xa vẫy vùng mà chi.
Việc xong, rũ áo ra đi,
Xoá nhoà thân thế, kể gì tiếng tăm.
Rảnh rang tới Tín Lăng uống rượu,
Tuốt gươm ra, kề gối mà say.
Chả kia với chén rượu này,
Đưa cho Châu Hợi, chuốc mời Hầu Doanh.
Ba chén cạn, thân mình sá kể!
Năm núi cao, xen nhẹ tựa lông hồng.
Bừng tai hoa mắt chập chùng.
Mống tuôn hào khí mịt mùng trời mây.
Chuỳ cứu Triệu vung tay khẳng khái,
Thành Hàm Đang run rẩy, kinh hoàng.
Nghìn thu tráng sĩ hai chàng,
Tiếng tăm hiển hách, rỡ ràng Đại Lương.
Thân dù thác, thơm xương nghĩa hiệp;
Thẹn chi hào kiệt trên đời.
Hiệu thư dưới gác nào ai?
Thái huyền trắng xoá đầu người chép kinh.
(Trần Trọng San dịch)

The bravo of Chao

The bravo of Chao wears a with a Tartar cord.

His scimitar from Wu shines like the ice and snow his silver saddle glitters on a pure white horse.

He comes like the wind or like the shooting star.

At every ten steps he kills a man, And goes ten thousand li withoout stopping.

The deep done, he shakes his garment and departs.

Who knowws his mane or whither he goes?

If he has time, he goes to drink with Hsin-ling, Unbuckles his sword and lays it across his knee The prince does not disdain to share meat with Cou Hai.

Or to offer a gablet of wine to Hou Ying.

Three cups is a sign ofa bond unbroken.

His earth is heavier than the Five Mountains When his ears are hot and his eyes burn, His spirit ventures forth like a rainbow Holding a hammer, he saved the kingdom of Chao The mere sound of his name was likeshaking thunder For a thousand autumns two strong men Have live in the hearts of the people of Tai-liang.

Sweet-seented be the bones of these dead heroes; May bent everhisbooks near the

window With white hair compiling Tai-hsuan Ching.
(Edited by Robert Payne)

Đi vào trong tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung, bài Hiệp khách hành gồm 24 câu được khắc lên bức vách của 24 căn phòng khác nhau công với những hình ảnh minh hoạ nội dung và những lời chú giải mở rộng. ở đây có hai yếu tố: một là những hình ảnh trực quan đơn sơ giản dị và hai là những lời chú giải dẫn dắt người đọc đi đến một thế giới tư duy trừu tượng sau xa, bí ẩn. Một ai đó đã bỏ công ra xât dựng 24 gian thạch thất, trong mỗi gian có một đồ giải gắn với một câu thơ trong Hiệp khách hành để đánh đố người đời sau. Công trình ấy ở trên một hòn đảo hoang giữa biển gọi là đảo Long Mộc. Hàng năm, Long đảo chúa và Mộc đảo chúa phát thiếp mời những vị chưởng môn trong võ lâm Trung Nguyên lên đảo ăn món cháo gọi là Lạp bát cúc. Con nhà võ vốn mê võ thuật, gặp những đồ giải Hiệp khách hành bèn tình nguyện ở lại Long Mộc đảo luyện luôn, có những người ra đi vài chục năm mà chẳng chịu quay về. Do vậy, giới giang hồ Trung Nguyên cho rằng những người được mời ăn Lạp bát cúc hàng năm đi vào chỗ chết. Chàng trai Thạch Phá Thiên cũng được mời ăn Lạp bát cúc vì anh là bang chủ bang Trường lạc và anh có hai người anh em kết nghĩa là hai vị sứ giả Thưởng Thiện và Phát Ác trên Long Mộc đảo.

Trí óc tưởng tượng của Kim Dung thật tuyệt vời, khi ông gắn liền những câu thơ của Lý Bạch với những loại võ công khác nhau. Thí dụ câu số 5 Thập bộ sát nhất nhân, câu số 10 Thoát kiếm tất tiền hoành, câu số 17 Cứu Triệu huy kim chuỳ thì mỗi câu là một loại kiếm pháp. Thí dụ câu số 6 Thiên lý bất lưu hành, câu số 8 Thâm tàng thân dữ danh, câu số 14 Ngũ nhạc đảo vi khinh thì mỗi câu là một loại khinh công (tiếng Anh có khái niệm khinh công trong tiểu thuyết Kim Dung rất lạ: kungfu of flying). Thí dụ câu số 7 Sự liễu phất y khứ, câu thứ 9 Nhàn quá Tín Lăng ẩm, câu thứ 21 Túng tử hiệp cốt hương thì mỗi câu là một thứ chưởng pháp...

Vâng, mỗi câu thơ như vậy được khắc trong vách rõ ràng với hình ảnh minh hoạ và lời chú thích ra 24 pho đồ giải để cho mọi người nghiên cứu võ công. Thế nhưng, trên đời này vẫn còn tồn tại cái mà người gọi là cơ tâm, cái mà ta thường ca ngợi là dùng lý trí để nghiên cứu cho đến chỗ thâm sâu vi diệu để đi vào đúng bản chất của sự vật. Và do vậy, những người đến đây đều sa vào lý luận và càng lý luận, người ta càng xa rời chân lý, xa rời thực tế. Thí dụ để hiểu câu thứ nhất Triệu khách mạn hồ anh, trên vách có ghi lời chú giải: "trong thiên Thuyết kiếm của Trang tử có ghi: Thái tử nói nhà vua thấy các kiếm sĩ đều đầu bù tóc rối, đội mũ đính giải thô sơ, áo ngắn vạt sau. Họ Tư Mã chú thích: Mạn hồ anh là giải mũ trơn, mộc mạc, không rực rỡ màu sắc". Khi đọc lời chú giải này, người ta sẽ tranh luận: "Mạn hồ có nghĩa là thô lậu cục mịch. Mạn hồ anh có nghĩa là giải mũ không diêm dúa chứ không phải là đeo giải mũ như kiểu của người rợ Hồ bên Tây Vực". Chữ "Hồ anh" được Robert Payne dịch ra là Tartar cord, như vậy ông công nhận chữ Hồ là Thát Đát (Tartar). Người thứ nhì sẽ cãi lại: "Bài Tả tư nguỵ đô phú có câu: mạn hồ chi

anh. Mạn hồ là tên gọi giải mũ của người võ sĩ thô lậu cũng được mà diêm dúa cũng được". Trong câu thứ hai Ngô câu sương tuyết minh, người ta cãi nhau vì chữ Ngô câu (lưỡi đoản đao, lưỡi đao cong cong kiểu hình vành trăng non) và do vậy, khi đánh ra một thế kiếm, người ta bị khái niệm "loan đao" ám ảnh, làm sao trong chỗ thẳng có chỗ cong, trong chỗ cong có chỗ thẳng mới đúng tinh thần của Ngô câu sương tuyết minh!

Vâng, đó là lối học võ của những bậc trí tuệ, những con người tự cho mình có đầu óc, có tư duy sâu sắc. Ngược lại, Thạch Phá Thiên hoàn toàn không có được những lý luận sau sắc như vậy bởi vì chàng trai này không biết chữ. Những chữ nghĩa xhú giải rút ra từ sách vở của Bách gia chư tử, tiên hiền liệt thánh không hề khuấy động được chàng trai. Và vì chàng không biết những chữ ấy nói lên điều gì cho nên chàng chỉ nhìn những hình ảnh được minh hoạ. Kèm theo câu Ngô câu sương tuyết ninh người ta khắc hai chục hình thanh kiếm dài có, ngắn có, có thanh kiếm đưa mũi lên trên, có thanh chúc mũi xuống, có thanh xiêu vẹo như sắp rớt. Thạch Phá Thiên coi vị trí từng thanh kiếm, coi đến thanh thứ mười hai thì huyệt Cự cốt ở vai nóng ran, coi đến thanh thứ mười ba thì huyệt Ngũ lý lại chuyển động, coi đến thanh thứ mười bốn thì luồng nhiệt khí đi vào đến huyệt Khúc trì.
Vâng, chàng trai dốt nát của chúng ta học võ theo cách cảm quan các hình ảnh và anh khám phá ra mấu chốt của vấn đề, cứ coi hình, cóc cần biết chữ nghĩa nói gì. Và với một cái đầu bình thường, hoàn toàn mù chữ nhưng bén nhạy với những hình ảnh được khắc hoạ, Thạch Phá Thiên đã học xong 24 đồ giải của pho võ công Hiệp khách hành, một thành công mà các vị tiến sĩ chữ nghĩa đầy mình cũng chẳng bao giờ dám nghĩ tới. Đặc biệt ở gian thạch thất cuối cùng, câu Bạch thủ Thái huyền kinh lại được viết bằng lối Khoa đẩu văn, một loại văn tự tối cổ của Trung Hoa, có hình dạng như những con nòng nọc mà tuổi thơ của anh giữa vùng hoang sơn dã lính vốn đã quen thuộc. Và nhìn tới con nòng nọc nào thì huyệt đạo trên kinh mạch của anh nhảy đến đó. Anh đắc thủ toàn bộ pho võ công hiệp khách hành mà không phải trải qua những giai đoạn tư duy trừu tượng, điều làm mọi người đã bỏ ra vài chục năm bạc đầu suy nghĩ, gân cổ lý luận nhưng vẫn chẳng hiểu được gì.

Hiệp khách hành của Kim Dung thể hiện sau sắc quan điểm của triết học Đông phương. Khi triết học Tây phương đi sâu vào lý luận, phân biệt, xuất hiện với nhiều trường phái thì triết học Đông phương vẫn giữ được cái bản sắc dĩ tâm truyền tâm, dĩ ý truyền ý, bất khả tự nghị và thậm chí bất lập văn tự. Con đường đi đến chân bản thể của vạn vật đã hội nhập vào ta. Kim Dung gọi đó là lối trước ý. Nhân vật của ông đã bỏ lý luận đi vào trực quan; bỏ cái thể đi tìm cái dụng. Kinh Phật từng thuật lại chuyện Đức Phật đưa bông hoa lên trước các đệ tử và chỉ có ngài Ma Ha Ca Diếp toét miệng cười. Đó là nụ cười của sự khai ngộ, lý hội trực tiếp mà không thông qua một trung gian nào, kể cả trung gian ngôn ngữ, lý luận. Chàng trai dốt nát mà hơn đời trong Hiệp khách hành thành công bởi vì trái tim anh trong sáng, chưa hề bị cái văn minh cơ tâm, cái hẹ thống lý luận bát nháo nhồi nhét vào đầu óc. Chỉ có thế thôi!

Nhưng tại sao Kim Dung lại chọn Hiệp khách hành của Lý Bạch dù trong văn học Trung Quốc có hàng trăm bài hành? Bản thân văn chương của Hiệp khách hành có cái hào khí mà những bài hành ca khác không có được. Nội dung Hiệp khách hành ca ngợi hai chàng Hầu Doanh và Châu Hợi, hiệp khách thời chiến quốc, giúp công tử Tín Lăng quân đánh lui quân Tần, giải cứu Hàm Đan. Sự hy sinh của Châu Hợi và Hầu Doanh là tuyệt đối, vô điều kiện. Kim Dung đời sau cũng mơ ước được như thế. Nhân vật của ông - Thạch Phá Thiên - bị thất học, bơ vơ từ lúc còn nhỏ, phải làm tên tiểu cái, xin để kiếm sống. Nhưng tiểu cái đã vươn lên, chiếm lĩnh được cái giá trị rực rõ nhất của con người: nhân phẩm trung hậu, nhân ái mênh mông. Anh trở thành biểu tượng của cái đẹp trong sáng của con người hiệp khách hiện đại mà không phải Huyên hách Đại Lương thành!

Vấn đề pháp luật

Trước khi cầm bút làm báo, Kim Dung đã từng tốt nghiệp Đông Ngô pháp học viện Thượng Hải. Văn bằng của ông là cử nhân luật khoa (pháp học) và việc gắn liên yếu tố pháp luật vào trong tác phẩm văn chương kiếm hiệp, đối với ông gần như là vấn đề tất yếu.

Một cách khái quát, Kim Dung thường đặt những tác phẩm của mình vào trong bối cảnh của các triều đại phong kiến Trung Quốc: Thiên Long bát bộ (thời Tống), Xạ điêu anh hùng truyện (Tống-Kim), Thần điêu hiệp lữ (Tống-Nguyên), Ỷ thiên Đồ long ký (Nguyên), Lộc Đỉnh ký (Thanh)… Những bối cảnh lịch sử đó có trước thời đại ông sống ít nhất 300 năm cho nên những vấn đề pháp luật được phản ánh trong tác phẩm đương nhiên là những vấn đề pháp luật của xã hội phong kiến Trung Quốc. Tuy nhiên, thông qua cái vang bóng xa xăm đó, ta lại tìm thấy những khát vọng rất hiện đại.

Với trí tưởng tượng được hư cấu tuyệt vời, Kim Dung đã xây dựng trong những tác phẩm của mình một loại người đặc biệt: bọn hào sĩ giang hồ, đứng trên và đứng ngoài hệ thống pháp luật phong kiến. Trong Tiếu ngạo giang hồ, nhân vật Lưu Chính Phong rửa tay gác kiếm để nhận một chức quan nhỏ của nhà Tống, bị bọn quần hào chê cười. Đối với bọn này, không có vương pháp mà cũng chẳng có vương quyền, bởi một điều đơn giản là hộ không tin vào hệ thống luật pháp của nhà nước phong kiến. Điền Bá Quang lấy được hai hũ rượu Thiệu Hưng nữ nhi hồng trong hầm rượu Tuý tiên lâu đã phóng cước đá bể hết mấy trăm hũ rượu còn lại cho vua quan và bọn nhà giàu không còn rượu ngon mà uống; Lệnh Hồ Xung bắt viên tham tướng Ngô Thiên Đức, đoạt lấy công văn bổ dụng, cây đạo, con ngựa và mấy chục lạng vàng để đi cứu nạn phái Hằng Sơn, đều nằm trong suy nghĩ ấy.

Tham quan, ô lại vốn là kẻ thù của bọn hào sĩ giang hồ. Chính vì vậy, tiểu anh hùng Hồ Phỉ (Phi hồ ngoại truyện) đi đến nơi đâu nghe có tham quan ô lại, cường hào ác bá ức hiệp dân lành là ra tay hành hiệp, tế khổn phò nguy. Kiều Phong làm đến Nam viện đại

vương nước Liêu vẫn chống lệnh hành quân của Liêu đế bỏ chức ra đị (Thiên Long bát bộ). Quần hùng Minh giáo và sáu đại môn phái (Thiếu Lâm, Nga Mi, Võ Đang, Không Động, Hoa Sơn, Côn Lôn) sẵn sàng theo lời hiệu triệu của Trương Vô Kỵ nổi lên chống lại triều đình nhà Nguyên, đốt chùa Vạn Pháp (Ỷ thiên Đồ long ký)…

Thế nhưng, nếu bọn hào sĩ giang hồ coi thường luật pháp, vương quyền của nhà nước phong kiến thì họ lại tỏ ra rất tôn trọng luật pháp riêng của môn phái, bang hội mà họ là thành viên. Mỗi môn phái, bang hội như Thiếu Lâm, Võ Đang, Nga Mi, Cái bang, Côn Lôn, Không Động, Tiêu Dao, Bồng Lai… đều lập ra một hệ thống luật pháp thực chứng riêng mà họ thường gọi là thanh quy giới luật. Kèm theo thanh quy giới luật này, mỗi môn phái, bang hội còn lập riêng ra một cơ quan chấp pháp, được gọi với các tên giới luật đường, giới luật viên, hình đường. Với phái Thiếu Lâm, nhà sư đứng đầu cơ quan này gọi là thủ toà giới luật viên; với Cái bang, nhân vật đứng đầu là chấp pháp trưởng lão… Các cơ quan chấp pháp này làm luôn chức năng của lập pháp, hành pháp, tư pháp (kể cả công việc thi hành án).

Kim Dung cho những nhân vật của mình thi hành án một cách gọn nhẹ, nhanh chóng. Trong Thiên Long bát bộ, bọn đệ tử Cái bang phạm tội khi sư diệt tổ thì phải tự vận, nếu không đủ can đảm tự vận, phải nhờ người anh em trong bang giết mình thì bảo toàn được thanh danh. Trong trường hợp họ bị chấp pháp trưởng lão kêu án xử chết hoặc đuổi ira khỏi bang thì nỗi nhục vẫn còn mãi… Cũng trong truyện này, phái Thiếu Lâm thi hành án với các nhà sư phạm giới rất quyết liệt: Hu Trúc học võ công phái khác bị phạt 100 côn, Huyền Từ phương trượng phạm dâm giới bị phạt 200 côn…

Đối với các môn phái tà đạo, còn có một hình thức thi hành án riêng, rất bá đạo: cho uống thuốc độc để kềm chế bọn đệ tử, ai phản lại sẽ không cho thuốc giải độc. Bọn Thần long giáo phaả uống Độc long dịch cân hoàn (Lộc Đỉnh ký); bọn Triêu dương thần giáo phải uống Tam thi não thần đan (Tiếu ngạo giang hồ)… Chính vì dùng độc duợc kềm chế con người nên những mệnh lệnh của bọn tà giáo ban ra đều được thi hành triệt để: một đám hào sĩ lỡ nhìn thấy thánh cô Nhậm Doanh Doanh và Lệnh Hồ Xung ở chung với nhau một chỗ, nghe một câu nói của Doanh Doanh, đã tự đâm mù mắt và chạy ra hải đảo sinh sống, không dám trở về đất liền.
Kim Dung sinh năm 1924 tại Hải Ninh, Triết Giang. Ông nội của ông từng làm tri phủ Đơn Dương, là một người liêm chính, nổi tiếng với lời xưng tụng của người đương thời "Đơn Dương giáo án". Lớn lên trong cảnh tao loạn của xã hội Trung Quốc, nhìn thấy những đau thương, những hàm oan của đồng bào mình; ông đã đau niềm đau của Lỗ Tần trong AQ chính truyện. Lỗ Tấn đã để cho AQ chết một cách hồ đồ để xoá đi cái tư duy "thắng lợi tinh thần" hàng mấy ngàn năm làm mê muội tâm hồn người Trung Quốc. Kim Dung vươn tới những khát vọng xa hơn: ông muốn đạp đổ thứ vương pháp, vương quyền hình thành mấy ngàn năm trong xã hội Trung Quốc bởi các chế độ phong kiến thối nát; xây dựng một thứ pháp luật thực chứng nhanh, mạnh, chính xác, công bằng để bảo vệ

phẩm giá những con người lương thiện. Bọn hào sĩ giang hồ của ông đôi khi làm việc rất vô chính phủ, vô tổ chức nhưng vẫn thể hiện được khát vọng trật tự, công bằng cho mọi người. Trên tất cả, họ tin có hai thứ thiên đạo và nhân luân; thiên đạo chế tài cái ác và nhân luân để giữ cho con người không làm ác, đi đúng cái lẽ thiện, một vốn quý của nền pháp luật lý tưởng.

Nhân vật Kim Dung đi tìm công lý

Thật không thể nói tới hai chữ công lý trong các chế độ quân chủ ở Trung Quốc. Cái đất nước ấy quá rộng lớn, quá nhiều sắc dân, chủng tộc, ngôn ngữ. Ngay trong các thời kỳ được xem là thái bình thịnh trị nhất cỡ như thời Hồng Vũ (Minh), Khang Hy (Thanh) các nhà vua vẫn không thể kiểm soát hết được các hoạt động của quan lại địa phương; một bộ phận dân chúng vẫn sống trong sự áp bức, bóc lột, bách hại của quan lại tham ô và ác bá thổ hào. Những câu mà người ta hay nhắc đến trong sách truyện như "*thánh chúa trị vì, muôn dân hát khúc âu ca*" gì gì đó toàn là những lời láo toét. Tiểu thuyết hai triều đại Minh – Thanh thường có những lời láo toét đó.

Kim Dung viết khác hơn các bậc tiền bối của ông. Điều may mắn của ông là sinh ra ở thế kỷ XX, khi chế độ quân chủ Trung Hoa đã cáo chung, không phải như các bậc tiền bối phải khép mình trong vương pháp. Điều may mắn thứ hai là ông khai sinh ra một bọn hào sĩ giang hồ ba trợn, đứng trên và đứng ngoài vương pháp. Tuy vương pháp các triều đại có đó, tuy các môn phái và các hào sĩ giang hồ vẫn đóng trên lãnh thổ Trung Quốc nhưng việc hành xử ân oán là quyền riêng của họ, không phải tuân thủ theo một quy phạm nào của pháp luật các triều đại. Bọn hào sĩ giang hồ của Kim Dung đi tìm cho mình một thứ pháp luật riêng cho mình, một thứ công lý riêng cho mình.

Kiều Phong (tức Tiêu Phong), nhân vật lớn trong Thiên Long bát bộ, thuở còn là đứa bé lên mười, đã đột nhập nhà của một tên ác bá cướp đoạt hết số tiền của mẹ mình, giết lão ác bá ấy trong phòng ngủ. Về sau, khi biết mình là người Khất Đan, Kiều Phong đã kể chuyện ấy cho cô bạn gái A Châu nghe và hỏi cô hành vi giết người ấy có phải là tính cách tiêu biểu bẩm sinh của dòng máu Khất Đan tàn bạo hay không. Ở một chừng mực nào đó, đứa bé lên mười đã biết đòi công lý theo kiểu của nó: mẹ của nó thì nghèo, lao động vất vả để có một mớ rau, vài con gà đem bán thì gã ác bá không thể cưới hết số tiền nhỏ nhoi đầy mồ hôi, nước mắt của bà được. Công lý được thể hiện nhanh gọn, tàn bạo và lạnh lùng.

Về căn bản, công lý đối với các nhân vật trong tác phẩm Kim Dung chỉ đơn giản là sự trả thù. Bọn người Hán phục kích trên mõm đá ngoài Nhạn Môn Quan chỉ giết được vợ của Tiêu Viễn Sơn (mẹ Tiêu Phong). Tiêu Viễn Sơn ẩn nhẫn sống, học võ công và giết chết Bạch Thế Kính, Huyền Khổ đại sư, Đàm công, Đàm bà, Triệu Tiền Tôn, gia đình Đơn Chính… Vốn là một xã hội hiếu võ, người Trung Quốc coi hành động báo thù huyết

hận là sự thể hiện của bản chất anh hùng, hảo hán. Họ phải thực hiện hành động báo thù ấy bởi vương pháp không trả lại được cho họ sự công bằng mà họ hằng mong muốn. Bao Công của đời Tống chỉ là một nhân vật đột xuất. Vả chăng, phạm vi xét xử, điều tra của ông chỉ gói gọn trong khu vực kinh thành Biện Lương. Dẫu có tài giỏi đến đâu đi nữa, ông cũng không thể nghe hết được tiếng kêu trầm thống của những người bị áp bức, bóc lột, chà đạp trên lãnh thổ do Tống triều cai trị.

Bọn hào sĩ giang hồ của Kim Dung coi vương pháp không ra gì, từ đó hình thành não trạng coi thường quan lại, coi thường chính quyền địa phương. Trong Tiếu ngạo giang hồ, có đoạn Lưu Chính Phong định rửa tay gác kiếm để làm một chức quan nhỏ của triều đình. một viên quan địa phương đến tuyên thánh chỉ trong lúc quần hùng tụ họp đông đủ ở Lưu phủ. Mọi người đều tỏ vẻ khinh khi viên quan, khinh khi luôn cả Lưu Chính Phong. Cũng vẫn với não trạng ấy, Lệnh Hồ Xung đã đánh đập, cướp hết tiền bạc, vũ khí, con ngựa và điệp văn bổ dụng của Ngô Thiên Đức, tham tướng phủ Thương Châu để tự mình mạo xưng là Ngô Thiên Đức. Lệnh Hồ Xung còn tổ chức cho bầy nữ ni của phái Hằng Sơn đánh bọn quan quân để cướp ngựa, đánh nhà một gã trọc phú chuyên cho vay nặng lãi để cướp bạc làm lộ phí. Chuyện nữ ni tổ chức ăn cướp có lẽ là chuyện thế gian hãn hữu. Ấy vậy mà các ni cô phái Hằng Sơn làm được và đạt kết quả mỹ mãn mới là hay!

Khi đất nước Trung Quốc bị xâm lược, bọn hào sĩ giang hồ của Kim Dung coi kẻ xâm lược và chính quyền quân chủ trung Quốc (còn trị vì ở một phần lãnh thổ) đều là kẻ thù. Quách Tĩnh đoạt binh phù viên tướng cai trị thành Tương Dương, tổ chức nhân dân giữ thành trì, đánh quân Mông Cổ; Trương Vô Kỵ hiệu triệu quần hùng trên chùa Thiếu Lâm, tổ chức cho Minh giáo khởi nghĩa đoạt chính quyền để chống quân Mông Cổ xâm lăng tại Hoài Tứ là những cuộc bạo loạn lớn; được mô tả trong Thần điêu hiệp lữ và Ỷ thiên Đồ long ký. Cái khác biệt của hai cuộc khởi nghĩa này là họ không ủng hộ một ông vua trung Quốc nào cả. Chính quyền ở đây là một dạng chính quyền nhân dân, người chủ xướng là người có bản lĩnh võ công trác việt. Họ không hướng tới mục tiêu xương vương, xưng tướng. Họ chỉ vì dân mà giữ thành, đánh giặc xâm lăng. Vậy thôi! Nhìn dưới nhãn quan chính trị thì đây là những tổ chức ô hợp, vô chính phủ. Nhưng bởi quan quân nhà Tống bất lực nên họ phải nổi dậy cướp chính quyền. Cái cơ bản của họ là cứu dân kịp thời; công hay tội cứ để người đời sau nhận định.

Ai cũng ca ngợi vua Càn Long nhà Thanh, gọi Càn Long là một vị minh quân thánh chúa. Thế nhưng, trong tác phẩm Phi hồ ngoại truyện, ta bắt gặp những thảm kịch của người nông dân bị bọn quan lại tham ô cấu kết với bọn địa chủ, bọn cường hào ác bá bóc lột, chèn ép, cưỡng đoạt tài sản, vu khống, giết hại… Tiểu anh hùng Hồ Phỉ và cô bạn gái là Viên Tử Y giữa đường gặp chuyện bất bằng đã ra tay trừng trị những kẻ ác, cứu người lương thiện. Pháp luật nhà Thanh không trả lại được cho nông dân sự công bằng thì Hồ Phỉ và Viên Tử Y trả lại. Họ đánh phá vào tận công đường, tận tư gia của quan lại và bọn

cường hào, bắt chúng phải thú nhận tội lỗi công khai trước dân, lấy lại tài sản mà người dân đã mất trả lại cho dân. Kim Dung gọi hành động đó là duy trì công đạo - một hình thức đi tìm công lý không thông qua pháp luật mà chỉ sử dụng bạo lực và võ công. Cần lưu ý một điều là nếu không có võ công thì không thể hành hiệp cứu đời được. Võ công được coi là phương tiện cần và đủ để thực hiện công lý.

Đọc tác phẩm Kim Dung, người ta cũng có được cái sảng khoái, cái thỏa mãn như xem phim về các hoạt động điều tra, truy tố, xét xử của Bao Công. Điều khác biệt duy nhất là Bao Công dùng pháp luật để trừng trị kẻ gây ra tội ác thì bọn hào sĩ giang hồ của Kim Dung dùng võ công để trừng trị. Việc duy trì công đạo trong tác phẩm Kim Dung hoàn toàn cảm tính. Nó được đặt cơ sở trên lòng khao khát công bằng, tôn trọng sự thật; không liên hệ đến một điều, một khoản nào trong các bộ hình luật của các chế độ quân chủ Trung Quốc. Chính điều này làm cho tác phẩm Kim Dung có chiều sâu, có sức hút đối với bạn đọc. Tự thâm tâm, ai cũng mơ ước sự công bằng. Tự thâm tâm ai cũng căm ghét bọn tham quan, bọn cường hào ác bá. Cho nên, ai cũng cảm thấy vừa ý khi chúng bị trừng trị, và càng bị trừng trị mạnh, càng tốt.

Bởi chán ngán vương pháp nên Kim Dung để cho các nhân vật chủ đạo trong tác phẩm của mình tự do thực hiện quyền kêu đòi công lý, một thứ công lý báo thù. Hành vi báo thù ấy nhiều khi rất bất nhân, khiến người ta không khỏi căm giận. Nhưng biết sao được? Nó vốn là những hiện thực bình thường của xã hội quân chủ ở Trung Quốc ngày xưa. Cái đất nước ấy rất lạ lùng: một ông Lưu Bang được khen là chân mạng đế vương nhân đức dù đã ra lệnh cho thuộc hạ chôn sống hai chục vạn hàng binh nước Sở; một ông Hạng Võ bị coi là nguỵ tặc, tàn bạo nhưng vẫn đứng ra đề nghị kẻ thù tha chết cho mươi người dân Giang Đông còn lại đi theo mình rồi tự hiến đầu mình cho kẻ thù đem về lãnh thưởng. Cái đất nước ấy có một ông Tào Tháo sẵn sàng giết người rồi lại ôm kẻ bị mình giết giết than khóc rùm trời, bày tỏ lòng thường tiếc. Chân và giả, đúng và sai là cái gì hết sức tương đối.

Những vụ án tình báo gián điệp

Trước hết, khái niệm vụ án tình báo gián điệp là khái niệm mới mẻ của thời đại chúng ta. Tuy nhiên, như Kim Dung tiên sinh đã nói chuyện với báo giới Đài Loan ngày 18/4/1994 thì *"Tiểu thuyết là viết cho người hiện đại đọc, kể cả tôi cũng hiện đại"*. Điều này có nghĩa là tất cả mọi khái niệm hiện đại đều có thể có trong tác phẩm võ hiệp của tiên sinh dù những tác phẩm ấy hư cấu về sinh hoạt của giới võ lâm, sống trước thời đại chúng ta trên 3 thế kỷ. Cho nên, chúng ta không ngại khi đề cập đến những vụ án tình báo – gián điệp trong tác phẩm của tiên sinh, và điều này hoàn toàn tự nhiên không thể coi là khiên cưỡng.

Vụ án đơn giản nhất nhưng cũng lạ lùng nhất là vụ án đầu độc trong Liên thành quyết.

Đinh Điển là một hào khách võ lâm, thương yêu cô tiểu thư trong trắng, con gái một viên tri phủ. Viên tri phủ đầy tham vọng, muốn chiếm cho được bộ Liên thành quyết mô tả đường đi tìm một kho báu mà chưa ai khám phá nổi. Và hắn dùng con gái làm một miếng mồi, quyết "câu" cho được Đinh Điển. Đinh Điển nhớ người tình, đã tự đem thân mình là một tên trọng phạm trong nhà lao của viên tri phủ. Đêm đêm, với bản lĩnh kinh người, anh vượt lao lung đến thăm và nói chuyện với người yêu. Cô gái nhân hậu biết Đinh Điển yêu hoa nên đặt trước cửa phong mình một chậu hoa tươi để ngày ngày, Đinh Điển được nhìn thấy màu hoa. Thế rồi, một ngày kia Đinh Điển chợt khám phá ra chậu hoa đã tàn. Biết là có việc chẳng lành xảy ra với người yêu, anh phá lệ tìm đến dinh tri phủ. Hoá ra cô tiểu thư đã chết. Người anh hùng ôm lấy quan tài khóc sướt mướt thì bị trúng độc. Té ra, viên tri phủ gian ác đã bức tử cô con gái xinh đẹp của mình. hắn biết mình không địch lại Đinh Điển và thế nào Đinh Điển cũng đến ôm quan tài khóc nên đã bôi thuốc độc lên khắp quan tài, đầu độc và khống chế Đinh Điển. Vụ án khá đơn giản nhưng mưu mô quả rất thâm hậu, thể hiện bản lĩnh, trình độ xây dựng chất "hình sự gián điệp" trong tác phẩm Kim Dung.

Mỗi bộ tác phẩm của Kim Dung thường có nhiều vụ án và các vụ án ấy kết hợp với, ăn khớp với nhau một cách tài tình khiến người đọc không thể bỏ được tác phẩm, không thể bỏ được một chương hồi nào. Xây dựng tác phẩm trên nền tảng những vụ án là một biệt tài của Kim Dung. Nhưng cái biệt tài cao nhất – theo tôi – là tiên sinh đã nắm tay người đọc đi từng bước vào trong những pho sách đồ sộ của mình một cách tự nhiên đến nỗi khi đọc xong tác phẩm, ta mới khám phá ra mình đã đọc tiểu thuyết hình sự - gián điệp.

Trong Tiếu ngạo giang hồ, Kim Dung xây dựng một nhân vật làm gián điệp rất tài tình. Đó là Lao Đức Nặc, đệ tử phái Tung Sơn được chưởng môn Tả Lãnh Thiền "cấy" vào nằm vùng trong nội bộ phái Hoa Sơn để do thám những âm mưu của chường môn Hoa Sơn Nhạc Bất Quần. Lao Đức Nặc đã già nhưng vẫn gọi chàng thanh niên Lệnh Hồ Xung là Đại sư huynh. Nước cờ của Tả Lãnh Thiền đã cao nhưng đòn phản gián của Nhạc Bất Quần còn cao hơn. Nhạc Bất Quần nhận Lao Đức Nặc làm đệ tử và ra lệnh cho gã giám sát Lệnh hồ Xung để tìm ra bộ Tịch tà kiếm phổ. Thực sự bộ kiếm phổ ấy đã lọt vào tay Nhạc Bất Quần và Nhạc ung dung "dẫn đao tự cung" để luyện, mong chờ một ngày trấn áp quần hùng bốn phái Tung Sơn, Thái Sơn, Hành Sơn, Hằng Sơn để lên ngôi chưởng môn Ngũ Nhạc kiếm phái. Nhạc còn chơi trò độc chiêu khác: sao ra một bản Tịch tà kiếm phổ giả, tạo điều kiện cho Lao Đức Nặc ăn cắp để đưa về cho Tả Lãnh Thihền. Tả Lãnh Thiền quả mắc mưu họ Nhạc, cũng ung dung luyện kiếm phổ giả, mơ một ngày trấn áp quần hùng. Cho đến khi Nhạc chắc chắn mình đã đủ bản lĩnh, trong đại hội Ngũ Nhạc kiếm phái, Nhạc Bất Quần đã đem kiếm pháp thật đấu với kiếm pháp giả của Tả Lãnh Thiền, đâm mù đôi mắt địch thủ, lên làm minh chủ Ngũ Nhạc!

Đòn phản gián của Nhạc Bất Quần cực kỳ tinh vi nhưng có một người khám phá ra được. Đó là Ninh Trung Tắc, vợ Nhạc Bất Quần. Bà ngủ bên cạnh chồng, cảm thấy lạ lùng vì

chồng sao nhãng chuyện chăn gối (?), mỗi sáng lại thấy râu chồng rụng trong chăn, nghe tiếng nói của chồng đã đổi âm sắc trở thành eo éo. Đó là những biểu hiện của một người đàn ông bị biến đổi phái tính. Bà biết chồng đã tự thiến để luyện Tịch tà kiếm phổ nhà họ Lâm, đồng thời vu cáo cho Lệnh Hồ Xung ăn cắp bộ kiếm phổ này. Bà khuyên chồng nên vứt chiếc áo cà sa chép bộ kiếm phổ ấy xuống khe núi Hoa Sơn. Chiều ý vợ, Nhạc Bất Quần đã làm theo.
Đến đây thì nhân vật gián điệp thứ hai xuất hiện. Đó là tên tiểu tử Lâm bình Chi. Lâm nghi ngờ sư phụ đã ăn cắp được bộ kiếm phổ nhà mình và đêm nào, y cũng đến rình mò bên cạnh phòng ngủ của vợ chồng Nhạc bất Bất Quần. Khi Nhạc vứt chiếc áo cà sa đi, y đã nhanh chóng chộp lấy được và cũng "dẫn đao tự cung" để nhanh chóng luyện Tịch tà kiếm phổ. Một ngày Nhạc Bất Quần kiểm tra khe núi, không thấy chiếc áo cà sa đâu, nghi ngờ chính Lâm đã lấy lại được kiếm phổ. Lão đi tiếp một nước cờ khác rất cao: gả Nhạc Linh San cho Lâm Bình Chi. Từ khi lấy vợ, Lâm vẫn ngủ riêng, Nhạc Linh San mang tiếng có chồng nhưng chưa hề biết đến chuyện mặn nồng chăn gối. Nhạc Bất Quần thường hỏi con gái chuyện sinh hoạt ăn ở với chồng ra sao, Nhạc Linh San đành nói dối với cha rằng cuộc sống lứa đôi của cô rất hạnh phúc. Chính lời nói dối ấy đã cứu được mạng của Lâm Bình Chi vì rằng nếu cô nói thật, Nhạc bất Quần sẽ khám phá ra được ngay chàng rể đã "dẫn đao tự cung" và sẽ giết Lâm trước khi Lâm có thể luyện thành công Tịch tà kiếm phổ.

Những mưu mô, diễn tiến của vụ án "Tịch tà kiếm phổ" được viết một cách hết sức tinh vi. Toàn bộ vụ án gián điệp - phản gián này chỉ có thể được kiểm chứng rõ ràng khi Lệnh Hồ Xung phất tay vào nơi hạ bộ của "sư phụ" xác nhận thực sự là Nhạc Bất Quần đã trở thành "thái giám". Đến khi đó thì Lệnh Hồ Xung mới nhận ra được con người mình kính áii nhất trên đời – sư phụ Nhạc bất Quần - chỉ là một nguỵ quân tử, một kẻ đầy tham vọng và thủ đoạn gian manh.

Một vụ án nữa với kịch bản thật tuyệt vời đưa độc giả đi từ ngạc nhiên này đến ngạc nhiên khác là vụ giải thoát Nhậm Ngã Hành, giáo chủ Triêu Dương thần giáo, bị giam giữ dưới đáy Tây Hồ. Hướng Vân Thiên, Quang minh hữu sứ của Triêu Dương thần giáo, kết bạn với Lệnh Hồ Xung. Hắn đặt tên mới cho Lệnh Hồ Xung là Phong Nhị Trung. Hắn bọc trong người nào là Bút thiếp, tranh họa, kỳ phổ và rủ Phong Nhị Trung đi chơi ở Cô Mai sơn trang, Tây Hồ, nơi trú ngụ của Giang Nam tứ hữu. Đến nơi, hắn khoe bút thiếp, tranh hoạ, kỳ phổ và cả bản cầm phổ, tiêu phổ hợp tấu Tiếu ngạo giang hồ của "Phong Nhị Trung" ra rồi đánh cuộc trong sơn trang không ai có thể đánh lại kiếm pháp của Phong Nhị Trung, truyền nhân của Phong Thanh Dương, sư thúc tổ phái Hoa Sơn. Quả nhiên, cả Giang Nam tứ hữu không địch lại được Độc Cô cửu kiếm của Phong Nhị Trung. Và Hướng nhanh chóng ra bộ dẫn Phong Nhị Trung kiếu từ.

Tứ hữu vội vàng cản lại và cho biết có người có thể địch lại Phong Nhị Trung. Đến lúc đó, Hướng mới nhét vào tay Lệnh Hồ Xung một vật tròn tròn, cứng cứng và dặn đưa cho

người đó. Lệnh Hồ Xung một mình được đưa xuống nhà lao dưới đáy Tây Hồ, đưa vật ấy cho người bị giam giữ và bị người ấy kéo vào trong nhà lao, dùng thần công làm cho bất tỉnh, hoá trang thành Lệnh Hồ Xung rồi ung dung thoát ra khỏi địa lao sau khi đã nhốt Lệnh Hồ Xung lại. Người đó chính là giáo chủ Nhậm Ngã Hành và cái vật kia chính là một mũi cương ty nhằm cưa đứt xiềng khoá cho y. Hướng Vân Thiên đã dàn một kịch bản hoàn chỉnh vô tiền khoáng hậu để cứu giáo chủ. Sau đó, y cùng giáo chủ trở lại để trừng trị bọn Giang Nam tứ hữu - phe phản đồ của Triêu Dương thần giáo – và giải cứu Lệnh Hồ Xung ra khỏi địa lao. Chất hình sự trong vụ án này thật đậm đặc nhưng rất hợp lý khiến ngay cả người đọc tinh tế nhất cũng không nhận ra được những âm mưu sâu sắc của Hướng Vân Thiên. Những chương này trong Tiếu ngạo giang hồ còn hay hơn những pha tấn công vào trai giam của bọn Mafia nhằm cứu các ông trùm ma tuý ở Italia hay Colombia trong thời đại chúng ta.

Tác phẩm võ hiệp tiểu thuyết của Kim Dung cũng xây dựng những nhân vật nữ gián điệp xuất sắc mà một nhân vật tiêu biểu là Tiểu Siêu (Ỷ thiên Đồ long ký). Tiều Siêu nguyên là cô gái lai, cha là Hàn Thiên Diệp, người Hán, mẹ là Đại Ỷ Ty, lai Ba Tư. Mẹ cô là Thánh nữ Bái hỏa giáo Ba Tư nhận lệnh sang “nằm vùng” trong Minh giáo Trung Hoa để đánh cắp Càn khôn đại nã di tâm pháp. Thế nhưng, bà đã yêu Hàn Thiên Diệp và vi phạm lời khấn nguyện của một thánh nữ. Sợ bị bắt tội, bà tìm cách “cấy” con gái mình vào nội bộ Minh giáo còn bản thân thì thay hình đổi dạng, làm một người phụ nữ xấu xí tên là Kim Hoa bà bà.

Tiểu Siêu đã đóng vai gián điệp một cách xuất sắc. Quang minh tả sứ của Minh giáo là Dương Tiêu bắt gặp cô ngồi khóc trên sa mạc, thương tình đem về nuôi để hầu hạ cho con gái mình là Dương Bất Hối. Tiểu Siêu trong vai một nữ tỳ xấu xí đã khám phá ra con đường hầm dưới lòng Quang Minh Đỉnh, thường ra vào để tìm bản di cảo Càn khôn đại nã di tâm pháp. Dương Tiêu là một nhân vật tinh tế. Y biết cô bé này có âm mưu nhưng âm mưu ấy là gì thì y không rõ. Y đã dùng xích sắt xiềng chân Tiểu Siêu để mỗi khi cô đi đến đâu, tiếng leng keng vang lên đến đó. Vụ án gián điệp của Tiểu Siêu sẽ không lộ bí mật nếu không có một ngày cô phải chia tay với Trương Vô Kỵ. Cô đã thú nhận mục đích “nằm vùng” nhưng vì tình yêu, cô hứa sẽ không bao giờ đem nội dung tâm pháp ấy truyền lại trên đất Ba Tư. Xa Trương Vô Kỵ về Ba Tư làm giáo chủ Ba Tư, cô cảm thấy cuộc đời cực kỳ vô vị.

Cũng trong Ỷ thiên Đồ long ký, còn có một vụ án gián điệp rất lớn mà người thực hiện là Thành Khôn, sư phụ Tạ Tốn. Ghen tức với Dương Đính Thiên, giáo chủ Minh giáo, đã lấy mất người sư muội yêu dấu, hắn thề sẽ phá nát Minh giáo để thỏa mãn mối hận tình. Hắn giả uống rượu say, làm nhục và giết cả nhà đồ đệ mình là Tạ Tốn, biến Tạ Tốn từ một kẻ có lương tri trở thành một tên cuồng sát. Rồi hắn trốn vào chùa Thiếu Lâm, giả dạng làm sư với pháp danh Viên Chân, kích động phái Thiếu Lâm cầm đầu các môn phái bao vây và tấn công Quang Minh Đỉnh để tiêu diệt Minh giáo - một lực lượng yêu nước

kháng Nguyên. Hắn đã đặt sẵn thuốc nổ trên Quang Minh Đỉnh để tiêu diệt luôn các môn phái. Có thể nói Thành Khôn (hay Viên Chân) là một gián điệp có nghiệp vụ số một trong những tay gián điệp mà Kim Dung xây dựng nên.

Tuỳ theo những thời gian khác nhau, căn cứ vào những sự kiện lịch sử có thật, Kim Dung xây dựng những vụ án trên cơ sở các cuộc đấu tranh, khuynh loát lẫn nhau giữa các thế lực thù địch, các quốc gia lân cận Trung Quốc. Những vụ án như vậy kéo dài qua 30, 40 năm, diễn biến theo suốt chiều dài cuốn truyện. Và chính ở đây, nổi bật lên tài năng gây xựng, bố trí nhân vật của Kim Dung.

Thiên Long bát bộ là một bộ truyện lấy bối cảnh lịch sử là triều Tống. Khởi đầu, người đọc bắt gặp hình ảnh của đại sư Thổ Phồn Cưu Ma Trí, có võ công tuyệt luân, đến Đại Lý gây hấn với các vị sư chùa Thiên Long. Đánh không lại Lục mạch thần kiếm của vương tử Đại Lý Đoàn Dự, Cưu Ma Trí đã bắt cóc Đoàn Dự đưa về Giang Nam, nói là để tế sống trước mộ người bạn thân là Mộ Dung Bác. Thế nhưng, Mộ Dung Bác là ai?

Mộ Dung Bác thuộc tộc Tiên Ty, nguyên là hậu duệ nước Đại Yên thời Thập lục quốc (trước đời Tống khoảng 600 năm!!!). Canh cánh bên lòng giấc mộng phụ hồi đế hiệu Đại Yên, Mộ Dung Bác giả chết nhưng thực ra lại lẻn vào chùa Thiếu Lâm học trộm 72 tuyệt kỹ Thiếu Lâm. Từ suy nghĩ phải làm cho thiên hạ đại loàn mới có thời cơ khôi phục nước Đại Yên, Mộ Dung Bác phao tin Khất Đan (Liêu) sắp đưa cao thủ tấn công qua Nhạn Môn Quan. Quần hùng yêu nước Trung Hoa phong thanh đã vội vàng cử Huyền Từ phương trượng Thiếu Lâm làm thủ lĩnh, ra Nhạn Môn Quan mai phục. Ở đây họ đã tàn sát nhầm gia đình Tiêu Viễn Sơn thuộc dòng hoàng tộc Khất Đan. trước khi nhày xuống vực sâu tự vận, Tiêu Viễn Sơn đã liệng đứa con trai mình lên cho những người Trung Nguyên vì không nỡ để con chết theo mình. Huyền Từ đưa đứa bé ấy gửi cho ông bà Kiều Tam Hòe nuôi dưỡng. Lớn lên, đứa bé ấy trở thành Kiều Phong, bang chùa Cái bang Trung Nguyên.

Thế rồi có âm mưu tố cáo Kiều Phong là người Khất Đan khiến ông phải bỏ ngôi vị bang chúa ra đi. Trở về bên kia ải Nhạn Môn Quan, Kiều Phong trở thành Nam viện đại vương của Khất Đan, đóng tại Yên Kinh, bị hoàng đế Khất Đan buộc phải tấn công xuống phương Nam để tiêu diệt Đại Tống.

Thế nhưng, Tiêu Viễn Sơn không chết, ông ta cũng giả làm một nhà sư vào “nằm vùng” trong chùa Thiếu Lâm. Biết con mình đang lâm nguy, Tiêu Viễn Sơn ám trợ cho con. Ông ra tay giết Huyền Khổ đại sư (sư phụ Kiều Phong), giết vợ chồng Kiều Tam Hòe và một số nhân vật khác có liên quan đến vụ án Nhạn môn Quan ngày trước. Khuôn mặt Kiều Phong giống hệt Tiêu Viễn Sơn nên những kẻ chứng kiến những vụ giết người đều cứ nghĩ chính Kiều Phong đã xuống tay để trả thù cho vụ mất ngôi bang chúa. Tiêu Viễn Sơn nằm vùng trong Thiếu Lâm phác giác được mối quan hệ tình ái giữa Huyền Từ và Diệp Nhị Nương. Ông bắt cóc đứa con của họ - Hư Trúc - rồi đem đứa bé ấy bỏ lên chùa

Thiếu Lâm. Hư Trúc lớn lên, làm sư, lưu lạc lên Thiên Sơn trở thành cung chủ cung Linh Thứu, ăn ở với công chúa Tây Hạ và trở thành phò mã Tây Hạ.

Kiều Phong (hay Tiêu Phong), Hư Trúc, Đoàn Dự kết nghĩa anh em, trở thành cái trục chính nắm quyền bình ba nước Liêu, Tây Hạ, Đại Lý. Đến lúc đó, Tiêu Viễn Sơn và Mộ Dung bác mới xuất hiện, khoa trương thành tích "nằm vùng" trong chùa Thiếu Lâm. Tiêu Viễn Sơn đã hạ Huyền Từ không phải bằng võ công mà bằng chính câu chuyện Huyền Từ có con với Diệp Nhị Nương, phạm vào sắc giới. Huyền Từ và Diệp Nhị Nương phải tự sát trước mắt mọi người. Còn Mộ Dung Bác? Ông ta thực sự thất vọng về người con của mình – Cô Tô Mộ Dung Phục. Ông ta đã làm tất cả để phục hưng một nước Đại Yên, kể cả âm mưu ly gián Tống – Liêu, câu kết với Thổ Phồn... Nhưng cuối cùng, tất cả đã trở về con số 0. Nghe theo lời dạy của nhà sư già trong Tàng kinh các Thiếu Lâm, ông ta đã cùng Tiêu Viễn Sơn xuống tóc quy y, từ chối những tham vọng điên cuồng.

Giấc mơ của Cô Tô Mộ Dung Phục cũng tan thành mây khói. Anh ta mất đi tình yêu của Vương Ngữ Yên, phụ rẫy những người đã đi theo mình để dựng lại nước Đại yên. Cuối cùng, anh ta phát điên và chỉ còn làm hoàng đế với lũ trẻ chăn trâu.
Nhưng không tác phẩm nào quan mặt được Lộc Đỉnh ký về tính chất tình báo – gián điệp. Câu chuyện khởi đầu của Lộc Đỉnh ký là vụ án văn tự ngục khi gã nho sĩ Ngô Chí Vinh tham danh hám lợi, đã làm tờ bẩm về triều đình Mãn Thanh – lúc bấy giờ do Ngao Bái nắm quyền bính - những âm mưu chống đối triều đình của các nhà nho chân chính như Trang Kiến Long, Cố Viêm Võ, Tra Y Hoàng thể hiện trong bộ Minh sử. Thế là Ngao Bái đã bắt rất nhiều nhà văn đời Thanh hạ ngục, trong đó có toàn thể đàn ông nhà họ Trang bị giết. Ngô Chí Vinh là kiểu mẫu của một thứ Hán gian, về sau được bổ làm quan tri phủ ở Dương Châu, đã bị Vi Tiểu Bảo cùng bọn nhà văn Cố Viêm Võ, Tra Y Hoàng dựng văn tự giả, vu hãm vào tội quan hệ phản loạn với bọn Ngô Tam Quế tại Vân Nam để chống vua Khang Hy, bị đem về cho con cháu nhà họ Trang hành hình tế lễ.

Nhưng những âm mưu thủ đoạn gián điệp – tình báo rõ rệt nhất trong Lộc Đỉnh ký tập trung xung quanh bộ Tứ thập nhị chương kinh, một bộ kinh Phật bình thường gồm 42 chương, được người Trung Quốc dùng đọc hàng ngày. Khi Bát kỳ Mãn Châu tiến quân vào Bắc Kinh tiêu diệt nhà Minh, người Mãn Châu thu tóm toàn bộ của cải trân châu quý của Minh Triều đem giấu vào một nơi bí mật ở Lộc Đỉnh Sơn thuộc Đông Bắc Trung Quốc, cạnh dòng Hắc Long Giang (tiếng Mãn gọi là Oa Tập Sơn và A Mộc Nhĩ Hà). Tuy chiếm được Trung Hoa nhưng người Mãn Châu vẫn nghĩ rằng họ khó mà có thể cai trị được Trung Quốc. Vì thế Thuận Trị hoàng đế đã vẽ một bản đồ về nơi chôn giấu bảo vật, giảng gải rằng đó là đất phát tích long mạch của triều Thanh rồi cắt nhỏ bản đồ đó ra chia thành tám phần bỏ vào bìa của tám tập Tứ thập nhị chương kinh khác nhau, ở ngoài bọc tám màu trắng, xanh, đỏ, đen, vàng, tím, lam, hồng đúng với màu cờ của Bát kỳ và giao cho tám thủ lĩnh của Bát kỳ giữ gìn.

Thuận Trị xuất gia đi tu ở Ngũ Đài Sơn vì buồn chán nội tình trong cung cấm nhưng vẫn dặn dò Khang Hy hoàng đế rằng: “Nếu sau này không nắm giữ được thiên hạ thì ta ở đâu nên quay về nơi đó”. Vua Khang Hy lên ngôi trong thuở thiếu niên nhưng ông là một vị vua thông minh sáng suốt, có hùng tài đại lược. Ông đã cai trị Trung Quốc với một trái tim nhân hậu và thực tâm muốn chuộc lại những lỗi lầm của người Mãn Châu khi tiến quân vào Trung Quốc. Chính vì vậy, vua Khang Hy là nhà vua dị tộc đầu tiên ở ngôi lâu nhất – 60 năm – trong lịch sử 37 thế kỷ phong kiến Trung Quốc (1662 – 1722) và sau đó là cháu ông – vua Càn Long – cũng ở ngôi được 60 năm (1736 – 1796).

Tất cả những âm mưu chống triều Thanh đều tập trung vào việc tìm kiếm và chiếm đoạt tám pho Tứ thập nhị chương kinh. Đầu tiên là Thiên địa hội, một tổ chức yêu nước do Trần Cận Nam (tức Trần Vĩnh Hoa) làm Tổng đàn chủ, “cấy” Vi Tiểu Bảo vào hoạt động gián điệp cạnh Khang Hy. Tiếp theo là bọn Mộc Kiếm Anh, con cháu Mộc vương phủ ở Vân Nam; bọn Cửu Nạn sư thái (công chúa con gái vua Sùng Trinh triều Minh); bọn Thần long giáo, một giáo phái thân Nga Ta Lư ở quần đảo Liêu Đông, bọn Tang Kết lạt ma ở Tây Tạng; bọn Cát Nhĩ Đan vương tử ở Mông Cổ hoặc “cấy” người nằm vùng, hoặc thực hiện những âm mưu bắt cóc để tranh đoạt bộ kinh.

Thế nhưng, âm mưu thâm độc nhất vẫn là âm mưu của Tam phiên, gồm Ngô Tam Quế, Thượng Khả Hỷ, Cảnh Tinh Trung muốn chia quyền lực với vua Khang Hy mà kẻ đứng đầu là Ngô Tam Quế. Ngô Tam Quế đã từng cầm quân thời Sùng Trinh trấn giữ Sơn Hải Quan chống lại người Mãn Châu, sau đó đầu hàng quân Mãn Châu, quay lại giúp người Mãn Châu chiếm đoạt Trung Quốc. Thanh triều phong Ngô Tam Quế làm Bình Tây Vương, trấn thủ Vân Nam nhưng trong thâm tâm, Khang Hy vẫn muốn triệt hạ Ngô Tam Quế vì biết trước sau gì, Ngô Tam Quế cũng tạo phản.

Chính trong những điều kiện lịch sử cụ thể như vậy, Kim Dung tiên sinh đã để cho nhà vua thiếu niên mạnh dạn sử dụng một gã tiểu lưu manh ở thành Dương Châu, lọt vào cung làm thái giám giả với một sơ yếu lý lịch hết sức hồ đồ, trở thành một “điệp viên hai mang” nhằm chống lại những âm mưu thù địch. Trong Lộc Đỉnh ký, Vi Tiểu Bảo trở thành một điệp viên xuất sắc, tiến hành công tác do thám, tình báo khá chuẩn xác: bảo vệ được Thuận Trị hoàng đế, khám phá ra âm mưu liên kết giữa Ngô Tam Quế - Cát Nhĩ Đan – Tang Kết, khám phá ra sự thoả hiệp của Thần long giáo và Nga Ta Lư, thúc đẩy cho việc tạo phản của Ngô Tam Quế sớm hình thành, ăn cắp đủ tám bộ Tứ thập nhị chương kinh, vô hiệu hóa âm mưu của Thần long giáo trong nội cung...

Nhân vật Khang Hy được xây dựng thành một nhà phản gián xuất sắc: đưa Phong Tế Trung vào nằm vùng nội bộ Thiên địa hội theo dõi hoạt động của thầy trò Trần Cận Nam – Vi Tiểu Bảo, phái Vi Tiểu Bảo đi công cán Ngũ Đài Sơn bảo vệ Thuận Trị hoàng đế, phái Vi Tiểu Bảo đi Vân Nam do thám Ngô Tam Quế. Trên mặt trận chính trị, Khang Hy tiến hành những đòn phép ngoại giao ngoạn mục: Gả Kiến Ninh công chúa làm vợ Ngô

Ứng Hùng để giả vờ cầu thân với Ngô Tam Quế, hoà hoãn với lực lượng chống đối ở Đài Loan của con cháu Trịnh Thành Công, phong Tang Kết lạt ma ở Tây Tạng làm Tang Kết Hoạt Phật, phong Cát Nhĩ Đan ở Mông Cổ tước hiệu Chuẩn Cát Nhĩ Hãn. Công tác nội trị, Khang Hy nghe theo lời vua cha dặn dò “vĩnh bất gia phú” (mãi không tăng thuế), cho xây dựng Trung liệt từ thờ những người Hán yêu nước tại Dương Châu, tha thuế cho dân Dương Châu 3 năm, chuẩn bị binhh lực đánh Ngô Tam Quế, thăm dò ý kiến bọn trọng thần trong triều đình để biết những ai dốc hạ trung trinh với mình. Khang Hy trở thành một nhà tình báo chiến lược dầy kinh nghiệm.

Ngay việc học tiếng Mông Cổ, tiếng Tây Tạng, sử dụng hai người Tây dương là Nam Hoài Nhân và Thang Nhược Vọng vào việc chế tạo đại bác, sử dụng hàng tướng Thi Lang của Đài Loan vào chức vụ đô đốc hải quân đã nói lên tầm nhìn cao thâm viễn lự của ông vua trẻ này.

Kết quả của công tác tình báo - phản gián đó là nhà vua đã dẹp yên được loạn Ngô Tam Quế, triệt tiêu được thế lực của Thượng Khả Hỷ và Cảnh Tinh Trung, bình định được đảo Đài Loan, phá hỏng âm mưu của Thiên Địa hội, đánh dẹp được bọn Thần long giáo, biến Tây Tạng, Mông Cổ thành chư hầu, thương thuyết với Nga Ta Lư qua hoà ước Hắc Long Giang, phân định ranh giới Trung – Nga.

Bên cạnh những vụ án lớn xuyên suốt toàn bộ tác phẩm, Lộc Đỉnh ký còn có những vụ án tình báo – gián điệp khác khá thú vị. Thần long giáo “cấy” được Mao Đông Châu vào cung giả Thái hậu để đánh cắp Tứ thập nhị chương kinh. Thái giám Hải Đạ Phú biết được âm mưu đó, âm thầm theo dõi. Để thử xem phán đoán của mình có đúng hay không, lão đã dạy cho Vi Tiểu Bảo quyền thuật của phái Không Động để đấu với vua Khang Hy (dưới tên Tiểu Huyền Tử), nhử cho Mao Đông Châu (thái hậu giả) đem quyền thuật của Thần long đảo dạy cho Khang Hy. Hải Đại Phú cũng biết rõ Vi Tiểu Bảo không phải là Tiểu Quế Tử, thái giám đã hầu hạ mình nhưng lão vẫn giả vờ gọi hắn là Tiểu Quế Tử, dùng hắn vào mục tiêu do thám của lão. Tuy nhiên, áp dụng thủ pháp sát nhân diệt khẩu, lão cũng thận trong đầu độc cho Vi Tiểu Bảo chết dần chết mòn.

Nhân vật Hải Đại Phú đã được Kim Dung xây dựng một cách hoàn chỉnh, có phong cách của một nhà tình báo lớn dù bị mù hai mắt.

Vua Khang Hy cũng là một nhân vật tiến hành cách điệp vụ rất hay, đầy tính khoa học. Để người bảo vệ cho cha mình là Thuận Trị, hiện tu ở Ngũ Đài Sơn đủ sức chống lại bọ Tây Tạng và Mông Cổ, nhà vua đã sắc phong cho Vi Tiểu Bảo làm sư chùa Thiếu Lâm, trở thành sư đệ của Hối Thông. Rồi từ đó, nhà vua lại ra lệnh cho Hối Minh về làm trụ trì chùa Ngũ Đài Sơn, lại đem theo bọn Thập bát La Hán chùa Thiếu Lâm làm tay chân cho Hối Minh đại sư (tức Vi Tiểu Bảo). Điệp vụ đó quả thật kín đáo và cao cường, khiến độc giả bất ngờ một cách thú vị!

Học theo cách của Khang Hy, Vi Tiểu Bảo cũng tiến hành một số điệp vụ nho nhỏ, thành công ngoài sức tưởng tượng của y. Đó là điệp vụ truy bắt Ngô Ứng Hùng; điệp vụ yểm trợ công chúa Tô Phi Á (Sophia) ly gián bọn Hoả thương thủ với bọn cố mệnh đại thần để giành lại chính quyền ở Nga Ta Lư; điệp vụ chống lại bọn Thần long giáo.

Trong suốt tác phẩm của Kim Dung cũng có những pha y hệt tình huống của đời tình báo – gián điệp: tự tử bằng độc dược để bảo vệ bí mật; cho thuộc hạ uống độc dược để khống chế bảo đảm lòng trung thành; giết người bịt miệng; thủ tiêu xác người để phi tang; dựng nên bằng chứng giả mạo để đánh lạc hướng điều tra hoặc vu hãm kẻ khác; dùng tiền bạc hoặc mỹ sắc để mua chuộc những kẻ hoạt động cho hàng ngũ địch, trừng phạt những kẻ không trung thành...

Những nhân vật hoạt động tình báo – gián điệp trong tác phẩm của Kim Dung cũng có những câu nói lóng, những động tác theo quy ước để giúp họ nhận ra nhau, ngăn ngừa những kẻ nội gián. Kim Dung vượt qua những tác giả võ hiệp đồng thời với ông, tạo ra trong tác phẩm của mình những tình huống bí mật, sự kiện bí mật, nhân vật bí mật. Kẻ thắng trong truyện võ hiệp của ông không chỉ là những người có võ công cao cường, nắm thiên binh vạn mã trong tay mà còn là những điệp viên biết đánh đòn cân não, biết lung lạc kẻ thù, biến thù thành bạn. Đó là trường hợp “điệp viên” Vi Tiểu Bảo thuyết công chúa Tô Phi Á giành lại chính quyền ở Nga, thuyết Tang Kết ở Tây Tạng và Cát Nhĩ Đan của Mông Cổ thuần phục triều Thanh.

Tất nhiên, những vụ án tình báo – gián điệp trong phạm vi tiểu thuyết là sản phẩm của sự hư cấu nhưng là hư cấu trên cơ sở thực tế của các triều đại phong kiến Trung Hoa. Vì thế, một số vụ án tình báo – gián điệp trong tiểu thuyết là những sự kiện có thật. Khang Hy chuẩn bị binh lực chống cuộc bạo loạn của Bình Tây vương Ngô Tam Quế là có thật. Khang Hy sử dụng những hàng tướng của Đài Loan để đánh vào đảo Đài Loan là có thật. Tang Kết, Cát Nhĩ Đan là có thật. Còn “điệp viên” Vi Tiểu Bảo và những điệp vụ thần sầu quỷ khốc của y là sản phẩm của hư cấu, khó mà kiểm chứng được.

Người ta đã từng say mê nhưng Conan Doyle, những James Bond của Âu Mỹ. Người ta đã từng biết đến những điệp viên quốc tế như Mata Hari, Nikos Kazanski. Nay thì qua tác phẩm Kim Dung, người ta lại gặp những điệp viên siêu hạng cỡ Vi Tiểu Bảo, Phong Tế Trung, Lao Đức Nặc, Lâm Bình Chi, Tiểu Siêu, Tiêu Viễn Sơn, Mộ Dung Bác... Người ta cũng gặp các nhà tình báo - phản gián chiến lược cỡ Khang Hy, Hải Đại Phú, Nhạc Bất Quần. Âm mưu và thủ đoạn. Đối sách và chiến thuật. Liệu pháp và hành động. Tất cả đều nhằm tạo nên chất hấp dẫn cho câu chuyện, những câu chuyện rất đồ sộ nhưng cũng rất mạch lạc, hợp lý. Ở khía cạnh này, Kim Dung là bậc thầy trong loại truyện vụ án mặc dù những bộ sách của ông vẫn được gọi là võ hiệp tiểu thuyết.

Các tôn giáo, bang hội

Đọc tác phẩm văn học Tây phương, ta cảm nhận được những tư tưởng của đạo Thiên chúa. Cá biệt, trong một vài tác phẩm (như Tiếng chim hót trong bụi mận gai của Colleen McCullough), những tư tưởng và sinh hoạt của đạo Thiên chúa trở thành độc tôn. Văn học phản ánh các hình thái gần gũi nhất của văn học chính là tôn giáo. Chính vì thế, khi Kim Dung chọn loại tác phẩm võ hiệp để sáng tác, ông tất yếu phải đưa vào tác phẩm của mình những sinh hoạt tôn giáo, bang hội. Dù không sống trong xã hội phong kiến nhưng những tác phẩm võ hiệp của ông đã phản ánh một cách khá sinh động xã hội phong kiến Trung Quốc, khi mà các thế lực phong kiến tập quyền chưa đủ mạnh để diệt hết các thứ bàng môn tả đạo, các đảng cướp cát cứ một phương, các thế lực tiến bộ đối kháng với các triều đại phong kiến. Vả chăng, khi mà khoa học chưa ra đời thì niềm tin của con người đặt vào thần quyền rất mạnh. Chính vì thế, tác phẩm võ hiệp Kim Dung luôn luôn gắn liền với sinh hoạt và tư tưởng các tôn giáo, bang hội.

Đối với các tôn giáo, Kim Dung đã tỏ ra hết sức ưu ái và kính trọng đạo Phật. Đạo Phật xuất hiện trong tác phẩm của ông với hình ảnh của các nhà sư chùa Thiếu Lâm và tư tưởng Phật giáo được ông mến mộ nhất là tư tưởng Thiền tông, một trong mười tông phái Phật giáo. Trong 12 bộ tiểu thuyết của Kim Dung, người ta biết đến đạo Phật qua hình ảnh của ngôi chùa Thiếu Lâm đặt tại tỉnh Hồ Nam, Tung Sơn Thiếu Lâm Tự.

Dưới ngòi bút tài tình của Kim Dung, những nhà sư Thiếu Lâm chân chính là những hiệp sĩ chuyên hành hiệp cứu đời, giúp người, luôn xả thân vì đại nghĩa, chống lại các thế lực ngoại xâm của Khất Đan, Kim Quốc, Mông Cổ, Tây Hạ để bảo vệ dân tộc và bờ cõi Trung Hoa. Thông qua ngòi bút của Kim Dung, những nhà sư Thiếu Lâm đã được thần thánh hoá về cuộc đời và võ công, luôn luôn có mặt trong những tình huống nguy kịch nhất và trở thành biểu tượng tươi đẹp của võ lâm Trung Hoa. Ông thường dành cụm từ "Thái Sơn, Bắc Đẩu" khi nói về phái Thiếu Lâm. Những nhà sư trong tác phẩm Kim Dung có vai vế, thứ tự hẳn hòi, pháp danh được gọi theo từng đời, mỗi đời là một chữ riêng biệt: Vô – Vô Sắc, Vô Tướng; Độ - Độ Ách, Độ Nạn, Độ Kiếp; Không – Không Kiến, Không Văn, Không Trí, Không Tín; Huyền - Huyền Từ, Huyền Thống, Huyền Nạn… Đó là những người đức cao vọng trọng, thấm nhuần Phật pháp và thanh quy giới luật của nhà chùa, say mê tu luyện võ công gồm 72 tuyệt kỹ được gọi là Thất thập nhị huyền công.

Hình bóng những chiếc tăng bào màu vàng, màu xám, màu nâu luôn xuất hiện trong tác phẩm của Kim Dung, từ Thiểm Tây tới Cam Túc, từ Vân Nam tới Triết Giang, từ Nhạn Môn Quan tới Sơn Hải Quan. Các nhà sư Thiếu Lâm không hiếu chiến, không đa sát, luôn luôn tôn trọng chữ Từ bi, mở đường phương tiện cho kẻ thù địch. Tất cả, từ Thiên Long bát bộ, Ỷ thiên Đồ long ký, hay Tiếu ngạo giang hồ…; giữa chốn đao thương hung hiểm, các nhà sư đắc đạo vẫn ung dung ngồi tọa thiền thuyết Pháp hoa kinh, Kim cang kinh, Nam hoa kinh…

Trong tiểu thuyết của Kim Dung cũng có một hình thái Phật giáo khác được xem là bàng môn tả đạo. Đó là đạo Phật của các nhà sư Thiên Trúc, Thổ Phồn, Tây Tạng, Mông Cổ mang xuống Trung Nguyên. Đó là giáo chủ Huyết đao môn của Mật tông Tây Tạng (Liên thành quyết), Ba La Tinh, Triết La Tinh người Ấn Độ, Cưu Ma Trí người Thổ Phồn (Thiên Long bát bộ). Do hạn chế của quan điểm dân tộc, Kim Dung đã xây dựng những nhân vật nhà sư ngoại nhập này như những người tàn ác, cũng ăn cắp võ công bí lục, hãm hiếp gái tơ, phá hoại nền hoà bình của Trung Hoa. Phái sư áo đỏ của Mật tông Tây Tạng bị Kim Dung xem nhẹ nhất. Trong Lộc Đỉnh ký họ là những người âm mưu đánh vào Ngũ Đài Sơn để bắt vua Thuận Trị làm áp lực chính trị với vua Khang Hy. Những Lạt Ma cao cả của Tây Tạng như Đạt Lai Hoạt Phật, Ban Thiền Hoạt Phật và Tang Kết Hoạt Phật cũng bị Kim Dung xem như là không đứng đắn.

Phái Võ Đang do Trương Tam Phong (Trương Quân Bảo) sáng lập là một môn phái tiêu biểu cho tư tưởng Lão Trang tức Đạo gia. Căn cứ trên chủ trương “vô vi thanh tịnh” của Đạo gia, phái Võ Đang là một võ phái “vô vi nhi vô bất vi” (không làm nhưng không có gì là không làm). Trong Ỷ thiên Đồ long ký và Tiếu ngạo giang hồ, Kim Dung đã dành nhiều cảm tình đặc biệt cho các đạo gia của phái Võ Đang. Dưới ngòi bút của Kim Dung, những đạo sĩ hay những đệ tử tục gia của Võ Đang là những con người luôn luôn hành hiệp trượng nghĩa, tế khổn phò nguy, yêu nước nồng nàn. Một nhân vật tiêu biểu cho Đạo gia Võ Đang là Trương Tam Phong, được tác giả gọi một cách kính trọng là Chân nhân. Võ công Võ Đang đặt trên nền tảng của nguyên lý Âm Dương, là một dạng của võ công huyền môn chánh tông. Một số công phu của Võ Đang được lưu truyền đến bây giờ như Thái cực quyền, Thái cực kiếm pháp, Thê vân túng công. Nếu võ công Thiếu Lâm chú trọng dương cương, nhanh mạnh thì võ công Võ Đang chú trọng âm nhu, uyển chuyển thư thái. *“Nặng tợ Thái Sơn nhưng cũng nhẹ tợ lông hồng”* – đó là nguyên tắc tập luyện cơ bản của đệ tử Võ Đang.

Phái Nga Mi – theo truyện là do Quách Tương, con gái Quách Tĩnh sáng lập – là một nhánh khác của Phật giáo Trung Quốc. Vì Quách Tương có ngoại hiệu là Tiểu Đông Tà nên dù lập ra môn phái chính đạo, cũng ăn chay niệm Phật, đệ tử chủ yếu là nữ ni xuất gia, phái Nga Mi vẫn mang trong mình một chút gì khốc liệt trong căn bản võ công. Ỷ thiên Đồ long ký đã xây dựng một hình ảnh chương môn Nga Mi Diệt Tuyệt sư thái và chỉ cái tên thôi, ta cũng hình dung ra được mức độ khốc liệt của vị chưởng môn này: diệt hết, không chừa một ai. Trong thực tế Nga Mi là tên một ngôi chùa danh tiếng của Trung Quốc, hình thành trên 1.000 năm, là nơi tu hành của nhiều sư nữ đạo cao đức trọng.

Trong Tiếu ngạo giang hồ, Kim Dung xây dựng hình ảnh 5 môn phái chuyên sử kiếm, gọi là Ngũ Nhạc kiếm phái, lấy tên theo năm hòn núi: Tung Sơn, Thái Sơn, Hành Sơn, Hoa Sơn và Hằng Sơn. Trong 5 phái, chỉ có Hằng Sơn là theo Phật giáo, do nữ ni cầm đầu, đệ tử gồm toàn nữ, cả xuất gia lẫn tục gia. Vì toàn là nữ cho nên kiếm pháp Hằng Sơn khác hẳn kiếm pháp 4 phái kia, chiêu thức uyển chuyển, tư thế mỹ lệ, ứng theo

nguyên lý *“Miên lý tàng châm”* (trong bông có kim), hễ kẻ địch đánh càng mạnh thì càng gặp nhiều nguy hiểm.

Kim Dung xếp những môn phái trên vào “danh môn chính phái”. Nói đến danh môn chính phái tất phải nói đến bàng môn tả đạo. Vậy bàng môn tả đạo trong tác phẩm của ông gồm những môn phái nào?

Trước hết, người ta bắt gặp khái niệm Ma giáo được nhắc đi nhắc lại trong nhiều tác phẩm. Trong Ỷ thiên Đồ long ký, chữ Ma giáo được nhiều hào khách giang hồ gán cho Minh giáo Trung Quốc, một chi nhánh của Bái hỏa giáo Ba Tư. Nguyên Bái hoả giáo phát tích từ Ba Tư (Perse), thờ ngọn lửa thánh. Tên gọi của đạo này là Manichéisme, phiên âm ra Quan thoại là Ma Ni giáo, rồi người Trung Hoa gọi luôn thành Ma giáo.

Sử Trung Quốc chép vào thời Võ Hậu nhà Đường, người Ba Tư là Hốt Đa Đán đã cầm quyển Tam tôn kinh từ Ba Tư đi về Trung Quốc và đến triều kiến Võ Hậu. Trong tác phẩm Minh giáo lưu truyền Trung thổ ký của Dương Tiêu, một hộ pháp giáo vương của Minh giáo thì Minh giáo truyền vào Trung Quốc được xác định là ngày 22 tháng 6 Đương Đại Lịch tam niên... Nhà Đường thấy Bái hỏa giáo là một tôn giáo đúng đắn, lại có kinh điển tư tưởng hẳn hoi nên cho phép Bái hỏa giáo lập chùa, quy tụ tín đồ. Kinh đô Lạc Dương có ngôi chùa Bái hỏa giáo đầu tiên, gọi là Đại Vân Quang Minh tự; sau đó chùa được xây dựng nhiều thêm ở Thái Nguyên, Hồng Châu, Kim Châu, Việt Châu. Năm thứ ba thời Hậu Xương, nghe lời sàm tấu của một số quan lại, nhà vua ra lệnh giết hại những tín đồ Minh giáo. Minh giáo phải rút vào bí mật.

Trong cuộc chiến đấu gian nan, người Minh giáo vẫn ăn chay, cữ rượu và một lòng thờ phượng thánh Minh Tôn. Từ đó, Minh giáo đứng hẳn về phía dân nghèo, khởi nghĩa chống những thế lực phong kiến. Thời vua Tuyên Hòa (Huy Tông, Bắc Tống), giáo chủ Phương Lạp khởi nghĩa chống bọn tham quan ở Việt Châu, tên tuổi đứng ngang hàng với Tống Giang. Thời vua Kiến Viêm (Khâm Tông) có Vương Tông Thạch khởi nghĩa ở Tín Châu; thời Thiệu Hưng (Cao Tông, Nam Tống) có Dư Ngũ Bà khởi nghĩa ở Từ Châu; thời Thiệu Định (Lý Tông) có Trương Tam Thương khởi nghĩa ở Quảng Đông. Khi quân Nguyên xâm lăng Trung Quốc, tín đồ Minh giáo tập trung lên Quang Minh Đỉnh vùng sa mạc Gobi lập tổng đàn khởi nghĩa kháng Nguyên. Đệ tử Minh giáo là Chu Nguyên Chương thống lĩnh đại binh về Hồ Bắc, chiếm cứ một vùng rộng lớn, đánh ra Hoài Tứ, đuổi được quân Nguyên. Chu Nguyên Chương lên ngôi vua, nhớ mình là đệ tử Minh giáo nên đặt đến hiệu là Minh Thái Tổ. Từ đó, nhà Minh ra đời.

Như vậy, Minh giáo không phải là bàng môn tả đạo mà là mộ môn phái yêu nước, sẵn sàng xả thân vì đại nghĩa. Những nhân vật Trương Vô Kỵ, Vi Nhất Tiếu, Hân Thiên Chính... là những nhân vật của tiểu thuyết. Nhưng Chu Nguyên Chương, Từ Đạt, Thường Ngộ Xuân... là những anh hùng có thật trong lịch sử Trung Quốc. Trong Ỷ thiên Đồ long ký, ta còn gặp một tà giáo khác là Bạch Mi giáo. Bạch Mi giáo hoạt động trên vùng sông

Trường Giang, thủ đoạn rất tàn độc nhưng trong cuộc khởi nghĩa kháng Nguyên, giáo đồ Bạch Mi giáo đã về quy thuận dưới trướng Minh giáo, trở thành những anh hùng có công, xa hẳn những chủ trương tàn độc cũ.

Trong Tiếu ngạo giang hồ, Ma giáo được nhắc đến với tên gọi Triêu dương thần giáo. Đây là một giáo phái tưởng tượng do Kim Dung đặt ra, hành động rất tàn độc, có một lối nịnh bợ vô tiền khoáng hậu. Giáo chủ Triêu dương thần giáo được xưng tụng là "Thánh giáo chủ". Trong Lộc Đỉnh ký, cũng có một giáo phái tương tự là Thần long giáo. Giáo phái này thờ rắn (địa long) và từ địa long, người ta tôn xưng thành thần long. Thần long giáo kết hợp với Nga La Tư, định dâng 3 tỉnh Đông bắc Trung Quốc cho Nga và để đổi lại, người Nga sẽ giúp họ đem binh chống lại triều đình nhà Thanh do Khang Hy lãnh đạo.

Nếu như trong các phái, Thiếu Lâm đứng đầu thì bên các bang hội, Cái bang là bang tiêu biểu. Trong truyện võ hiệp Kim Dung, hình ảnh quần hùng Cái bang luôn luôn hiện diện bên cạnh các nhà sư Thiếu Lâm. Trong 12 tác phẩm, Kim Dung đã dành nhiều chương hồi nói về Cái bang, bang quy tụ những người ăn mày nhưng giàu long yêu nước, chuyên hành hiệp trượng nghĩa, tế khổn phò nguy. Tác phẩm Kim Dung đã để lại cho đời sau những huyền thoại đẹp về các bang chúa Cái bang như Hồng Thất Công, Hoàng Dung, Kiều Phong. Bạn đọc tiểu thuyết võ hiệp có thể nhận ra được tấm lòng ưu ái của tác giả dành cho giới ăn mày khố rách áo ôm, đầu đường xó chợ. Các nhân vật Cái bang ăn nói đơn giản, đi xin nhưng không bao giờ ăn cắp, hành động tinh tế và tư duy bén nhạy như bất kỳ con người có học nào. Cái bang xuất hiện trong tiểu thuyết Kim Dung với thứ bậc hẳn hòi: một túi là mới gia nhập, tám túi là lên trưởng lão, có bài hát Liên hoa lạc (hoa sen rụng) là dấu hiệu liên kết tấn công kẻ địch, có Đả cẩu trận vây hãm kẻ thù, có Đả cẩu bổng pháp làm bảo vật trấn bang. Trong Ỷ thiên Đồ long ký, Kim Dung có đề cập đến 2 chi của Cái bang: Chi Ô y (áo dơ) và chi Thanh y (áo sạch). Những trưởng lão của Thanh y cũng đeo nhẫn vàng, ăn mặc xa hoa như phú thương, dùng tiền như nước. Thuyết này nghe rất mới lạ!

Trong tiểu thuyết Kim Dung, có một số bang khác cũng được nhắc đến như Thần Nông bang, Cự kình bang, Mao sơn bang, Hải sa bang… Đại để, đây là những bang nhỏ, cát cứ ở một vùng nhất định, có những hoạt động đi ra ngoài sự kiểm soát của chính quyền phong kiến địa phương và hành vi của họ thường là hành vi tàn ác. Trong Thiên Long bát bộ, Thần Nông bang là một bang chuyên dùng thuốc độc, cát cứ vùng núi Vô Lượng. Trong Ỷ thiên Đồ long ký, Cự kình bang, Hải sa bang, Mao sơn bang là bang bang hoạt động trên vùng sông biển, hành vi cơ bản là giết người cướp của. Cự kình bang cát cứ sông Trường Giang, Hải sa bang cát cứ vùng Quảng Tây, Mao sơn bang cát cứ vùng Thiểm Bắc. Tuy nhiên, những hành vi tàn độc của 3 bang này không qua mặt nổi bọn giáo đồ Bạch Mi giáo.

Đặc biệt, trong 12 bộ tiểu thuyết, Kim Dung chỉ đề cập đến một hội. Đó là Thiên Địa hội, một tổ chức chính trị - quân sự có tầm ảnh hưởng lớn, có tổ chức quy mô gồm toàn người Hán, hoạt động chống lại triều đình Khang Hy. Thiên Địa hội là một tổ chức có thật do Trần Cân Nam (Trần Vình Hoa) làm Tổng đàn chủ, căn cứ tại Đài Loan, thế lực bành trước ra khắp 12 tỉnh ven biển. Trần Cận Nam là nhân vật có thật, làm quân sư cho Trịnh Thành Công, người cầm đầu đảo Đài Loan, chống lại triều Thanh. Ông vốn là một nhà văn làm chính trị nhưng khi xây dựng thành một nhân vật tiểu thuyết, Kim Dung đã tạo nên một Trần Cận Nam văn võ toàn tài, đầy đủ bản lĩnh, điều hành một cách khoa học những hoạt động quân sự và tình báo gián điệp nhằm chống lại người Mãn Châu.

Hoạt động quân sự và tình báo của Thiên Địa hội trong lịch sử triều Thành là có thật. nhưng tài trí của Khang Hu và những tư duy chiến lược của ông vua Mãn Châu này đủ sức vô hiệu hóa các lực lượng thù địch, trong đó có lực lượng Thiên Địa hội. Trần Cận Nam bị con thứ của Đài Loan vương Trịnh Thành Công là Trịnh Khắc Sảng giết vì nghi kỵ ông có lòng phản nghịch. Tổ chức Thiên Địa hội tan rã, lớp bị triều đình Khang Hy bắt, lớp bỏ trốn tha phương mai danh ẩn tích. Tuy nhiên, Thiên Địa hội đã để lại dấu ấn tốt đẹp trong lòng người đọc Lộc Đỉnh ký bởi vì họ là tổ chức tiêu biểu cho lực lượng yêu nước phản Thanh phục Minh, giấc mơ lớn của mọi người yêu nước Trung Quốc trong thế kỷ XVII. Chính từ những hoạt động của Thiên Địa hội mà một số hội đoàn chính trị chống nhà Thanh sau này cũng mô phỏng cách hoạt động ấy. Một thí dụ cụ thể là Hồng hoa hội, hoạt động chống chính quyền triều vua Hàm Phong.

Một cách khái quát, khi xây dựng những tôn giáo, môn phái, bang hội trong truyện võ hiệp, Kim Dung đã hé mở cho ta thấy sự tông trọng quan điểm “tam giáo đồng nguyên” của ông. Phật giáo có Thiếu Lâm, Nga Mi, Hằng Sơn… Đạo giáo theo tư duy Lão Trang có Võ Đang, Tiêu Dao, Thiên Sơn… Nho giáo có Thiên Địa hội, một tổ chức nhập thể và nhập thế. Kim Dung cũng đồng thời tôn trọng nhũng tư tưởng tôn giáo ngoại nhập. Ngoài tình cảm dành cho Bái hỏa giáo Ba Tư, ông còn nhắc tới Hồi giáo, Thiên chúa giáo (thông qua 2 nhân vật người Tây dương là Nam Hoài Nhân và Thang Nhược Vọng) với những tình cảm chân thật, nhận định trung thực về bản chất lương thiện của các tôn giáo. Ông cũng tỏ ra tôn trọng những tình cảm khác của dân tộc Trung Hoa khi đưa ra một số bang phái khác dù hoạt động của họ khi tà khi chính chẳng đứng hẳn về một hệ tư tưởng nào như các phái Lao Sơn, Không Động, Thanh Thành…

Tất cả các tôn giáo, bang hội được xây dựng trong tác phẩm Kim Dung đều có kẻ tà người chánh, người tốt kẻ xấu. Có người đưa ra luận điểm cho rằng: Kim Dung muốn dung hoà, trộn lẫn hai thái cực của chính và tà, thiện và ác. Tôi cho rằng đó là một nhận định mang tiếng võ đoán. Thực ra, Kim Dung đi tìm cái Thiện trong cái Ác, đi tìm người chính nhân quân tử trong cái dư luận về tiểu nhân đê tiện, đi tìm chất ngọc con người trong mới hỗn độn của xã hội lẫn lộn trắng đen. Và ông đã tìm thấy, đã phân biệt cho chúng ta thấy. Những nhân vật đức cao vọng trọng như Nhạc Bất Quần, Thích Trường

Phát, như Vạn Khuê… của cái gọi là chính phái là những kẻ thủ đoạn, lưu manh và tất yếu phải nhận sự trừng phạt. Những con người xuất thân từ bàng môn tả đạo, từ tà phái như Điền Bá Quang, Bất Giới, Tổ Thiên Thu, Lão Đầu Tử, Trương Tam, Lý Tứ… là những chính nhân quân tử, những con người trung thực. Hành động phân biệt chính tà không thể bị nhầm lẫn với hành động dung hoà chính tà. Tác giả muốn cho chúng ta hiểu rõ hơn về chính – tà và đừng nhận định chính tà, thiện ác theo những quan điểm đơn điệu, công thức.
Đọc Kim Dung, ta thấy được một hiện tượng sinh động của xã hội phong kiến Trung Quốc từ thế kỷ XVII trở về trước: sự cát cứ của các thế lực chính trị và quân sự giữa lòng xã hội phong kiến. Gần như bang phái nào cũng đứng ngoài vòng pháp luật, kể cả chùa Thiếu Lâm! Họ có cách thực hiện công lý riêng của họ: dùng võ công để tế khổn phò nguy, giải quyết việc đời, thực hiện công bằng xã hội trước làn đao mũi kiếm. Họ không hề tôn trọng chính quyền phong kiến. Trên cái nhìn này, ta có thể thấy được truyện Kim Dung như là một bản điều tra xã hội học về xã hội Trung Hoa cũ. Có thể nói chính những bất công của cuộc đời đã "đặt hàng" cho võ học phát triển, cho những bang phái ra đời để thực hiện một thứ luật khác: luật giang hồ.

Khi nghiên cứu về những tư tưởng triết học Đông phương, người ta mới chỉ ngừng lại ở phạm trù lý thuyết. Vả chăng tư tưởng triết học là cái gì hết sức trừu tượng. Nhưng khi đọc tác phẩm võ hiệp, thông qua các tôn giáo được đề cập đến, người ta rất dễ nhận ra các lý thuyết trừu tượng đó đã được cụ thể hóa qua phạm trù thực hành.

Nói chuyện Kim cương kinh chưa chắc người ta đã tâm đắc. Nhưng từ Kim cương kinh, các nhà sư Thiếu Lâm đã luyện thành Kim cương chỉ, có kình lực tan bia vỡ đá, có thể dùng ngón tay viết chữ và vẽ bàn cờ lên đá được thì người ta dễ lý hội khái niệm "kim cương" hơn. Cũng thế, thật khó hình dung ra khái niệm "tiêu dao du" trong tác phẩm "Nam hoa kinh", được Kim Dung hình tượng hoá thành nhân vật Vô Nhai Tử (Tiêu Dao Tử), chưởng môn phái Tiêu Dao, giỏi đánh cờ, đánh đàn, võ công, y thuật, địa lý, lại có thuật "trụ nhan" làm khuôn mặt tươi vui trẻ mãi không già, sống giữa đời hiện thực với một trái tim lãng mạn, lấy chuyện vui chơi năm hồ, bốn biển làm vui, không hệ luỵ đến cuộc đời (Thiên Long bát bộ). Nói cách khác, Kim Dung đã chuyển một hệ thống tư tưởng triết học lý thuyệt sang hệ thống thực hành, một dạng triết học Đông phương gần gũi với mọi người, mọi trình độ nhưng không hề dung tục và thô thiển thông qua việc xây dựng các võ phái trong tác phẩm của mình.

Yếu tố sau cùng cũng khá thú vị là thông qua một vài thế võ, cách vận công, cách tự vệ, các nhân vật của Kim Dung có thể bộc lộ ra môn phái, sư thừa của mình. Ngay đến trong cách khám nghiệm vết thương, người ta cũng nhận ra được vết thương đó do loại võ công, vũ khí nào gây nên và quy trách nhiệm. Dư Đại Nham bị đánh vỡ hết các khớp xương; võ công đó chỉ có thể là Kim cương chỉ của phái Thiếu Lâm. Gia đình Lâm Bình Chi bị giết oan hết, mặt người nào cũng hiện lên một nụ cười quái dị vì trái tim bị vỡ dù

lồng ngực không có dấu hiệu chấn thương bên ngoài. Võ công đó chỉ có thể là Tồi tâm chưởng của phái Thanh Thành. Nói cách khác, thông qua võ công, thông qua vết thương, người ta có thể xác định được tôn giáo, bang phái nào đã ra tay hành động.

Chính trên những chi tiết thú vị như thế mà truyện kiếm hiệp của Kim Dung vượt xa các tác giả đương đại về mặt tri thức. Và cũng chính nhờ những chi tiết đó, người đọc kiếm hiệp có thể phân biệt được chính tác của Kim Dung với một nguỵ tác của một người nào đó, cũng ký tên là Kim Dung!

Bang giao Trung - Nga nhìn qua Lộc Đỉnh ký

Ở một chừng mực nào đó, ta có thể gọi Lộc Đỉnh ký của Kim Dung là một bộ tiểu thuyết lịch sử. Thật vậy, thông qua bộ tiểu thuyết cuốn này, Kim Dung đã cung cấp cho độc giả những sự kiện lịch sử có thật và khá quan trọng từng xảy ra dưới thời vua Khang Hy, triều Thanh. Một trong những sự kiện quan trọng ấy là mối bang giao Trung - Nga, dẫn đến việc ký kết hoà ước Hắc Long Giang năm 1684.

Ba tỉnh vùng Đông Bắc Trung Quốc ngày nay chính là vùng đất phát tích của bộ tộc Mãn Châu (Manchourie) mà người Trung Quốc ngày xưa từng gọi là dân Kim hay Thát Đát (Tartare). Mồ mả tổ tiên của vua Khang Hy thuộc bộ tộc Ái Tân Giác La (Aisin Gioro) được chôn ở vùng Bắc ngạn sông Amour (tiếng Mãn Châu: A Mộc Nhĩ Hà; tiếng Trung Quốc: Hắc Long Giang) dưới chân núi Lộc Đỉnh. Sông Amour phát xuất từ ngọn núi Tchita thuộc đài nguyên Oulan Oude (tiếng Trung Quốc: Ô Tư Ô Đức) cận hồ Baikal (tiếng Trung Quốc: Bối Gia Nhĩ) vòng lên hướng Bắc, đổ về phương Đông qua thành phố Khabarovsk rồi đổ xuống hướng Nam gặp cảng Vladivostok.

Từ ngàn xưa, các bộ tộc Mãn Châu thường sống du mục theo đôi bờ Hắc Long Giang, có khi vượt qua phía Tây đến biên giới Mông Cổ. Đây là vùng đất gần như băng giá quanh năm. Từ địa đầu biên giới Mông Cổ - Mãn Châu Lý kéo dài lên hướng Bắc hợp lưu với Hắc Long Giang, có thêm một dòng sông nữa, ấy là sông Ngạch Nhĩ Cổ Lạp. Vậy, hai dòng Ngạch Nhĩ Cổ Lạp với Hắc Long Giang tạo nên biên giới thiên nhiên giữa hai nước Trung - Nga bây giờ, một biên giới bền vững, rất dễ phân định. Vâng, đó là chuyện bây giờ, còn chuyện ngày xưa thì sao?
Ngày xa, người Trung Quốc gọi nước Nga là nước La Sát. Trong kinh Phật, La Sát là tên một loài quỷ dữ, nhưng khi gọi nước Nga là La Sát, thực sự người Trung Quốc không có hàm ý khinh thị nước Nga. Trong cuốn thứ 9 bộ Thanh sử cảo, Lang Viên giải thích: "Nga La Tư hay La Sát chỉ là cách đọc phiên âm chậm hay mau mà thôi. Đọc La Sát tương đối giống hơn" (với từ Russe, Руссие).

Bát kỳ Mãn Châu tiến đánh nhà Minh năm 1643 và năm 1644 thì chiếm được Bắc Kinh. Vua Thuận Trị lập ra nhà Thanh trên đất Trung Quốc. Trăm họ người Trung Quốc

vẫn tự coi mình là người Hán tộc, gọi nhà Thanh là bọn Di Địch. Thế nhưng bọn "Di Địch" đó đã làm nên một kỳ tích: sửa chữa những sai lầm của tổ tiên, duy trì đế chế phong kiến 268 năm, trong đó có ít nhất 2 đời vua được gọi là minh quân đem lại hoà bình, hạnh phúc cho Trung Quốc, vượt xa các ông vua triều Minh Hán tộc. Một biểu tượng của thái bình thạnh trị là triều Khang Hy (1662 - 1722), đấng minh quân mà cả Hán tộc và Mãn tộc đều tôn kính.

Lộc Đỉnh ký của Kim Dung lấy tên núi Lộc Đỉnh trên biên giới Trung - Nga làm tựa truyện nên đã dựng lại khá rành mạch những quan hệ Trung - Nga dưới triều Thanh, theo sát những diễn tiến lịch sử. Vào năm Thuận Trị thứ 6 (1650), nhà vua đã cho quân đồn trú ở mạn Đông Bắc để ngăn chặn quân của Sa hoàng Nga La Tư, không cho xâm phạm vùng Lộc Đỉnh Sơn và Hắc Long Giang. Năm Thuận Trị thứ 9 (1653), tướng Thanh là Hải Sắc đánh với quân Nga La Tư tại Hắc Long Giang; một tướng Thanh khác là Minh An Đại Lý đánh với quân Nga ở Tùng Hoa Giang (nằm sâu trong tỉnh Cát Lâm ngày nay). Năm Thuận Trị thứ 16 (1660), nhà vua sai hai tướng Nhĩ Hổ Đạt và Ba Hải đồn trú ở Ninh Cổ Tháp để ngăn chặn bước tiến của đoàn kỵ binh Nga La Tư danh tiếng Kha Tát Khắc (Cosaque).

Công chúa Sophia (Софья, tiếng Trung Quốc là Tô Phi Á) lên nắm quyền Nhiếp chính năm 1680. Lộc Đỉnh ký của Kim Dung hư cấu chuyện Vi Tiểu Bảo, bá tước của triều Khang Hy, đi đánh Thần Long giáo, lưu lạc qua Nga giúp công chúa Tô Phi Á kêu gọi binh lính Hoả thương thủ làm binh biến, đưa công chúa lên ngôi Nhiếp chính. Tính ra, đây là năm thứ 18 triều Khang Hy.

Thực ra, việc Vi Tiểu Bảo lưu lạc sang Nga là chuyện cá nhân của gã. Trước đó, vào năm Khang Hy thứ 15 (1677), đại sứ Nga là Tư Ba Tháp Lôi (Spatinary) đã sang Bắc Kinh, dẫn theo nhiều chuyên gia về bảo thạch và dược tài (làm thuốc súng) đến trình uỷ nhiệm thư lên Khang Hy, xin nhà vua trao đổi chuyên gia làm thạch kiều (cầu đá) về giúp Sa hoàng xây dựng Mạc Tư Khoa (Moscow, Москва) và Cơ Phụ (Kiev, Киев). Viên đại sứ này không chịu quỳ trước Khang Hy nên bị nhà vua đuổi về. Sau đó, Sa hoàng ra lệnh cho quân Cosaque đồn trú ở thành Irkoutsk (tiếng Trung Quốc: Ái Nhĩ Tư Khắc) và Novogorod (tiếng Trung Quốc: Ni Bố Sở Thành) để tuần tiễu mạn Bắc bờ sông Amour. Vua Khang Hy cho đây là sự xâm lấn lãnh thổ Đại Thanh nên đã đưa kỵ binh và pháo binh lên Hắc Long Giang đối phó.

Trong Lộc Đỉnh ký, Kim Dung thuật chuyện Vi Tiểu Bảo được Khang Hy phong làm nguyên soái, đệ nhất Lộc Đỉnh công, thừa lệnh nhà vua đem hai vạn quân gồm bộ binh, kỵ binh, pháo binh đi đánh quân Nga. Vi Tiểu Bảo hạ luôn hai thành Ni Bố Sở và Nhã Tác Khắc khiến công tước Phí Diêu Đa La (Pheodor), một trọng thần của Nhiếp chính vương Tô Phi Á phải xin cầu hoà và đề nghị đàm phán ký hiệp ước phân chia cương giới. Bởi vì tước của Vi Tiểu Bảo là Lộc Đỉnh công, mà núi Lộc Đỉnh lại ở phía Bắc bờ Hắc

Long Giang nên Vi Tiểu Bảo buộc Phí Diêu Đa La bằng mọi cách phải cắt phần đất đó vào lãnh thổ của Thanh triều. Phí Diêu Đa La không thuận; Vi Tiểu Bảo doạ sẽ liên kết với quân của nước Thuỵ gì đó (Thuỵ Điển nhưng gã nhớ không nổi) để dưới đánh lên, trên đánh xuống, chiếm Mạc Tư Khoa! Gã lại học sách Tam quốc, thực hiện kế "Chu Du hí Tưởng Cán", giả vờ phát lệnh tiễn cho tướng Thanh đi về phía Tây, đi dọc biên giới Mông Cổ tiến về Mạc Tư Khoa khiến Phí Diêu Đa La sợ vỡ mật, phải xin kiềm đính hoà ước!

Những thủ đoạn kỳ kèo trong quá trình đàm phán không phải là không có cơ sở lịch sử. Ta nhớ rằng Nguyên Thế Tổ Hốt Tất Liệt (cháu nội của Thành Cát Tư Hãn) lên ngôi ở Trung Hoa, mở ra nhà Nguyên, sau đó thân chinh đi đánh nước Nga. Chỉ với 2 vạn binh mã, Hốt Tất Liệt đã đánh cho 18 vạn quân Nga La Tư thua to. Mà trong thời Khang Hy, nước Mông Cổ lại thuộc Trung Hoa nên khi bọn Vi Tiểu Bảo, Sách Ngạch Đồ, Đổng Quốc Cường nói với Phí Diêu Đa La rằng Mạc Tư Khoa từng bị người Trung Hoa đến đánh thì cũng không phải là điều khiên cưỡng. Vả chăng, năm 1238, danh tướng triều Nguyên là Bạt Đô đã đánh chiếm được Cơ Phụ và Mạc Tư Khoa, lại còn muốn đánh sang Ba Lan và Hung Gia Lợi (Hunggary), vượt dòng Đa Não Hà (Danube) để tấn công châu Âu! Năm 1240, nhà Nguyên dựng lên toà Kim trướng Hãn Quốc bên thành Tát Lai (Toula) ở cửa sông Phục Nhĩ Gia (Volga). Nhân vật đứng ra cai trị toàn Nga lúc đó được gọi là Khả Hãn. Sách Đại anh bách liệu toàn thư, mục Nga La Tư thuật lại rằng những vương công người Nga phải đến Kim trướng của Khả Hãn tại thành Tát Lai để được phong. Họ đã chịu nhiều điều khổ nhục. Người Mông Cổ đã thống trị đất Nga 240 năm (từ 1240 đến 1480), sau đó mới bị người Nga đánh đuổi.

Hoà ước Hắc Long Giang ký năm 1684 giữa Trung Hoa và Nga La Tư do Sách Ngạch Đồ của Thanh triều và Phí Diêu Đa La của Nga kiềm thự. Hoà ước được viết bằng 3 thứ tiếng Hán văn, Nga văn và Lạp Đinh văn (Latin). Đây là bản hoà ước đầu tiên Trung Hoa ký với nước ngoài, mang lại cho nhà Thanh một thắng lợi ngoại giao rực rỡ. Trong 6 điều hoà ước, điều nào cũng có lợi cho Trung Hoa: cương giới được quy định tới núi Đại Hưng An phía Bắc; hai tỉnh A Mộc Nhĩ và Tân Hải của Nga thuộc vào lãnh thổ Trung Hoa; phía Đông và Đông Nam kéo dài tới biển; nước Trung Hoa có thêm 80 vạn dặm vuông Anh. Hoà ước giúp Trung Hoa yên ổn đên 150 năm sau. Bia biên giới được viết bằng 5 thứ tiếng: Mãn Châu văn, Hán văn, Nga văn, Latinh văn và Mông Cổ văn. Những đời vua sau của nhà Thanh nhu nhược; địa đồ biên giới có nhiều thay đổi...

Tất nhiên, trong Lộc Đỉnh ký, Kim Dung để cho “nguyên soái” Vi Tiểu Bảo làm đại sứ đặc mệnh toàn quyền ký hoà ước với Phí Diêu Đa La. Sách Ngạch Đồ chỉ là phó sứ! Vi Tiểu Bảo không biết chữ, nên chỉ ký được chữ Tiểu trong tên của mình. Chữ Tiểu của gã rất cổ quái: ở giữa có một cái gạch, hai bên có hai hột tròn tròn, giống như bộ phận sinh dục nam giới. Các quan coi tới, cười ồ, cho rằng cổ lai hy chưa có ai ký tên như vậy cả!

Trong cuộc chiến tranh ở biên giới Trung - Nga, các tướng lãnh của triều Thanh có đưa một số hàng binh Nga về Bắc Kinh cho vua Khang Hy hỏi chuyện để tìm hiểu lịch sử, địa lý, văn hoá của Nga La Tư. Tiêu Nhất Sơn trong Thanh đại thông sử ghi nhận: "Hàng binh đưa về kinh sư đều được tha hết, cho vào Tá lãnh. Đó là kỳ binh của Nga La Tư. Con cháu họ đến nay hãy còn". Trong sách Quý Ty loại cảo có chương Nga La Tư Tá lãnh khảo xác nhận đội lính Nga La Tư Tá lãnh có khoảng gần 200 người, mặc đồ Thanh binh rất kiêu dũng. Đây là một đòn phép ngoại giao hoà hoãn, khôn khéo của Khang Hy. Những người lính Nga được lấy vợ là người Trung Quốc; những kiến thức về hoả dược, vũ khí của họ giúp ích rất nhiều cho việc kiện toàn vũ khí cho người Trung Hoa.

Công chúa Tô Phi Á (Sophia) là một nhân vật có thật trong lịch sử nước Nga. Bà đã giết hoàng hậu chuyên quyền Na Đạt Lệ Á (Natalia), đưa em mình là Bỉ Đắc (Pierre) hãy còn nhỏ tuổi lên làm Sa hoàng; bà giữ quyền Nhiếp chính. Bà đã từng gửi thư bày tỏ tình hữu nghị với vua Khang Hy. Tô Phi Á và cả triều đình Sa hoàng không ai biết Hán văn. Vua Khang Hy có gửi cho bà một giác thư ngoại giao viết trên vàng lá. Bà trả lời: “Vừa qua, Hoàng đế bệ hạ có tặng cho chúng tôi một lá vàng nhưng chẳng ai biết dùng để làm gì”. Trong Lộc Đỉnh ký, tác giả xây dựng nhân vật Tô Phi Á thành người tình của Trung Quốc tiểu hài đại nhân Vi Tiểu Bảo. Chữ Phi được ông viết với bộ thảo đầu, có nghĩa là phất phơ (phương thảo phi phi - cỏ thơm phất phơ). Cái nghĩa ấy không được chính đáng, nhất là đối với một nữ Nhiếp chính vương. Sau này, khi Vi Tiểu Bảo sai gia sư viết hộ bức thư gửi cho Tô Phi Á, thông qua hai thân binh Hoa Bá Tư Cơ (Vabovski) và Tề Nặc Lạp Phu (Denilov), tay gia sư tự động sửa tên nàng lại là Tô Phi Hà điện hạ. Y viết chữ Phi có nghĩa là bay, chữ Hà có nghĩa là ráng chiều (trong Lạc hà dữ cô vụ tề phi). Vậy tên nàng có nghĩa là ráng chiều bay, vừa thơ mộng, vừa đẹp lại cực kỳ thanh nhã. Tiếc thay đối với Tô Phi Á và Vi Tiểu Bảo, Phi Á hay Phi Hà cũng vậy vì cả hai đều không biết chữ Hán văn! Về sau, Pierre đại đế phế truất Sofia và trở thành một Sa hoàng vĩ đại trong lịch sử nước Nga.

Đào cốc lục tiên - Một luật sư đoàn ngộ nghĩnh

Trước đây, trong chế độ Pháp thuộc, nhân dân ta thường gọi các vị luật sư là trạng sư hay thầy cãi. Khi đọc Tiếu ngạo giang hồ của nhà văn Kim Dung, tôi thấy khái niệm "thầy cãi" thật xứng đáng với nhóm Đào Cốc lục tiên. Câu chuyện Tiếu ngạo giang hồ xảy ra vào khoảng cuối đời Minh bên Trung Hoa mà thời ấy làm gì đã có trường đào tạo luật sư, làm gì có toà án được thiết lập dân chủ như thời đại của chúng ta đẻ các vị luật sư đứng ra bảo vệ thân chủ của mình. Tuy nhiên tôi vẫn mạnh dạn gọi sáu vị trong Đào Cốc lục tiên là một luật sư đoàn vì họ rất thích cãi, cãi suốt ngày trong khi bị thương gần chết, cãi cho sướng miệng, vừa bảo vệ cho những người đáng bảo vệ vừa làm trò vui cho thiên hạ. Và chính vì thế mà tôi gọi họ là một luật sư đoàn ngộ nghĩnh.

Trong Tiếu ngạo giang hồ, Đào Cốc lục tiên xuất hiện khá đột ngột: vâng lệnh một ai

đó lên Ngọc Nữ phong phái Hoa Sơn bắt cóc Lệnh Hồ xung về cho ni cô Nghi Lâm phái Hằng Sơn thoả lòng mong nhớ. Tác giả không giới thiệu “hành trạng” của sáu vị Đào Cốc lục tiên có lẽ vì chữ tiên không phù hợp với ngoại hình của sáu vị này. Tác giả chỉ cho biết đó là sáu anh em ruột thịt, xếp thứ tự từ lớn đến nhỏ như sau: Đào Cán Tiên, Đào Căn Tiên, Đào Chi Tiên, Đào Diệp Tiên, Đào Hoa Tiên, Đào Thực Tiên. Nghe đến khái niệm Đào Cốc, ta chỉ biết đó là núi hoa đào, còn núi đó ở địa phương nào, tác giả không hề thuật qua. Tuy nhiên tên tuổi của luật sư đoàn này khá thú vị bởi nó khởi đi từ dưới lên trên: Cán (thân cây), Căn (rễ cây), Chi (nhánh cây), Diệp (lá cây), Hoa (bông của cây), và Thực (quả); từ lớn đến nhỏ, từ gốc đến ngọn, từ có trước đến có sau.

Riêng giữa Đào Chi Tiên và Đào Diệp Tiên thì hai vị này không phân biệt được ai là lão tam và ai là lão tứ; cả cha và mẹ của hai người cũng quên béng vì hai gã đẻ sinh đôi và thời ấy cũng chẳng ai làm giấy khai sinh. Xét ở khía cạnh lý lịch bản thân thì đó là một việc khá hồ đồ nhưng vì Đào Chi Tiên cãi quá nên Đào Diệp Tiên chịu lép vế làm em thứ tư. Tướng mạo các vị này được Kim Dung mô tả là xấu như quỷ sứ: Đào Hoa Tiên có khuôn mặt đỏ hồng như màu hoa đào, Đào Thực Tiên lại có khuôn mặt dài như mặt ngựa. Vì Đào Cốc lục tiên ưa giỡn cợt, cãi chày cãi cối và ngoài 50 vẫn bị người đời chê bai là hạng non nớt, đơn bạc nên khi Lệnh Hồ Xung nịnh: "Tên các vị hay quá; giả tỷ tại hạ có được cái tên hay như vậy thì sướng chết đi được" thì sáu lão đều vui mừng, cho chàng Lệnh Hồ Xung là con người tốt nhất thiên hạ.

Thế nhưng, ta chớ có được phép coi thường sáu vị. Dù họ ham cãi chày cãi cối nhưng về mặt võ công, họ là những hảo thủ đứng hàng đệ nhất: nội công thâm hậu, khinh công cao cường, tâm ý tương thông. Họ có một chiêu thức độc đáo: túm lấy tứ chi của kẻ địch giơ lên... Trong thiên hạ, họ chỉ chịu thua có một người là Lệnh Hồ Xung. Lý do: họ túm được Lệnh Hồ Xung nhưng không giữ và xé được anh chàng này bởi Lệnh Hồ Xung sử dụng Hấp tinh đại pháp hút công lực của họ, khiến họ kinh hoàng phải bỏ ra! Sáu anh em đã tranh đua với bọn hào sĩ giang hồ hắc đạo đòi làm minh chủ tiến lên chùa Thiếu Lâm giải cứu Nhậm Doanh Doanh ra cho Lệnh Hồ Xung, họ đành chịu nhường cho chàng cái danh "minh chủ".

Từ ngàn xưa, người Trung Hoa đã ca ngợi môn thiệt chiến (đánh võ lưỡi) tức... cãi lộn. Tam quốc chí của nhà văn La Quán Trung có thuật đoạn Gia Cát Lượng thiệt chiến quân nho ở Đồng Ngô khiến các nhà nho Đông Ngô cứng họng. Tài thiệt chiến của Đào Cốc lục tiên còn xuất sắc hơn cả nhà nho Gia Cát Lượng của Tây Thục ngày trước, chỉ tiếc rằng nội dung thiệt chiến hơi... tào lao.Thí dụ khi Lệnh Hồ Xung bị thương nặng, Đào Thực Tiên và Đào Hoa Tiên cứ cãi nhặng xị lên. Đào Thực Tiên: "Rõ ràng gã sống mà sao ngươi cứ nói là đánh chết gã?" Đào Hoa Tiên: "Ta có bảo nhất định là hắn chết đâu, mà chỉ nói là gã có thể chết được". Đào Thực Tiên: "Gã đã sống lại thì không thể nói là gã có thể chết".

Vốn tính sáu vị hồ đồ nhưng lại rất hiếu sự, sợ Lệnh Hồ Xung chết đi thì sáu vị bị Nghi Lâm mắng cho sáu con mèo vô dụng cho nên họ tranh nhau dùng công lực thượng thừa chữa bệnh ngay cho Lệnh Hồ Xung. Gã này cho là Lệnh Hồ Xung bị thương Túc thiếu âm thận kinh, gã khác cãi lại là bị thương ở Thủ thái dương phế kinh; lại gã khác cãi là ở Dương minh đại trường kinh, lại gã khác cãi là Túc thái âm tỳ kinh... Cho nên Đào Cốc lục tiên phóng công lực chữa các huyệt Dương đao, Dương quang, Phong thị, Hoàn khiêu của Lệnh Hồ Xung thì Đào Chi Tiên lại đưa chân khí vào Tam tiêu chữa tim; Đào Cán Tiên lại phóng chân khí vào các huyết Trung Phủ, Xích trạch, Khổng tố, Thái uyên... Âm dương lôn xộn như vậy nhưng Đào Hoa Tiên vẫn cố làm ra nhà bác học lí luận: "Âm sinh ra dương, đó là hai mặt của một vật. Họp lại thành một, phân là thành hai, khác nào Thái cực sinh Lưỡng nghi, Lưỡng nghi họp lại thành Thái cực. Thiếu dương và Thiếu âm nương tựa nhau như mặt trong mặt ngoài vậy." Họ vừa cãi vã vừa chữa bệnh cho Lệnh Hồ Xung đau đớn không chịu nổi, phải... chết giấc.

Tôi nghĩ rằng khi xây dựng nhóm nhân vật Đào Cốc lục tiên, Kim Dung đã cho thấy được một hội chứng thâm căn cố đế của người Trung Hoa: ưa cãi. Hội chứng đó có trong tư tưởng của AQ, nhân vật của Lỗ Tấn với phép "thắng lợi tinh thần". Mà AQ. là đại biểu lớn của con người qua 3.000 năm quân chủ Trung Hoa, không cãi lớn được thì cãi thầm, không chửi to được thì chửi nhỏ, thậm chí chỉ nghĩ ra lời chửi để một mình mình nghe cho hả dạ, coi như đã chửi được nó. Lý luận của anh em Đào Cốc lục tiên đứng giữa danh học và nguỵ biện nghe ra khá thú vị. Ta có thể nghe đoạn cãi vã của sáu vị khi đi viếng Dương tướng quân miếu ở trấn Chu Tiên, phủ Khai Phong. Gã này: "Ta bảo miếu Dương tướng quân nhất định thờ Dương Tái Hưng". Gã kia:"Trong thiên hạ có nhiều tướng quân họ Dương, sao lại cứ nhất định là Dương Tái Hưng?". Đào Diệp Tiên:"Có lẽ là Dương Tứ Lang". Đào Chi Tiên:"Dương Tứ lang đầu hàng phiên bang, không ai dựng miếu". Đào Diệp Tiên:"Ta đứng hàng thứ tư, ngươi nói chuyện đầu hàng phiên bang, chẳng lẽ muốn mạt sát ta?". Đào Hoa Tiên:"Ngươi thứ tư thì kệ ngươi, liên quan gì đến Dương Tứ Lang?" Đào Diệp Tiên: "Còn ngươi đứng hàng thứ năm. Dương Ngũ Lang xuất gia đi tu ở Ngũ Đài Sơn, sao ngươi chẳng làm hoà thượng?". Đào Hoa Tiên: "Hễ ta làm hoà thượng thì ngươi đầu hàng Phiên bang." Đại để, lý luận của họ lòng vòng như vậy, càng nghe càng cảm thấy hoạt kê, càng thấy câu chuyện xa lơ xa lắc.

Có một lần, cả "luật sư đoàn" Đào Cốc lục tiên cùng ra trước "toà án", cãi vã để bảo vệ cho quyền tồn tại của bốn kiếm phái trong Ngũ Nhạc kiếm phái. Nguyên đất nước Trung Hoa có năm ngọn núi danh tiếng: Hoa Sơn, Thái Sơn, Hằng Sơn, Hành Sơn và Tung Sơn; trong đó có ngọn núi Tung Sơn (thuộc tỉnh Hồ Nam) đứng ở trung tâm. Mỗi ngọn núi là một kiếm phái riêng và họ đứng cùng trong một tổ chức gọi là Ngũ Nhạc kiếm phái. Chưởng môn phái Tung Sơn Tả Lãnh Thiền nuôi tham vọng hợp nhất cả bốn phái kia để chỉ còn Ngũ Nhạc phái để lão lên ngôi minh chủ Ngũ Nhạc phái. Đào Cốc lục tiên kiên quyết phá hỏng âm mưu của Tả Lãnh Thiền.

Mỗi người trong bọn họ đều tự xưng mình là đại anh hùng, đại hào kiệt, xứng đáng là chưởng môn năm phái; người còn lại gọi là tổng chưởng môn. Rồi họ bàn chuyện dời năm trái núi đó lại gần nhau để anh em họ được ở gần nhau. Nhưng núi lại lớn quá, dời không xong, Đào Thực Tiên giả bộ khóc hu hu: "Từ ngày sinh ra, anh em chúng ta không rời nhau nửa bước. Nay chia lìa mỗi người mỗi nơi, tiểu đệ không chịu". Cả sáu anh em đều mồm năm miệng mười phản đối cuộc hợp nhất. Khi một lão ở phái Thái Sơn (đã ăn tiền của Tả Lãnh Thiền) đứng ra đề nghị chọn một người đạo cao đức trọng làm chưởng môn Ngũ Nhạc phái thì Đào Cốc lục tiên đưa ra đề nghị bầu Phương Chứng đại sư, trụ trì chùa Tiếu Lâm. Lý luận của họ không phải là cưỡng biện: chùa Thiếu Lâm ở trên ngọn Thiếu Thất; phái Tung Sơn nằm trên ngọn Thái Thất, cùng trong dãy Tung Sơn, tỉnh Hồ Nam. Mà xét giữa Phương Chứng và Tả Lãnh Thiền thì Phương Chứng mới xứng với bốn chữ "đạo cao đức trọng". Cái lí luận đó khiến Tả Lãnh Thiền căm hận bầm gan tím ruột, chỉ mong có một ngày bắt được sáu "của nợ" này băm vằm ra làm mắm mới hả giận. Cuối cùng, thấy không thể phá được Tả Lãnh Thiền, anh em Đào Cốc lục tiên bèn rủ đám ni cô phái Hằng Sơn xuống núi, không tham dự đại hội Ngũ Nhạc kiếm phái nữa. Tả Lãnh Thiền sợ quá, phải xuống nước năn nỉ. Lý do: âm mưu của lão là lên làm minh chủ Ngũ Nhạc phái. Nếu phái Hằng Sơn rút đi, thì dầu lão có được làm minh chủ cũng chỉ là minh chủ Tứ Nhạc phái. Mà có khái niệm Tứ Nhạc phái ra đời chỉ làm trò cười cho thiên hạ!

Người Trung Hoa đã phải trải qua 3.000 năm quân chủ, chịu áp bức bóc lột đã quen. Cho nên nụ cười, chuyện cười đối với họ là một phản ứng vừa để giải toả ấm ức, vừa thể hiện phép thắng lợi tinh thần chống áp bức bất công. Kim Dung xây dựng nhóm nhân vật Đào Cốc lục tiên hay cãi không đi ra ngoài mô thức đó. "Luật sư đoàn" ấy cãi suốt, cãi từ khi lên ba cho đên lúc già mà vẫn còn ham cãi. Những nội dung cãi cọ của họ làm vui cho tác phẩm tiểu thuyết, biến những chương căng thẳng nhất tràn đầy tiếng cười lạc quan. Đào Cốc lục tiên cũng là những người biết bảo vệ cái đúng, bảo vệ công lý. Bề ngoài của họ xấu xa nhưng tâm hồn bên trong lại thực sự trong sáng. Điều thực sự thú vị là họ chỉ mặc mỗi một màu áo đen, màu áo của luật sư khi ra trước toà ở toà án Hồng Kông. Những lý luận ngô nghê của họ chỉ có thể có được trong tâm trí của trẻ con, trong những trái tim con trẻ. Người Trung Hoa vẫn thường ví sự trong sáng ở trên đời bằng cụm từ "Xích tử chi tâm" (trong sáng như trái tim con trẻ mới sinh). Phải chăng Kim Dung muốn mọi đồng bào của ông được sống và đối xử với nhau nhân hâu, chân tình, trong sáng như những trái tim trẻ con chưa hề biết đến hận thù, chia rẽ, nghi kỵ?

Vụ án "di hoa tiếp mộc" trong Lộc Đỉnh ký

Di hoa tiếp mộc (dời hoa nối cây) nguyên là tên một trong 36 kế mà người Trung Quốc thường đề cập đến. Di hoa tiếp mộc là thủ đoạn vu oan giá hoạ, đẩy tội lỗi của người này sang cho người khác bằng cách dựng những chứng cớ giả tạo, đánh lừa cơ quan pháp luật. Trong thời phong kiến, kĩ thuật điều tra hình sự chưa tiến bộ, khó tìm ra chỗ

giả tạo và con người thi hành pháp luật thường theo cảm tính, qua loa đại khái thì Di hoa tiếp mộc càng dễ dàng được thực hiện. Ta hãy xem vụ án Di hoa tiếp mộc trong Lộc Đỉnh ký của Kim Dung.

Vi Tiểu Bảo, học trò của Trần Cận Nam, là hương chủ Thanh Mộc đường của Thiên Địa hội, "nằm vùng" trong cung triều Thanh, được vua Khang Hy sủng ái, cử đi xây dựng toà Trung liệt đường ở phủ Dương Châu, tỉnh Triết Giang. Cùng "nằm vùng" với Vi Tiểu Bảo còn có Ngô Lục Kì, hương chủ Hồng Thuận đường của Thiên Địa hội, làm đề đốc Quảng Đông, trong tay nắm giữ binh quyền khá lớn. Ngô Chi Vinh, hiệu là Hiển Dương, là một gã nho sĩ người Hán hám danh. Y đã là đơn đầu cáo lên triều đình về vụ cha con Trang Doãn Thành, Trang Kiến Long làm bộ Minh thư tập lược có những điểm ca ngợi triều Minh, mạt sát triều Thanh khiến cho tên quyền thần Ngao Bái ra lệnh bắt hết các nhà nho ở Triết Giang tham gia làm Minh sử tập lược và bọn đàn ông họ Trang cộng khoảng 2.000 người đem giết. Khi Khang Hy lên ngôi (1622), ông vua nhỏ tuổi này muốn trừ khử Ngao Bái. Vi Tiểu Bảo có công đâm chết Ngao Bái nên được các bà quả phụ họ Trang mang ơn, tặng cho con tiểu tỳ Song Nhi đi theo hầu hạ. Vi Tiểu Bảo rất quý Song Nhi, hứa với Song Nhi sẽ tìm mọi cách bắt Ngô Chi Vinh đem về cho các bà quả phụ họ Trang xử tội, để đền ơn tặng Song Nhi cho gã. Khi vua Khang Hy phong cho gã chức khâm sai đi về Dương Châu, gã lại gặp Ngô Chi Vinh. Hoá ra Ngô Chi Vinh nhờ làm Hán gian mà được phong chức tri phủ Dương Châu.
Lúc bấy giờ, ở Vân Nam, Ngô Tam Quế - Bình Tây vương của Thanh triều, đang chuẩn bị binh mã khởi loạn chống lại vua Khang Hy. Khi các quan ở Dương Châu đi đón tiếp Vi Tiểu Bảo, trong đó có cả Ngô Chi Vinh, Vi Tiểu Bảo vui miệng hỏi Ngô Chi Vinh có bà con gì với Ngô Tam Quế hay không, thì Ngô Chi Vinh dại dột khoe rằng y là cháu Ngô Tam Quế!

Chính cái cách khoe khoang dại dột đó đã đưa gã Hán gian hãnh tiến vào cái chết sau này.

Ở Dương Châu, Vi Tiểu Bảo chỉ đạo xây dựng Toà Trung liệt đường. Trước đây, năm 1643, Bát kỳ (tám đạo cờ tiêu biểu cho tám bộ tộc người Mãn Châu) tiến qua Trung Quốc, đánh tan tành đạo quân của triều Minh. Bát kỳ cho phép quân Mãn Châu hãm hiếp, cướp bóc, đốt nhà của người Hán. Dương Châu và Gia Định là hai vùng đất bờ xôi ruộng mật của tỉnh Triết Giang đã gánh chịu những đau thương đó. Người ta vẫn đồn đãi nhau tội ác của quân Mãn Châu qua câu "Dương Châu thập nhật, Gia Định tam đồ". Vua Khang Hy lên ngôi, muốn làm một ông vua nhân đức, muốn hcuộc lại các lỗi lầm của tổ tiên. Ông cho phép xây dựng lại toà Trung liệt đường để thờ nhà yêu nước Sử Các Bộ đã chết trong cuộc chống xâm lược Mãn Châu, lại tha thuế cho người Dương Châu ba năm. Vi Tiểu Bảo thay nhà vua đi làm công việc đó.

Thế nhưng, gã tri phủ Ngô Chi Vinh thì luôn sục tìm những nhà nho người Hán có ý

không thần phục triều Khang Hy, đầu cáo lên triều đình để làm nấc thang danh vọng cho gã leo lên. Gã tự ý bắt giam ba nhà nho ở Triết Giang là Lữ Lưu Lương và Tra Y Hoàng (Tra Y Hoàng là viễn tổ của Kim Dung). Theo cách đầu cáo vụ Minh sử tập lược lên Ngao Bái trước đây, Ngô Chi Vinh gặp riêng khâm sai đại nhân Vi Tiểu Bảo. Hắn phân tích những chỗ chống đối nhà Thanh trong bài thơ Hồng Vũ cổ pháo ca của Tra Thận Thành (cũng là tằng tổ khác của Kim Dung):

Thấy người nằm giữa đám chông gai
Nghĩ đến non sông dạ ái hoài
Dâu biển gây nên trò biến ảo
Châu tuôn tần tã xót thương ai.

Rồi hắn phân tích thơ của Cố Viêm Võ:

Non nước nhà ta vốn vững vàng
Vì quân Di Dịch phải tan hoang
Kiến Châu bắt lính cùng thu thóc
Tây Thục còn lo nạn thổ quan.

Rồi hắn phân tích những chỗ đại nghịch vô đạo trong quyển Quốc thọ lục của Tra Y Hoàng: Tra Y Hoàng gọi những người Hán đã chống quân Thanh là nghĩa binh; gọi tướng sĩ Thanh triều là quân giặc... Hắn còn trình riêng với Vi Tiểu Bảo: "Phương Nam có viên đại tướng nắm giữ trọng binh sắp dấy quân tạo phản". Cuối cùng hắn đưa cho Vi Tiểu Bảo bức thư của đề đốc Quảng Đông Ngô Lục Kì gửi cho Cố Viêm Võ, trong đó có câu định mời Cố Viêm Võ về Quảng Đông để cùng lo việc chống Thanh triều: "Muốn lo toan việc lớn của Trung Sơn, Khai Bình mà không có Thanh Điền tiên sinh vận trù kế hoạch thì chẳng thể thành công được". Trong óc Ngô Chi Vinh, hắn mơ mộng một trường công danh phú quý. Hắn còn đề nghị với Vi Tiểu Bảo đừng hé lộ công lao này cho hai viên tuần phủ và tổng đốc Dương Châu biết!

Vi Tiểu Bảo nhận các vật chứng mà Ngô Chi Vinh đưa trình, sợ đến tháo mồ hôi. Gã nghĩ ngay kế sách triệt hạ Ngô Chi Vinh và cứu các nhà nho. Gã an ủi Ngô Chi Vinh mấy lời, bảo hắn giải các can phạm vào, rồi cho hắn lui ra khỏi phủ để chờ lệnh. Ba nhà nho Lữ Lưu Lương, Tra Y Hoàng, Cố Viêm Võ gặp Vi Tiểu Bảo, lòng không khỏi hổ thẹn. Vốn trước đây, họ đã bị tay chân của Ngao Bái bắt được, may nhờ Trần Cận Nam là thầy của Vi Tiểu Bảo giải cứu. Nay bản thân họ bị bắt lần nữa, lại phải nhờ đến học trò của Trần Cận Nam giải cứu. Vi Tiểu Bảo bàn với các nhà nho chuyện giải cứu Ngô Lục Kì, hương chủ Hồng Thuận đường của Thiên Địa hội đang làm đề đốc Quảng Đông. Chuyện Ngô Lục Kì định dấy binh; Ngô Chi Vinh đã biết rõ. Về chữ nghĩa, Vi Tiểu Bảo dốt đặc cán mai nhưng về mưu kế, gã lại hơn người. Gã nghĩ ra kế Di hoa tiếp mộc.

Khéo làm sao, Ngô Lục Kì, Ngô Tam Quế và Ngô Chi Vinh cùng ở họ Ngô. Khéo làm sao, hai tỉnh Vân Nam và Quảng Đông đều ở phương Nam (so với Triết Giang). Lại khéo

làm sao là Ngô Chi Vinh đã từng thừa nhận với Vi Tiểu Bảo trước mặt các quan rằng hắn chính là cháu của Ngô Tam Quế. Lại khéo hơn nữa khi Ngô Lục Kì quyết định khởi binh cũng là thời điểm mà Ngô Tam Quế định tạo phản. Két hợp bốn yếu tố bất ngờ đó, Vi Tiểu Bảo ngờ Lữ Lưu Lương nhái chữ viết làm thư kí của Ngô Tam Quế, viết một bức thư giả mạo của Ngô Tam Quế gởi cho cháu là Ngô Chi Vinh. Bì thư đề: "Dương Châu tri phủ lão gia nhã giám". Đầu thư ghi: "Hiển Dương hiền điệt". Trong thư có đoạn "Di hoa tiếp mộc" khá cao cường: "Ngờ đâu, đức Thái tổ Cao hoàng đế của chúng ta (tức Chu Nguyên Chương, người khai sáng triều Minh - chú của tác giả) ban đầu xưng là Ngô quốc lại ứng vào tên họ của chú cháu ta sau ba trăm năm". Cuối thư, Lữ Lưu Lương ghi bốn chữ hàm hồ "Tây thúc thủ trát" (chú ở phía Tây gởi) rồi nhờ một người trong Thiên Địa hội đi theo Vi Tiểu Bảo là Tiền Bản Lão ký tên Ngô Tam Quế! Tại sao phải nhờ Tiền Bản Lão? Ngô Tam Quế là con nhà võ; Tiền Bản lão cũng là nhà võ; họ ít chữ nghĩa; công văn thư từ thường là do thư kí viết sẵn để họ ký tên; chữ kí càng gân guốc càng tốt!

Làm xong bức thư giả mạo, Vi Tiểu Bảo gọi các quan tuần phủ, tổng đốc Dương Châu vào đưa cho họ coi và nói đây là thư của Ngô Chi Vinh trình cho gã để xúi gã chống lại vua Khang Hy. Vi Tiểu Bảo sai tuần phủ, tổng đốc Dương Châu làm tờ bẩm về triều đình âm mưu chống đối của Ngô Chi Vinh và gã ra lệnh bắt Ngô Chi Vinh vì đã "thông đồng phiên tặc". Ta nên nhớ rằng vua Khang Hy đã biết được những âm mưu tạo phản của Ngô Tam Quế mà Vi Tiểu Bảo đang là sủng thần của Khang Hy. Dẫu Vi Tiểu Bảo có vu oan cho cả trăm người thông đồng với Ngô Tam Quế để chém họ cũng được chứ đừng nói một tên Hán gian Ngô Chi Vinh với cái chức tri phủ nhỏ như hạt đậu.

Vi Tiểu Bảo dẫn Ngô Chi Vinh về Bắc Kinh, giao cho các bà quả phụ nhà họ Trang xử lý. Gã không cần tâu lên vua Khang Hy vụ Ngô Chi Vinh thông đồng phiên tặc thì nhà vua cũng đã biết (do bản tâu của các quan ở Dương Châu gởi về). sau đó, Ngô Tam Quế quả nhiên tạo phản ở Vân Nam; còn tính mạng và thân phận của Ngô Lục Kì vẫn được giữ kín. Những nhân vật Lữ Lưu Lương, Tra Y Hoàng, Cố Viêm Võ, Ngô Tam Quế, Ngô Chi Vinh là những nhân vật có thật trong lịch sử Trung Hoa. Vi Tiểu Bảo, Ngô Lục Kì, Tiền Bản Lão, Song Nhi là những nhân vật thuần tuý hư cấu của tiểu thuyết.

Tố tụng hình sự theo luật giang hồ

Trong phần trước, tôi đã có dịp bàn với bạn đọc về luật giang hồ trong trong tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung. Mặc dù luật giang hồ có luật thành văn, có luật bất thành văn, nhưng đại để vẫn có một tiến trình tố tụng hình sự để thực hiện thi hành án.

Môn phái, tôn giáo, bang hội bào trong tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung cũng có những điều được quy định thành "luật" gọi là môn qui, giáo qui, bang qui riêng. Việc thi hành án hình luật đối với một nhân vật gọi là "thanh lý môn hộ" (quét sạch cửa ngõ) vì những kẻ vi phạm môn qui, bang qui, giáo qui được coi là một thứ rác rến cần phải được giáo dục

hay loại bỏ. Thủ tục tố tụng hình sự theo luật giang hồ được thực hiện gọn nhẹ, không rườm rà, rắc rối, dài dòng. Khi một nhân vật bị nghi có dấu hiệu phạm tội hay đã được xác định là phạm tội thì giới luật viện, chấp pháp trưởng lão hoặc kẻ chỉ huy trực tiếp của nhân vật ấy có quyền ra lệnh truy bắt. Tất cả các đệ tử đều phải chấp hành lệnh truy bắt đó và trong trường hợp này, mỗi đệ tử là một trinh sát. Có những đệ tử võ công không bằng võ công kẻ phạm tội, đánh không lại kẻ phạm tội nhưng cũng phải thực hiện lệnh truy bắt đến cùng. Gặp kẻ phạm tội mà không ra tay truy bắt được coi là đồng loã, là che giấu tội phạm.

Khi đã bắt được kẻ phạm tội, giới luật viện, chấp pháp trưởng lão hay nhân vật chỉ huy mở ngay phiên xử tại chỗ. Họ chỉ hỏi kẻ phạm tội vài câu, xuất trình một vài vật chứng hay nhân chứng khiến kẻ phạm tội không thể che lấp được tội lỗi của mình, phải gật đầu chấp nhận. Dù nặng hay nhẹ, bản án cũng được tính toán để thi hành ngay, không qua các thủ tục xử phúc thẩm hay giám đốc thẩm.

Trong Ỷ thiên Đồ long ký, Kim Dung kể chuyện nhân vật chính Giác Viễn đại sư được chùa Thiếu Lâm phân công giữ Tàng Kinh lâu (lầu chứa kinh điển của chùa). Giác Viễn là một nhà sư không học võ công nhưng hàng ngày, ông vẫn tò mò đọc bộ Cửu dương công, nội lực trở nên thâm hậu bất ngờ hơn cả các vị đại sư thủ tòa Giới luật viện, Đạt ma viện. Cũng chính vì ham đọc kinh, nên ông đã bị kẻ khác lẻn vào Tàng kinh các ăn cắp cuốn kinh Lăng Già. Giới luật viện chùa Thiếu Lâm ra lệnh thi hành án hình luật đối với Giác Viễn: chân tay phải mang xiềng khoá, mỗi ngày phải gánh 300 gánh nước để ... đổ xuống giếng và không được nói chuyện với bất cứ một ai. Cho đến khi Hà Túc Đạo của phái Côn Lôn vào Trung Nguyên tấn công phái Thiếu Lâm, Trương Quân Bảo - đệ tử nấu nước pha trà cho sư Giác Viễn - đã dùng La Hán quyền đánh thắng Hà Túc Đạo. Giới luật viện của phái Thiếu Lâm chẳng những đã không khen ngợi Trương Quân Bảo mà còn ra lệnh cho quần tăng bắt giữ Trương Quân Bảo và sư Giác Viễn vì nghi ngờ cả hai thầy trò đã học lén võ công. Túng thế, Giác Viễn đại sư đã dùng hai thùng gánh nước "múc" một bên chú bé Trương Quân Bảo, một bên là cô bé Quách Tương, vượt trùng vây chạy trốn. Giữa đêm thanh trên núi cao, nhà sư ngồi đọc thuộc lòng Cửu dương công - một pho võ công thượng thặng mà ông chỉ tưởng là kinh Phật cho đến khi kiệt sức, viên tịch. Trương Quân Bảo nghe được một ít; Quách Tương nghe được một ít; Vô Sắc đại sư của chùa cũng nghe được một ít. Trương Quân Bảo lên núi Võ Đang tu theo đạo giáo lập ra phái Võ Đang; Quách Tương lên núi Nga Mi tu theo Phật giáo lập ra phái Nga Mi; cả ba phái Võ Đang, Nga Mi, Thiếu Lâm đều lấy Cửu dương công làm nền tảng võ thuật sau này!

Cũng trong Ỷ thiên Đồ long ký, các đệ tử phái Võ Đang đọc được dòng chữ "môn hộ hữu biến, kích tu thanh lý" bên cạnh tử thi của người đệ tử thứ bảy tên là Mạc Thanh Cốc. Lập tức, người đệ tử thứ nhì là Dư Liên Châu mở cuộc điều tra và phát hiện ra Tống Thanh Thư, con trai của đại sư huynh Tống Viễn Kiều, đã học võ công thâm độc của phái Nga Mi, lại đi dòm lén phòng ngủ của các nữ đệ tử phái Nga Mi, bị Mạc Thanh Cốc phát

hiện nên y đã giết Mạc Thanh Cốc để bịt miệng. Dư Liên Châu đã thi hành bản án "thanh lý môn hộ" cho phái Võ Đang ngay trong chùa Thiếu Lâm: dùng lục hợp kình bẻ gãy hai tay và dùng song quyền đánh vỡ xương sọ của phản đồ Tống Thanh Thư. Trương Vô Kỵ cứu chữa cho Thanh Thư, đưa về phái Võ Đang. Sau khi nghe Dư Liên Châu phúc bẩm tội trạng của Tông Thanh Thư, Trương Tam Phong giết luôn Thanh Thư và cách chức cả Tống Viễn Kiều vì tội không biết dạy con để còn làm những điều phi nhân, phi nghĩa.

Có những hào sĩ giang hồ không ở một môn phái, tôn giáo, bang hội nào nhưng ỷ mình võ công cao cường, luôn gây ra tội ác. Trong trường hợp đó, luật giang hồ cũng được thực thi rất sòng phẳng và tất nhiên, nhân vật chấp pháp và thi hành án là người tốt, nhân danh cái tốt để trừng trị cái xấu. Đó là trường hợp Bất Giới đại sư trừng trị gã Điền Bá Quang trong Tiếu ngạo giang hồ. Điền Bá Quang là tên dâm tặc, chuyên hãm hại lương gia phụ nữ nổi tiếng với 14 chữ "Giang dương đại đạo thái hoa dâm tặc vạn lý độc hành khoái đao" Điền Bá Quang. Một ngày nọ, hắn rình mò bên nhà một tiểu thư khuê các. Bất Giới hoà thượng đến gặp cha mẹ vị tiểu thư đó, bàn kế bắt và trừng trị Điền Bá Quang. Đêm ấy, vị hoà thượng nằm ngủ trong phòng cô tiểu thư, quả nhiên đêm khuya thì Điền Bá Quang đến giở trò hái hoa. Bất Giới bắt được hắn và khỏi cần tố tụng gì sất, nhà sư bèn xuyên vào bộ phận sinh dục của hắn hai mũi tụ tiễn, điểm đủ bảy trọng huyệt, cạo đầu hắn buộc hắn phải làm sư rồi đặt pháp danh cho hắn là Bất Khả Bất Giới (không thể không giới hạn). Cách thi hành án rung rợn như vậy khiến Điền Bá Quang không thể gian dâm được nữa, cũng không thể chạy mau như kiểu vạn lí độc hành trước đây. Quả nhiên, sau bản án này, Điền Bá Quang trở thành người tốt, một người tốt không làm ăn được gì!

Thủ tục tố tụng hình sự theo luật giang hồ phân biệt rõ rệt người trong môn phái và người ngoài môn phái; người biết luật và người không biết luật. Người trong môn phái đương nhiên phải biết luật nên chịu thi hành án nặng hơn; người ngoài môn phái không biết luật nên thường được coi là vô tội, đôi khi chỉ bị hình phạt nhẹ nhàng.

Người Trung Quốc yêu đạo Nho cho nên vẫn muốn thể hiện cái gọi là phong cách quân tử rõ ràng, công khai, thẳng thắn. Ngay trong luật tố tụng hình sự theo luật giang hồ, cái chất "quân tử Tàu" đó cũng được ca ngợi: môn phái, bang hội, tôn giáo nào dám nói rõ cái xấu, cái tội lỗi của mình ra thì được những người khác ca ngợi. Và trong trường hợp này, luật pháp được thực thi đến nơi đến chốn dù điều đó có làm cho môn phái, tôn giáo, bang hội mình phải mang nỗi nhục trước nhiều người chứng kiến. Trong Thiên Long bát bộ, Kim Dung kể chuyện chùa Thiếu Lâm thi hành kỉ luật fối với Hư Trúc, một nhà sư trẻ phạm vào tội ăn mặn, uống rượu, ngủ với phụ nữ, mất hết võ công phái Thiếu Lâm lại đi làm đệ tử phái Tiêu Dao, trở thành cung chủ cung Linh Thứu. Hư Trục phải chịu đánh 100 côn và bị đuổi ra khỏi phái Thiếu Lâm trước sự chứng kiến của quần chúng các môn phái khác. Huyền Từ phương trượng là người đứng ra chủ trương ciệc thi hành án đó. Thế nhưng khi kéo quần của Hư Trúc xuống (để y chịu hình), nhờ có một dấu hiệu đặc biệt

trên da, Diệp Nhị Nương mới biết đó là đứa con lưu lạc của mình và Huyền Từ phương trượng! Như vậy, Huyền Từ phương trượng đã phạm vào giới dâm và điều ấy làm cho cả phái Thiếu Lâm đau xót, xấu hổ. Nhưng để thể hiện phong cách quân tử minh bạch, Kim Dung đã để cho Huyền Từ phương trượng dõng dạc ra lệnh phạt Hư Trúc - con trai mình - đúng 100 côn rồi cởi áo ra tự nằm xuống, ra lệnh cho chấp pháp tăng đánh mình 200 côn. Phương trượng phải chịu hình phạt gấp đôi đệ tử! Chẳng những đã nặng gấp đôi về số lượng, Huyền Từ còn phải chịu nặng hơn về chất lượng: bọn chấp pháp tăng đánh Huyền Từ côn nào côn nấy ra trò. Họ sợ đánh nhẹ là bị quần hùng chê cười môn qui giới luật không nghiêm. Thụ hình xong 200 côn, Huyền Từ đứng dậy không nổi. Nhà sư đã tự vận kinh mạch mà chết để bảo vệ sự trong sáng cho phái Thiếu Lâm!

Ưu điểm cao nhất của luật tố tụng hình sự theo luật giang hồ là truy bắt, nghị án, ra bản án và thi hành án rất nhanh. Các phiên xử luôn luôn không có luật sư bào chữa, quyền lượng hình thuộc về người chấp pháp. Cơ sở thì hành án là đạo lý làm người, không căn cứ vào pháp lý của quốc gia. Những bản án của luật giang hồ được thực hiện công khai; không một ai có thể dùng tiền, dùng quyền, dùng thân thế để mua chuộc các vị chấp pháp. Những bản án bất thành văn đó hiện ra đều khắp trong 12 bộ tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung có những bản án nồng nàn đau đớn như bản án dành cho Huyền Từ phương trượng. Đọc Kim Dung ta thấy được một điều sảng khoái: công lý tự nhiên và đạo lý làm người được tôn trọng một cách triệt để. Đó cũng là khát vọng chung, rất nhân bản của các nền pháp luật trên toàn thế giới.

Những vụ án oan

Án oan thì bao giờ chẳng có. Ngay trong những xã hội có nền pháp luật tiên tiến nhất, với sự giúp đỡ của những phương tiện điều tra tinh vi nhất, vẫn có những kết luận sai lầm của người chấp pháp, tạo ra những vụ án oan, huống chi trong tiểu thuyết. Khi viết tiểu thuyết, nhà văn Kim Dung đã khẳng định rằng: "Tiểu thuyết là viết cho con người hiện đại đọc. Kể cả tôi cũng là con người hiện đại". Điều đó có nghĩa là dù lấy bối cảnh là những triều đại lịch sử Tống, Nguyên, Minh, Thanh, nhưng tiểu thuyết võ hiệp của Kim Dung chủ yếu là phản ánh về xã hội Trung Quốc hiện đại, đặc biệt là những vụ án oan. Có lẽ Kim Dung đau niềm đau của hàng triệu người Trung Hoa trước những oan khuất mà họ phải gánh chịu những giai đoạn lịch sử khác nhau.

Kim Dung xây dựng bộ Liên thành quyết trên nền tảng câu chuyện oan ức có thật của Hoà Sinh, một lão bộc trong gia đình tác giả, đã từng cõng tác giả đi học. Thuở đôi mươi, Hoà Sinh đi làm mướn trong một gia đình địa chủ ở huyện Đơn Dương, tỉnh Giang Tô. Anh đã từng hứa hôn với một cô gái quê xinh đẹp. Thế nhưng, con của gã địa chủ cũng đem lòng yêu cô gái và hắn quyết tâm chiếm cho được cô gái đó. Trong một đêm cận Tết, khi Hoà Sinh đang giã bột thì nghe thấy tiếng người hô bắt trộm. Hoà Sinh chạy tới tiếp ứng nhưng khi đến nơi thì anh bị đám gia đinh chặn đánh túi bụi, vu cáo anh là đồng

đảng bọn trộm. Lưng anh bị đánh gãy. Người nhà của gã địa chủ còn tìm ra nhiều vàng bạc giấu gần cối xay. Anh bị giải lên quan, kêu oan không nổi, đành phải nhận tội ăn trộm. Ở tù hai năm, anh mới hay cô gái xinh đẹp đã trở thành vợ lẽ của con trai gã địa chủ.
Khi ông nội của Kim Dung về làm huyện lệnh chính đường Đơn Dương, ông cho tra cứu lại các vụ hình án, thấy được sự oan khuất của Hoà Sinh bèn thả Hoà Sinh ra. Hoà Sinh xin vào làm người giúp việc trong nhà Kim Dung và kể cho Kim Dung nghe vụ án oan của mình. Xúc động từ nỗi oan của Hoà Sinh, năm 40 tuổi, Kim Dung viết bộ Liên thành quyết. Trong tác phẩm này, nhân vật Địch Vân thương yêu cô sư muội Thích Phương, con gái của sư phụ Thích Trường Phát. Bị cha con Vạn Chấn Sơn vu cáo, Địch Vân phải vào tù chịu một vụ án oan và Thích Phương trở thành vợ của Vạn Khuê, con trai Vạn Chấn Sơn. Địch Vân phải mang nỗi oan khuất đó suốt mười mấy năm, cho đến khi Thích Phương sắp chết, anh mới giải thích được cho cô nghe nỗi oan khuất của mình.

Có lẽ vụ án oan của Hoà Sinh tạo ra những ấn tượng lớn trong tâm hồn của Kim Dung cho nên trong bất kỳ bộ tiểu thuyết nào, ông cũng xây dựng những tình huống oan khuất và cho nhân vật trung tâm của mình phải gánh chịu những oan khuất đó. Trong Ỷ thiên Đồ long ký, nhân vật Trương Vô Kỵ 20 tuổi, giáo chủ của Minh giáo Trung Hoa, con trai của Trương Thuý Sơn - đệ tử thứ năm của Trương Tam Phong phái Võ Đang, bị nghi oan là giết vị sư thúc Mạc Thanh Cốc. Sở dĩ phái Võ Đang nghi oan Trương Vô Kỵ bởi vì anh là giáo chủ Minh giáo, đạo phái mà Võ Đang gọi là Ma giáo, và bởi vì bạn của anh là Triệu Mẫn, quận chúa Mông Cổ, kẻ thù lớn của nhất của võ lâm Trung Hoa và phái Võ Đang. Người đệ tử thứ hai của phái Võ Đang là Du Liên Châu căn cứ vào câu di chúc viết bằng máu của Mạc Thanh Cốc: "Môn hộ hữu biến, kích tu thanh lý" và cho rằng Mạc Thanh Côc ám chỉ Trương Vô Kỵ. Chàng trở thành kẻ thù của phái Võ Đang. Những bước thăng trầm của Trương Vô Kỵ khiến người đọc phải hồi hộp, lo lắng hộ chàng. Chỉ đến khi Trương Vô Kỵ điểm huyệt được bọn Du Liên Châu, tạo điều kiện cho những đệ tử phái Võ Đang nghe được chính miệng của Tống Thanh Thư, con trai của đại đệ tử Tống Viễn Kiều, kể lại thủ đoạn hắn học võ của phái Nga mi và giết sư thúc Mạc Thanh Cốc trong trường hợp nào thì các đệ tử của phái Võ Đang mới hết nghi ngờ Trương Vô Kỵ và nỗi oan của anh mới được rửa sạch.
Lệnh Hồ Xung trong Tiếu ngạo giang hồ cũng là một trường hợp hàm oan trầm trọng, và chỉ có cơ may của số phận mới cứu được mạng sống của anh. Lệnh Hồ Xung bị sư phụ Nhạc Bất Quần vu cáo là ăn cắp bộ Tịch tà kiếm phổ của dòng họ Lâm ở Phúc Châu, giết bạn đồng môn là Lục Đại Hữu, kết giao với bọn Ma giáo là dâm tặc Điền Bá Quang. Nhạc Bất Quần còn gởi thông báo tới các môn phái báo tin đã đuổi Lệnh Hồ Xung ra khỏi phái Hoa Sơn và nhờ các hào sĩ giang hồ ra tay giết hộ tên phản đồ Lệnh Hồ Xung. Sự thực thế nào? Chính Nhạc Bất Quần đã chiếm đoạt bộ Tịch tà kiếm phổ; Lao Đức Nặc giết hại Lục Đại Hữu; mối giao tình giữa Lệnh Hồ Xung và Điền Bá Quang chỉ là sự khâm phục phẩm chất thẳng thắn, khâm phục trình độ uống rượu mà thôi. Nhạc Bất Quần trút lên đầu Lệnh

Hồ Xung nỗi oan khuất to lớn đó với mục đích duy nhất là nhờ giang hồ hảo hán giết tên đại đệ tử hộ mình để lão yên tâm luyện Tịch tà kiếm pháp, leo lên đại vị minh chủ võ lâm Trung Hoa.

Kiều Phong trong Thiên long bát bộ mới là trường hợp bi đát nhất. Ông vấn là người Khất Đan bị đưa về Trung Quốc từ thủa mới nằm nôi, lớn lên ở Trung Quốc và trở thành bang chủ Cái bang, một tổ chứ yêu nước và tích cực chống Khất Đan. Một bọn đệ tử Cái bang phản loạn đã công bố lý lịch của Kiều Phong; ông mất ngôi Bang chủ, trở thành kẻ thù của quần hùng Trung Quốc. Ông bị vu cáo là bọn Khất Đan nằm chờ cơ hội dâng Trung Hoa cho đế quốc Khất Đan. Đau sót vì trời đất Trung Hoa mênh mông mà không thể tìm ra một nơi để sống, Kiều Phong ra ngoài Nhạn Môn quan, mong sống cuộc đời du mục săn chồn đuổi thỏ, sám hối những hành động chống Khất Đan của mình ngày xưa. Nhưng cơ duyên đã đưa đẩy ông cứu được Gia Luật Hồng Cơ, hoàng đế Đại Liêu. Hồng Cơ phong ông làm Nam viện Đại vương và ra lệnh cho ông đem 20 vạn quân tiến qua Nhạn Môn Quan, đánh thẳng xuống Lạc Dương tiêu diệt Tống triều. Kiều Phong nghĩ đến chuyện trăm họ lầm than,nghĩ đến miếng cơm manh áo người Trung Hoa đã nuôi mình nên người, ông chống lại lệnh hành quân. Gia Luật Hồng Cơ ra lệnh bắt nhốt ông, chụp cho ông chiếc mũ "tư thông với Hán tặc, phản bội Liêu quốc." Con người ngay thẳng, nhân hậu ấy cuối cùng phải tìm một khát vọng tự do bi thảm: bẻ gãy mũi tên chó sói, tự tử ngay Nhạn Môn Quan, sau khi đã xin Gia Luật Hồng Cơ một lời hữa vĩnh viễn không xâm lăng Trung Hoa. Cái chết đó đồng thời cũng là một lời tạ tội với Hồng Cơ và hàng triệu đồng bào Khất Đan của mình.

Thạch Phá Thiên trong Hiệp khách hành bị vu cáo là kẻ gây ra những vụ án cưỡng dâm, giết người ở phái Tuyết Sơn vì tướng mạo của chàng giống như đúc người anh ruột của mình là Thạch Trung Ngọc; Quách Tĩnh trong Xạ điêu anh hùng truyện bị các thầy của mình nghi ngờ là Hán gian làm gián điệp cho quân Mông Cổ; Dương Qua trong Thần điêu hiệp lũ bị vu oan là kẻ bắt cóc em bé Quách Tương, thoả hiệp với giặc Nguyên xâm lược...

Những nhân vật của Kim Dung đã trải qua thiên ma bách chiết mới được minh oan, rửa sạch nỗi nhục, lấy lại phẩm giá tươi đẹp của con người.

Kim Dung xây dựng những vụ án oan với một bút pháp tinh tế, một kỹ thuật tiểu thuyết sâu sắc. Ông dựng lên những hiện trường giả, những hồ sơ giả, những suy đoán thoạt nghe thì rất hợp lý nhưng thực sự rất phi luận lý, tạo điều kiện cho những nhân vật phản diện giết oan một con người. Tất nhiên bọn họ cũng nhân danh pháp luật quốc gia, chủ nghĩa Hán tộc, đạo lý làm người, tinh thần yêu nước... Rồi tác giả lật ngượclại vấn đề, chứng minh cho độc giả thấy toàn bộ các dữ kiện ấy chỉ là nguỵ tạo nên để những nhân vật chính quân tử của ông sáng lên rực rỡ giữa những kẻ đạo đức giả. Rồi đúng như mô thức tiểu thuyết phương Đông, cái hậu ngọt ngào đến ở cuối tác phẩm: Địch Vân trở về

với tình yêu của Thủy Sinh; Trương Vô Kỵ kẻ lông mày cho Triệu Mẫn; Lệnh Hồ Xung "Tiếu ngạo giang hồ" với Nhậm Doanh Doanh; Thạch Phá Thiên trở về với A Tú... Chỉ có Kiều Phong để lại giọt lệ vĩnh viễn trong lòng người: xác ông vùi sâu dưới Nhạn Môn Quan, dù nỗi oan khuất đã được rửa sạch.

Tứ di

Tác phẩm tiểu thuyết không phải là tác phẩm nghiên cứu về nhân chủng học. Tuy nhiên không ai cấm cản 1 nhà văn đưa những kiến thức nhân chủng học vào 1 tiểu thuyết, đặc biệt là đối với 1 đất nước rộng lớn, kéo dài từ Đông Á qua Tây Á, tiếp giáp với châu Âu, kế cận với nhiều quốc gia và đa chủng tộc như đất nước Trung Hoa.Chính vì vậy nhà văn Trung Quốc Kim Dung đã đưa tứ di (bốn rợ) vào tác phẩm văn học của mình. Và ở điểm này ông đã thành công, vượt xa các nhà văn Trung Quốc tiền bối cũng như đương đại.

Từ năm 207 trước Công lịch, nhà Hán chiếm được “thiên hạ”, thống nhất đất nước Trung Hoa. Tham vọng của Lưu Bang là tạo ra một nền thái bình Trung Hoa (Pax Sinnica), một nền thái bình trong sự cai trị của nhà Hán. Một số khái niệm được phối kết trong đó có từ Hán đứng đầu ra đời: Hán văn (văn chương Trung Hoa), Hán tự (chữ viết Trung Hoa), Hán tộc (dân tộc Trung Hoa), Hán tử (đàn ông Trung Hoa), Hán nhân (người Trung Hoa), Hán gian (người chống lại dân tộc Trung Hoa)... Đặc biệt, Hán tộc tự cho phép mình đứng cao hơn các dân tộc khác. Họ gọi các dân tộc lân bang là Tứ Di. Tiểu thuyết võ hiệp của nhà văn Kim Dung lấy bối cảnh lịch sử từ đời Bắc Tống đến đời Thanh. Trong tiểu thuyết của ông Tứ Di xuất hiện khá rõ nét. Chẳng hạn như trong tác phẩm Ỷ thiên Đồ long ký có chiêu kiếm Tứ di tân phục (4 rợ đều hàng). Chỉ 1 đường kiếm đánh ra 4 phương Đông, Tây, Nam, Bắc khiến kẻ địch phải nằm rạp xuống đất.

Phía Tây nước Trung Hoa có các dân tộc Tây Tạng (Tibet), Lâu Lan (Lobner), Thổ Lỗ Phồn (Tourfan), Đại Uyển (Ferganna), Sa Đà (Yarkand), Đại Nhục Chi (Indo Scythe), Ô Tôn (Sogoliane), Khang Cư (Boukhara ngày nay thuộc Turkestan). Phía Tây Nam và Nam Trung Hoa có Thiên Thiên (Shan Shan), Điền (Bài Di thuộc Vân Nam) Dạ Lang (thuộc Quý Châu), Nam man (Đại Việt), Tây Bắc có Tây Hạ, Bắc có Mông Cổ (Mongolia), Khất Đan (Kitan), Nga La Tư (Russie). Đông Bắc có Mãn Châu (Manchouri), Cao Ly (Koree). Phía Đông Trung Hoa là bờ biển không có dân tộc nào khác. Các nước Sở, Tề, Đông Ngô, Việt đã bị diệt vong, tất cả đều trở thành con dân Hán tộc ráo.

Trong những tác phẩm tiểu thuyết võ hiệp đầu tiên của mình, Kim Dung cũng đứng trên lập trường của Hán tộc, không khỏi có những cái nhìn sai lạc về những con người Tứ Di. Trong Liên Thành Quyết tức Tố Tâm Kiếm xây dựng hình ảnh một Huyết Đao Lão Tổ người Tây Tạng, theo Mật Tông (một trong 10 tông Phật giáo), xuống Trung Hoa, cực kỳ tàn bạo dâm ác. Kết cục của Huyết Đao Lão Tổ là chết một cách thảm thiết trên vùng núi

tuyết Thiên Sơn, nhưng người thừa kế của lão - Địch Vân – thì lại được hưởng 1 cuộc sống hạnh phúc tốt đẹp. Lý do Địch Vân là 1 chàng trai Hán tộc, một thứ hoa sen “gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn”. Trong Xạ điêu anh hùng truyện và Thần điêu hiệp lữ, Kim Dung còn xây dựng một loạt những con người Tứ di: Thành Cát Tư Hãn, Đà Lôi, Hoa Tranh, Kim Luân Pháp Vương (Mông Cổ), Hoàn Nhan Liệt, Hoàn Nhan Khang (Nữ Chân, Mãn Châu). Những nhân vật Tứ di này đã bị Kim Dung làm cho méo mó. Tác giả đã tỏ ra rất ác cảm với hầu hết những nhân vật này. Cũng đúng thôi, họ đang là những con người vào xâm lăng đất nước Trung Quốc (rợ Kim đánh Nhà Tống, rợ Mông Cổ cướp ngôi vua, tuyệt duyệt nhà Tống). Dưới mắt nhìn của Kim Dung, con người thuộc các dân tộc Tứ di là những người huênh hoang khoác lác. Ỷ thiên Đồ long ký xây dựng nhân vật Tuyền Kiếm Nam, đệ nhất danh thủ điểm huyệt bằng phán quan bút của Cao Ly được Ngũ phụng bang mời lên đánh thuê trên núi Võ Đang. Ấy vậy mà chỉ cần một mình Trương Thuý Sơn của phái Võ Đang đánh cho vài chiêu, Tuyền Kiếm Nam đã cắm đầu chạy trốn. Quan điểm dân tộc của Kim Dung trong Liên Thành Quyết, Anh Hùng Xạ Điêu Truyện, Thần điêu hiệp lữ, Ỷ thiên Đồ long ký là quan điểm dân tộc hẹp hòi.

Thế nhưng, qua những tác phẩm sau đó dường như Kim Dung nhận ra cái nhìn sai trái của mình đối với Tứ di và ngòi bút của ông đã chuyển hẳn. Ông chợt thấy tất cả mọi con người thuộc mọi dân tộc đều có phẩm giá như nhau, không ai có quyền nhân danh Hán tộc để khinh khi người ngoài Hán tộc. Trong Thiên Long bát bộ, chính nhân vật A Châu, dòng Hán tộc đã nói: “làm người Trung Quốc thì chắc gì đã cao quý, làm người Khất Đan thì chắc gì đã thấp hèn’. Ông xây dựng 1 loạt nhân vật Tứ di: Gia Luật Hồng Cơ, Tiêu Phong (người Khất Đan), Hoàn Nhan A Cốt Đả (người Mãn Châu), Cưu Ma Trí (người Thổ Lỗ Phồn), công chúa Ngân Xuyên (người Tây Hạ), Đao Bạch Phụng (người Bài Di), Mộ Dung Phục (người Tiên Ty), và cả triều đình nước Đại Lý (Đoàn Dự, Đoàn Chính Thuần, Cao Thăng Thái…). Đọc Thiên Long bát bộ, ta bắt gặp một hoàng đế Gia Luật Hồng Cơ trí dũng song toàn, đối đầu với ông là một Tống Triết Tôn ngu dốt và huênh hoang, một Tiêu Phong anh hùng ngay thẳng, một Hoàn Nhan A Cốt Đả kiêu hùng trên thảo nguyên. Những nhà tu ngoại quốc như Cưu Ma Trí (Thổ Lỗ Phồn), Ba La Tinh, Triết La Tinh (Ấn Độ) ban đầu đến Trung Hoa với âm mưu đen tối, nhưng sau đó họ đã ngộ ra và trở thành những chân tu đắc đạo.

Nói cách khác quan điểm dân tộc của Kim Dung đã chuyển biến hết sức tích cực. Ông đã nhìn thấy cái dở của bọn vua quan nhà Tống, và đến khi viết Lộc Đỉnh ký thì lập trường của ông đã ngã hẳn sang triều Thanh, mặc dù dân tộc Mãn Châu đã mang tiếng là xâm lăng, chiếm ngai vàng và “thiên hạ” của triều Minh. 300 năm sau Kim Dung đã xây dựng lại một vua Khang Hy triều Thanh thông minh sáng suốt gấp trăm lần những vua triều Minh. Kim Dung nhận ra rằng cách cai trị của các vua Mãn tộc xuất sắc hơn cách cai trị của các vua Hán tộc. Dưới mắt nhìn của nhà tiểu thuyết Kim Dung, cuộc khởi nghĩa phản Thanh, phục Minh của các nhóm Thiên Địa hội, cuộc bạo loạn Hưng Minh thảo lỗ của Ngô Tam Quế đều là những trò phá rối chính trị, vô tổ chức và tất yếu phải diệt vong.

Chính sử Trung Quốc cũng cho thấy rằng không có lực lượng nông dân nào ủng hộ 2 cuộc bạo loạn này, vua Khang Hy và triều đình nhà Thanh đã đại thắng. Nói cách khác, trong giai đoạn đó, người Trung Quốc Hán tộc cần những ông vua biết chăm sóc dân, đem lại cho họ cơm no áo ấm chứ không cần những ông vua Hán tộc hôn ám vô đạo. Lịch sử đào thải triều Minh để đưa những ông vua thuộc Di, Địch lên cai trị Trung Hoa là một vận hành tự nhiên và tất yếu.

Sự tiến bộ trong quan điểm dân tộc của Kim Dung khi tác giả nhìn về Tứ di một phần cũng xuất phát từ sự tiến bộ, lớn mạnh tất yếu của Tứ di. Mấy ngàn năm đất nước Trung Hoa ngủ mê trong tấm chăn quân chủ, đến khi họ mở mắt thức giấc thì đã thấy sức mạnh của vũ khí Tây phương kề bên cổ mình. Họ gọi người Nga, người Bồ Đào Nha, người Anh, người Hà Lan là Tây Dương quỷ, Hồng mao quỷ. Nhưng bọn "quỷ" đó đã làm cho người Hán tộc kinh hoàng, ký kết hiệp ước bất lợi này đến điều ước bất lợi khác. Chính Lỗ Tấn đã diễu cợt Hán tộc của mình với anh AQ có phép "thắng lợi tinh thần", nó đánh mình coi như đánh bố nó vì mình là bố nó. Lỗ Tấn mổ xẻ mạnh còn Kim Dung thì mổ xẻ sâu hơn. Tứ di trong tiểu thuyết võ hiệp của Kim Dung chính là những con người có đầy đủ phẩm giá, quyền sống và quyền làm người như bất kỳ một người Hán tộc nào. Đó cũng chính là tính nhân văn trong tác phẩm của Kim Dung.

"Luật hôn nhân"

Từ 25 thế kỷ trước đây, người Trung Quốc đã quan niệm rằng gia đình là nền tảng của xã hội. Chính Khổng Tử đã phác hoạ ra tiến trình tu thân, tề gia, trị quốc: *"Dục trị kỳ quốc giả, tiền tề kỳ gia; dục tề kỳ gia giả, tiên tu kỳ thân..."* (Muốn trở thành người trị quốc, trước phải tề gia; muốn trở thành người tề gia, trước phải tu thân...). Trong khái niệm "tề gia", bao hàm khái niệm "lập gia" - tức hôn nhân để tiến tới xây dựng gia đình.

Tiểu thuyết võ hiệp của Kim Dung lấy bối cảnh xã hội từ thế kỷ thứ 10 đến thời Khang Hy giữa thế kỷ thứ 17 nên những vấn đề hôn nhân, gia đình cũng được tác giả nhắc đến, dù không đậm nét. Chúng ta nhớ rằng ông tốt nghiệp cử nhân luật Đông Ngô pháp học viện (Thượng Hải) nên quan niệm hôn nhân truyền thống đã từng là những điều mà ông đã được học. Và chính những điều đó trở thành những tình huống của những nhân vật được ông xây dựng trong tiểu thuyết võ hiệp.
Hôn nhân trong đời sống người Trung Quốc dưới các triều đại Hán, Đường, Tống, Nguyên, Minh, Thanh không chỉ thuộc phạm trù luật pháp mà còn thuộc phạm trù luân lý. Người Trung Quốc cho phép anh chị em cô cậu ruột (biểu huynh, biểu muội) có quyền yêu thương nhau và lấy nhau. Trong Thiên Long bát bộ, có một cặp biểu huynh biểu muội như vậy. Đó là anh chàng Mộ Dung Phục và cô nàng Vương Ngữ Yên. Mộ Dung Phục nguyên là người gốc Tiên Ty, nước Đại Yên, con của Mộ Dung Bác. Mộ Dung Bác có cô em ruột lấy một người đàn ông họ Vương ở Giang Nam, nước Tống. Bà sinh ra Vương Ngữ Yên. Vương Ngữ Yên là một cô gái thông minh, suốt đời không đi ra khỏi

nhà, chỉ biết có biểu huynh của mình là Mộ Dung Phục. Cô say mê Mộ Dung Phục và lòng thầm mơ một ngày cùng se tơ kết tóc với hắn. Nhưng tham vọng của Mộ Dung Phục rất xa: hắn tin mình võ công cao cường, có bọn trợ thủ đắc lực, có thể lên ngôi vua để phục hồi nước Đại Yên. Khi Gia Luật Hồng Cơ, vua nước Đại Liêu, đánh xuống tận Biện Lương (Nam Kinh ngày nay) thì giấc mơ phục quốc của Mộ Dung Phục càng thêm sôi nổi. Cho nên nghe công chúa Ngân Xuyên nước Tây Hạ treo bảng chiêu phu hắn không quản ngại khó khăn ngàn dặm tìm qua Tây Hạ mong lọt vào mắt xanh của công chúa, trở thành phò mã nước Tây Hạ. Mà có binh quyền nước Tây Hạ trong tay thì hắn có thẻ phục hồi nước Đại Yên. Thế nhưng, Vương Ngữ Yên chỉ sợ biểu ca bỏ rơi mình, chạy theo nhan sắc của công chúa Tây Hạ. Cô nhờ anh chàng dại gái, si tình Đoàn Dự phá giấc mơ của Mộ Dung Phục. Mộ Dung Phục không nghe lời cô khiến cô phải nhảy xuống giếng tự tử. Trong đáy giếng, cô gặp Đoàn Dự. Và lần đầu tiên trong đời, Vương Ngữ Yên nhân ra rằng chỉ có anh chàng Đoàn Dự mới là người yêu thương mình, rằng Mộ Dung Phục - biểu ca của cô chỉ là một con người phù phiếm. Tại đây, cô ngỏ lời thương yêu Đoàn Dự, quên mất anh chàng biểu ca.

Trong Ỷ thiên Đồ long ký cũng có một cuộc tình biểu huynh, biểu muội như vậy. Đó là cặp Vệ Bích và Chu Cửu Chân. Họ thương yêu nhau, đi đâu cũng có đôi có cặp nhưng đối xử với người khác rất tàn bạo. Kim Dung không nói rõ mối tình đó có thành hay không. Cũng trong Ỷ thiên Đồ long ký, Trương Vô Kỵ và Hân Ly là biểu huynh, biểu muội. Lứa đôi này cũng lỡ yêu nhau và Trương Vô Kỵ còn hứa lấy Hân Ly làm vợ nữa. Nhưng cô Hân Ly luyện môn Thiên châu vạn độc thủ, khuôn mặt biến dạng trở thành xấu xí. Cô đành rút lui khỏi cuộc tình, trả chàng Vô Kỵ lại cho quận chúa Mông Cổ Mẫn Mẫn Đặc Mục Nhĩ tức Triệu Mẫn.

Chẳng những biểu huynh, biểu muội đã được yêu nhau, lấy anh chị em đồng tông (cùng một ông tổ, một họ) tức đường huynh, đường muội cũng được lấy nhau. Trong Thiên Long bát bộ, Kim Dung dàn một kịch bản tình yêu khiến người đọc muốn nín thở và cách mở nút để giải quyết vấn đề của ông cũng rất tài tình khiến người đọc cảm thấy đồng tình. Đó là mối quan hệ của Đoàn Dự với Mộc Uyển Thanh, Vương Ngữ Yên, Chung Linh.

Nguyên Đoàn Chính Thuần, em ruột của Đoàn Chính Minh, hoàng đế nước Đại Lý (Vân Nam ngày nay) là một gã vương gia trăng hoa. Lão có vợ chính thức là Đao Bạch Phụng, người dân tộc Bài Di (thuộc bộ tộc Thiện Thiện - Shan Shan, giáp biên giới Myanmar ngày nay). Đao Bạch Phụng sinh ra Đoàn Dự. Đoàn Chính Thuần trong những lần về Trung Quốc, đã quan hệ với vợ của Chung Vạn Cừu sinh ra Chung Linh; với Tần Hồng Miên sinh ra Mộc Uyển Thanh; với Vương phu nhân sinh ra Vương Ngữ Yên; với Nguyễn Tinh Trúc sinh ra A Tử và A Châu... Đoàn Dự lớn lên nào hay những mối trăng hoa ấy, đã gặp gỡ và thương yêu những Mộc Uyển Thanh, Chung Linh, Vương Ngữ Yên. Đoạn tiểu thuyết khiến người đọc nín thở nhất là đoạn Đoàn Diên Khánh, kẻ đồng tông

với Đoàn Chính Minh và Đoàn Chính Thuần muốn chơi khăm hoàng gia nước Đại Lý, bắt Đoàn Dự và Mộc Uyển Thanh nhốt chung vào một nhà đá. Lão nghĩ họ là anh em cùng cha khác mẹ nên trộn Âm dương hoà hợp tán, một loại thuốc kích dục thật mạnh, cho anh em Đoàn Dự - Mộc Uyển Thanh làm trò loạn luân để bọn giang hồ đến chứng kiến! Mộc Uyển Thanh không kềm chế được dục vọng nhưng Đoàn Dự nhờ thấm nhuần đạo Nho, đạo Phật nên vẫn giữ được sự trong sáng cho em gái, cho mình. Nhưng chàng trai si tình, dại gái này thật sự tuyệt vọng khi khám phá ra cả ba người mình yêu mến: Vương Ngữ Yên, Mộc Uyển Thanh, Chung Linh đều là... thân muội (em ruột).

Làm sao cứu vãn được những mối tình thơ ngây đó? Kim Dung đã giải quyết thế này: ông chuyển họ từ thân huynh, thân muội trở thành đường huynh, đường muội. Ông kể lại một chuyện hai mươi năm trước. Lúc bấy giờ Thái tử Đoàn Diên Khánh tranh ngôi vua nước Đại Lý với Đoàn Chính Minh không được, bản thân lại bị thương nặng, nằm thoi thóp dưới cội bồ đề trước một ngôi chùa ở thành Côn Minh chờ chết. Cũng thời điểm đó, bà Đao Bạch Phụng khám phá ra đức ông chồng Đoàn Chính Thuần của mình là một gã trăng hoa, đã chung chạ với nhiều người đàn bà khác. Mà như trên tôi đã giới thiệu, Đao Bạch Phụng là người Bài Di (không thuộc dân tộc Trung Hoa) nên cái nhìn của bà về khái niệm tiết trinh rất... Bài Di, nghĩa là rất thoáng. Bà nghĩ chồng mình đã ăn chả, thì bà phải ăn nem để trả thù. Và bà đã đem tấm thân vương phi cao quý của nước Đại Lý hiến dâng cho gã đàn ông nằm thoi thóp dưới cội bồ đề kia.

Thiên Long tự ngoại
Bồ đề thụ hạ
Viễn phương hành khất
Trường phát Quan Âm
(Ngoài chùa Thiên Long
Dưới gốc bồ đề
Hành khất phương xa
Quan Âm tóc dài...)

Gã ăn mày Đoàn Diên Khánh đã thụ hưởng hạnh phúc trời cho, cái hạnh phúc mà gã chẳng bao giờ dám mơ tới. Gã không biết người áo trắng, tóc dài đến với mình, ân ái với mình là ai. Nhưng gã đã nghe bà đọc bốn câu thơ đó khi ân ái với gã. Vâng, kết quả của chuyện tình bên đường đó là một cậu quý tử ra đời: Đoàn Dự. Vậy thì, Đoàn Dự chỉ là con hờ của Đoàn Chính Thuần. Mà quả thật, Đoàn Chính Thuần không có gène sinh con trai. Sau này trước khi chết, bà Đao Bạch Phụng mới đọc bồn câu thơ bí hiểm đó cho Đoàn Diên Khánh nghe để Đoàn Diên Khánh nhận ra con mình. Và còn kề tai dặn nhỏ Đoàn Dự: "Vương cô nương, Mộc cô nương, Chung cô nương... ngươi thích ai, cứ lấy người đó". Nói cách khác, giữa Đoàn Dự và ba vị cô nương kia chỉ là anh em đường huynh, đường muội. Và họ có quyền lấy nhau, luật pháp và luân lý không hề cấm cản. Họ cùng chung họ Đoàn ở Vân Nam hết ráo!

Kim Dung sử dụng lăng kính pháp luật cổ điển để soi rọi quan hệ tình cảm của các nhân vật trong tiểu thuyết của mình. Ông cho biểu huynh, biểu muội; đường huynh, đường muội cứ yêu nhau và lấy nhau thoải mái. Và lúc bấy giờ cũng không ai cấm đa thê. Thậm chí một gã Đa Long dốt nát, làm chức Tổng quản thị vệ triều Khang Hy cũng có đến tám vợ. Đa Long thú nhận với Vi Tiểu Bảo rằng lão yêu đệ bát phòng (bà thứ tám) nhất bởi vì hình như bà mới chỉ 17 hay 18 tuổi gì đó! Học theo phong cách Đa Long, Vi Tiểu Bảo có được bảy vợ: Kiến Ninh công chúa, Tô Thuyên, A Kha, Song Nhi, Tăng Nhu, Mộc Kiếm Bình, Phương Di. Đó là chưa nói chuyện lăng nhăng của gã với công chúa Nga La Tư Tô Phi Á.

Có một dạng hôn nhân khác cũng khiến cho người ta suy nghĩ, kinh dị nhưng không bị cấm cản: con làm vợ thay mẹ. Trong Ỷ thiên Đồ long ký, Kim Dung kể chuyện Hân Lê Đình phái Võ Đang đã hứa hôn với cô Kỷ Hiểu Phù phái Nga Mi. Thế nhưng, Quang Minh tả sứ của Bái hoả giáo Trung Hoa là Dương Tiêu thấy Kỷ Hiểu Phù xinh đẹp, đã cưỡng hiếp Hiểu Phù. Hiểu Phù có mang, sinh ra con gái đặt tên là Dương Bất Hối (không hối hận). Sư phụ của Hiểu Phù biết được chuyện đó, buộc Hiểu Phù phải giết con gái. Nhưng Hiểu Phù không thể giết con được. Cô bị sư phụ đánh chết; Dương Bất Hối được Trương Vô Kỵ cứu đi, đưa về Quang Minh đỉnh (đỉnh Pobedy) trên núi Thiên Sơn, đoàn tụ với Dương Tiêu. Trên đường giang hồ, Dương Bất Hối gặp Hân Lê Đình. Khi ấy Hân Lê Đình đã bị trọng thương nằm một chỗ và Bất Hối mới chỉ 15 tuổi. Hân Lê Đình thấy mặt Bất Hối, tưởng tượng ra khuôn mặt Kỷ Hiểu Phù vì cô rất giống mẹ. Dương Bất Hối đành xin phép giáo chủ Trương Vô Kỵ và cha mình là Dương Tiêu, được thay mẹ mình làm vợ Hân Lê Đình để chuộc lại lỗi lầm của cả cha và mẹ ngày xưa. Vụ làm vợ Hân Lê Đình của cô khiến ngạch trật có vẻ lộn xộn: bình thường Vô Kỵ gọi cô là muội (em gái) nay phải gọi cô là thẩm thẩm (bà thím). Nhưng lộn xộn cũng chẳng sao, cuộc hôn nhân đó không vi phạm pháp luật phong kiến và đạo lý làm người.

Nói như vậy có nghĩa là nếu có một cuộc hôn nhân hợp với pháp luật mà không hợp với đạo lý thì người ta cũng cấm cản, khinh bỉ, lên án. Trong bộ Thần điêu hiệp lữ, Kim Dung đã xây dựng một bi kịch như vật mà hai nhân vật chính là Tiểu Long Nữ và Dương Quá. Tiểu Long Nữ là đệ tử phái Cổ Mộ, lớn lên trong động đá ở núi Chung Nam, hoàn toàn không hiểu những quy định của thế tục. Năm cô 17 tuổi thì chàng trai Dương Qua chạy vào cổ mộ để tránh sự truy sát của phái Toàn Chân, Tiểu Long Nữ coi Dương Qua là đồ đệ, đồng thời là bạn. Cô dạy cho Dương Qua học võ công; Dương Qua mặc nhiên coi cô là sư phụ của mình. Ba năm sống bên nhau, họ thầm yêu thương, nhưng chẳng ai dám nói lên lời thương yêu. Thế rồi Tiểu Long Nữ bị Doãn Chí Bình, đạo sĩ phái Toàn Chân cưỡng hiếp. Cô gái thơ ngây cứ nghĩ là Dương Qua đã ân ái với mình, lòng vừa thẹn vừa giận. Hai người trẻ trung đó ban tẩu giang hồ, hành hiệp cứu đời; giúp vợ chồng Hoàng Dung, Quách Tĩnh kháng chiến giữ thành Tương Dương, đánh quân xâm lược Mông Cổ. Nhưng cả Hoàng Dung, Quách Tĩnh và bọn hào sĩ giang hồ đều khinh bỉ mối quan hệ

Dương Qua - Tiểu Long Nữ bởi vì họ cho rằng thấy trò yêu nhau là vi phạm đạo đức trầm trọng. Cả hai thầy trò đều muốn bỏ ra đi, tìm một thế giới khác không có luân lý, đạo đức khắt khe. Nhưng rồi Tiểu Long Nữ khám phá ra được sự thât về chuyện cô thất trinh với Doãn Chí Bình. Đau lòng vì thấy mình không còn xứng đáng với Dương Qua, cô bỏ đi biền biệt. Và Dương Qua cũng bỏ ra một đời đi tìm hình bóng cô.

Lứa đôi đó yêu nhau say đắm, nồng nàn nhưng không thể sống thành vợ chồng vì hàng rào luân lý, đạo đức. Nhiều người đã ca ngợi nhà văn Kim Dung can đảm khi xây dựng mối tình của cặp nhân vật này. Ông đã lội ngược dòng nước luân lý của đạo Khổng, khi đạo Khổng đưa ra định đề "quân, sư, phụ" (vua, thầy và cha). Đó chính là bi kịch tình yêu của tuổi trẻ thời phong kiến. Lứa đôi đó về đâu, không ai biết, kể cả tác giả. Nhưng thôi, tìm hiểu sâu thêm nữa làm gì khi tiểu thuyết chỉ là sản phẩm của trí tưởng tượng.

Thiên Long bát bộ và luật tục thảo nguyên

Thiên Long bát bộ là bộ phim nhiều tập hiện đang nổi tiếng, được nhiều người say mê, được chuyển thể từ tác phẩm tiểu thuyết của Kim Dung. Trong tiểu thuyết, Thiên Long bát bộ còn có tên là Lục mạch thần kiếm truyện. Bộ tiểu thuyết đồ sộ gồm 16 cuốn này được đặt trong bối cảnh lịch sử Trung Hoa từ thời Tống Anh Tôn (1063 - 1065) đến hết thời Tống Triết Tôn (1085 - 1099), liên quan đến những diễn biến lịch sử của bốn nước gồm Tống, Đại Lý, Tây Hạ và Khất Đan. Trong phạm vi của bài nghiên cứu này, tôi xin giới thiệu với các bạn về đế quốc Khất Đan và những luật tục trên thảo nguyên do đế quốc Khất Đan quy định được Kim Dung phản ánh qua Thiên Long bát bộ.

Năm 936, Thạch Kính Đường, người bộ tộc Sa Đà (Chata), phò mã của nhà Hậu Đường làm trấn thủ Hà Đông, chiếm đất nhà Hậu Đường lên ngôi, mở ra nhà Hậu Tấn. Thạch Kính Đường thờ Khất Đan như cha, cắt 16 châu thuộc đất Yên Vân (Sơn Tây và Hà Nam bây giờ, trong đó có cả thành Bắc Kinh) dâng cho Khất Đan. Khất Đan trở thành một đế quốc hùng mạnh ở Đông Bắc Trung Quốc, bao gồm cả vùng Mãn Châu (phía Bắc) và lưu vực sông Hoàng Hà (phía Nam), vùng Nhiệt Hà (phía Tây), kéo dài đến biên giới Triều Tiên (phía Đông). Kinh đô Khất Đan là Thượng Kinh; gọi Bắc Kinh ngày nay là Nam Kinh hay Yên Kinh (kinh đô cũ nước Yên) hay U Đô (kinh đô châu U). Vua Khất Đan tự gọi đất nước mình là Liêu Quốc, quy tập các bộ lạc Ô Ngổi, Ba Đức, Bắc Khắc, Nam Khắc, Thất Vị, Mai Cổ Tất, Ngũ Quốc và Ô Cổ Lạc. Thuộc quốc của đế quốc Khất Đan gồm 59 nước, trong đó có các nước lớn là Triều Tiên, Thổ Cốt Hồn, Thổ Phồn, Đột Quyết, Đảng Hạng, Sa Đà, Ba Tư, Đại Thực, Tân Giới, Hồi Cốt, Cao Xương, Tây Hạ, Vu Điền, Đôn Hoàng... Mười sáu châu Yên Vân của Trung Quốc "trả nợ" cho Khất Đan bao gồm các châu lớn như A, Thuận, Đàn, Trác, Dịch, Kế, Bình, Thước, Doãn, U... Liên tiếp ba triều đại Trung Quốc gồm Tấn, Tống, Chu nhiều phen chinh phạt nhưng không lấy lại được đất Yên Vân.

Người Khất Đan sống du mục, có chữ viết và tiếng nói riêng. Khi sát nhập Yên Vân vào đế quốc, người Khất Đan cũng viết chữ Hán và nói tiếng Hoa (tiếng Bắc Kinh - tức Quan thoại). Cho đến khi nhà Bắc Tống (960 - 1126) lên cai trị Trung Hoa, giữa biên giới Tống - Liêu chỉ có một con đường qua lại. Đó là Nhạn Môn Quan. Nhạn môn quan là một sơn đạo hiểm trở thuộc phủ Đại Đồng (Sơn Tây), được phía Trung Hoa xây làm cửa ải, chỉ có bầy chim nhạn tránh tuyết hàng năm mới bay qua được, Nhạn môn quan đã để lại cho văn học Đường-Tống hàng ngàn bài thơ của các nhà thơ cảm xúc về chinh chiến, quan ải, nỗi khổ của những mối chia ly vì chinh chiến, góp phần tạo nên trường phái Biên tái trong lịch sử Trung Quốc.

Thiên Long bát bộ của Kim Dung tập trung phản ánh về vấn đề dân tộc và những xung đột chiến tranh giữa hai nước Tống-Liêu mà cái trục chính vẫn là nhân vật Tiêu Phong. Tiêu Phong nguyên là người Khất Đan, bị đưa về Trung Quốc từ khi còn lọt lòng, lớn lên có cái tên là Kiều Phong, làm đến chức Bang chủ Cái bang, một bang phái lớn nhất của võ lâm Trung Hoa. Nhưng thuộc hạ của ông đã tìm mọi cách công bố cái lý lịch Khất Đan của ông. Ông bỏ ra đi, chỉ muốn về bên kia Nhạn Môn quan làm một người Khất Đan bình thường săn chồn đuổi thỏ trên thảo nghuyên mênh mông. Số phận đau thương đã khiến ông giết lầm người tình yêu dấu là Đoàn A Châu (dân tộc Hán) và phải bảo bọc cho Đoàn A Tử, em ruột A Châu. A Tử bị thương năng, ông phải bồng cô ra Trường Bạch Sơn tìm xương cọp, mật gấu, nhân sâm chữa trị cho cô. Rồi ông kết bạn với Hoàn Nhan A Cốt Đả, người bộ tộc Nữ Chân (Mãn Châu - sau thành hoàng đế của Kim Quốc) và bắt được Gia Luật Hồng Cơ, hoàng đế của Đại Liêu, người đứng đầu các bộ tộc Khất Đan...

Là một nhà tiểu thuyết tốt nghiệp cử nhân luật, Kim Dung đã nghiên cứu và đưa vào Thiên Long bát bộ những luật tục trên thảo nguyên, diễn ra giữa hai đế quốc Tống - Liêu. Kiến thức về luật tục học của ông rất phong phú, điều mà ta khó tìm thất trong tác phẩm văn chương và lịch sử của bất kỳ một tác giả Trung Hoa nào khác.

Đối với người đàn ông Khất Đan, luật tục buộc phải xăm hình con chó sói (lang hình) lên ngực từ thủa sơ sinh. Hình con chó sói chứng tỏ nguồn gốc dân tộc Khất Đan của người mang nó, thay vì giấy thông hành hay sơ yếu lý lịch. Người đàn ông Khất Đan nhận ra nhau khi cởi áo khoe hình con sói xanh. Ngay đến khi bị quân lính nhà Tống giết, họ cũng cởi áo ra, hướng về phương Bắc, hú lên những tiếng như chó sói tru trước khi từ giã cuộc sống. Chính Tiêu Phong cũng có một hình chó sói xanh trước ngực như vậy và đến năm 30 tuổi, ông mới biết mình thuộc dân tộc Khất Đan.

Hai nước giao tranh trên trăm năm, người nước này tỏ ra khinh miệt người nước kia và ngược lại. Người Tống gọi người Khất Đan là bọn chó Liêu (Liêu cẩu); người Khất Đan gọi người Tống là bọn heo Tống (Tống trư). Quân lính hai bên tha hồ thâm nhập biên giới cướp bóc tài vật, gia súc; bắt bớ đàn bà và trẻ con. Những gì cướp được, bắt được với

quân Tống thì phải trình lên tướng chỉ huy để được thưởng, với quân Liêu thì được hưởng trọn. Đó là luật tục chiếm hữu, được hai bên gọi bằng một thuật ngữ rất nhẹ nhàng: kiếm lương thảo. Không biết bao nhiêu phụ nữ và trẻ em đã bị chiếm đoạt tình dục, bị buộc làm nô lệ và vùi thây xung quanh Nhạn Môn quan.

Tuy nhiên, không phải ai bị bắt cũng bị giết. Muốn khỏi bị giết, phải có thục kim. Trên thảo nguyên, có luật tục đưa tiền bạc, tài sản chuộc mạng; số tiền bạc tài sản lớn hay nhỏ là do đôi bên trả giá thương lượng với nhau. Người Khất Đan tuân thủ tuyệt đối luật tục này. Thiên Long bát bộ của Kim Dung có đoạn thuật lại truyện Tiêu Phong và A Cốt Đả đi săn, tình cờ bắt được một người Khất Đan mặc áo hồng rất sang trọng. Người ấy thương lượng với Tiêu Phong, xin trả 3 xe vàng, 30 xe bạc, 300 con ngựa quý. Phả Lạp Thục, cha của A Cốt Đả, đề nghị Tiêu Phong đòi gấp 10 lần: 30 xe vàng, 300 xe bạc, 3.000 ngựạ quý. Tiêu Phong thương người đàn ông Khất Đan anh hùng, buông tha y mà không đòi một khoản thục kim nào. Một thời gian sau, người ấy đem tặng cho Tiêu Phong 5.000 lượng vàng, 50.000 lượng bạc, 1.000 trâu béo, 5.000 cừu, 3.000 ngựa quý. Hoá ra, kẻ bị bắt và được Tiêu Phong tha mạng là đương kim hoàng đế Đại Liêu, tên thật là Gia Luật Hồng Cơ. Hồng Cơ về đến Thượng Kinh rồi, vẫn giữ lời hứa đem thục kim qua bộ lạc Nữ Chân trả cho Tiêu Phong dưới dạng quà tặng.

Như trên đã giới thiệu, Khất Đan có văn tự riêng, lại biết luôn cả tiếng Hoa. Thế nhưng, đối với người Khất Đan, một lời hứa còn nặng hơn cả chục tờ hoà ước được viết bằng văn tự. Luật tục Khất Đan đặt ra khẩu ước (hứa miệng) và triệt để trung thành với lời hứa này. Khi Gia Luật Hồng Cơ lên ngôi hoàng đế Đại Liêu thì Triệu Hú cũng đang ở ngôi hoàng đế Đại Tống (1085 - 2099). Trong Thiên Long bát bộ, Kim Dung thuật truyện Gia Luật Hồng Cơ bị Đoàn Dự (hoàng đế Đại Lý) và Hư Trúc (phò mã Tây Hạ) bắt giữ ngay tại Nhạn Môn quan, trước mặt Tiêu Phong. Thay vì đòi khoản thục kim; Tiêu Phong, Đoàn Dự, Hư Trúc chỉ mong Gia Luật Hồng Cơ cho một khẩu ước: "Suốt đời, Gia Luật Hồng Cơ sẽ không đem binh mã vượt Nhạn môn quan để lấn áp Tống triều". Gia Luật Hồng Cơ đã bẻ mũi tên chó sói, đọc khẩu ước đó trước sự chứng kiến của quân Liêu, quân Tống, Đoàn Dự, Hư Trúc và Kiều Phong. Và quả nhiên, trong suốt giai đoạn Hồng Cơ trị vì, không một người Khất Đan nào vượt qua Nhạn Môn quan để gây chiến với quân nhà Tống.

Còn một luật tục khác xem ra rất dã man. Đó là luật tận sát. Trong Thiên Long bát bộ, Kim Dung thuật lại cuộc binh biến trong nội tình Khất Đan: Gia Luật Trọng Nguyên và con trai là Gia Luật Niết Lỗ Cỗ nổi loạn; chiếm ngôi của Gia Luật Hồng Cơ. Tướng sĩ hai bên đánh nhau, xác nằm chật cả thảo nguyên, trong đó có những người bị thương nằm rên la thảm khốc. Thay vì đem những kẻ bị thương về cứu chữa, mỗi bên lai có một toán quân áo đen cầm vũ khí ra trận để giết hết những thương binh bên mình. Giết xong, hai toán quân áo đen lại đánh nhau thêm trận cuối. Thảo nguyên Khất Đan thật đau thương: chỉ có người chiến thắng lành lặn trở về mới được coi là chiến binh. Kẻ chiên thắng nào

bị thương vẫn phải chết, không phải dưới vũ khí của kẻ thù mà là dưới vũ khí của đồng đội mình. Đối với dân tộc Khất Đan, người chiến thắng mới là anh hùng, mới là người có chính nghĩa.

Kim Dung là người Hán tộc. Người Hán tộc vẫn tự cho mình là một chủng tộc cao quý, gọi các dân tộc bốn phương là Tứ di. Họ luôn tỏ ra khinh bỉ các dân tộc lân bang. Nhưng qua Thiên Long bát bộ, Kim Dung nhận ra một điều: quân đội các bộ tộc Khất Đan và Nữ Chân kiêu dũng, thiện chiến và không tàn bạo như quân đội của Tống triều, phẩm chất nhân ái bao dung của "con chó Khất Đan" Tiêu Phong vượt xa những lãnh tụ Trung Hoa cao quý. Rõ ràng, quan điểm dân tộc của ông rất tiến bộ. Tất nhiên, sau này những cộng đồng Khất Đan, Nữ Chân, Thổ Phồn, Đột Quyết... đều sát nhập vào cộng đồng Trung Hoa, không người Hán tộc nào mạt sát họ là man di mọi rợ nữa. Điều này phản ánh từ một quan điểm chính trị hơn là một nhận thức nhân bản xuất phát từ phẩm giá làm người.

Bang giao Tống-Liêu nhìn qua Thiên Long bát bộ

Ở thời điểm năm 1063, Liêu tức Khất Đan đã trở thành một đế quốc hùng mạnh vùng Đông Bắc Trung Hoa. Người Khất Đan sống du mục, kinh tế chủ yếu là chăn nuôi và trồng trọt, có ngôn ngữ riêng, văn tự riêng. Khi sát nhập Yên Vân vào đế quốc, người Khất Đan có thêm tiếng Hoa làm chuyển ngữ. Biên giới Tống-Liêu kéo dài mấy ngàn dặm, trong đó con đường xung yếu nhất là Nhạn môn quan, một sơn đạo hiểm trở thuộc phủ Đại Đồng, Sơn Tây. Nhạn môn quan là con đường chinh chiến, đã từng là bãi chiến trường núi xương sông máu giữa hai dân tộc Tống-Liêu từ năm 960 đến năm 1126, đã để lại trong lịch sử văn học Trung Hoa hàng ngàn bài thơ mang màu sắc biên tái đau thương...

Thiên Long bát bộ hư cấu một nhân vật anh hùng Khất Đan là Tiêu Phong. Tiêu Phong bị bắt về nước Tống từ thủa nhỏ, đến năm 30 tuổi, trở thành Bang chúa Cái bang, thống lãnh quần hùng Cái bang Tống triều chống lại người Khất Đan. Ông bị bọn thuộc hạ tố cáo lý lịch Khất Đan, phải bỏ nước Tống trở về nước Liêu. Tại đây, ông kết bạn với Hoàng Nhan A Cốt Đả, người bộ tộc Nữ Chân (sau này là vua của Kim Quốc - tức Mãn Châu), rồi kết bạn cùng Gia Luật Hồng Cơ, hoàng đế nước Đại Liêu. Ông được Hồng Cơ phong làm Nam viện đại vương trấn thủ Nam Kinh (tức Bắc Kinh ngày nay), cai trị 16 châu Yên Vân, chờ ngày đánh qua Nhạn môn quan, tiêu diệt triều Tống...

Gia Luật Hồng Cơ là một ông vua đầy hùng tâm tráng chí của đế quốc Khất Đan, một nhân vật có thực được nhắc đến rất nhiều trong lịch sử. Ông nội của Gia Luật Hồng Cơ lên ngôi làm Đại Liêu hoàng đế, xưng là Thánh Tôn. Thánh Tôn tên thật là Gia Luật Long Tự, có hai con trai: Gia Luật Tôn Chân hiền hoà trung hậu và Gia Luật Trọng Nguyên kiêu dũng, giỏi binh cơ. Thánh tôn qua đời, truyền ngôi cho Tôn Chân nhưng hoàng hậu Đại Liêu lại yêu con thứ Trọng Nguyên nên sửa chữa chiếu chỉ, định lập Trọng Nguyên

làm hoàng đế. Trọng Nguyên thương anh ruột, nói rõ âm mưu đó cho anh hay. Tôn Chân lên ngôi, cảm kích tấm lòng của người em, lập Trọng Nguyên lên làm Hoàng thái đệ, định sẽ truyền ngôi cho em. Tôn Chân lên ngôi, hiệu là Hưng Tôn. Hưng Tôn chết, ngôi vua không truyền cho Hoàng thái đệ mà truyền cho con ruột là Gia Luật Hồng Cơ. Gia Luật Hồng Cơ phong cho chú Trọng Nguyên làm Thiên hạ binh mã Đại nguyên soái, phong cho con Trọng Nguyên là Gia Luật Niết Lỗ Cỗ làm Sở vương, tước hiệu Nam viện đại vương. Hai cha con Trọng Nguyên và Niết Lỗ Cỗ thừa dịp Hồng Cơ đi xuống phương nam làm cuộc binh biến chiếm ngôi vua Đại Liêu.

Đó là chính sử của Đại Liêu. Trong Thiên Long bát bộ, Kim Dung để cho nhân vật Tiêu Phong giúp Gia Luật Hồng Cơ dẹp cuộc binh biến, bắt được Trọng Nguyên, giết chết Niết Lỗ Cỗ, được Gia Luật Hồng Cơ phong làm Nam Viện đại vương, cai quản phần đất Yên Vân...

Cũng ở thời điểm này, Triệu Hú, một gã thiếu niên mới 18 tuổi, lên ngôi vua ở Nam triều tức Tống Triết Tôn (1085-1099). Trước đời Triệu Hú, các vua Tống đã áp dụng Biến pháp của tể tướng Vương An Thạch (thường được gọi là phe Tân đảng) và những phép Thanh miêu, Bảo mã, Bảo giáp tạo nên một nền cai trị hà khắc. Khi Triệu Hú lên ngôi, bà Cao thị là Hoàng thái hậu buông rèm nhiếp chính 9 năm, áp dụng đường lối chính trị khoan hoà của Tư Mã Quang (thường được gọi là phe Cựu đảng) không gây chiến tranh, phòng thủ nghiêm ngặt, chờ cho Liêu quốc đại biến. Tư Mã Quang là tác giả của bộ Tư trị thông giám, cuốn sách đúc kết kinh nghiệm thịnh suy của ngàn năm xây dựng các đế chế Trung Hoa trước đó. Chính là đường lối khoan hoà của Cao thị đã làm cho đế quốc Khất Đan phải nể sợ. Tể tướng nước Liêu khen Hoàng thái hậu: "Từ khi Thái hậu Đại Tống buông rèm nghe chính sự, chiêu nạp danh thần, bài trừ chính trị hà khắc, trong suốt chín năm triều đình hưng thịnh, trăm họ yên vui". Thế nhưng, gã Triệu Hú là một ông vua hiếu chiến. Khát vọng của Triệu Hú là được một ông vua thực sự, đánh nhau với Liêu quốc. Cho nên khi Cao thị vừa băng hà, Triệu Hú đã áp dụng ngay các Biến pháp của phe Tân đảng, tin dụng bọn nội giám Nhạc Sĩ Tuyến, Lưu Duy Giản, Lương Tòng Chánh, triệt hạ phe Cựu đảng. Năm 1093, Triệu Hú giáng chức Đại học sĩ Tô Thức (Tô Đông Pha), đưa Tô đi làm tri phủ Định Châu. Khi ra đi, Tô Thức dâng biểu có đoạn: "Hạ thần e rằng hành động cấp tiến chỉ là tấm lòng nông nổi của những người vụ lợi, nên xin dâng bản tấu này, kính mong bệ hạ thận trọng canh cải tân pháp thời phúc cho xã tắc và may cho thiên hạ vậy". Triệu Hú giận, giáng luôn Tô Triệt, Đoan Minh Đại học sĩ đi làm Tri phủ Nhữ Châu. Đại thần Phạm Tô Vũ đưa lời can gián: "Hán, Đường mất nước cũng do nhà cầm quyền bắt dân phải lao vào cuộc xây dựng to tát, không được nghỉ ngơi. Những kẻ vì lợi nhỏ mà gây oán hờn cho quốc dân thì dù có đa hình khu trục cũng chưa đủ để tạ tội với trăm họ".

Trong tiểu thuyết Thiên Long bát bộ, Kim Dung thuật lại đoạn Cao thái hậu qua đời và những lời nói huyênh hoang của Tống Triết Tôn Triệu Hú. Quân tình báo Khất Đan đã nắm được tất cả diễn biến xấu đó trong nội bộ Tống Triều và báo cáo về Thượng Kinh

cho Đại Liêu hoàng đế Gia Luật Hông Cơ. Hồng Cơ đánh giá đây là cơ hội ngàn năm một thuở để xâm lăng Tống triều. Nhà vua xuống ngay Nam Kinh, ra lệnh cho Nam Viện đại vương Tiêu Phong lập tức cử binh mã tràn qua Nhạn môn quan phạt Tống. Thế nhưng, Tiêu Phong tha thiết yêu hoà bình, không muốn cho muôn dân hai nước lầm than vì chinh chiến. Ông chống lệnh hành quân, bị bắt nhốt rồi được cứu thoát. Cuối cùng, ông đã xin Đại Liêu hoàng đế được một khẩu ước: "Vĩnh viễn không đưa quân tràn qua Nhạn môn quan đánh xuống phương Nam". Khẩu ước đó bảo đảm cho Tống-Liêu gần 30 năm thanh bình. Và Tiêu Phong tự tử!

Trong chiến tranh cổ điển, Tống-Liêu đều triệt để áp dụng chủ trương binh bất yếm trá. Thấy bọn quan binh triều Tống tham lam, Gia Luật Hồng Cơ ra lệnh cho Gia Luật Mạc Ca, Nam Viện khu mật sứ cai quản Nam Kinh, tung vàng bạc châu báu ra mua chuộc, chia rẽ, khuynh loát đội ngũ quan quân Tống triều. Phủ Khai Phong, kinh đô nhà Tống, trở thành miền đất béo bở cho đội quân tình báo Liêu Quốc thâm nhập và hoạt động. Chính vì thế, nội tình của Tống triều bị người Khất Đan nắm rõ như trong lòng bàn tay, ngược lại với nội tình Khất Đan, vua quan nhà Tống như người mơ ngủ.

Người Tống thuộc Hán tộc, tự cho mình là chủng loại cao quý, gọi lân bang là Tứ Di, gọi người Khất Đan là bọn chó Liêu. Ngược lại, bốn rợ cũng chẳng coi người Hán ra gì, người Khất Đan gọi quân triều Tống là bọn heo Tống. Quân sĩ đôi bên đánh vào biên giới của nhau, đốt nhà, hãm hiếp bắt bớ phụ nữ, tước đoạt tài vật. Cả đôi bên đều gọi đó là cách kiếm lương thảo. Thiên Long bát bộ của Kim Dung phản ánh sinh động hiện thực lịch sử đau thương đó giữa hai dân tộc Tống-Liêu. Tác giả không đối chiếu, so sánh nhưng dường như qua Thiên Long bát bộ, ta thấy được bọn Liêu cẩu anh hùng, đàng hoàng ngay thẳng hơn bọn Tống trư.

Khi Vi Tiểu Bảo hình sự hóa quan hệ dân sự

Xưa nay, quan hệ tiền bạc nợ nần nằm trong dân gian là quan hệ dân sự. Thời vua Khang Hy nhà Thanh, việc vay mượn tiền bạc được xếp vào việc hộ. Để phân biệt việc hộ và việc hình, người Trung Hoa có câu ngạn ngữ: "Giết người thì đền mạng, vay nợ phải trả tiền". Thế nhưng, một vị quan lớn của triều Khang Hy - Vi Tiểu Bảo, Đệ nhất Lộc Đỉnh công, Phủ Viễn Đại tướng quân - một nhân vật bất học vô thuật tự nhận mình là lưu manh hạng nhất, đã ngồi trên vương pháp, sẵn sàng hình sự hoá những quan hệ dân sự. Qua ngòi bút của Kim Dung trong bộ tiểu thuyết Lộc Đỉnh ký, ta thấy cách cho vay nợ và đòi nợ của Vi Tiểu Bảo khá lạ lùng. Kim Dung hình tượng hoá vấn đề là "tiền vô cổ nhân, hậu vô lai giả" (trước, không có người xưa nào; sau, cũng chẳng có được người giống như vậy).Nguyên Vi Tiểu Bảo say mê nhan sắc của A Kha, muốn lấy A Kha làm vợ. Thế nhưng A Kha lại say mê Trịnh Khắc Sảng, con trai thứ của Diên Bình quận vương Trịnh Kinh, một lãnh tụ chống nhà Thanh tại Đài Loan. Vi Tiểu Bảo gặp Trịnh Khắc Sảng lần đầu tiên tại phủ Hà Giang và y rất ghen tức với Trịnh Khắc Sảng. Trịnh Khắc Sảng phong

lưu anh tuấn, lại là con của một quận vương cai trị đất Đài Loan trong khi Vi Tiểu Bảo mặt dơi tai chuột, lại chỉ là con của một kĩ nữ thành Dương Châu. Thấy sư tỷ A Kha cứ bám lấy Trịnh Khắc Sảng, Vi Tiểu Bảo ra lệnh cho anh em Thiên Địa hội của mình đón đánh Trịnh Khắc Sảng một trận thừa sống thiếu chết. Trịnh Khắc Sảng vẫn đeo đuổi A Kha. Vi Tiểu Bảo ra lệnh cho bọn Ngự tiền thị vệ thuộc đạo Kiêu Kỵ doanh chận đáng Trịnh Khắc Sảng một lần thứ hai, buộc Trịnh Khắc Sảng làm văn tự thiếu nợ một vạn lạng bạc, bọn chúng mới chịu thả ra. A Kha và Trịnh Khắc Sảng vẫn quyến luyến với nhau. Vi Tiểu Bảo nhờ đến bọn Mộc vương phủ ở Vân Nam đánh Trịnh Khắc Sảng một lần nữa, buộc phải làm lễ cưới với một cô gái xấu hoắc (nguyên là trai giả gái) và vu cáo Trịnh Khắc Sảng đã cưỡng dâm cô gái ấy! Trịnh Khắc Sảng phải nhờ đến sư phụ của y là Phùng Tích Phạm mới cứu nổi y về tới Đài Loan an toàn.

Vi Tiểu Bảo bị vua Khang Hy giam lỏng trên Điếu ngư đài đảo giữa biển Liêu Đông với một cái tước hàm hồ là Thông Cật bá. Lúc sau này, y đã có sáu người vợ là Tô Thuyên, Song Nhi, Mộc Kiếm Bình, Phương Di, Tăng Nhu và Kiến Ninh công chúa. Thế rồi sư phụ y là Trần Cận Nam, Phùng Tích Phạm, Trịnh Khắc Sảng và cả A Kha đều trốn tránh việc truy bắt của triều đình Khang Hy, trôi dạt tới Điếu Ngư đài đảo. Nơi đây Trịnh Khắc Sảng vũ nhục Trần Cận Nam và đâm chết ông. Vi Tiểu Bảo bắt được Trịnh Khắc Sảng nhưng nghe lời thầy dạy, y không giết Trịnh Khắc Sảng. Trịnh Khắc Sảng đem A Kha gán nợ cho Vi Tiểu Bảo. Vi Tiểu Bảo chặt đứt một ngón tay của Trịnh Khắc Sảng, buộc hắn phải viết văn khế thiếu nợ ba trăm vạn lạng bạc. Trịnh Khắc Sảng cứ viết đại văn khế, một là để kiếm đường sống, hai là hắn hi vọng không bao giờ Vi Tiểu Bảo có thể đòi nợ hắn được. Không ngờ văn khế mượn đó lại trở thành tai vạ với hắn về sau.

Khang Hy bình định đảo Đài Loan; Trịnh Khắc Sảng dẫn toàn quân ra đầu hàng nhà Thanh. Hắn được phong Hải Trừng công; Phùng Tích Phạm được phong Trung Thành bá. Thực sự đây một đòn phép chính trị của Khang Hy đã được Lang Viên ghi rõ trong Thanh sử cảo: bình định Tam phiên (Ngô Tam Quế, Thượng Khả Hỷ, Cảnh Tinh Trung), thu phục Mông Cổ và Tây Tạng, thu hồi Đài Loan, ổn định bên trong để rảnh tay đối phó với nạn xâm lăng của người Nga La Tư tại biên giới ba tỉnh Đông Bắc. Tuy được phong tước công nhưng Hải Trừng công Trịnh Khắc Sảng chỉ là hàng thần lơ láo, của cải hắn đục khoét từ Đài Loan đem về Bắc Kinh đã vơi quá nửa vào túi bọn quan lại trong triều đình. Trong khi đó, Vi Tiểu Bảo được phong Đệ nhất Lộc Đỉnh công, Phủ Viễn Đại tướng quân, có công bình định giặc Nga và kí kết hiệp ước bất tương xâm với người Nga tại Hắc Long Giang, thu về cho Trung Hoa thêm tám chục dặm vuông ở bờ nam sông Ngạch Nhĩ Cổ Lạp và Hắc Long Giang. Nghe tin, Khang Hy phong cho hàng thần Trịnh Khắc Sảng tước công, Vi Tiểu Bảo vừa ghen tức vừa nhớ lại mối thù ngày xưa. Hắn đem các thứ văn khế mượn nợ của Trịnh Khắc Sảng ra giao cho bọn thị vệ Kiêu Kỵ doanh, Tiền Phong doanh nhờ bọn này đi... đòi nợ. Ngự tiền thị vệ Đô tổng quản Đa Long nhận lệnh của Vi Tiểu Bảo, buộc Trịnh Khắc Sảng đem món nợ ba trăm vạn lạng bạc viết ra thành những giấy nhỏ một ngàn lạng, hai ngàn lạng rồi chia cho thị vệ đi đòi.

Từ đó, Hải Trừng công phủ của Trịnh Khắc Sảng ngày nào cũng có khách đến... đòi nợ. Bọn quan binh dưới trướng của Khang Hy vốn rất hống hách, lại dựa vào Phủ Viễn Đại tướng quân Vi Tiểu Bảo, sáng chiều thay nhau đòi nợ Trịnh Khắc Sảng. Trịnh Khắc Sảng ngậm bồ hòn làm ngọt đành phải đem hết mọi thứ ngân phiếu, đồ trang sức, bảo vật trong nhà ra trả nợ. Lần sau cùng, Vi Tiểu Bảo dẫn Đa Long đến phủ Trịnh Khắc Sảng. Hắn thấy Trịnh Khắc Sảng mặt mày ủ dột, tóc đã bạc thì mừng hơn cả đòi được nợ. Hắn chụp mũ Trịnh Khắc Sảng là muốn lên làm Đài Loan vương, sẽ đem quân vào nội địa để giết hết những gì gọi là Mãn Thanh, Thát Đát khiến Trịnh Khắc Sảng sợ đến tháo mồ hôi. Hắn còn ra lệnh bắt giữ Trịnh Khắc Sảng, may là Đa Long biết luật, phải đưa lời can gián.

Thấy chủ mình bị vũ nhục, Phùng Tích Phạm hăm dâng cáo trạng lên Khang Hy. Vi Tiểu Bảo nghe hắn hăm, lòng cũng có ý sợ. Lần này, Vi Tiểu Bảo thu được năm vạn bốn ngàn ba trăm lạng (tiền ngân phiếu), lại lấy được một mớ nữ trang. Tổng số mà Trịnh Khắc Sảng trả được cho Vi Tiểu Bảo trên hai trăm vạn lạng bạc. Hắn chia cho bọn thị vệ đúng một trăm vạn lạng để xài chơi, gọi là chi phí cho công đi đòi nợ (thảo trái phí). Nhưng hắn vẫn nơm nớp lo sợ chuyện Phùng Tích Phạm hăm dâng cáo trạng. Trong đêm ấy, hắn ra lệnh cho Đa Long cho hai thủ lĩnh thị vệ Trương Khang Niên, Triệu Tề Hiền mạo xưng là người của Thái Đô thống ở Tiền Phong doanh đi bắt Phùng Tích Phạm về đánh đập gần chết. Hắn lại cho người ngầm đi báo với vợ lớn của Thái Đô thống là họ Thái có vợ nhỏ thứ tám tại hẻm Điềm Thủy Tĩnh ở Bắc Kinh. Đêm ấy, vợ của họ Thái dẫn một toán đàn bà đi đánh ghen. Lão Thái phải dẫn người đi cứu cô vợ nhỏ. Vi Tiểu Bảo lại sai Đa Long đi giúp cứu vợ nhỏ lão Thái...

Sáng hôm sau, Vi Tiểu Bảo nhận lệnh của vua Khang Hy phải đi làm giám trảm, thi hành án tử hình đối với Mao Thập Bát. Mao Thập Bát là một dũng sĩ phản Thanh phục Minh, có công đưa Vi Tiểu Bảo lên Bắc Kinh. Hắn nghĩ cách cứu Mao Thập Bát khỏi cái chết bằng cách lấy Phùng Tích Phạm thay vào. Hắn cho thân binh làm một cái nhà rạp hai ngăn ở pháp trường cửa Thái Thị. Rồi hắn sai thân binh dẫn Mao Thập Bát ra cho Đa Long nhận diện đúng là khâm phạm của triều đình. Đa Long xác nhận xong, hắn đưa ra cho Đa Long xem một tập khăn tay thêu những bức Xuân cung đồ. Xuân cung đồ là những bức thêu hình ảnh nam nữ giao phối nhau nhằm thoả mãn thói thị dâm của bọn quan lại, bọn nhà giàu thời Minh-Thanh. Khi Đa Long dán mắt vào tập Xuân cung đồ, Vi Tiểu Bảo cho thân binh đánh tráo Mao Thập Bát vào nhà rạp, đưa Phùng Tích Phạm vào pháp trường. Hắn ra lệnh chém tử tội rồi liệm xác khâm phạm vào áo quan...

Không ai biết được những âm mưu của Vi Tiểu Bảo ngoài vua Khang Hy. Nhà vua giao cho hắn điều tra vụ mất tích của Phùng Tích Phạm. Hắn dàn một màn kịch: cho gã chăn ngựa của Phùng Tích Phạm dẫn một cô hầu gái của họ Phùng là Lan Hương ra đi. Rồi hắn đem xác Phùng Tích Phạm vào phủ nhà họ Phùng, kiếm một cái đao phạt cỏ làm hung khí gây án. Bọn quan viên điều tra vụ án biết rằng họ Phùng bị giết nhưng vết chém

là vết do cương đao gây ra chứ không thể là dao cắt cỏ.

Có thể coi vụ Vi Tiểu Bảo giết người bịt miệng, đòi nợ Trịnh Khắc Sảng là một điển hình của chuyện hình sự hoá các quan hệ dân sự. Kim Dung viết những tình tiết này với một bút pháp thật lôi cuốn, hấp dẫn. Rõ ràng là vương pháp của triều nhà Thanh đã bị một gã tiểu lưu mang bẻ cong queo. Hắn làm được việc đó là nhờ có một đám thủ hạ thân tín mà đồng tiền đã trở thành quyền lực sai khiến. Bản tâm của Khang Hy cũng chẳng muốn những gã như Phùng Tích Phạm còn sống trên đời. Hai "chí lớn" gặp nhau, một cao một thấp. Cái chết của Phùng Tích Phạm khiến người ta ngậm ngùi khi nghĩ đên số phận đen tối của hàng triệu người Trung Hoa dưới các chế độ quân chủ kéo dài trên ba ngàn năm.

Vi Tiểu Bảo phá án đua ngựa

Bộ tiểu thuyết Lộc Đỉnh ký của nhà văn Kim Dung lấy bối cảnh lịch sử Trung Quốc dưới triều Khang Hy (1662 - 1722), khi nhà Mãn Thanh mới cai trị Trung Quốc được 18 năm và những thế lực "phản Thanh phục Minh" (chống nhà Thanh, dựng lại nhà Minh) còn hoạt động ở nhiều nơi trên đất Trung Quốc. Trên nền tảng lịch sử có thật, bằng một trí tưởng tượng phong phú và khả năng hư cấu tuyệt vời, Kim Dung đã xây dựng thành công một nhân vật Khang Hy thông minh, nhân hậu, xuất sắc trong các chính sách cai trị đất nước; một Vi Tiểu Bảo ngộ nghĩnh dễ thương, xuất thân từ kỹ viện thành Dương Châu đã leo lên được tới hàng công tước triều Khang Hy. Toàn bộ những thành công của Vi Tiểu Bảo đều tập trung vào hai chữ "may mắn". Vụ phá án đua ngựa, bắt được tên trọng phạm Ngô Ứng Hùng sau đây là một trong những chiến công may mắn của Vi Tiểu Bảo.

Chuyện xảy ra vào mùa xuân năm Khang Hy thứ 13, khi Vi Tiểu Bảo trở thành bá tước, giữ chức Chánh Đô thống Hoàng kỳ. vua Khang Hy đã biết được âm mưu làm phản của Bình Tây vương Ngô Tam Quế, một viên tướng phản Minh đầu Thanh, được vua cha của Khang Hy là Thuận Trị phong tước vương, trấn giữ Vân Nam và Quý Châu. Khang Hy có ý định triệt tam phiên: Ngô Tam Quế, Thượng Khả Hỷ, Cảnh Tinh Trung. Sợ bị triệt phiên, Ngô Tam Quế nảy sinh ý định làm phản. So sánh lực lượng giữa triều đình và Ngô Tam Quế, Khang Hy nảy sinh ý đồ làm chậm cuộc tạo phản của Ngô Tam Quế lại. Khang Hy đánh một nước cờ chiến lược: sai Vi Tiểu Bảo làm Tứ hôn sứ, đem cô em cùng cha khác mẹ là Kiến Ninh công chúa qua Vân Nam, gả cho Ngô Ứng Hùng, con trai Ngô Tam Quế để đánh lạc hướng cảnh giác của Ngô Tam Quế. Trong khi đó, Khang Hy ung dung chuẩn bị binh lực đối phó với Ngô Tam Quế nếu vụ biến loạn ở Vân Nam thực sự xảy ra.

Thương thay cho Ngô Ứng Hùng! Trên đường về Vân Nam, Vi Tiểu Bảo đã nhiều lần "phượng đảo loan điên" với Kiến Ninh công chúa đến nỗi Kiến Ninh say mê gã, muốn tìm cách giết chết Ngô Ứng Hùng để được sống với gã. Tại Vân Nam, trong khi chờ hôn

lễ cử hành, Kiến Ninh được Vi Tiểu Bảo tặng cho một cây súng của người Nga chế tạo để phòng thân. Thế là Kiến Ninh lập kế gọi Ngô Ứng Hùng vào phòng riêng để xem mặt rồi dùng súng bắn nát bộ phận sinh dục của Ngô Ứng Hùng, vu cho hắn tội muốn... cưỡng hiếp công chúa. Hôn lễ vẫn diễn ra nhưng chàng phò mã đã biến thành anh thái giám thứ thiệt. Sau hôn lễ, Vi Tiểu Bảo đưa hai vợ chồng Kiến Ninh - Ngô Ứng Hùng về lại Bắc Kinh, gọi là hoàn hôn theo nghi thức hôn nhân triều Thanh. Công việc diễn ra đúng với lá bài của Khang Hy: giữ Ngô Ứng Hùng lại Bắc Kinh làm con tin để làm chậm lại cuộc khởi loạn của Ngô Tam Quế.

Một hôm, Vi Tiểu Bảo dẫn phó tướng Triệu Lương Đống sang phủ phò mã của Ngô Ứng Hùng uống rượu. Bên Ngô Ứng Hùng có thêm ba viên tướng khác từ Vân Nam tới: Trương Dũng, Tôn Tư Khắc và Vương Tiến Bảo. Vương Tiến Bảo là một người sành nghề nuôi dưỡng và coi tướng ngựa. Hắn thấy con ngựa Ngọc Hoa Thông giống Đại Uyển (Fergana - một tiểu quốc phía Tây Trung Hoa) của Vi Tiểu Bảo thì chê tràn. Ngược lại, hắn ca ngợi bầy ngựa Vân Nam, một loài ngựa nhỏ, lông lá xác xơ nhưng chạy đường núi rất giỏi. Vi Tiểu Bảo tức khí, hẹn cùng Ngô Ứng Hùng tổ chức cuộc đua ngựa ngày hôm sau; tiền ăn thua là một vạn lạng bạc. Khi đã cáp độ xong, Vi Tiểu Bảo chợt nhìn thấy khoé mắt Vương Tiến Bảo hiện lên vẻ hân hoan. Gã biết thế nào Ngô Ứng Hùng cũng thủ thắng trong cuộc đua ngựa và tự trách thầm mình đã ngu dốt ham cá độ. Vốn là dân cờ gian bạc lận, Vi Tiểu Bảo biết loại ngựa Vân Nam chắc chắn sẽ ăn đứt bầy ngựa của mình. Về phủ bá tước, gã lẳng lặng gọi tên mã phu trưởng, giao tiền cho hắn để hắn rủ rê bọn mã phu của Ngô Ứng Hùng đi uống rượu, chơi gái, rồi tìm cách cho bầy ngựa Vân Nam của Ngô Ứng Hùng ăn bả đậu để chúng đau bụng, ỉa chảy. Gã phải thắng trong cuộc đua ngựa ngày mai!

Làm xong mọi việc, Vi Tiểu Bảo vào chầu vua Khang Hy. Khang Hy hỏi gã cặn kẽ đường đi nước bước ở Vân Nam, lại kêu ty xa giá bộ binh vào hỏi han tình hình chuẩn bị lừa ngựa, súng ống. Lúc bấy giờ, Vi Tiểu Bảo mới biết nhà vua chuẩn bị đánh Vân Nam, triệt hạ Bình Tây vương Ngô Tam Quế. Khang Hy hỏi gã đặc tính của loài ngựa Vân Nam, Vi Tiểu Bảo không dám nói thật. Một là nếu gã thú thật đã đầu độc ngựa Vân Nam của Ngô Ứng Hùng thì Khang Hy sẽ chửi gã là thứ cờ gian bạc lận; hai là - nếu gã nói dóc rằng ngựa Vân Nam rất dở thì sợ nhà vua mất cảnh giác, sau này gặp thất bại trên chiến trường, gã sẽ phạm tội khi quân. Kim Dung diễn tả những mâu thuẫn trong tâm trạng Vi Tiểu Bảo ở đoạn này rất xuất sắc. Vi Tiểu Bảo tâu với nhà vua rằng Ngô Ứng Hùng đem theo khá nhiều ngựa Vân Nam về Bắc Kinh. Nghe đến đó, nhà vua hiểu ngay rằng Ngô Ứng Hùng đang định trốn chạy khỏi Bắc Kinh. Khang Hy ra lệnh cho Cửu môn Đề đốc đóng hết cửa thành nhưng đã trễ: Ngô Ứng Hùng quả nhiên đã chạy trốn bằng ngựa Vân Nam của mình. Chuyện hắn định đua ngựa với Vi Tiểu Bảo chỉ là một trò lừa phỉnh. Hắn ra đi và bỏ lại bọn tuỳ tùng Vương Tiến Bảo, Trương Dũng, Tôn Tư Khắc. Vi Tiểu Bảo xin lệnh Khang Hy cho đi bắt Ngô Ứng Hùng về.

Gã điểm toàn bộ quân Kiêu Kỵ doanh, lại dắt theo bọn Vương Tiến Bảo vì bọn này rất sành về ngựa. Trên đường truy kích Vương Tiến Bảo nhìn ra dấu chân ngựa Vân Nam. Vương Tiến Bảo cũng lấy làm lạ vì ngựa Vân Nam do hắn nuôi dưỡng không bao giờ tiêu ra phân nát. Vi Tiểu Bảo giấu tịt chuyện mình cho đầu độc ngựa Vân Nam bằng bả đậu, cứ bảo cả đoàn rượt theo. Gã phấn khởi vì bả đậu đã phát huy tác dụng nhanh chóng. Từ Bắc Kinh về Vân Nam, đáng lẽ chạy sang hướng Nam nhưng Ngô Ứng Hùng lại chạy sang hướng Đông. Vi Tiểu Bảo hiểu ngay Ngô Ứng Hùng muốn chạy ra cửa biển Đường Cô để có thuyền dọc biển đưa hắn vê Quảng Tây, lên Vân Nam. Đang rượt theo, Vương Tiến Bảo thấy xác ngựa Vân Nam chết ở dọc đường. Hắn rất đau lòng nhưng Vi Tiểu Bảo lại cực kì khoan khoái, không ngờ trò cờ gian bạc lận của mình phục vụ hữu hiệu cho công việc truy bắt Ngô Ứng Hùng đến như thế. Quả nhiên, bầy ngựa Vân Nam danh tiếng không chịu nổi độc tố của bả đậu, ngã lăn ra chết ráo. Ngô Ứng Hùng bỏ ngựa, trốn vào trong ruộng lúa mạch. Hắn bị Vi Tiểu Bảo bắt được, giải ngược về Bắc Kinh. Vi Tiểu Bảo phá án thành công nhờ... bả đậu.

Vua Khang Hy dẫu thông minh đến bao nhiêu cũng không thể hiểu được do đâu Vi Tiểu Bảo bắt Ngô Ứng Hùng, phá vụ án "bỏ trốn khỏi nơi giam giữ" này nhanh đến như vậy.

Nhà vua hỏi Vi Tiểu Bảo: "Con mẹ nó, ngươi có bản lĩnh gì mà bắt được Ngô Ứng Hùng?". Đến lúc đó, Vi Tiểu Bảo mới tâu thật với nhà vua rằng bản lĩnh của gã là cờ gian bạc lận, chỉ có cách cho ngựa của Ngô Ứng Hùng ăn bả đậu mới có thể thắng được trong cuộc đua ngựa ngày mai. Khang Hy cao hứng, cười ha hả. Nhà vua tin rằng lòng trời đang ở với mình, rằng chưa ra quân mà chỉ với một trò gian lận của Vi Tiểu Bảo; nhà vua đã thắng Ngô Tam Quế.

Vụ phá án "phước chủ may thầy" này tiêu biểu cho phong cách viết văn hài hước của Kim Dung. Thế nhưng đó là văn chương tiểu thuyết trong Lộc Đỉnh ký, được Kim Dung viết vào năm 1972. Còn chính sử của nhà Thanh trước đó 200 năm thì thế nào? Trong tác phẩm Thanh sử cảo, Lang Viên ghi rõ: mùa xuân năm Khang Hy thứ 13, Ngô Ứng Hùng có ý định bỏ chức phò mã trốn về Vân Nam để cùng cha là Ngô Tam Quế mưu sự khởi loạn. Vua Khang Hy đã tiên liệu mọi điều, cho người giám sát, bắt được Ngô Ứng Hùng giam lỏng tại Bắc Kinh. Năm Khang Hy thứ 16 (1677), Ngô Tam Quế nổi loạn, dựng chiêu bài "Hưng Minh thảo Lỗ". Triều thần đề nghị Khang Hy đem Ngô Ứng Hùng ra để thương lượng với Ngô Tam Quế. Nhà vua không nghe, sai xử trảm Ngô Ứng Hùng và tấn công bình định Vân Nam. Cuộc bạo loạn của Ngô Tam Quế thất bại, nhà Mãn Thanh thu phục Trung Quốc về một mối.

Vụ án Vi Tiểu Bảo phạm tội xâm phạm hoạt động tư pháp

Năm Khang Hy thứ 14 (1676), sau khi bình định xong cuộc chiến tranh biên giới với

người Nga La Tư, Vi Tiểu Bảo được phong tước đệ nhất đẳng Lộc Đỉnh công. Cùng đợt phong với Bảo có Trịnh Khắc Sảng, hàng thần từ Đài Loan về, được phong Hải Trừng công và thầy của Sảng là Phùng Tích Phạm được phong Trung Thành bá. Tại Bắc Kinh, Vi Tiểu Bảo đã liên tục cho người đến đòi nợ Trịnh Khắc Sảng, khiến gia tài của Sảng khánh kiệt.

Ỷ mình có công trạng đánh quân ngoại xâm, cho rằng Sảng chỉ là thứ hàng thần lơ láo, Vi Tiểu Bảo đã nhiều phen mắng nhiếc Sảng. Phùng Tích Phạm bắt buộc phải can thiệp. Lão hăm dâng cáo trạng lên vua Khang Hy tố cáo các hành vi của Vi Tiểu Bảo. Từ đó, Vi Tiểu Bảo nẩy ra ý đồ giết Phùng Tích Phạm.

Bảo ra lệnh cho hai tên chỉ huy đội ngự tiền thị vệ là Trương Khang Niên và Triệu Tề Hiền đưa một toán thị vệ mạo xưng là người của Tiền phong doanh nửa đêm đến nhà của Phùng Tích Phạm, bắt Phạm đưa đi. Bảo dặn họ: “Hai vị đi nửa chừng đường rồi xiềng khoá chân tay lão, dùng vải đen bịt mắt, nhét hột thị vào miệng… Các vị đánh cho lão một trận nhừ đòn, lột hết quần áo”.

Theo lời Bảo, bọn ngự tiền thị vệ đi bắt Phùng Tích Phạm. Phạm có hỏi đi đâu vào lúc nửa khuya, bọn chúng trả lời: “ Có việc quân tình rất gấp ở Đài Loan, cần phải thương nghị”. Chúng dẫn Phùng Tích Phạm về và đánh đập ngay trong phủ Lộc Đình công. Khi Phạm gần chết, chúng lột quần áo rồi lấy chiếu quấn người Phạm lại.

Sáng hôm sau, theo lệnh vua Khang Hy, Vi Tiểu Bảo phải làm quan giám trảm chém Mao Thập Bát, một người quen biết cũ của mình và luôn ủng hộ Thiên Địa hội với chủ thuyết “phản Thanh, phục Minh” chống lại triều đình. Vi Tiểu Bảo đã ra lệnh cho thân binh làm nhà rạp hai ngăn và cho họ 1.000 lạng bạc để tráo Phùng Tích Phạm vào chỗ của Mao Thập Bát. Khi Vi Tiểu ra lệnh chém, đao phủ chỉ chém Phùng Tích Phạm, giấu Mao Thập Bát vào trong nhà rạp. Sau đó, Bảo cho một chiếc xe ngựa tên khâm phạm Mao Thập Bát trốn về Dương Châu. Đồng thờ, Bảo ra lệnh tẩm liệm thi thể Phùng Tích Phạm. Để dàn cảnh mình tiếc thương Mao Thập Bát, bảo đã lấy gừng xoa vào hai mắt cho nước mắt chảy ra, y như là đã khóc. Vua Khang Hy được nghe quân lính báo cáo, cứ tưởng thật là Bảo đã tuân lệnh ra làm giám trảm vụ xử chém Mao Thập Bát…

Công việc vừa xong, vua Khang Hy lại ra lệnh cho tri phủ Thuận Thiên (phụ trách khu vực thành Bắc Kinh) điều tra vụ án Phùng Tích Phạm mất tích. Nhà vua chỉ định Vi Tiểu Bảo chủ trì công việc điều tra và phá án của tri phủ Thuận Thiên. Vợ Phùng Tích Phạm phát đơn kêu nài ở phủ Thuận Thiên, tỏ ra nghi ngờ Vi Tiểu Bảo có liên quan đến cái chết của chồng mình. Trước tình hình đó, Bảo đã lỡ phóng lao đành phải theo lao.

Bảo lại bỏ tiền ra cho mấy tên thân binh rồi dặn dò mật kế. Bảo đưa cả tri phủ Thuận Thiên đến phủ Trung Thành bá, lập công đường ngay trong đại sảnh để thẩm vấn mọi người. Tất cả gia quyến của Phùng Tích Phạm 79 người đều phải có mặt để chịu thẩm

vấn. Tại đây, Vi Tiểu Bảo đã thực hiện một kiểu lấy lời khai rất kỳ khôi, hoàn toàn không có trong hoạt động tư pháp. Bảo lựa một người đẹp nhất là vợ thứ năm của Phùng Tích Phạm tên là Cúc Phương để thầm vấn. Sau khi chớt nhả một hồi, Cúc Phương khai ra được chuyện nữ tỳ tên Lan Hương bỏ trốn cùng tên giữ ngựa Hình Tứ. Bảo ra lệnh thưởng cho Cúc Phương 20 lạng bạc. Cứ như vậy, hễ ai đẹp thì Bảo thưởng tiền; ai xấu thì Bảo chửi cho một trận, choh rằng họ không biết hầu hạ Phùng Bá tước nên bá tước ham chơi đi cả nửa tháng mà chẳng chịu về nhà.

"Lấy lời khai" xong, Bảo cùng tri phủ Thuận Thiên tra xét các nơi trong nhà Phùng Tích Phạm. Đến gian thứ ba ở mé Tây, bọn thân bình tìm ra được một thanh cương đao dính máu. Tri phủ Thuận Thiên xác nhận đây là loại dao cắt cỏ ngựa. Đội trưởng thân binh sai lấy nước đổ xuống mặt đất, dưới gầm giường nơi Hình Tứ nằm ngủ. Nước thấm mau vào đất bày ra một tử thi không đầu đã thối rữa, mặc công phục bá tước. Bảo kêu người nhà Phùng Tích Phạm lại hỏi thì hóa ra đây là nơi ở của Hình Tứ, người đã dẫn nữ tỳ Lan Hương đi trốn. Bảo tiếp tục tra xét và tìm thấy đầu của Phùng Tích Phạm ngay trong tàu ngựa.
Thấy đã tìm ra thi thể của bá tước, người nhà của Phùng Tích Phạm khóc vang. Lòng họ vô cùng cảm kích Lộc Đỉnh công Vi Tiểu Bảo, thầm phục Vi đại nhân phá án nhanh chóng. Tri phủ Thuận Thiên lại càng phục lăn, vội vàng thảo công văn truy nã Hình Tứ và Lan Hương.

Trong bọn đi phá án, chỉ có một tên bộ đầu giàu kinh nghiệm là đem lòng ngờ vực. Trước nay, hắn đã phá hàng trăm vụ án; quan sát, khám nghiệm hàng trăm vết thương. Hắn thấy dấu đao cào cổ của Phùng Tích Phạm rất tề chỉnh, vật chém phải là khoái đao. Loại đao cắt cỏ không thể tạo ra vết chém này.
Hắn lại nhìn thấy đất ở gầm giường còn mới nguyên, chứng tỏ rằng tử thi mới được chôn xuống chứ không phải đã chôn được mười mấy ngày. Nhưng lòng tuy ngờ vực như vậy mà hắn có mười mấy cái miệng cũng không dám nói ra, bởi người chủ trì phá án vụ này là Lộc Đỉnh công Vi Tiểu Bảo, một kẻ thân tín của vua Khang Hy!

Vi Tiểu Bảo cầm công văn của tri phủ Thuận Thiên vào bái kiến nhà vua. Khang Hy xem qua loa các công văn rồi nói: "Vi Tiểu Bảo, bản lãnh phá án của ngươi không phải tầm thường… Ngươi lớn mật làm càn…". Nói cách khác, Khang Hy đã biết Vi Tiểu Bảo giết Phùng Tích Phạm, việc hắn dựng nên vụ Hình Tứ cùng Lan Hương bỏ trốn, tìm thấy cái đầu của Phùng Tích Phạm dưới gầm giường của Hình Tứ chỉ là một trò hề. Tuy nhiên, nhà vua lại không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Vi Tiểu Bảo.

Căn cứ theo tình tiết vụ án, xét theo Bộ luật Hình sự năm 1999 của Việt Nam, Vi Tiểu Bảo đã phạm vào nhóm tội xâm phạm hoạt động tư pháp. Đó là:

1- Lợi dụng chức vụ, quyền hạn đánh tháo người bị kết án về tội xâm phạm an ninh quốc gia bị kết án tử hình, gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng, phạm tội có tổ chức; phạm

vào Khoản 2 Điều 312 tội đánh tháo người đang bị dẫn giải, đang bị xét xử, có mức án từ 5 đến 12 năm tù.

2- Chủ trương cho đám thuộc hạ làm sai lệch toàn bộ hồ sơ vụ án Phùng Tích Phạm bị mất tích, phạm vào Khoản 3 Điều 300 tội làm sai lệch hồ sơ vụ án, có mức án từ 7 đến 15 năm tù.

Tuy nhiên, vào thời Khang Hy nhà Thanh bên Trung Hoa, nhà vua đã tỏ ra dễ dãi với Vi Tiểu Bảo nên Bảo mới thoát được hai tội này. Chúng tôi căn cứ vào Bộ luật Hình sự để buộc tội Vi Tiểu Bảo nhưng lại không tìm ra được gã. Vậy ai thấy Vi Tiểu Bảo ở đâu, xin mách giúp, chỉ giùm.

Bản luận tội Vi Tiểu Bảo

Vi Tiểu Bảo là nhân vật chính trong bộ tiểu thuyết võ hiệp Lộc Đỉnh ký của Kim Dung. Do Hình bộ của triều Khang Hy nhà Thanh bên Tàu đã làm thất lạc hầu hết các hồ sơ, chúng tôi xin mạnh dạn công bố các hành vi tội lỗi của Vi Tiểu Bảo theo Bộ luật Hình sự của Việt Nam để bạn đọc cùng nghị án…

Vi Tiểu Bảo sinh khoảng năm Thuận Trị thứ 13 (tức năm 1656) tại động điếm Lệ Xuân Viện, thành Dương Châu. Mẹ của đương sự là Vi Xuân Hoa, gái làng chơi chuyên nghiệp; cha không rõ, không xác định được thuộc dân tộc Hán, Mãn, Mông, Tạng hay Hồi.

Năm 13 tuổi (1669), Bảo lên Bắc Kinh, lọt vào hoàng cung, giết tiểu thái giám Tiểu Quế Tử rồi mạo xưng mình là Tiểu Quế Tử; kết bạn với ông vua con nít Khang Hy. Nhờ có tài ton hót nịnh nọt và bản thân cũng lập được một số công trạng, Vi Tiểu Bảo lần lượt giữ các chức vụ Tổng quản thái giám Ngự trù phòng; Chánh Hoàng kỳ Đô thống tước phong Ba Đồ Lỗ; Tứ hôn sứ Vân Nam; Đại sứ đặc mệnh toàn quyền xây dựng Trung Liệt từ Dương Châu; Phó trụ trì chùa Thiếu Lâm pháp danh “Hối Minh thiền sư”; Chánh trụ trì chùa Ngũ Đài Sơn; Tư lệnh mặt trận đánh Thần Long đảo ở Liêu Đông; Bá tước kiêm Tư lệnh mặt trận đánh quân La Sát ở miền Đông Bắc; Công tước xứ Lộc Đỉnh (Lộc Đỉnh công).

Trong quá trình công tác, Bảo đã hoạt động gián điệp tới “ba mang”. Y vừa là đại thần của nhà Thanh, song lại giữ một số chức vụ quan trọng trong hai lực lượng tạo phản: Hương chủ Thanh Mộc đường của Thiên Địa hội (phản Thanh phục Minh) đặc trách khu vực Bắc Kinh; kiêm Bạch Long sứ của Thần Long giáo - một giáo phái phản động ở Liêu Đông.

Vợ: gồm 7 mụ, kể theo thứ tự tuổi tác: Tô Thuyên, Trần A Kha, Phương Di, Kiến Ninh, Mộc Kiếm Bình, Tăng Nhu và Song Nhi.

Con: Vi Hổ Đầu (trai, với A Kha), Vi Đồng Truỳ (trai, với Tô Thuyên), Vi Song Song

(gái, với Kiến Ninh).

Trình độ văn hóa: Không biết chữ; chỉ đọc được 4 chữ Nhất, Nhị, Tam và Tiểu (trong cái tên Vi Tiểu Bảo).

Trong 7 năm làm quan, từ năm Khang Hy thứ 7 (1669) đến năm Khang Hy thứ 14 (1676), Vi Tiểu Bảo đã liên tiếp phạm các tội sau:

1- Lúc 14 tuổi, khi mới làm bạn với vua Khang Hy, Bảo quen biết với Kiến Ninh công chúa, 13 tuổi. Lợi dụng khung cảnh cung Khôn Ninh vắng vẻ, Bảo đã cởi áo của công chúa ra, trói cô lại, miệng nói lời tục tĩu và tay thì làm những trò bỉ ổi. Cũng với thủ đoạn này, khi bắt Mộc Kiếm Bình, quân chúa Mộc vương phủ (nhà Minh) Vân Nam Bảo đã sờ sẫm trên thân thể và vẽ hình con rùa lên má nạn nhân. Nếu xét theo Bộ luện Hình sự năm 1999 của Việt Nam, hành vi này của Bảo đã đủ yếu tố cấu thành tội danh dâm ô với trẻ em (quy định tại Điều 116). Tuy nhiên, vì Bảo thực hiện các hành vi trên khi chưa thành niên, chúng tôi đề nghị miễn truy cứu trách nhiệm hình sự.

2- Khi được Khang Hy cử về Dương Châu xây dựng toà Trung liệt từ, Bảo là thủ trưởng của bốn cô gái Tăng Nhu, Phương Di, Mộc Kiếm Bình và Song Nhi. Bảo đã đổ thuốc mê vào rượu cho A Kha và cả Tô Thuyên, vợ của Hồng An Thông – giáo chủ Thần Long giáo, cùng bốn cô thuộc hạ uống. Lợi dụng lúc những người này nửa mê nửa tỉnh, Bảo đã chất họ lên một cái giường lớn, miệng hát bài Thập bát mô và cưỡng dâm cả sáu người phụ nữ này. Theo Bộ luật Hình sự của nước ta, hành vi này của Bảo đã phạm vào điểm c Khoản 2 Điều 113, xứng đáng phạt tù từ 3 đến 10 năm. Tuy nhiên, lúc phạm tội Bảo chưa đủ 16 tuổi. Chúng tôi đề nghị miễn truy cứu trách nhiệm hình sự đối với y.

3- Khi được vua Khang Hy cử đi làm Tứ hôn sứ Vân Nam, đem công chúa Kiến Ninh mới 15 tuổi gả cho Ngô Ứng Hùng- con của Ngô Tam Quế, Vi Tiểu Bảo đã lợi dụng đường xa, dựng lên những hành cung để Kiến Ninh nghỉ ngơi. Bảo đã đuổi hết bọn thị vệ để vào phòng riêng của Kiến Ninh giao cấu nhiều lần với công chúa. Hậu quả nghiêm trọng đã xảy ra: Nạn nhân đã có thai trước khi về làm vợ Ngô Ứng Hùng. Hành vi này của Bảo đã vi phạm Khoản 1 Điều 115 tội giao cấu với trẻ em, có mức án từ 3 đến 10 năm tù.

Với 3 tội danh dâm ô với trẻ em, cưỡng dâm và giao cấu với trẻ em, chúng tôi đề nghị các cơ quan hữu quan thành phố Dương Châu có biện pháp đưa Vi Tiểu Bảo đi trường giáo dưỡng. Tuy nhiên, thời Khang Hy chưa có trường giáo dưỡng nên Vi Tiểu Bảo vẫn không được giáo dục để sửa chữa sai lầm. Do vậy, y vẫn ở yên trong chức vụ và liên tục phạm tội ngày càng nghiêm trọng hơn.

4- Xuất thân tại Lệ Xuân viện, từ thuở nhỏ Vi Tiểu Bảo đã là một chuyên gia trong trò cờ gian bạc lận. Lên Bác Kinh làm quan, Bảo vẫn chứng nào tật nấy, tổ chức đánh bạc và gá bạc. Chỉ với ba con súc sắc có đổ thuỷ ngân, Bảo đã làm cái nhiều sòng bài trong hoàng cung cho bọn thái giám, thị vệ chơi và lột sạch tiền bạc của Ôn Hữu Phương, Ôn

Hữu Đạo, Trương Khang Niên, Triệu Tề Hiền và nhiều nạn nhân khác với số tài sản trên cả trăm vạn lạng bạc. Với hành vi trên, Bảo đã có dấu hiện phạm tội đánh bạc theo Khoản 2 Điều 248 có mức án từ 2 đến 7 năm tù; tội tổ chức đánh bạc, gá bạc có mức án từ 3 đến 10 năm tù.

5- Khi trở thành Bá tước, làm tư lệnh mặt trận vùng Đông Bắc đánh quân La Sát (Nga), Vi Tiểu Bảo chỉ học được ấm ớ mấy tiếng Nga; cỡ như Hà thư ni khắc là món thịt nướng, Hu la là hoan hô, Phục đặc gia tửu là rượu Vodka. Ấy thế mà Bảo vẫn muốn tỏ ra mình là người nghe và nói lưu loát tiếng Nga. Đại sứ của Sa hoàng Nga La Tư trình quốc thư lên vua Khang Hy, đại để quốc thư nói hai nước Trung Quốc và Nga La Tư đời đời giữ tình hoà hiếu thì Vi Tiểu Bảo lại dịch đại ra là: "Bệ hạ văn thành võ đức, nhân nghĩa anh minh, thọ ngang trời đất". Vua Khang Hy và bọn bầy tôi cứ tấm tắc khen ngợi Vi Bá tước giỏi tiếng Nga nhưng ta biết đây là trò bịp mới của Bảo. Bản thân Bảo đã học thuộc lòng bài ca ngợi Hồng giáo chủ của đảo Thần Long và lời y dịch ra chỉ là bài học mà y đã thuộc lòng, không dính dáng gì đến nội dung quốc thư của Sa hoàng cả. Với hành vi trên, Vi Tiều Bảo đã phạm vào Khoản 1 Điều 284 tội giả mạo trong công tác, mức án được quy định từ 1 đến 5 năm tù.

6- Lớn lên từ Lệ Xuân viện, Vi Tiểu Bảo đã tiêm nhiễm nhiều thói hư tật xấu và những trò dâm ô trong kỹ viện. Bài hát mà Bảo chuyên hát là bài Thập bát mô, lời lẽ tục tĩu về thân thể phụ nữ. Vi Tiểu Bảo còn lưu giữ bên mình bức Xuân cung đồ, gồm 4 tấm, vẽ hình phụ nữ khỏa thân và hình nam nữ "quan hệ", để giải trí. Chính Bảo đã dùng bức tranh này cho Tổng quản thị vệ Đa Long coi và tặng cho Đa Long, khiến hắn mất cảnh giác, để bộ thuộc của Bảo để đánh tráo tử tù Mao Thập Bát trốn đi. Hành vi trên của Bảo đã đủ yếu tố cấu thành tội truyền bá văn hoá phẩm đồi truỵ theo Khoản 1 Điều 253.

7- Trong thời gian làm tư lệnh quân Thanh đánh thành Ni Bố Sở của quân Nga, Vi Tiểu Bảo đã đi tiểu vào nước và thúc hối bọn quan quân bắn nước tiểu của mình sang trại quân Nga. Nước tiểu đóng thành tuyết, dù không nhiều nhưng đã để lại mùi xú uế trong không khí vùng Lộc Đỉnh Sơn vốn rất trong lành. hành vi này đã phạm vào Khoản 1 Điều 182 tội gây ô nhiễm không khí, mức án từ 6 tháng đến 3 năm tù.

8- Trong thời gian làm quan dưới triều Khang Hy, Vi Tiểu Bảo đã tham gia Thiên Địa hội với chức danh hương chủ Thanh Mộc đường, phụ trách địa bàn Bắc Kinh. Thiên Địa hội là một tổ chức chính trị-quân sự chống triều Thanh, mưu đồ khôi phục lại nhà Minh. Khi đi công tác về Liêu Đông, Vi Tiểu Bảo lại được kết nạp vào Thần Long giáo, một tà giáo chống phá triều Thanh, giữ chức vụ chưởng kỳ sứ. Chẳng những tham gia hai tổ chức chống đối triều đình, Vi Tiểu Bảo còn tổ chức mạng lưới gián điệp cho Thanh Mộc đường hoạt động ngay tại Bắc Kinh trong phủ bá tước của mình, tổ chức đưa một số nhân vật quan trọng của Thần Long giáo vào làm thuộc hạ dưới trướng mình. Nếu xét theo quan điểm của Thanh triều và vận dụng Bộ luật Hình sự Việt Nam hiện nay, hành vi hoạt

động tình báo, gây cơ sở hoạt động tình váo, cung cấp bí mật cho kẻ thù của Vi Tiểu Bảo đã vi phạm Điều 80 quy định tội gián điệp. Vi Tiểu Bảo phải chịu mức án cao nhất: tử hình.

9- Cũng trong thời gian làm quan, Vi Tiểu Bảo đã giết thái giám Tiểu Quế Tử, Thuỵ Đống, Liễu Yến, Phùng Tích Phạm và một số nhân vật khác. Trường hợp của Đa Long sống lại được sau này nhờ trái tim nằm lệch sang bên phải là ngoài ý thức chủ quan của Vi Tiểu Bảo. Giết người xong, Vi Tiểu Bảo thường dùng một loại chất độc gọi là Hủ cốt tán rắc vào thi thể nạn nhân để thi thể tự tan ra thành nước. Vi Tiểu Bảo đã giết nhiều người, giết người trong lúc người ấy đang thi hành công vụ. Bảo thực hiện hành vi phạm tội một cách man rợ, tái phạm nguy hiểm với nhiều động cơ đê hèn khác nhau. Các hành vi ấy là cực ỳ nghiêm trọng, vi phạm Khoản 1 Điều 93 tội giết người, phải chịu mức án cao nhất: tử hình.

10- Trong suốt quá trình làm quan, Vi Tiểu Bảo đã đòi hối lộ một cách sống sượng. Bảo đã nhận của Bình Tây vương Ngô Tam Quế 500 vạn lạng bạc, một cặp súng lục; nhận của Ngô Ứng Hùng 300 vạn lạng bạc; nhận của Thi Lang một cái tô bằng vàng 24K nặng trên dưới 1Kg; nhận của Trịnh Khắc Sảng trên 200 vạn lạng bạc dưới hình thức “trả nợ” dù Trình Khắc Sảng không mượn Bảo đồng nào; nhận của các quan ở Dương Châu nhiều món quà có giá trị cao; nhận của quân dân đảo Đài Loan trên 600 vạn lạng. Bảo đã dùng số tiền bất chính ấy để đưa hối lộ lại cho bọn tham quan, trong đó có Minh Châu, Sát Nhĩ Châu, Sách Ngạch Đồ, Đổng Quốc Cương, Kiệt Thư, Khang Thân vương, Đa Long; bọn chỉ huy thị vệ Trương Khang Niên, Triệu Tề Hiền… Mỗi người trên đây đã nhận hối lộ của Bảo nhiều lần, mỗi lần như vậy không dưới một vạn lạng bạc. Hành vi ấy của Vi Tiều Bảo đã phạm vào Khoản 4 Điều 279 tội nhận hối lộ và Khoản 4 Điều 289 tội đưa hối lộ. Mức án cao nhất: Tử hình

Tóm lại: Bị can Vi Tiểu Bảo được miễn truy cứu trách nhiệm hình sự về cá tội dâm ô với trẻ em theo Điều 116; cưỡng dâm theo Điều 113. Tuy nhiên. Phải nghiêm khắc trừng phạt bị can về các tội giao cấu với trẻ em theo Điều 115; đánh bạc theo Điều 248; tội tổ chức gá bạc, đánh bạc theo Điều 249; tội giả mạo trong công tác theo Điều 284; tội gián điệp theo Điều 80; tội giết người theo Điều 93; tội gây ô nhiễm không khí theo Điều 182; tội truyền bá văn hóa phẩm đồi truỵ theo Điều 253; tội nhận hối lộ theo Điều 297; và tội đưa hối lộ theo Điều 289.
Một nhân vật như Vi Tiểu Bảo rất nguy hiểm cho xã hội; cần phải loại trừ vĩnh viễn y ra khỏi cuộc sống bằng bản án nghiêm khác nhất để tạo tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung. Chúng tôi đề nghị tổng hợp hình phạt: Tử hình, tịch thu toàn bộ tài sản sung công quỹ.

Tuy nhiên, vua Khang Hy đã mất cảnh giác, để cho Vi Tiểu Bảo có cơ hội dẫn cả vợ lớn vợ bé và đàn con nhút nhít, chở hết của cải cùng đi trốn. Trách nhiệm ấy thuộc về

Khang Hy, và trách nhiệm cao nhất là của… tác giả Kim Dung, chứ không thuộc về… chúng tôi!

Bản luận tội Nhạc Bất Quần

Kính thưa hội đồng xét xử,

Hôm nay, phiên toà nhóm tại đây để xét xử một tên trọng phạm lớn là Nhạc Bất Quần trong bộ tiểu thuyết võ hiệp Tiếu ngạo giang hồ của Kim Dung. Thay mặt Viện Kiểm sát, tôi xin đọc phần luận tội về bị cáo Quần.

Nhạc Bất Quần là chưởng môn phái Hoa Sơn, có ngoại hiệu là Quân tử kiếm. Thật ra cái ngoại hiệu ấy chỉ là một dạng hình dung từ để diễn tả biểu hiện bề ngoài nho nhã, khiêm tốn của bị cáo Quần. Ở bề trong và đặc biệt là qua tất cả những hành vi gây án của bị cáo, những tác hại nghiêm trọng mà bị cáo đã thực hiện đối với đồng đạo võ lâm, bị cáo chỉ là một kẻ nguỵ quân tử, một thứ quân tử giả mạo. Mà đại phàm lại hàng giả mạo thì nguy hiểm gấp nhiều lần so với hàng thật. Do vậy, theo quan điểm của chúng tôi, nguỵ quân tử nguy hiểm gấp nhiều lần so với chân tiểu nhân.

Khi đang đảm nhiệm chức vụ chưởng môn, qua báo cáo của một tên đệ tử là Lao Đức Nặc, Nhạc Bất Quần đã hiểu được phái Thanh Thành có âm mưu chiếm đoạt bộ Tịch tà kiếm phổ của dòng họ Lâm ở Phúc Châu, Phúc Kiến. Cho nên khi phái Thanh Thành xuống Phúc Châu, Nhạc Bất Quần đã sớm cho Lao Đức Nặc cùng con gái là Nhạc Linh San đến trước, sang lại một tiệm rượu nhằm mục đích dòm dỏ động tĩnh của phái Thanh Thành. Phái Thanh Thành thực hiện âm mưu chiếm đoạt Tịch tà kiếm phổ của họ Lâm một cách thô thiển, còn Nhạc Bất Quần thì thực hiện âm mưu này một cách tinh vi, thâm độc hơn. Nhạc Bất Quần chỉ đợi phái Thanh Thành chiếm được Tịch tà kiếm phổ là y ra tay cướp giật ngay. Nói chung, ban đầu thì y chỉ muốn cướp của một thằng ăn cướp.

Thế nhưng, phái Thanh Thành không tìm ra được kiếm phổ. Người tìm ra kiếm phổ lại chính là Lệnh Hồ Xung, đại đệ tử của bị cáo Quần. Trong lúc Lệnh Hồ Xung ngất xỉu, bị cáo Quần đã lấy kiếm phổ trong người đệ tử mình, đem cất giấu để rồi sau đó “dẫn đao tự cung” để luyện Tịch tà kiếm phổ! Hành vi thâm độc đó đã đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản theo Khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự.

Để đánh lạc hướng những kẻ cùng nuôi âm mưu như mình, Nhạc Bất Quần loan tin trên giang hồ rằng Lệnh Hồ Xung kết giao với tà ma, định mượn tay những người chính phái trừ khử Lệnh Hồ Xung. Nguy hiểm hơn, Quần cho đệ tử của mình rình rập Lệnh Hồ Xung khi thấy kiếm pháp của Lệnh Hồ Xung phát triển vượt bậc để các đệ tử nghi ngờ rằng Lệnh Hồ Xung đã “nuốt” Tịch tà kiếm phổ. Thực ra là, theo công tác phúc tra của Viện chúng tôi, đối chiếu với lời khai các nhân chứng có trong hồ sơ vụ án, gã Lệnh Hồ Xung này chỉ học Độc Cô cửu kiếm do thái sư thúc tổ phái Hoa Sơn là Phong Thanh

Dương truyền dạy. Tịch tà kiếm phổ mà đem so với Độc Cô cửu kiếm thì chẳng khác gì đem nhạc sến so với nhạc cổ điển, đem gái bia ôm so với gái gọi trong đường dây cao cấp mà báo chí làm rùm beng mấy bữa nay. Bị cáo Nhạc Bất Quần còn gửi thư công khai đến chưởng môn các môn phái kể tội Lệnh Hồ Xung, lời lẽ tuy rất mực khiêm nhường nhưng bộc lộ dã tâm hết sức đen tối. Hồ sơ vụ án còn lưu một bản thủ bút của y gửi đồng chí chưởng môn phái Thiếu Lâm là Phương Chứng đại sư. Trong thư, y kêu gọi phái Thiếu Lâm ra tay tru diệt Lệnh Hồ Xung vì Lệnh Hồ Xung đã kết giao với tà mà ngoại đạo. Bị cáo Quần đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn của một chưởng môn, lại vu khống Lệnh Hồ Xung phạm tội đặc biệt nghiêm trọng. Hành vi của y đã đủ yếu tố cấu thành tội danh vu khống theo Khoản 2 Điều 122 Bộ luật Hình sự. Lệnh Hồ Xung không bị đồng đạo giang hồ giết chết là ngoài ý muốn chủ quan của bị cáo.

Không dừng lại ở đó, Nhạc Bất Quần đã liên tiếp thực hiện những hành vi gây án đê hèn, man rợ hơn. Khi Lâm Bình Chi, đứa con duy nhất của dòng họ Lâm ở Phúc Châu và là đệ tử của bị cáo Quần, biết được bị cáo đã lấy được Tịch tà kiếm phổ của tổ tiên mình thì bị cáo đã đâm Lâm Bình Chi một nhát kiếm chí mạng. Ngay lúc đó, một đệ tử khác của bị cáo là Cao Căn Minh chứng kiến được cảnh thầy giết trò, lỡ miệng la lên một tiếng; bị cáo đã xoay kiếm lại, giết nhân chứng Cao Căn Minh. Nhờ đó mà Lâm Bình Chi thoát chết. Lời khai của nhân chứng Lâm Bình Chi trước phiên toà hôm nay hoàn toàn phù hợp với lời khai của vợ bị cáo là Ninh Trung Tắc và con gái của bị cáo là Nhạc Linh San trước khi họ qua đời, có cơ sở để tin cậy. Mặc dù bị cáo ngoan cố phản cung, khai rằng không biết ai đã giết Cao Căn Minh và đâm Lâm Bình Chi nhưng chúng tôi vẫn đủ cơ sở để khẳng định bị cáo Quần phạm tội giết người theo Khoản 1 Điều 93 Bộ luật Hình sự. hành vi giết người của bị cáo Quần phạm vào Tiết a (giết nhiều người), Tiết g (để thực hiện hoặc che dấu tội phạm khác), Tiết i (thực hiện tội phạm một cách man rợ), Tiết q (động cơ đê hèn). Tôi đền nghị Hội đồng xét xử đặc biệt quan tâm đến hành vi phạm tội này của bị cáo Quần bởi hành vi này đã khái quát được bản chất nguỵ quân tử của bị cáo.

Vượt xa hơn nữa, Nhạc Bất Quần đã giết hai vị sư thái Định Nhàn và Định Tĩnh của phái Hằng Sơn ngay tronng hậu viện chùa Thiếu Lâm. Hai vị sư thái đã chết, không còn ai đối chứng nhưng nhân chứng Nhậm Doanh Doanh đã từng cởi áo hai vị sư thái quan sát vết thương, đã cho biết vết thương rất nhỏ, đâm trúng vào tim mạch. Loại vết thương này chỉ có thể xuất phát từ hung khí gây án là cây kim thêu. Mà đại phàm ai luyện được Tịch tà kiếm phổ thì mới dùng được kim thêu để gây án. Cho nên chúng tôi thấy đã đủ cơ sở kết luận Nhạc Bất Quần giết hai vị sư thái này.

Khi phái Hằng Sơn họp hội nghị tấn phong chưởng môn mới, bị cáo Nhạc Bất Quần đã sử dụng thuốc mê, bắt hết toàn bộ nữ đệ tử của phái này đem về giam giữ dưới các hang động trên núi Hoa Sơn. Mục đích của bị cáo là làm cho chưởng môn mới của phái Hằng Sơn phải đầu hàng, làm tay sai cho bị cáo để bị cáo yên tâm làm chưởng môn Ngũ Nhạc phái. Điều may mắn là trong bọn nữ đệ tử phái Hằng Sơn, ngoài các nữ ni ra còn có

đệ tử tục gia. Các nữ đệ tử tục gia này vẫn được phép dùng son phấn, nước hoa. Họ là khách hàng quen thuộc của các hãng Sài Gòn mỹ phẩm, Lancôme, P&G, De Bon… Và trong đám nam đệ tử phái Hằng Sơn có Điền Bá Quang, một nhân vật có cái mũi thần kỳ, đứng xa ba ngàn thước vẫn đánh hơi được mùi mỹ phẩm. Nhờ kỹ năng đặc biệt này, Điền Bá Quang đã hít hơi, tìm và cứu được mấy trăm nữ đệ tử phái Hằng Sơn bị giam dưới các hang động. Hành vi bắt, giữ và giam người trái pháp luật của bị cáo Nhạc Bất Quần là có tổ chức, phạm tội đối với nhiều người, xúc phạm nghiêm trọng đến phẩm giá cao quý của nggười phụ nữ, đặc biệt là đối với các ni cô; gây thiệt hại nghiêm trọng về kinh tế đối với các hãng mỹ phẩm. Hành vi ấy đã phạm vào tội bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật được quy định tại Khoản 2 Điều 123 Bộ luật Hình sự.

Thưa Hội đồng xét xử,

Nhạc Bất Quần đã phạm các tội trộm cắp tài sản theo Khoản 2 Điều 138 có mức án từ 2 đến 7 năm tù; tội vu khống theo Khoản 2 Điều 122 có mức án từ 1 đến 7 năm tù; tội giết người theo Khoản 1 Điều 193 có mức án tử hình; tội bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật theo Khoản 2 Điều 123 có mức án từ 1 đến 5 năm tù. Chúng tôi đề nghị mức án tổng hợp tử hình đối với bị cáo Nhạc Bất Quần về cả bốn tội danh trên.

Xin cảm ơn Hội đồng xét xử.

Bản luận tội Nhất Đăng đại sư

Kính thưa Hội đồng xét xử,

Bị cáo Nhất Đăng là một nhân vật... trong bộ tiểu thuyết Xạ điêu anh hùng truyện. Nhất Đăng chỉ là pháp hiệu, tên thật của bị cáo là Đoàn Trí Hưng, nghề nghiệp: hoàng đế nước Đại Lý; địa chỉ thường trú: thành phố Côn Minh, tỉnh Vân Nam, Trung Quốc ngày nay. Bị cáo Nhất Đăng đã từng được nhà văn Kim Dung xếp vào Võ lâm ngũ bá (5 ông trùm của võ lâm) cùng với Vương Trùng Dương (giáo chủ phái Toàn Chân), Hồng Thất Công (bang chủ Cái bang), Âu Dương Phong (chưởng môn Bạch Đà Sơn) và Hoàng Dược Sư (đảo chủ Đào Hoa đảo).

Tống Thái tổ Triệu Khuông Dẫn lên ngôi làm vua ở Trung Quốc, mở ra nhà Đại Tống, đóng đô ở Biện Kinh, tức phủ Khai Phong từ năm 960. Họ Đoàn lên ngôi vua ở Côn Minh, mở ra nước Đại Lý trước Triệu Khuông Dẫn 23 năm, tức từ năm 937. Đại Lý là một quốc gia độc lập ở phía Tây nam Trung Quốc, coi Phật giáo là quốc giáo. Các vua nước Đại Lý sùng mộ Phật giáo, tính đến Nhất Đăng thì trong 18 đời đã có 7 vị xuất gia làm sư. Bị cáo Nhất Đăng là đời vua thứ 18 của nước Đại Lý nhưng động cơ xuất gia của bị cáo không phải là do sùng mộ Phại giáo mà nên. Bị cáo xuất gia là để tránh một sự trả thù và đồng thời cũng để tỏ lòng ăn năn hối hận về những hành vi phạm pháp luật mà bị cáo đã gây ra trước đó. Hồ sơ vụ án do Kim Dung xây dựng đã thể hiện rõ lời nhận tội của bị

cáo: “Ta tạo phúc cho trăm họ thì ít mà gây ra tội nghiệt thì nhiều”. Cần nhớ rằng bị cáo nhận tội ngay trong bản cung đầu tiên, trạng thái tinh thần hoàn toàn sáng suốt, không hề bị cán bộ điều tra dùng nhục hình, bức cung, dụ cung.

Có thể nói khi còn là hoàng đế nước Đại Lý, bị cáo Nhất Đăng là con người lý tưởng, biết giữ cho quốc gia một nền hoà bình bền vững, biết chăm lo cơm áo cho trăm họ. Bản thân bị cáo cũng là tôn sư của một võ phái, là một đại hành gia với tuyệt kỹ Nhất dương chỉ. Võ công của bị cáo cao cường đến nỗi một chỉ (ngón tay) phóng ra có thể là tan bia vỡ đá, huống chi nói tới tấm thân huyết nhục của con người. Bản lĩnh của bị cáo thật khiến cho người ta kinh hãi: “Ngón tay phóng ra co vào như ý muốn; cánh tay cử động ung dung khoáng dật, điểm vào 36 đại huyệt với 36 thủ pháp khác nhau”. Rồi có khi: “Nhà sư đi như rồng, bước như cọp, cánh tay rung rung như chuồn chuồn điểm thủy”. Phòng cách võ công của bị cáo là phong cách võ công của một bậc đại vương giả, người thường ít ai có được. Một người như bị cáo tưởng đã có thể an tâm là vua nước Đại Lý lâu dài, tiếp tục tạo phúc cho trăm họ, tiếp tục làm một thế lực đối trọng chống kẻ tà ác để góp phần duy trì công đạo cho võ lâm. Ấy thế mà bị cáo đã phạm tội đến nỗi phải đào nhiệm, bỏ trốn khỏi nơi cu trú, dẫn một số quan chức thân cận về huyện Đào Nguyên, Giang Nam, Trung Quốc rồi xuống tóc đi tu.

Đại Lý là một nước nhỏ; họ Đoàn làm vua thường chủ trương kiệm ước, khác hẳn cách sống hưởng thụ xa hoa, truỵ lạc của các vua nhà Đại tống. Các vua Đại Lý không tổ chức ra tam cung lục viện; hàng năm cũng không tuyển thêm các hoa hậu, hoa khôi, người mẫu, thiếu nữ thanh lịch để bổ sung vào đội ngũ phi tần, cung nữ. Tuy vậy, bị cáo Nhất Đăng, tức Đoàn Trí Hưng, vẫn là vua nên ngoài hoàng hậu chánh cung còn có thêm một số thứ phi khác. Trong đội ngũ phi tần ấy, có Lưu phi, tên thật là Lưu Anh Cô, 19 tuổi, thật sự là một đại hoa hậu.
Lưu Anh Cô hiếu võ, thường mong muốn được bị cáo dạy cho những môn võ công độc đáo. Ban đầu thì bị cáo có dạy cho Lưu Anh Cô vài ba chiêu thức nhưng sau đó việc dạy dỗ trở nên lơ là, thậm chí nghĩa vụ chăn gối cũng thực hiện không xong. Theo bị cáo, tình hình tồi tệ đó xảy ra là do bị cáo phải tiếp giáo chủ Toàn Chân giáo Vương Trung Dương đang sang thăm và làm việc với bị cáo để trao đổi võ công thượng thừa.

Đi theo Vương Trùng Đương có gã sư đệ tên Châu Bá Thông, ngoạ hiệu là Lão ngoan đồng, tâm tính hồn nhiên, con người hiếu động, chỉ thích giỡn chơi. Lưu Anh Cô gặp Châu Bá Thông, đề nghị gã này dạy cho cô phép điểm huyệt. Thế nhưng đại phàm phép điểm huyệt là ít nhất phải đưa ra một ngón tay để đụng chạm vào da thịt của người khác. Mà những huyệt đạo trên thân thể con người lại nằm ở những vị trí rất ác hại: huyệt Mi tâm nằm giữa hai lông mày, huyệt Đản trung nằm giữa ngực, huyệt Đan điền nằm dưới lỗ rún mấy phân tây... Từ điểm huyệt, Châu Bá Thông và Lưu Anh Cô đã thực hiện chuyện “điểm” nhau ngay trong cung cấm. Bị cáo Nhất Đăng có biết rõ việc ấy. Đó là việc xảy ra trong hoàng cung, bị cáo đang làm vua và làm chủ nhà. Chuyện bị cáo phản cung, cho

rằng mình không biết chuyện quan hệ giữa Châu Bá Thông và Lưu Anh Cô là không có cơ sở để tin cậy.

Lưu Anh Cô có thai với Châu Bá Thông. Vương Trùng Dương giận lắm, muốn trừng phạt gã sư đệ lỗ mãng dã dám động chạm đến ái phi của ông bạn quý. Song bị cáo Nhất Đăng chính thức tuyên bố cho phép Lưu Anh Cô được lấy Châu Bá Thông, hai người phải nên duyên nợ vợ chồng. Lúc này thì Châu Bá Thông giở quẻ. Đương sự tâu rõ với bị cáo rằng đương sự gây ra lầm lỗi, bị cáo muốn giết đương sự cũng được nhưng đừng bắt buộc đương sự phải làm chồng Lưu Anh Cô. Rồi đương sự... chạy trốn khỏi chốn hoàng cung nước Đại Lý. Từ đó, bị cáo không nhìn đến Lưu Anh Cô nữa.

Hai năm sau, một đêm, Lưu Anh Cô chợt xuất hiện, bồng đứa con trên tay đến nhờ bị cáo Nhất Đăng cứu mạng. Nguyên đứa con của cô bị một cao thủ nào đó đánh trọng thương nhưng đứa bé không chết. Hành vi cố ý gây thương tích này có ý đồ rõ ràng: kẻ gây án muốn bị cáo Nhất Đăng sử dụng Nhất dương chỉ để cứu mạng cho đứa bé, khiến cho bị cáo tiêu hao công lực để kẻ thù ra mặt thách đấu.

Ban đầu, bị cáo nhận cứu giúp đứa con riêng của Lưu Anh Cô. Nhưng khi giở tấm khăn bọc đứa bé ra, bị cáo nhìn thấy chiếc yếm đứa bé đang đeo chính là tấm khăn gấm thêu đôi uyên ương và những câu thơ do Lưu Anh Cô tặng Châu Bá Thông thì ngẩn người ra. Hồ sơ vụ án không thể hiện rõ bị cáo có nổi lòng ghen tức hay không, nhưng có ghi lại một câu mà bị cáo đã nói: “Con của các ngươi sinh ra thì tại sao ta phải hao tổn tinh lực để cứu?”. Lưu Anh Cô quỳ lại bị cáo, nguyện tự xử lấy mình để bị cáo ra tay cứu mạng cho đứa bé nhưng bị cáo vẫn không chịu cứu giúp. Chỉ trong một đêm mà mái tóc xanh của Lưu Anh Cô đã trở nên bạc trắng. Bị cáo nhìn rõ mọi diễn biến đo trên mái tóc của Lưu Anh Cô nhưng y vẫn không chịu cứu đứa bé. Trong lúc quẫn trí, Lưu Anh Cô điên cuồng cất tiếng hát ru con rồi dùng lưỡi truỷ thủ mang trong người giết chết đứa bé rồi bỏ hoàng cung ra đi.

Đứa bé ấy là con của Lưu Anh Cô và Châu Bá Thông. Thế nhưng trên phương diện pháp luật, Lưu Anh Cô vẫn là vợ của bị cáo bởi trong hồ sơ vụ án không có một chứng cứ nào chứng minh rằng bị cáo và Lưu Anh Cô đã ly dị; bị cáo không còn nghĩa vụ làm chống đối với Lưu Anh Cô. Lưu Anh Cô lại sinh đứa bé ra ngay trong hoàng cung nên trên danh nghĩa, đứa bé ấy vẫn là con của bị cáo, trừ trường hợp bị cáo xuất trình được... biên bản xét nghiệm ADN chứng minh đứa bé không mang những đặc điểm di truyền của bị cáo. Mà dù đứa bé ấy là con của một người nào đó thì bị cáo vẫn phải có nghĩa vụ cứu giúp nạn nhân bởi bị cáo có công phu Nhất dương chỉ, tức là có khả năng và điều kiện cứu giúp nạn nhân.

Nếu xét theo... pháp luật Việt Nam ngày nay, hành vi từ chối cứu người của bị cáo Nhất Đăng đã phạm vào tội không cứu người đang ở trong tình trạng nguy hiểm đến tính mạng, được quy định rõ tại Tiết b Khoản 2 Điều 102 Bộ luật Hình sự năm 1999 “Người không cứu giúp là người mà theo pháp luật hay nghề nghiệp có nghĩa vụ phải cứu giúp.”, có khung hình phạt từ 1 đến 5 năm tù.

Ở đây, chúng tôi xin lưu ý Hội đồng xét xử một điều là bị cáo Nhất Đăng có trình độ văn hóa cao, có hiểu biết pháp luật sâu rộng. Nạn nhân trong trường hợp cụ thể này là một hài nhi. Cho nên hành vi phạm tội của Nhất Đăng không có một tình tiết nào có thể được gọi là giảm nhẹ. Từ những điều đã trình bày trên, cần có một bản án thích hợp với hành vi gây án của bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định nhằm giáo dục bị cáo và góp phần răn đe giáo dục chung. Tôi đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt bị cáo Nhất Đăng, tức Đoàn Trí Hưng mức án 5 năm tù giam, cấm bị cáo đảm nhiệm chức vụ hoàng đế nước Đại Lý vĩnh viễn.
Xin cám ơn Hội đồng xét xử.

Báo cáo về việc đình chỉ điều tra vụ án Tiểu Long Nữ

Trong thời gian qua, dư luận xã hội và dư luận của các bạn đọc bộ tiểu thuyết Thần điêu hiệp lữ đặc biệt quan tâm đến trường hợp Tiểu Long Nữ bị hiếp dâm. Cơ quan điều tra của chúng tôi đã nhận được đơn khiếu nại của đương sự.
Tiểu Long Nữ là một cô gái 18 tuổi, chưởng môn phái Cổ Mộ Đài, học trò của Lâm Triều Anh. Sư phụ của đương sự trước đây có tình cảm với Vương Trùng Dương, chưởng môn phái Toàn Chân. Cả hai phái Toàn Chân và Cổ Mộ Đài cùng đóng ở chân núi Chung Nam cho nên đệ tử của hai phái là hàng xóm với nhau. Các báo cáo của Công an huyện và Công an xã ghi nhận: tuy là hàng xóm nhưng giữa hai phái đã xảy ra những việc xích mích, thậm chí đánh nhau bằng vũ khí. Nhận thấy đây là hai võ phái thuộc hệ thống võ lâm Trung Nguyên, hơn nữa hậu quả của các lần xung đột không nghiêm trọng, địa phương đã có ý kiến giáo dục, hoà giải đôi bên; chưa đến mức phải xử phạt hành chính. Mọi việc chỉ thực sự nghiêm trọng khi có tên Dương Qua và tu chung với Tiểu Long Nữ trong Cổ Mộ Đài.

Dương Qua, còn gọi là Quá (lỗi lầm), là một thiếu niên mới 16 tuổi, cha là Dương Khang (đã chết), mẹ là Mục Niệm Từ (đã chết). Theo các hồ sơ còn lưu trữ tại cơ quan điều tra thì trước đây, Dương Khang đã từng nhận tên giặc Kim là Định Nam vương Hoàn Nhan Hồng Liệt làm cha, từng gây nhiều nợ máu với nhân dân các tỉnh Đông - Bắc Trung Quốc. Dương Khang lấy Kim tịch là Hoàn Nhan Khang, tính tình khắc bạc và dâm đãng. Việc y có con với Mục Niệm Từ là ngoài ý muốn của y. Sinh ra đứa con, Mục Niệm Từ mới đặt tên con là Dương Quá theo ý của đức Khổng Tử dạy: *“Hữu quá tắc cải”* (có lỗi thì phải sửa). Bà Từ cho rằng việc Dương Khang nhận giặc làm cha là lỗi lầm lớn nhất và hy vọng đứa con sẽ sửa được lỗi lầm của cha.

Dương Qua lớn lên, học tạp nhạp rất nhiều món võ công (của Hồng Thất Công, Hoàng Dung, Quách Tĩnh...). Đặc biệt là y tôn Âu Dương Phong, một ma đầu, trang chủ Bạch Đà Sơn trang ở Tây Vực, nhận y làm cha nuôi (dưỡng phụ). Sau đó, y sinh sự và đánh nhau với bọn đệ tử phái Toàn Chân. Bị người của phái Toàn Chân đuổi đánh, y chạy trốn

vào Cổ Mộ Đài, được Tiểu Long Nữ ra tay cứu giúp. Tiểu Long Nữ có nuôi một bầy ong độc, thả bầy ong ra tập kích đệ tử phái Toàn Chân; nhờ đó mà Dương Qua mới trốn thoát. Cơ quan Cảnh sát điều tra chúng tôi nhận định rằng chính vụ việc này là nguyên nhân dẫn đến vụ án sau này.

Theo lới khai của Tiều Long Nữ trước cơ quan điều tra thì có một lần cô tự ý thoát y ở một chỗ vắng vẻ để luyện môn võ công Ngạc nữ tâm kinh, đã bị một người đàn ông nào đó điểm huyệt từ phía sau và thực hiện hành vi đồi bại. Cũng theo lời khai của cô, trong lúc thực hiện hành vi này, kẻ gây án đã lấy áo của cô che mặt cô lại nên cô không xác định được kẻ gây án là ai. Đương sự cũng cho biết, ban đầu cô nghĩ đó là Dương Qua, đứa học trò chỉ thua cô 2 tuổi. Cô khai đã bóng gió điều tra tên học trò này nhiều lần nhưng y không tỏ vẻ gì là tha thiết với cô về mặt quan hệ sinh lý. Mà theo cô, trên đời này chỉ có Dương Qua mới là kẻ thực hiện hành vi đồi bại đó, bởi hôm ấy chỉ có y mới biết cô đang luyện công phu Ngọc nữ tâm kinh và công phu này cần phải thoát y thì mới luyện thành. Về sau này, một số “chưởng môn” khác như Brigitte Bardot, Jennifer Aniston, Marilyn Monroe, Sophia Loren, Kim Bassinger... cũng thường xuyên thoát y luyện môn này nhưng không thành công. Một là vì họ luyện ở chỗ đông người, hai là họ luyện mà không có tâm pháp, ba là họ luyện lâu quá khiến các ông chụp hình thoải mái, thành ra trò cười của thiên hạ. Nói chung, Tiểu Long Nữ nghi ngờ Dương Qua chính là kẻ gây án.

Cơ quan điều tra đã triệu tập Dương Qua đến làm việc. Dương Qua khai ngày ấy, chính y đã biết Tiểu Long Nữ luyện Ngọc nữ tâm kinh. Y vâng lời dạy của sư phụ nên ngồi rất xa sư phụ và hoàn toàn không biết việc gì đã xảy ra. Lời khai của y có vể thành thật. Cơ quan điều tra đã xác minh đầy đủ giờ giấc của Dương Qua và thấy rằng không có khoảng thời gian nào bất minh để có thể kết luận y là kẻ gây án. Cơ quan điều tra thấy không đủ cơ sở để buộc tội Dương Qua.

Cơ quan điều tra cũng đã triệu tập tên Doãn Chí Bình đến làm việc. Bình là người phái Toàn Chân, đệ tử của đạo sĩ Khưu Xứ Cơ. Bình khai sáng hôm ấy, y quét tước, dọn dẹp trong sơn môn; không hề ra sau núi, cũng không dám bước sang ranh giới của phái Cổ Mộ Đài nên Bình không hề hay biết gì về sự việc xảy ra xung quanh núi. Tên đạo sĩ lời khai khá hồ đồ, quanh co nhưng cơ quan điều tra không tìm được yếu tố buộc tội nên đã thả y ra.

Tại sao cơ quan điều tra không tìm được yếu tố buộc tội? Đó là do đương sự Tiểu Long Nữ phản ánh mọi sự việc với cơ quan điều tra quá chậm. Trong thâm tâm, đương sự cho rằng kẻ thực hiện hành vi ấy là Dương Qua, người mà đương sự thầm yêu trộm nhớ. Mãi đến 3 tháng sau, khi hiểu ra rằng nhận định đó là sai lầm, Tiểu Long Nữ mới nộp đơn để nghị khởi tố vụ án với cơ quan điều tra. Nếu đương sự đề nghị khởi tố ngay trong ngày hôm ấy thì chúng tôi đã có thể lấy mẫu, trưng cầu xét nghiệm ADN và đã có thể tìm ra thủ phạm.

Sau đó hơn một năm, Doãn Chí Bình và một đồng môn khác là Triệu Chí Kính đánh nhau. Triệu Chí Kính có tố cáo Bình là kẻ đã thực hiện hành vi đồi bại với Tiểu Long Nữ. Dư luận nhân dân ở núi Chung Nam đã phản ánh điều đó với chúng tôi và chúng tôi đã mời Triệu Chí Kính lên làm việc. Kính khai rằng y có biết Doãn Chí Bình đã thực hiện hành vi ấy với Tiểu Long Nữ nhưng khi cơ quan điều tra hỏi y có trực tiếp chứng kiến không thì Kính trả lời là không. Bởi giữa Bình và Kính đang có sự tranh chấp về quyền lợi, địa vị nên cơ quan điều tra rất thận trọng, không loại trừ khả năng Kính thù ghét Bình mà đưa ra dư luận bất lợi cho Bình. Tuy nhiên, cơ quan điều tra cũng tống đạt lệnh triệu tập đến Doãn Chí bình lần thứ hai. Đại diện phái Toàn Chân cho biết Bình đã đi xa, không rõ nơi nào và không rõ ngày nào về. Có nguồn tin khác cho biết là Bình tham gia lực lượng đánh quân Mông Cổ.

Vụ án kéo dài 3 năm; cơ quan điều tra của chúng tôi cũng đã làm hết sức mình trong phạm vi cho phép của pháp luật nhưng không tìm ra thủ phạm. Tang chứng, vật chứng của vụ án không còn: hiện trường cũng đã thay đổi quá nhiều. Người bị hại Tiểu Long Nữ cùng học trò cô là Dương Qua đã bỏ Cổ Mộ Đài ra đi. Căn cứ vào Điều 139 Bộ luật Tố tụng Hình sự, cơ quan điều tra đã ra quyết định đình chỉ điều tra vụ án. Nếu có được chứng cứ xác thực, đáng tin cậy, chúng tôi sẽ phục hồi điều tra vụ án. Vậy xin báo cáo để các cơ quan hữu quan rõ.

Kết luận điều tra về hành vi phạm tội của Chu Chỉ Nhược

Họ và tên bị can: Chu Chỉ Nhược

Tên khác: Không có

Trình độ văn hoá: Biết đọc biết viết, tinh thông Dịch kinh

Tôn giáo: Phật giáo

Hoàn cảnh gia đình: Độc thân

Nghề nghiệp: chưởng môn phái Nga My

Căn cứ vào Bộ luật Hình sự nước CHXHCN Việt Nam năm 1999, cơ quan điều tra đề nghị truy tố bị can Chu Chỉ Nhược về các tội danh “giết người” (Điều 93), ”giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh” (Điều 95), “trộm cắp tài sản” (Điều 138), “cố ý làm hư hỏng tài sản” (Điều 143). Trên cơ sở điều tra, cơ quan điều tra kết luận như sau:

Bị can Chu Chỉ Nhược là con gái của người thuyền chài không rõ tên trên sông Hán Thủy. Trong lần đào thoát của Thường Ngộ Xuân và Chu công tử, con trai của Chu Tử Vượng; cha của bị can bị quân Nguyên (Mông Cổ) bắn chết. Thường Ngộ Xuân nguyên là

bộ tướng của Chu Tử Vượng, một người trong lực lượng Minh giáo tham gia khởi nghĩa chống quân Nguyên ở Hoài Tứ. Khi cuộc khởi nghĩa bị đàn áp, Chu Tử Vượng bị giết, Thường Ngộ Xuân cùng con trai của Chu Tử Vượng bị quân Mông Cổ truy sát trên dòng sông Hoài Thuỷ, làm chết Chu công tử và cha của bị can. May là lúc đó Trương Tam Phong, chưởng môn phái Võ Đang, cùng đồ tôn là Trương Vô Kỵ đang trên đường từ chùa Thiếu Lâm về, đã đánh tan quan binh truy sát, cứu mạng Thường Ngộ Xuân và Chu Chỉ Nhược.
Lúc bấy giờ, Trương Vô Kỵ mới 10 tuổi và Chu Chỉ Nhược mới 8 tuổi nhưng đã quyến luyến nhau. Trương Vô Kỵ gặp bệnh hiểm nghèo sắp chết nhưng Nhược đã làm quen, đút cơm cho Vô Kỵ ăn, an ủi Vô Kỵ. Trước tình cảnh đó, Thường Ngộ Xuân đưa ra một điều kiện: Xuân sẽ đưa Vô Kỵ đi gặp bác sĩ giỏi để chữa bệnh; ngược lại Trương Tam Phong sẽ bảo bọc cho Chu Chỉ Nhược. Hai bên đã đồng ý.
Sau khi về núi Võ Đang, Chu Chỉ Nhược được Trương Tam Phong gửi làm đệ tử tục gia của Diệt Tuyệt sư thái, chưởng môn phái Phật giáo Nga My. Tại đây, y thị tu học trên 10 năm, trở thành một vị cô nương xinh đẹp, võ công cao cường. Khi Diệt Tuyệt sư thái sắp qua đời, có di ngôn cho Chu Chỉ Nhược kế tục đảm nhiệm chức vụ chưởng môn phái Nga My. Cũng trong thời gian đó, Trương Vô Kỵ bị lưu lạc sang Tây Vực, nhờ may mắn mà tự chữa được bệnh và tu tập được võ công cao cường, cứu được bọn quần hùng Minh giáo (Bái hỏa giáo Trung Quốc), được tôn xưng giáo chủ Minh giáo. Xa nhau hơn 10 năm, cả hai gặp lại nhau trên đỉnh Quang Minh, dãy Thiên Sơn tại Tây Vực.

Trong lúc truy tìm và giải cứu cha nuôi là Tạ Tốn đang bị Kim Hoa bà bà giam lỏng tại Linh Xà đảo, Vô Kỵ tình cờ gặp lại Chu Chỉ Nhược và Hân Ly (em họ của Vô Kỵ). Cùng đi với Vô Kỵ có Triệu Mẫn (tên thật là Mẫn Mẫn Đặc Mục Nhĩ, Thiệu Mẫn quận chúa Mông Cổ) và Tiểu Siêu (gái lai Ba Tư, người hầu của Vô Kỵ). Thấy Vô Kỵ có mang theo hai bảo vật hiếm có trên thế gian là kiếm Ỷ Thiên và đao Đồ Long, Chu Chỉ Nhược đã rắp tâm chiếm đoạt, chỉ chờ có cơ hội thuận tiện là ra tay.

Trên vùng biển Linh Xà đảo, Vô Kỵ đã đụng độ với 12 Bảo Thụ vương và Phong Vân Nguyệt tam sứ của Bái hoả giáo Ba Tư. Tại đây, Kim Hoa bà bà, nguyên là Tử Sam Long Vương (đứng đầu trong Tứ hộ giáo pháp vương của Minh giáo Trung Quốc), bị người Ba Tư bắt và chuẩn bị đưa lên giàn hỏa vì đã phản bội sứ mạng của Minh giáo Ba Tư. Kim Hoa bà bà, tên thật là Đại Ỷ Ty, nguyên là Thánh nữ của Bái hoả giáo Ba Tư, là mẹ ruột của Tiểu Siêu, người hầu của Vô Kỵ. Để cứu tất cả mọi người, Tiểu Siêu, dù đã thầm yêu, phải chấp nhận xa Vô Kỵ, trở về Ba Tư để lên ngôi giáo chủ Bái hoả giáo, cứu mạng cho mẹ ruột. Chia tay trên biển, Trương Vô Kỵ đưa Tạ Tốn, Hân Ly, Triệu Mẫn và Chu Chỉ Nhược trở về Trung Nguyên. Trên đường về, họ ghé tạm vào một hòn đảo không tên để nghỉ ngơi và điều trị các vết thương. Tại đây, bị can Chu Chỉ Nhược đã thực hiện các hành vi gây án nghiêm trọng.

Biết Triệu Mẫn có món thuốc độc Thập hương nhuyễn cân tán, bị can Chu Chỉ Nhược

đã lấy cắp và dùng thủ đoạn đê hèn để đầu độc Vô Kỵ, Tạ Tốn, Triệu Mẫn và Hân Ly. Y thị chiếm đoạt được cả kiếm Ỷ Thiên lẫn đao Đồ Long, làm gãy cả hai bảo vật hiếm có này, lấy được bộ Cửu âm chân kinh - một kinh điển võ học thượng thừa – cùng với bộ chưởng pháp Hàng long thập bát chưởng, Võ Mục di thư - một bộ binh pháp dùng để đuổi quân xâm lược. Y thị trói Triệu Mẫn, bỏ lên thuyền và thả trôi lênh đênh trên biển. Hồ sơ vụ án do Kim Dung ghi lại đã gọi hành vi này là "phóng trục". May mắn là sau đó Triệu Mẫn không chết và được cứu sống. Đối với Hân Ly, cô em cô cậu yêu Vô Kỵ tha thiết, bị can Nhược đã thể hiện lòng ghen tuông sâu sắc và thực hiện thủ đoạn cực kỳ hèn mạt. Y thị giết Hân Ly bằng cách vạch nhiều nhát kiếm lên mặt cô gái này và tạo hiện trường giả để đổ tội cho Triệu Mẫn.

Thực hiện xong các thủ đoạn gây án hèn mạt đó, bị can Nhược cũng giả vờ trúng độc Thập hương nhuyễn cân tán để đánh lừa Trương Vô Kỵ và Tạ Tốn. Quả nhiên, Trương Vô Kỵ bị y thị đánh lừa, luôn tin rằng Triện Mẫn là kẻ thủ ác tàn bạo. Riêng nhân chứng Tạ Tốn tuy mù nhưng lại biết rõ các hành vi gây án của bị can Nhược. Tuy nhiên, vì cả Tạ Tốn lẫn Trương Vô Kỵ đều bị trúng độc nên không tiện lên tiếng tố cáo nhằm tránh bị bị can Nhược thủ tiêu bịt đầu mối.

Trở về Trung Nguyên, bị can Nhược luyện ngay Cửu âm chân kinh. Tuy nhiên, do ý nghĩa bộ kinh này quá ảo diệu và nóng lòng muốn thành công nhanh chóng nên y thị chỉ tập trung luyện những phần bá đạo. Từ khi luyện hai môn võ công bá đạo này, bị can Nhược ngày càn tỏ ra tàn bạo hơn. Lúc Triệu Mẫn tìm đến khi lễ cưới giữa Vô Kỵ và bị can diễn ra, kêu gọi Vô Kỵ đi cứu Tạ Tốn; bị can Nhược trong lớp áo cô dâu, đã dùng một chiêu trong Cửu âm bạch cốt trảo, chộp vào đầu Triệu Mẫn hòng giết chết cô ngay lúc ấy. Rất may là Triệu Mẫn đã cảnh giác trước, phản xạ lanh lẹ nên bị can đã đánh trượt vào vai; nhờ đó cô mới thoát chết. Ngoài ra, nhân chứng Vô Kỵ có khai rằng, anh nghi ngờ rằng chính bị can đã thực hiện hành vi giết người đối với đôi vợ chồng già Đỗ Bách Đương và Dịch Tam Nương, cư trú dưới chân núi Thiếu Thất, hòng phục kích giết chết Triệu Mẫn; cũng như nhiều lần chủ mưu hoặc trực tiếp mưu sát Tạ Tốn để bịt đầu mối. Tuy nhiên, yếu tố này chưa đủ bằng chứng để buộc tội bị can.

Trước cơ quan điều tra, bị can Chu Chỉ Nhược đã thú nhận các hành vi gây án đối với những người bị hại. Y thị khai rằng y thị rất yêu thương Trương Vô Kỵ nhưng y thị đã trót có lời thề với sư phụ trước khi bà này chết. Lời thề đó là không được lấy Trương Vô Kỵ mà phải bằng mọi cách lấy cho được bảo kiếm và bảo đao, luyện thành võ công cao cường để đưa phái Nga My lên đứng đầu thiên hạ. Nhưng trước cơ quan điều tra, những điều y thị nại ra là không có cơ sở để tin cậy.

Trong quá trình điều tra, phá án, cơ quan điều tra đã thu giữ được hai đoạn gãy của thanh kiếm Ỷ Thiên, riêng thanh đao Đồ Long đã được hàn lại, ba bộ kinh sách viết trên lụa mỏng, một bình thuốc độc. Theo biên bản kết luận giám định của phòng khoa học kỹ thuật hình sự, loại độc dược đựng trong bình là một loại thuốc bột kết hợp từ 10 thứ nhuỵ

hoa, có tác dụng làm người bị trúng độc uể oải gân cốt, đi đứng không vững có tên là Thập hương nhuyễn cân tán. Trước những lời khai của các nhân chứng, đặc biệt là lời khai của nhân chứng Tạ Tốn ghi tại chùa Thiếu Lâm, các tang chứng, vật chứng cụ thể trên, Chu Chỉ Nhược đã cúi đầu nhận tội.

Kết luận:

Bị can Chu Chỉ Nhược, chưởng môn phái Nga My, đã thiếu tu dưỡng đạo đức, tự buông thả mình theo các tham vọng cá nhân, trở thành kẻ phạm tội. Hành vi lấy kiếm rạch nhiều nhát lên mặt Hân Ly do bị can thực hiện đã cấu thành tội “giết người” theo Điều 93 Bộ luật Hình sự. Việc Hân Ly không chết là ngoài ý muốn chủ quan của bị can. Hành vi đánh Triệu Mẫn trong lễ cưới của bị can đã cấu thành tội “giết người trong trạng thái kích động mạnh” theo Điều 95 Bộ luật Hình sự. Việc bị can dùng thuốc độc đối với bốn người bị hại Vô Kỵ, Tạ Tốn, Triệu Mẫn và Hân Ly khiến bốn người mê man để y thị tiến hành việc trộm cắp bảo kiếm Ỷ Thiên và bảo đao Đồ Long đã cấu thành tội “trộm cắp tài sản” theo Điều 138 Bộ luật Hình sự. Hành vi làm gãy kiếm Ỷ Thiên và đao Đồ Long để lấy 3 bộ kinh sách trong đó của bị can đã cấu thành tội “cố ý làm hư hỏng tài sản” theo Điều 143 Bộ luật Hình sự. Cơ quan điều tra đề nghị Viện Kiểm sát truy tố bị can Chu Chỉ Nhược với 4 tội danh nêu trên. Vậy xin chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án để quý viện nghiên cứu.

Yếu tố bằng chứng trong truyện võ hiệp Kim Dung

Tiểu thuyết võ hiệp của nhà văn Kim Dung không phải là sách pháp luật, cũng không phải là sách nghiên cứu về khoa học kỹ thuật hình sự. Tuy nhiên, những nhân vật của ông là giới hào sĩ giang hồ, có môn phái rõ ràng, sinh hoạt chủ yếu của họ đặt trên đường đao, mũi kiếm nên ít nhiều đã gây ra những trọng án. Để xây dựng thành một trọng án như thế, Kim Dung đã khéo léo tạo ra những bằng chứng, yếu tố không thể thiếu giúp bọn hào sĩ giang hồ điều tra, khám phá sự thật.
Có những bằng chứng tự nó nói lên sự thật, chỉ ra kẻ gây án. Trong Liên thành quyết (hay Tố tâm kiếm), nhân vật Thích Phương bị giết bởi một lưỡi truỷ thủ - một dạng dao găm ngắn. Nhìn lưỡi truỷ thủ còn cắm trên bụng người sư muội của mình, Địch Vân biết ngay kẻ gây án là Vạn Khuê, chồng của nạn nhân. Vạn Khuê cưới Thích Phương không phải vì tình yêu; hắn chỉ muốn moi bí mật của Liên thành quyết, gồm những chữ ráp lại từ Đường thi tuyển tập để đi tìm một kho báu giá trị liên thành. Những chữ đó là: “Giang Lăng thành Nam, Tây Thiên Ninh tự, hoàng kim Phật tượng, hướng chi mô bái kiến thành chúc cáo thông linh Như Lai tứ phương vãng sinh cực lạc” (Phía Nam thành Giang Lăng, phí Tây chùa Thiên Ninhtượng Phật trong đại điện, hướng vào thành tâm vái lạy chúc cáo, Đức Như Lai sẽ ban phước được vãng sinh miền cực lạc).

Cũng trong tác phẩm này, khi bật nóc hòm của tiểu thư Lăng Sương Hoa để rải hài cốt

của Đinh Điển, người tình của Lăng tiểu thư, vào hợp táng, Địch Vân đã nhìn thấy cẳng tay của bộ xương đưa lên và trên mặt gỗ nắp áo quan phía trong có những chữ viết bằng móng tay. Hai bằng chứng sống động đó cho phép Địch Vân hiểu ra là Lăng Sương Hoa đã bị cha mình, tri phủ Lăng Thoái Tư, chôn sống. Trước khi tắt thở, cô còn gắng gượng đưa tay lên viết những dòng chữ từ biệt người tình Đinh Điển.

Những nhân vật thực hiện công tác điều tra trong tiểu thuyết võ hiệp của Kim Dung thông minh một cách kỳ lạ. họ chỉ suy đoán nhưng suy đoán đó lại kinh qua những nhận định rất hợp lý và do vậy, họ suy đoán rất trúng. Trong Tiếu ngạo giang hồ, Lệnh Hồ Xung tìm thấy xác hai vị sư thái Định Nhàn và Định Tĩnh phái Hằng Sơn trên chùa Thiếu Lâm. Định Nhàn vẫn còn đủ sáng suốt để nhìn ra Lệnh Hồ Xung và trao lại cho chàng chiếc nhẫn sắt của chưởng môn phái Hằng Sơn. Nhà tu từ bi này tuyệt đối không cho Lệnh Hồ Xung biết ai đã giết mình; Lệnh Hồ Xung là nam nhân, không tiện cởi áo hai vị sư thái ra xem vết thương để biết thủ phạm. Thế nhưng, đại tiểu thư Nhậm Doanh Doanh, bạn gái Lệnh Hồ Xung, đã xem được vết thương đó, biết vết thương là do vật nhọn rất nhỏ đâm trúng trái tim. Cô suy đoán: kẻ giết người đã dùng vật nhọn như mũi kim thêu chẳng hạn; và thân pháp của hắn rất lẹ, công lực của hắn cực cao mới giết nổi Định Nhàn và Định Tĩnh. Để có công lực rất cao, thân pháp cực lẹ, nhân vật này hẳn đã luyện xong Tịch tà kiếm phổ. Kẻ ấy là ai? Chính là Nhạc Bất Quần, gã nguỵ quân tử, kẻ đã ăn cắp được Tịch tà kiếm phổ và nguyên là sư phụ của Lệnh Hồ Xung.

Có những loại bằng chứng rất đặc biệt, gắn liền với một nhân vật đến nỗi nó trở thành "thuộc tính" của nhân vật đó. Và do vậy, khi trưng ra bằng chứng đó, người ta biết ngay nó thuộc về ai. Đó là trường hợp những sợi tóc vàng của Tạ Tốn (Ỷ thiên Đồ long ký). Tạ Tốn có ngoại hiệu Kim mao sư vương (Sư tử lông vàng) vì tóc của nhân vật này vàng rực. Chu Chỉ Nhược, chưởng môn phái Nga Mi, đã phóng trục Triệu Mẫn, giết Hân Ly, mưu toan bắt giam Tạ Tốn, ăn cắp được cả Ỷ thiên kiếm lẫn Đồ long đao. Cô tổ chức lễ cưới với Trương Vô Kỵ, con nuôi (dưỡng tử) của Tạn Tốn. Khi hai người sắp bái thiên địa để thành lứa đôi thì Triệu Mẫn xuất hiện và đưa ra một sợi tóc vàng. Thấy sợi tóc đó, Trương Vô Kỵ đã bỏ đám cưới, chạy theo Triệu Mẫn để cứu nghĩa phụ của mình. Từ sợi tóc vàng đặc biệt này, kết hợp với một số bằng chứng khác nữa, Vô Kỵ dần dần hiểu ra toàn bộ những âm mưu và những thủ đoạn của Chu Chỉ Nhược.

Cũng bởi bằng chứng rất đặc biệt cho nên trong truyện võ hiệp của Kim Dung có trường hợp đưa ra bằng chứng giả, dựng hiện trường giả để vu oan giá họa cho một người hoặc để đánh lạc hướng điều tra. Yếu tố này rất độc đáo bởi xã hội mà Kim Dung muốn phản ánh là xã hội Trung Hoa cách tác giả trên 300 năm.
Thiên Long bát bộ thuật lại câu chuyện nàng Ôn Khang giết chồng là Mã Đại Nguyên, phó bang chủ Cái bang. Để vu oan giá họa cho Kiều Phong, bang chủ Cái bang, Ôn Khang đã phục rượu cho chồng mình say, rồi nhờ Bạch Thế Kính, một tình nhân của mình, giết chồng bằng chiêu thức Tỏa hầu cầm nã thủ. Đây là một môn công phu độc đáo

mà chỉ có Kiều Phong mới đủ công lực thực hiện. Để tăng độ xác tín, Ôn Khang còn ăn cắp cây quạt của Kiều Phong đặt tại hiện trường, bên xác Mã Đại Nguyên. “Vụ án” này tạo thêm điều kiện để người ta tin rằng Kiều Phong là quân Khất Đan gian ác, đã giết Mã Đại Nguyên để che dấu nguồn gốc Khất Đan của mình.

Trong một thời đại mà khoa học kỹ thuật hình sự còn thô sơ thì hơn bất kỳ yếu tố nào khác, chữ viết được coi là bằng chứng sống động nhất. Trong Lộc Đỉnh ký, để vu oan giá họa cho gã Hán gian tri phủ Dương Châu Ngô Chi Vinh, Vi Tiểu Bảo đã nhờ nhà nho Cố Viêm Võ nhái nét chữ của gia sư Ngô Tam Quế (một phiên vương đang khởi loạn chống vua Khang Hy) viết một bức thư gửi cho Ngô Chi Vinh. Từ phong cách hành văn đến loại giấy viết, Cố Viêm Võ đều mô phỏng đúng các văn thư của phủ Bình Tây vương Ngô Tam Quế. Riêng phần chữ ký giả của Ngô Tam Quế, Cố Viêm Võ phải nhờ đến Tiền Lão Bản, một nhân vật võ biền. Tại sao phải nhờ đến Tiền Lão Bản? Tiền Lão Bản là con nhà võ, Ngô Tam Quế cũng con nhà võ, học thức kém, chữ viết gân guốc. Phải nhờ đến Tiền Lão Bản ký tên gân guốc mới ra nét chữ võ biền của Ngô Tam Quế. Bức thư giả này đương nhiên sẽ đệ trình lên bộ Hình, trở thành vật chứng của “vụ án” Ngô Chi Vinh thông đồng phiên tặc!

Tiểu thuyết võ hiệp của Kim Dung không phải là tiểu thuyết hình sự hay trinh thám. Nhưng từ những bằng chứng do ông dựng lên, những cuộc điều tra mà các nhân vật của ông tiến hành, người đọc có cảm giác đang đọc một dạng tiểu thuyết hình sự hay trinh thám hấp dẫn và đầy tình khoa học. Kim Dung nói: *“Tiểu thuyết viết để cho con người hiện đại đọc. Chính tôi cũng là con người hiện đại”*. Và điều đó cho ta biết tại sao trong những câu chuyện về giới giang hồ hào sĩ này của Kim Dung vẫn mang tính hiện đại của khoa học kỹ thuật hình sự qua những bằng chứng dù thật hay giả đều rất sống động, rất đặc biệt.

Những phiên tòa trong tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung

Tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung tập trung phản ánh về sinh hoạt của giới võ lâm; mà nói đến giới võ lâm là nói đến những tôn giáo, môn phái, bang hội. Mỗi tôn giáo, môn phái bang hội có những luật lệ riêng và để thực thi luật lệ ấy, họ cũng tổ chức những phiên tòa xét xử những kẻ phạm môn quy, giới luật. Một cách khái quát, đó là những phiên toà lãng mạn; pháp đình có thể nhóm bất cứ đâu và bất kỳ lúc nào; chủ toạ phiên toàn đồng thời kiêm luôn quyền công tố; có khi có bồi thẩm đoàn tham gia hội thẩm, có khi không.

Đọc Tiếu ngạo giang hồ, ta gặp ngay phiên toà xử Lệnh Hồ Xung do chưởng môn phái Hoa Sơn Nhạc Bất Quần ngồi ghế chủ toạ. Lệnh Hồ Xung đã vi phạm nhiều điều trong "Hoa Sơn thất giới" (bảy điều giới luật của phái Hoa Sơn), trong đó có điều "nguông cuồng tự đại", giết La Nhân Kiệt của phái Thanh Thành; có thiện chí cứu Nghi Lâm - cô

nữ ni nhỏ tuổi của phái Hằng Sơn - nhưng lại có những lời xúc phạm đến thanh danh phái Hằng Sơn như là "hễ gặp ni cô là xúi quẩy, đánh bạc tất thua", trốn vào kỹ viện với ni cô Nghi Lâm và Khúc Phi Yến. Nhạc Bất Quần phạt Lệnh Hồ Xung phải lên ngọn Ngọc Nữ Phong, quay mặt vào tường sám hối một năm. Chính thời gian thụ án này đã làm cho Lệnh Hồ Xung phải xa Nhạc Linh San, người tình nhỏ bé, con gái của Nhạc Bất Quần và khiến cho Nhạc Linh San bỏ Lệnh Hồ Xung, đi theo anh chàng Lâm Bình Chi. Tiếu ngạo giang hồ còn có một phiên toà thứ hai: Nhạc Bất Quần thông báo xử tử hình Lệnh Hồ Xung và gởi thông báo đi khắp các môn phái bạch đạo hễ gặp Lệnh Hồ Xung nơi đâu là có quyền tru diệt ngay. Đây là phiên toà vắng mặt bị cáo vì khi ấy Lệnh Hồ Xung đã mất hết công lực, đang ở một chỗ với Thánh cô Nhậm Doanh Doanh, nhờ Nhậm Doanh Doanh nuôi dưỡng và che chở. Cũng tương tự, Nhậm Doanh Doanh cũng ra một thông báo tương tự: bất kỳ hào khách giang hồ hắc đạo nào gặp Lệnh Hồ Xung cũng phải giết ngay. Tại sao có bản án tử hình đó? Rất đơn giản: Nhậm Doanh Doanh đã thương yêu Lệnh Hồ Xung và cô biết chỉ có cô mới bảo vệ nổi chàng trai này. Cô phải ra lệnh như thế để Lệnh Hồ Xung vĩnh viễn ở lại bên cô, tiếp tục được cô che chở và chữa trị. "Phiên toà" và cái ản tử hình đó mênh mông một tình thương yêu đằm thắm, nghe ra có vẻ trẻ con những rất hợp logique. Đó là cách bày tỏ tình yêu của Thánh cô Nhậm Doanh Doanh!

Trong Thiên Long bát bộ, nhân vật Kiều Phong (tức Tiêu Phong), người Khất Đan, cũng từng là bị cáo của hai phiên toà, một phiên toà trên đất Khất Đan. Phiên toà thứ nhất mở ra tại Tụ Hiền trang của anh em nhà Du Ký - Du Câu, do phái Thiếu Lâm ngồi ghế chủ toạ; các môn phải khác ở Trung Hoa giữ quyền công tố. Bị cáo Kiều Phong vắng mặt, bị kết án là quân Khất Đan chó má (Liêu cẩu), đại ác, cần phải tiêu diệt. Thế nhưng, chàng Kiều Phong lại dẫn xác tới. Lý do: anh muốn đi tìm Thần y Tiết Mộ Hoa để chạy chữa cho A Châu, một cô gái mới quen biết, vừa được anh cứu ra khỏi chùa Thiếu Lâm. Phiên toà tiến hành rất lãng mạn: sau khi nghe mọi người kết án mình, Kiều Phong bình tĩnh gởi gắm A Châu lại cho thuộc hạ cũ là Bạch Thế Kính nhờ chăm sóc, xin anh em họ Du mấy chục hũ rượu rót đầy bát uống để chia tay với quần hùng Trung Hoa. Đó là lần đầu tiên người ta thấy bị cáo uống rượu với quan toà và các uỷ viên công tố! Uống xong, Kiều Phong đại khai sát giới, đánh nhau loạn xạ trong vòng vây của "quý toà" để tìm đường sống cho mình.

Phiên toà thứ hai xử Kiều Phong diễn ra tại Yên Kinh, nước Khất Đan. Khi ấy, Kiều Phong đã đổi lại họ tên Khất Đan - Tiêu Phong và giữ chức Nam Viện đại vương, tư lệnh tất cả các lực lượng bộ binh và kỵ binh Khất Đan. Ông lại còn là em kết nghĩa của hoàng đế Gia Luật Hồng Cơ. Hồng Cơ ra lệnh cho Kiều Phong đem hai chục vạn binh vượt qua Nhạn môn quan, tiến đánh và uy hiếp Lạc Dương. Thế những, bản tính nhân hậu, Kiều Phong không muốn cho hai bên Tống - Liêu phải đổ máu, trăm họ lầm than. Ông lại nhớ đến những ngày thơ ấu ở Trung Hoa, nhớ ơn người Trung Hoa đã dành cho ông miếng cơm, manh áo, sự dạy dỗ, giúp ông nên người. Ông rất phân biệt những người Trung Hoa giàu lòng từ ái sẵn sàng cưu mang, đùm bọc một tên "Liêu cẩu man rợ" như ông trong

mấy mươi năm. Và ông quyết chống lại lệnh hành quân của Gia Luật Hồng Cơ. Để bắt được Kiều Phong, Gia Luật Hồng Cơ đã dùng kế: sai người vợ thứ ba của mình gọi A Tử - cô gái đang say mê Kiều Phong đến; giao cho cô một bình rượu pha thuốc mê với lời dặn "Uống rượu này vào là Tiêu đại vương sẽ thương yêu hiền muội ngay". Ngây thơ tin tưởng vào lời nói đó của thứ phi Gia Luật Hồng Cơ, A Tử đã rót rượu mời Kiều Phong uống. Và ông đã bị bọn võ sĩ của Gia Luật Hồng Cơ bắt giam vào cũi nhốt sư tử. Gia Luật Hồng Cơ kết tội Kiều Phong bất trung với vua, thông đồng với địch. Ông sẽ bị chém nếu bọn quần hùng Trung Nguyên không đến cứu thoát được và đưa về Nhạn Môn quan.

Biên giới giữa sự có tội và sự vô tội trong số phận những nhân vật tiểu thuyết Kim Dung thật mong manh. Những người chính nhân quân tử thường là nạn nhân những vụ án mà sự kết án vội vàng dẫn đến những oan khuất, những mất mát không thể bù đắp được. Đó là trường hợp Trương Thuý Sơn và Hân Tố Tố, đôi vợ chồng trẻ trong ngày trở về phái Võ Đang, đã trở thành bị cáo trong một phiên toà bất ngờ mở ngay trong đạo quán của phái Võ Đang. Năm đại môn phái Thiếu Lâm, Nga My, Côn Lôn, Không Động, Hoa Sơn lấy cớ lên thăm núi võ Đang để ép buộc hai vợ chồng chỉ ra chỗ ở của Tạ Tốn. Họ trở thành đồng chủ toạ và đồng công tố viên giữ quyền công tố trước phiên toà. Mục đích tối hậu của họ là nhằm chiếm đoạt bảo đao Đồ Long mà Tạ Tốn đang giữ để hy vọng trở thành võ lâm chí tôn. Trương Thuý Sơn và Hân Tố Tố bằng mọi cách phải giữ kín hành tung của người anh kết nghĩa Tạ Tốn. Cả hai vợ chồng đã tìm đến cái chết, tự tử trước phiên toà để giữ cho được phong thái của người nhân quân tử, mặc dù họ chẳng có tội tình gì.

Nhưng có lẽ trong phiên toà cảm động nhất là phiên toà của Minh giáo Ba Tư xét xử vụ án Thánh sứ nữ Đại Ỷ Ty mất trinh, phản giáo. Minh giáo tức Bái hoả giáo (Mazdeisme hay Zoroastrisme) do Zoroasstre, người Ba Tư sáng lập từ thế kỷ thứ sáu trước Công nguyên. Do sự xâm lấn của Hồi giáo, Bái hoả giáo phân hoá thành nhiều nhánh, trong đó có một nhánh do Manes sáng lập, cũng lấy tên là Minh giáo (Manicheisme), du nhập vào vùng Tây - Bắc Trung Hoa vào năm 760, mà người Trung Hoa vẫn gọi là Mani giáo. Lâu ngày chầy tháng, người ta lượt mất âm nước ngoài, Minh giáo mới bị gọi là Ma giáo. Thực sự, đây là một tôn giáo rất nhân bản, thờ ngọn lửa và mặt trời, cho sự quang minh là thiện, sự hắc ám là ác. Minh giáo chỉ chọn gái đồng trinh làm giáo chủ và những cô gái đồng trinh ấy phải có một thời gian làm những việc tích phúc. Kim Dung kể chuyện Thánh sứ nữ Đại Ỷ Ty của Minh giáo Ba Tư đã được phái sang Minh giáo Trung Hoa làm những việc tích phúc. Nhưng cô gái Ba Tư ấy đã yêu một chàng trai Trung Hoa - Hàn Thiên Diệp và họ đã có một đứa con gái xinh đẹp: Tiểu Siêu. Để tránh giáo luật của Minh giáo Ba Tư, Đại Ỷ Ty phải hoá thân làm một bà già xấu xí. Tiểu Siêu lớn lên, 16 tuổi xinh đẹp như một bông hoa, trở thành con hầu và thầm yêu chủ giáo chủ Minh giáo Trung Hoa Trương Vô Kỵ. Thế nhưng, Minh giáo Ba Tư thi hành giới luật: 18 Bảo Thụ vương từ Ba Tư sang đảo Linh Xà trên biển Trung Hoa, bắt được kẻ phản giáo Đại Ỷ Ty, đưa lên giàn hoả thiêu. Đến phút ấy, Tiểu Siêu mới xuất hiện cứu mẹ. Cô hy sinh mối tình đầu của

mình với Trương Vô Kỵ, tình nguyện về lại Ba Tư làm giáo chủ Minh giáo, chuộc tội cho mẹ đã không còn trinh nữ. Tiểu Siêu sang Trung Hoa bằng con đường tơ lụa và trở lại Ba Tư bằng con đường tơ lụa. Cuối phiên toà ấy là tiếng reo hò hạnh phúc của giáo chúng Minh giáo Ba Tư, 12 Bảo Thụ vương cúi lạy cô bé đồng trinh xinh đẹp lên ngôi giáo chủ trong khi những giọt lệ xa người tình của cô vẫn còn đầm đìa trên má. Đó là những phiên toà đẹp nhất mà những "quan toà" và người dự khán đều cúi lạy con của bị cáo.

Trí tưởng tượng và sức hiểu biết của nhà văn Kim Dung thật phong phú. Ông nắm vững những loại tập tục, những khoa học về phong tục (sciences des moeurs) của từng dân tộc, từng tôn giáo môn phái bang hội và phản ảnh khía cạnh luật pháp trong những tác phẩm tiểu thuyết võ hiệp! Tác phẩm của ông tràn đầy những tình huống đấu tranh giữa thiện và ác, đúng sai. Hai mặt đối lập triệt để đó được dàn dựng một cách công phu, giàu kịch tính giúp ngời ta dễ nhận ra được cái công lý đích thực ở đời. Trong bốn phiên toà vừa nêu, ông đã dành sự thắng lợi cho cái thiện, cái đúng: Lệnh Hồ Xung được sống hạnh phúc, Đại Ỷ Ty được cứu sống, Kiều Phong thoát được hai lần án tử hình. Riêng vợ chồng Trơng Thúy Sơn và Hân Tố Tố chết trước phiên toà nhưng con trai của họ, chàng trai Trương Vô Kỵ vẫn sống. Anh trở thành giáo chủ Minh giáo Trung Hoa, lãnh đạo cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Nguyên trên toàn Trung Hoa. Một thuộc hạ của anh, Chu Nguyên Chương, khởi nghĩa thắng lợi ở Hoài Tứ - An Huy, lên ngôi lấy đế hiệu là Minh Thái Tổ.